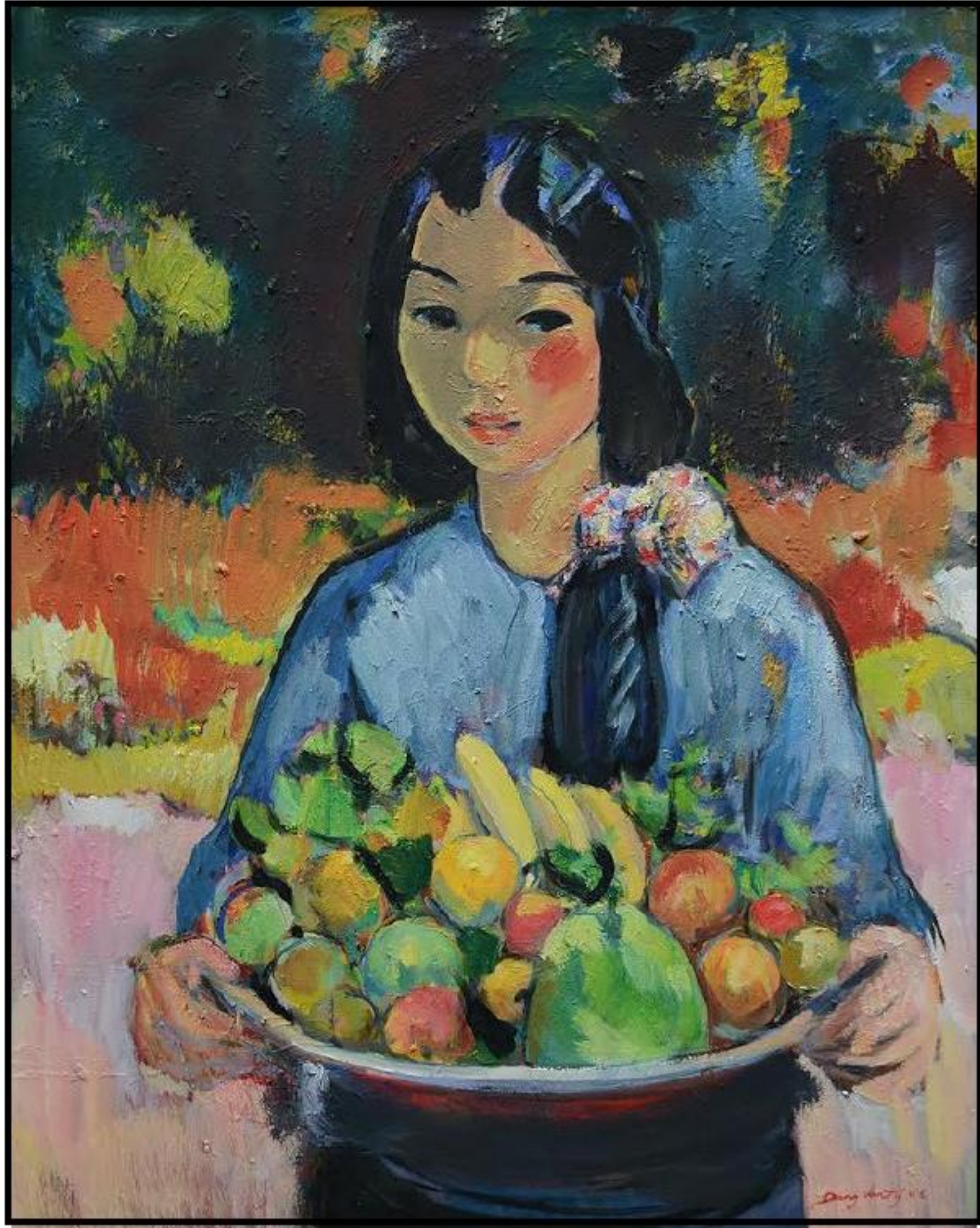


Viết & Đọc



Đặc San 2015

Viết & Đọc
Đặc San 2015



Năm thứ 16

Thực hiện

Đinh Ngọc Cẩn, Dương Kim,
Nguyễn Văn Thục
Đăng Bản, Thanh Hiệp

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh,
Khánh Hà, Cổ Ngư, Mạch Nha
Cung Vĩnh Viễn, Dương Kim,
Đoàn Mai Tâm, Dương Kiên,
Phạm Tín An Ninh, Lê Nguyên,
Nguyễn Trung Tây, Phụng Long
Vũ Thanh Thủy, Minh Nguyệt,
Nguyễn Văn Thà, Uyên Giang
Nguyễn Văn Thục, Mạt Tinh,
Trần Thụy Minh, Nguyễn Tấn
Vinh, Nguyễn Hữu Nhật,
Hoàng Quân, Xuân Sách,
Trần Tiến Thành, Thanh Trà
Nguyễn Oslo

Bìa

Mâm Cúng
Đăng Văn Tỷ

Bìa Sau

Đi Tìm Tình Nhân Loại
Lời & Nhạc: Thi Hạnh

Liên lạc

viетdoc.nauy@gmail.com
hoặc
Đinh Ngọc Cẩn
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không phải
là tiếng nói của đoàn thể hay bất
kỳ tổ chức nào. Mọi chi phí ấn
loát do sự đóng góp của quý thân
hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngỏ	Ban Thực Hiện	3
Năm Mùi, nói truyện Dê...		
Năm Vị, tán chuyện Dương...	Hoài Mỹ	4
Xuân, sáng Mừng Một	Cổ Ngư	13
12C3, Không Mờ Nhật	Nguyễn Trung Tây	14
Thơ : Sang mùa, Tết	Uyên Giang	17
Tết đến, thích chi?	Mạch Nha	17
Tiệc	Cổ Ngư	18
Thơ: Thơ Viết Cuối Năm ,		
Buổi Đoàn Viên	Cung Vĩnh Viễn	20
Những Vì Sao Của Một Thời Tuổi Thơ	Phạm Tín An Ninh	21
Đường hoa Kyoto	Khánh Hà	24
Biểu Tượng	Đoàn Mai Tâm	25
Bài Thơ Cổ Thơ	Mạt Tinh	27
Vài Ghi Nhận Về các Buổi Hẹn Mặt		
Văn Hóa ở Oslo Năm Qua	Người Quan Sát	28
Màu nhiệm của tình yêu	Vũ Thanh Thủy	32
Xuân này	Khánh Hà	33
Ta Chẳng Tìm Ta Cũng Thấy Ta	Nguyễn Văn Thà	34
Thuyền Chưa Đưa, Rao	Dương Kiên	39
Bà Tôi	Nguyễn Tấn Vinh	40
Cô gái múa bụng	Đăng Trình	42
thơ Phụng Long	Phụng Long	43
Cối Thơ Đem Trái giữa Mênh Mông	Thanh Trà	44
Đề Tưởng Niệm Một Người Anh	Phạm Tín An Ninh	46
Hạnh Phúc	Dương Kiên	51
Xem cung điện triều Nguyễn	Xuân Sách	51
Hỏi Vườn Dâu Đâu Giòng Nước Cũ	Tâm Thanh	52
Đoàn Thơ Xuân	Lê Nguyên	58
Trên con đường này	Khánh Hà	58
Các Nhà Văn Viết Truyện Như Thế Nào	Nguyễn Văn Thà	59
Địa Trung Hải	Cổ Ngư	63
Kẻ Lụy Tình	Dương Kim dịch	64
Đợi Chờ, Chia Ly	Trần Tiến Thành	67
Nói Chuyện với Thi Hạnh	Nguyễn Oslo	68
Yêu Lời Mẹ Ru	Hoàng Quân	70
Thơ: Thử Thách và Hy Vọng,		
Trước Lúc Đi Xa	Minh Nguyệt	73
Chuyện Lạ	Nguyễn Oslo	74
Mở Còi Tết	Mạch Nha	75
Cuộc trùng phùng bi thảm	Phạm Tín An Ninh	76
Giấc Mơ của Thi Hạnh	Tâm Thanh	83
Thơ Nguyễn Hữu Nhật	Nguyễn Hữu Nhật	85
Nhạc Thả Diều	Trần Thụy Minh	87

Ngỏ

Quý bạn thân mến!

Viết & Đọc mở đầu với bức tranh Mâm Cúng lộng lẫy màu sắc Xuân quê nhà của Đặng Văn Tỷ. Và vào trong:

Uyên Giang mở đầu bài thơ Tết: *Lên bảy đến Tết thì vui/ Bảy mươi Tết đến ngậm ngùi tiếc Xuân.* Và cũng có người như Cung Vĩnh Viễn: *Như một thói quen đã cũ mèm/ cuối năm ngồi gạn đục khơi trong.* Như thế, Tết đến làm cho chúng ta lại nhớ về đời mình, nhất là đời của những người xa xứ. Mà xa đã lâu quá còn gì: bốn mươi năm, bốn mươi năm ấy biết bao nhiêu tình cũng như điệp trùng thông khổ

Hoài Mỹ cho chúng ta trở lại khung trời Miền Nam cũ lúc sang xuân với Báo Tết, và trong báo Tết một mục không thể thiếu, đó là bài nói về Con Giáp của Năm. Năm nay năm Ất Mùi, Hoài Mỹ dọn cho ta một bữa tiệc Dê đủ mùi, đủ vị. Không tác giả nào viết chuyện con Giáp sâu sắc, quảng bác và dí dỏm cao độ như Hoài Mỹ.

Về thơ, có Uyên Giang hoài xuân, có Cung Vĩnh Viễn nhìn những năm tháng của cõi sinh để rồi trực nhận ra chân lý mà bao kẻ tuổi trẻ, tuổi trung niên đã lú lẫn: *Chuyện sau chuyện trước trò dâu bể/ thì cũng bao nhiêu cảnh hưởng đời/ chấp nê thì biết sao mà kẻ/ thà là ngồi dõi bóng mây trôi.* Mạch Nha lại nhớ mẹ. Khánh Hà nhìn đôi chim lãng xãng xây tổ lại nhớ về bóng ai lãng đãng mơ hồ/ mời hôm nào đó bây giờ khuất xa. Thơ của cô thi sĩ Nguyễn Hữu Nhật như lời tuyên ngôn về thơ. Rồi thơ của Dương Kiên, Đặng Trình, Phụng Long, Mạt Tinh, Lê Nguyên, Cổ Ngư, Nguyễn Tiến Thành, Minh Nguyệt...

Về Văn, Tâm Thanh với truyện Hồi Vườn Dâu Đâu Giòng Nước Cũ, một truyện ngắn toàn hảo. Phạm Tín An Ninh với ba truyện ngắn pha lẫn tự sự về những người bạn chiến đấu của mình; truyện Những Vì Sao Của Một Thời Tuổi Thơ về những mất mát quá lớn, quá nhiều những con người ưu tú, bị thảm đến rợn người; và truyện Cuộc Trùng Phùng Bí Thảm: truyện tóm gọn được cái bi kịch của cuộc chiến đã qua. Đoàn Mai Tâm với Biểu Tượng về bức tượng đồng và những di tích đời của vĩ nhân Trygve Lie, TTK Liên Hiệp Quốc đầu tiên, ở một vùng nhiều dân da màu. Nguyễn Văn Thà, với bút pháp mà nhiều người cho là liêu trai, nhưng xem ra đó là bút pháp xây dựng nhân vật nhiều tầng; và lần này với truyện Ta Chẳng Tìm Ta Cũng Thấy Ta, nói một chút về cái giả tưởng của chúng ta về ranh giới từ sinh, hay nói cách khác: ranh giới của từ và sinh thực sự có hay không. Nguyễn Tấn Vinh với kỷ niệm cảm động về bà mình trong Bà Tôi, truyện Kẻ Lụy Tình của nhà văn số một Na Uy, Knut Hamsun, với cây bút dịch tài hoa của Dương Kim...

Tạp văn, ký sự, bài giới thiệu các tác phẩm mới, bài Nhà Văn Viết Truyện Như Thế Nào nói một chút kỹ thuật viết truyện xuyên qua các cứ liệu của các nhà viết truyện nổi tiếng.

Nhạc có bài Thả Diều của Trần Thụy Minh và bài Đi Tìm Tình Nhân Loại của Thi Hạnh. Nguyễn Oslo có phần trò chuyện với Thi Hạnh, người đứng sau nhạc phẩm mới vừa đoạt giải Nhất giải sáng tác do đài truyền hình SBTN ở Hoa Kỳ tổ chức.

Đúng là đủ mùi đủ vị và tất cả nằm trong tay bạn; xin mời thưởng thức cùng Xuân mới. Và cuối cùng Ban Thực Hiện xin kính chúc bạn đọc, các ân nhân và các văn, thi, nhạc, họa sĩ một năm mới KHANG AN, THỊNH VƯỢNG.

Ban Thực Hiện

Năm Mùi, nói truyện Dê...

Năm Vị, tán chuyện Dương...

Hoài Mỹ



Trong 12 con giáp, có lẽ Dê được cách riêng người Việt nhắc đến tên nhiều nhất, nhưng khi nhắc, lại không được người nể nang như Hổ, kính trọng như Rồng hoặc hài hước như Khỉ hay thân thiện như Chó, Lợn, Gà, Chuột... Trái lại, Dê thì phải được thốt ra bằng một giọng... đều cẳng hay cọt nhả hoặc miệt thị tối đa thì mới “hợp thời trang nhạc tuyền”. Tuy nhiên, nếu dùng Dê như một danh từ, người ta cần vừa nói vừa bĩu môi: “Dê xôm”, “máu Dê” và “già Dê”... hay như một động từ: “Dê!” - thì chém chết người nói cũng phải bày tỏ thái độ khinh khi. Trong tất cả trường hợp vừa kể, từ Dê đều mang nghĩa bóng, ấy là nói về một người đàn ông có tính thích đàn bà hay có ý ve vãn, chọc ghẹo phụ nữ...

Dê là con gì?

Thế nhưng, không phải bất cứ lúc nào, từ Dê cũng có ý tiêu cực như các thí dụ nêu trên. Ngược lại, Dê theo nghĩa đen thì lại đầy tính “con nhà lành”, có tên khoa học là *Capra sp.*, bởi vì tên gọi này chỉ một loài động vật có gạc hay sừng rỗng (thuộc bộ Bividae), có vú (Mammalia), có râu cằm, lông nhiều và hôi; chân có móng thon (Artidactyla). Ấy tả ngoại hình Dê tổng quát thì như thế; nhưng khi nhìn một con Dê, người ta khó có thể xác quyết đó là con đực hay con cái; chẳng thế mà dân gian đã có câu đó: “*Tiền diện khán nam nhon chi chi - Hậu*

bối chi nữ thị chi hình”, nghĩa là “trước mặt những ngõ trai; sau lưng mới hay là gái” là con gì? Vậy câu giải đáp là con Dê cái.

Nói về tính tình, Dê tương đối hiền so với đa số con giáp khác tuy cũng thích chồm phá để kiếm cỏ, dây leo mà ăn.

Cũng giống như bò, Dê thuộc loại nhai lại (Ruminantia), nhưng nói về họ hàng thì Dê liên hệ với những 32 loài khác tương tự như trâu (cừu), sơn dương, xạ hương... Thời tiền sử nhân loại, Dê cũng như các gia súc khác, trước tiên sinh sống trên rừng sâu núi thẳm mà gốc gác nổi tiếng nhất đó là Ba Tư và miền Tây-Nam Á Châu... sau được thuần hóa, nghĩa là được nuôi trong nhà. Dê chính thức trở thành gia súc cách nay khoảng 10,000 năm, đứng trong “hộ chiếu” Lục Súc: Trâu, Ngựa, Dê, Gà, Lợn (Heo), Chó. Người ta nuôi Dê để ăn thịt, lấy sữa, dùng lông làm áo ấm, chăn mền... Mục đích thực tế đơn giản và... thánh thiện chỉ như vậy thôi, nhưng rồi theo thời gian và nhu cầu, loài người đã “sáng tạo” thêm quá ư nhiều thứ nữa. “Muốn biết ra sao, xin chờ đọc ở phần dưới”!

Ngoài ra, thiết nghĩ cũng cần phải diễn tả bỏ tức một chút nữa về Dê. Trên đây, kẻ hèn này đã kể sơ về nghĩa bóng, nghĩa đen của từ Dê, nhưng trong tiếng Việt có rất nhiều từ đồng thanh mà khác nghĩa, điển hình là từ Dê ở đây. Với quý vị lớn tuổi và giỏi Việt ngữ thì những trường hợp tương tự

chỉ là "chuyện nhỏ", nhưng với lớp hậu bối, nhất là những người sinh trưởng ở hải ngoại, hẳn nhiên đây lại là "vấn đề" lớn. Nghe "dê" chẳng hạn, chớ vội "bé cái làm" về duy nhất một loài thú như đã "trình làng" ở phần trên, nhưng "dê" còn có nhiều nghĩa hoàn toàn khác, chẳng hạn như: "Dê điều" hay "bán dê bán điều", thí dụ: "Miệng đời dê điều biết bao", câu này có nghĩa là đồn đãi những việc xấu của người đời. Ngoài ra, thiên hạ cũng hay nói, đại khái: "Dê chỗ khác" - (từ "dê" giống "xê") - nghĩa là dời đi, mang đi. Hay như: "Dê cùng đường" - (từ "dê" này giống "rươi") - nghĩa là đề chày (nước) nhiều nơi. Sau nữa "dê" hay "rê" còn có nghĩa là trúc từ trên cao xuống để nhờ gió thổi bay lúa lép và bụi như dê lúa, dê thóc v.v...

Dê với Dương!

Do biến cố lịch sử, thời nước ta bị ngoại xâm, tiếng Việt được phong phú hóa thêm do bởi rất nhiều từ ngoại quốc đã được Việt hóa. Trong số này đáng kể nhất là lượng từ gọi là Hán Việt. Thí dụ cụ thể ở đây, ngoài là gốc chữ Nôm, Dê còn đồng nghĩa với Dương, một từ Hán Việt, tuy nhiên Dê vẫn là từ thông dụng trong ngôn ngữ hàng ngày. Ngược lại, Dương nếu mang nghĩa con dê thì không dùng một mình, thí dụ: Sơn dương, linh dương... Hơn nữa, Dương còn chiếm địa vị đặc biệt trong Đông Y. Thiết tưởng các thí dụ dưới đây không chỉ có nghĩa về văn học nhưng còn mang lại cho bạn đọc về kiến thức được phương và thực phẩm:

-Dương can: Gan dê, khí lạnh, vị đắng, không độc.

-Dương giác: Sừng dê, khí ôn, vị mặn, không độc.

-Dương huyết: Tiết (máu) dê, khí mát, vị đậm, không độc.

-Dương nhũ: Sữa dê, khí ấm, vị ngọt, bổ, không độc. Người ta còn gọi là "dương lạc".

-Dương thận: Trái cật (bầu dục) dê, khí ôn, vị ngọt, không độc.

-Dương nhục: Thịt dê, khí nhiệt, vị ngọt, không độc. V.v...

Dĩ nhiên từ Dương cũng như Dê, còn có nhiều từ đồng âm khác nghĩa, như "Dương là phô ra: Dương oai, dương danh"; "Dương là một khí trong trời đất, trái với âm"; "Dương là biển, như Thái Bình Dương, và "Dương (hay giang) mai là bệnh tim la v.v.

Đã nói một lần về Dương thì mạn phép độc giả để người viết nhân đây "xỏ" ra cho đã. Thưa, đó là một số danh ngôn và thành ngữ, trong đó có hình ảnh Dương tức Dê:

- "Đỗ phúc trụ lương, văn tẩu ngư dương" = Con một làm gãy được rường cột; con muỗi đuổi được trâu dê. Nghĩa bóng của câu là đừng xem thường những tai hại nhỏ, vì một đóm lửa nhỏ có thể thiêu hủy một xóm nhà to hoặc một hoàn thuốc hay có thể chữa một người bệnh nặng...

- "Dương chất hồ bì" = Da cộp mà chất dê. Nghĩa bóng là bề ngoài giả dối để lừa bịp thiên hạ.

- "Kiến ngư như kiến dương" = Thấy con trâu nhỏ bằng con dê. Đây là cách tính "dặm" của người Trung Hoa xưa, tức khoảng đường độ 500 mét.

- Và "dương xa" = Xe dê. Ngày xưa, vua nào cũng như vua nào, trăm ông đều như một, không chỉ "năm thê bảy thiếp", nhưng ngoài một lô hoàng hậu, hàng tá thứ phi còn có cả trăm, cả ngàn cung nữ. Vua tự chọn đã đành mà các cận thần đều "thi đua"... lấy điểm bằng cách chọn những thiếu nữ xinh đẹp trên toàn quốc hầu đưa vào cung vừa để hầu hạ vua lẫn để "giúp vui" bệ hạ. Chẳng hạn, đời nhà Tần (221 - 209 trước Tây Lịch), vua Tần Thủy Hoàng (246 - 209 trước D.L.) có trên 3,000 cung nữ. Ở Việt Nam, đời nhà Lý (1010 - 1225), vua Lý Thái Tổ (1028 - 1054) qui định lại số hậu phi và cung nữ: Hậu và phi 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ 1.000 người. Đó là con số ít nhất so với các triều vua khác, nhất là các vua Tàu. Kể ra như vậy đã là một sự... tiến bộ vượt bậc rồi đấy!

Cung của nhà vua chia làm từng phòng đặc biệt. Mỗi cung phi ở riêng một phòng. Đêm đến, nhà vua muốn vui say với cung phi nào thì vào cung đó. Thế nhưng, vì nhiều cung phi quá, mà nàng nào cũng sắc nước hương trời, nhà vua, rốt cuộc, trông ai cũng như ai để rồi... cứ tới đêm, lại bối rối, không biết nên ngự ở cung nào?

Sách Tấn thư chép: Vua Võ Đế có nhiều cung phi, mỗi đêm muốn đến cung nhân nào thì vua ngồi trên một chiếc xe nhỏ khảm châu ngọc, có con dê kéo, để tùy ý đi đến cung điện nào thì vua vào đấy.

Xe do con dê kéo gọi là "Xe dê", tên chữ là "Dương xa".

Con dê trở thành một tên hướng đạo quan trọng.

Rồi cứ chiều đến, hoàng hôn vừa buông mình rũ xuống thì nhà vua lại ngồi trên chiếc xe dê dê dê lững thững kéo đi. Các cung phi vì muốn được hưởng ơn mưa móc của quân vương, muốn sưởi ấm tấm thân để cõi lòng khỏi cô đơn trống trải, nhưng không biết tìm thế nào làm cho dê kéo xe dừng lại trước cung mình. Sau, vài nàng có sáng kiến, biết dê thích lá dâu nên tìm lá dâu rắc trước cung để cám dỗ dê dừng xe lại. Dần dần cung nào cũng thấy đầy lá dâu.

Trong Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều, đoạn nói về nàng cung nữ oán trách nhà vua ghẻ lạnh đối với mình, có câu:

*"Phải duyên hương lửa cùng nhau,
Xe dê lợ rắc lá dâu mới vào"...*

Ý nói duyên nợ với vua từ bao kiếp trước, chứ đâu như các cung phi khác, muốn được hầu vua thì tất phải rắc lá dâu cho xe dê vào rồi mới hy vọng được gần vua.

Dê và năm Mùi

Mùi đồng nghĩa với Vị nên đã một thời, năm Mùi còn gọi là năm Vị. Nói chung chung thì "nhất trí" dễ dàng nhưng xét kỹ hơn, ta thấy khác nhau nhiều lắm: Vị là từ Hán Việt, trong khi Mùi là chữ Nôm. Hơn thế, Mùi thuộc về khứu giác (mũi), còn Vị theo nghĩa cảm xúc bằng lưỡi (vị giác). Ngày nay, mặc dù từ Vị mang nhiều nghĩa và thông dụng hơn, nhưng Mùi được chọn cho nghĩa niên lịch và chẳng còn dính líu gì đến "hơi mà mũi người ta ngửi thấy". Mùi ở đây là chữ thứ 8 trong 12 con giáp, được biểu hiện bằng con Dê.

Đã có năm Mùi âm lịch thì cũng có tháng Mùi (tháng 6) và giờ Mùi (từ 13 hay 1:PM đến 15 giờ hay 3:PM). Năm Mùi được nhiều người, cách riêng phái nữ, thích lắm, nên nảy sinh tâm lý ghen tị đặc biệt nơi các cô cầm tinh cạp (Dần), khi (Thân): *"Người ta tuổi Ngọ, tuổi Mùi - Em đây luống những ngậm ngùi tuổi Thân"*. Trong khi đó giờ Mùi được cổ nhân ta chọn làm thời điểm quan trọng không chỉ cho việc ăn và nghỉ trưa mà còn là "ranh giới" cho việc gìn giữ tình cảm gia đình, bởi thế có lời khuyên: *"Mưa chẳng qua Ngọ, gió chẳng qua Mùi"*, nghĩa là trong nhà, nếu có... đánh vợ, rầy con (biểu tượng bằng mưa, gió) thì cũng chỉ nên "qua loa rờ

măng" trong giây lát rồi thôi, để trên thuận dưới hòa mà lấy lại nếp sống bình thường; không nên kéo dài suốt ngày đến độ bỏ cả bữa ăn trưa (Ngọ) và giấc nghỉ trưa (Mùi). Nếu không làm được vậy, sự bất hòa sẽ khó bề được hàn gắn.

Dê và con số 35: Dê oan hay ung?

Xin nói ngay, giữa loài gia súc Dê và con số 35 hay 70 chia 2 hoặc bất cứ con số nào cũng chẳng "ăn nhậu" gì với nhau. 35 tuyệt đối không phải là biểu hiệu gì về con Dê mặc dù cứ thấy người đàn ông nào thích đàn bà, háo sắc, khoái chọc ghẹo phụ nữ hay mê gái... thì người Việt lại gán cho đương sự danh hiệu "Dê" hay "35". Hỏi nguyên nhân, cách riêng tại sao lại là 35 mà không phải là con số nào khác thì hầu như đa phần đều... ú ớ, kiểu "mở miệng mắc quai" vì không biết trả lời sao hoặc nếu "phang đại", lại lo lắng "chẳng giống ai". Ngay cả những gì kẻ hèn này kẻ dưới đây cũng không "chắc ăn" trăm phần trăm, chỉ nặng về giả thuyết thôi nhé:

Thời Pháp thuộc, chính sách chủ yếu của thực dân chỉ nhằm hủ hóa dân Việt hầu đưa đầy cách riêng thanh niên vào các chốn ăn chơi để quên đi nỗi quốc nhục và chẳng còn nghĩ gì đến việc tranh đấu. Khoảng năm 1945 - 46, Pháp chiêu dụ được lực lượng Bình Xuyên do Bảy Viễn lãnh đạo về "hợp tác". Chính phủ Bảo Đại lúc này cũng chỉ là bù nhìn thứ thiệt mà thôi. Với "giấy phép" của Bảo Đại cũng như sự "đồng thuận" của Pháp, Bảy Viễn được mở một sòng bạc rất lớn nấp dưới danh nghĩa "giải trí trường" Kim Chung (La Cloche d'Or = Chuông vàng) ở khu Dân Sinh cầu Ông Lãnh Saigon, sau đó "thừa thắng xông lên" mở thêm một khu cờ bạc vĩ đại nữa ở Chợ Lớn mang bằng hiệu Đại Thế Giới (Grand Monde). Khách đổ đến không chỉ trong nước mà từ "năm châu bốn bể" kéo đến Kim Chung - Đại Thế Giới để thử thời vận. Nhờ các đại mưu sĩ kiêm cố vấn Tàu, trong các món cờ bịch có thêm một trò chơi mới, gọi là xổ số đề, gồm 40 số, mỗi số được tượng trưng bằng một con vật, do đó người Pháp gọi là "Jeu de 40 bêtes". Chẳng hạn số 1 là con cá trắng và số 40 là Ông Địa... Con dê được xếp vào số 35. Tuy vậy họ còn vẽ vời thêm con vật, nào cá trắng, cá đen (số 1 và 30); rồng năm, rồng bay (số 10 và 26). Dê thì có dê nhỏ (số 35) và dê lớn (số 75)... Thẻ thức đặt 1 đồng, trúng thì được nhà cái

trả 37 đồng. Dĩ nhiên mức đặt không giới hạn nên không thiếu những kẻ bị cháy túi, sạt nghiệp vì số đề. Bởi vậy vào thời đó người ta vẫn nghe một câu ca ai oán “nhái” theo cung điệu của nhạc phẩm Nương Chiều của Phạm Duy: *“Đề ơi, lúc chiều về đề xô con Nai - Nhưng mà mình đặt con Đề... hồi đề”!*

Bởi vậy, từ lãnh vực hên xui trong cờ bạc sang lãnh vực tình cảm, đúng hơn lãnh vực tình dục, Đề được ghép dính muôn đời với con số 35. Và như trên đã phát ngôn, con số 35 không được “dân tứ khoái” chuyên nghiệp tuyển chọn làm biểu tượng cho một... “kiểu chơi” nào đó như con số 36 hay 69, nhưng quả thật lại bị mang nổi “oan Thị Kính” chỉ bởi... vô tình bị “giới cờ bạc” cho “xếp hàng đôi” với con đề. Thế nhưng liệu Đề có thật sự “vượt chỉ tiêu” về tình dục không, có xứng đáng mang danh hiệu “sponsor”, tức súc vật “bảo trợ” cho những nhân vật vốn phong phú máu... Tề Tuyên không?

Trước hết nói về khả năng sinh sản: Chung chung thì loài dê được 6 - 8 tháng tuổi kể từ sau ngày chào đời là có thể... động đực hay đi tơ. Thời gian dê mang thai khoảng 140 ngày hay 4 tháng 10 ngày. Tốc độ sinh sản của dê rất nhanh, “qua mặt không cần bóp kèn” cả trâu lẫn bò. Trong khi đó dê đực lại quá “công tác tốt”; chúng có thể giao phối ít nhất chục lần trong một lúc. Các nông gia chuyên ngành chăn nuôi cho biết, sáng sáng vào lúc mở cửa chuồng, bao giờ con dê đực cũng nhanh nhẹn chạy ra trước, đứng án ngữ lối đi, kêu be...e... be...e... để bắt từng dê cái “nộp thuế” rồi mới được ra đồng ăn cỏ. Chiều về, dê đực lại be...e... be... đòi “bồn cũ soạn lại”, buộc từng dê cái cho “đóng ấn” trước khi được lãnh “hộ chiếu” nhập chuồng. Chắc bởi “sức trả bài” phi thường của dê đực như vậy, ca dao mới có câu vốn phản ánh “giấc mơ ngầm” của giới đàn ông: *“Kiếp sau xin chớ làm người - Làm thân dê đực đứng ngay cửa chuồng”*. Trong bày dê nếu có từ hai dê đực trở lên, cảnh tượng “chơi sừng nhau” thường xuyên xảy ra đến độ chủ nhân “can không nổi”.

Thiết tưởng chắc chẳng phải vì ngẫu nhiên mà trong tiếng Anh, “goat” là con dê, nhưng tính từ của danh từ này là “goatish” lại có nghĩa “dâm dật”. Vậy ta có thể tạm kết luận rằng “không có lửa sao có khói”. Nói

cách khác, Đề hẳn không bị oan, nếu dâm ở mức độ “thường thường bậc trung” thì chỉ mang tên “Đê” đơn giản; còn đạt tới siêu hạng, ắt được phong chức “Đê xồm” hay “Đê cụ”. Bởi đó các danh hiệu vừa kể của loài dê đực được gán cho người đàn ông nào hiếu sắc, ham dục quá độ. Một người lớn tuổi mà không nên nét thì được gọi là “Già dê”. Phụ nữ có máu tương tự lại không được... hân hạnh ví von với Đề nhưng với Ngựa: “Đĩ Ngựa” hay cũng đơn giản: “Ngựa”.

Từ thời điểm nào người ta đã khám phá ra sức mạnh vô địch tình dục của loài dê và từ bao giờ nảy sinh việc ghép đôi giữa người nam mang “bệnh Tề Tuyên vẫn nổi lên đùng đùng” với con dê đực? Không ai có thể xác định. Trong văn chương truyền khẩu Việt Nam có nhiều câu ca dao, điển hình ở miền Bắc:

*“Ông già mà đội nón côi,
Ông dê con gái thì Trời đánh ông”.*
Hay trong miền Nam:
*“Đê xồm ăn trái khổ qua,
Ăn nhằm đậu đũa, chết cha dê xồm”!*

Trong văn chương bác học cũng không thiếu thí dụ, tuy nhiên người ta thường nhắc đến hai tác giả: Cụ Nguyễn Đình Chiểu trong truyện Lục Vân Tiên đã phác họa “tới nơi tới chốn” dung mạo của một người có “máu 35” như sau: *“Con người Bùi Kiệm máu dê - Ngồi trơ bộ mặt như dê thịt trâu”*. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhìn cảnh các gã choai choai vốn “hi mũi chưa sạch” mà đã bày đặt tập tành thói “ngựa non háu đá” bắt kẻ người trên kẻ dưới, thích trò “thả cạp bắt dê” trước đám thiếu nữ, bà tay chống nạnh, miệng chửi dè dỏ hơn kẻo kéo nhưng cay tựa ớt hiểm:

*“Ừa, ủa đi đâu lũ ngẩn ngơ,
Lại đây cho chị dạy làm thơ.
Ông non ngựa nọc chàm hoa rĩa,
Dê còn buồn sừng húc giậu thưa...”*

Dê trong sinh hoạt dân gian:

Chẳng chịu thua bất cứ con giáp nào, Dê cũng “thi đua” chen vào đời sống thực tế của dân gian. Những điểm diễn giải trên đây, thiết nghĩ cũng đã phần nào chứng minh hùng hồn “tay nghề” của Đề trong việc “nhập gia tùy tục” với loài người; ở đây chỉ muốn nói đến người Việt Nam mà thôi. Người viết mạn

phép bỏ túc một số chi tiết dưới đây, tuy vậy vẫn phải “tự chế” vì trang báo có hạn:

Có thể nói rằng Dê ở Việt Nam nổi tiếng từ khi được dùng vào hàng ngũ Lục Súc, nhưng trong thực tế việc nuôi dê ở nước ta vẫn không phổ biến. Trong truyện Nôm Lục Súc Tranh Công của tác giả “vô danh”, Dê chỉ được dùng vào mục tế lễ: “... *Để hòng khi tế thánh tế thần - ... Hễ có việc lấy dê làm trước*”. Tục lệ này vốn thuộc lãnh vực quốc tế, chẳng hạn thần thoại Hy Lạp kể truyền rằng các vị thần Zeus, Jupiter ngay lúc chào đời thì việc đầu tiên là bú sữa dê pha mật ong. Bởi vậy dân chúng khi tế thần phải dâng dê và bò thui, đặc biệt tế thần Hecmet, phải có mật ong và dê con. Ở Ai Cập trước Công Nguyên 4,500 năm, dân chúng vẫn dùng da dê làm quan tài vì tin là người chết sẽ được thần che chở. Thêm nữa, dân tộc Do Thái, từ thuở thượng cổ mà Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo quen gọi là thời Cựu Ước, các đấng Tể Phụ vẫn thường bắt một dê đực để làm của lễ dâng Đức Chúa Trời. Đến thời Tân Ước tức lịch sử cận đại, người Do Thái cứ đến ngày lễ “Chuộc Tội”, cũng lại bắt một dê đực để “thầy cả” làm phép như để trút hết tội lỗi của người cho dê gánh chịu, nhưng sau đó lại thả con dê này ra đồng. Bởi thế dân gian mới có thành ngữ “Dê tế thần”. Nghĩa bóng của câu này còn để chỉ một người, thường là thuộc hạ, chịu (hay bị bắt chịu) hy sinh mạng sống hoặc nhận tội thay cho thượng cấp.

Phận sự chính yếu của Dê chỉ nhằm cung cấp cho loài người thịt, xương, sữa, da và lông của nó; nếu bắt Dê “lao động là vinh quang” như bò, trâu, ngựa... thì nó cam không nổi nên dân gian có câu chê trách: “*Buồn ngủ, buồn nghề, bắt bò làm ruộng, mua dê về cày - Đồn rằng dê đực khỏe thay, bắt ách lên cày, nó lại phá ngang*”.

Để hòa đồng với tuổi thơ, Dê đã hợp tác với nhiều gia súc khác hầu kết thành một bản đồng ca vui nhộn: “*Dung dăng dung dè / Dắt trẻ đi chơi / Đến cửa nhà trời / Lây cậu lấy mợ / Cho cháu về quê / Cho Dê đi học / Cho Cóc ở nhà / Cho Gà bới bép / Xi xà xi xụp / Ngồi xếp xuống đây*”. Thế nhưng đặc sắc hơn cả vì gần gũi với những trò chơi và lễ hội truyền thống, vẫn là trò chơi “Bịt mắt bắt dê”. Một em nhỏ bị bịt mắt rồi phải đuổi bắt nhiều trẻ khác giả làm dê, vừa di chuyển

vừa kêu be... be... Người lớn khi chơi “bịt mắt bắt dê” càng sinh động hết sảy: Một con dê thật; cổ đeo lục lạc, được thả vào sân. Một cặp thanh niên nam, nữ bị bịt mắt; cổ chân cũng đeo lục lạc, được thách đố xem ai bắt được dê. Chung quanh đám đông reo hò khiến con dê “chạy có cờ”, phát ra những âm thanh y chang âm thanh từ cổ chân đôi “trai tài gái sắc”, vì thế chàng và nàng nhiều lần đã chẳng bắt được dê mà lại... ôm chầm lấy nhau, gây cho khán giả những trận cười... bẽ bụng!

Trong cuộc sống hàng ngày, để dạy bảo con cháu phải đề phòng bọn người chuyên bịp bợm, phô trương cái giả, chỉ đẹp bề ngoài nhằm che giấu cái xấu xa bên trong, cổ nhân đã để lại câu tục ngữ: “*Treo đầu dê, bán thịt chó*”. Trong bài văn tế nghĩa quân Cần Giuộc, cụ Nguyễn Đình Chiểu viết: “*Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu để lũ tre treo đầu dê bán chó*”.

Cũng nhằm lưu truyền bài học khôn ngoan ở đời, ông cha ta còn cảnh báo, chớ dại dột: “*Lùa dê vào miệng cọp*”, nghĩa là đừng vô tình hay khờ khạo ra lệnh cho bề tôi, thuộc cấp hoặc tay chân mình đụng độ với những kẻ mạnh khỏe hay tài giỏi gấp nhiều lần.

Riêng trường hợp của cô gái sau đây thì đã thật khéo léo khi “mượn” thịt dê, gạo lứt vừa để phê phán kẻ vô tình đối với cô, vừa để tự than thân trách phận:

“*Sá chi một miếng thịt dê,
Ba tô gạo lứt mà chê tôi hoài!*”

Đã... lỡ kể về “sự cố” thôn nữ mượn thịt dê để bày tỏ nội tâm, xin mạn phép quý độc giả cho người viết được “tới luôn, bác tài”. Và lại ăn uống vẫn muôn đời là một trong những sinh hoạt quan trọng của con người. Hơn nữa, với người Việt, “ăn” thường được quan niệm là việc đi tiên phong - “đi thực vi tiên” - rồi mới tính đến các chuyện khác, kể cả tín ngưỡng: “*Có thực mới vực được đạo*”. Chẳng thế trong Việt ngữ, động từ “ăn” đã đứng trước nhiều động từ khác để tạo ra một nghĩa mới: Ăn chơi, ăn làm, ăn mày, ăn mặc, ăn nằm, ăn năn, ăn nói, ăn ở, v.v... Vậy nói về thịt dê, người ta thường chạnh nhớ đến thịt chó để thấy hai loại thịt này đã chiếm địa vị độc tôn, tột đỉnh, bất khả có đối thủ cạnh

tranh: Chó thì:

*“Sống trên đời ăn miếng dồi chó,
Chết xuống âm phủ, biết có hay không?!”*

Dê thì:

*“Thế gian ba sự không chừa:
Rượu ngon, dê béo, gái vừa đang xuân”.*

Làm thịt dê tương đối vất vả, nhưng luật đời mà: “Muốn ăn phải lăn vào bếp” - người ta thả dê trong một cái chuồng rộng rồi vừa đuổi cho dê tha hồ... chạy vừa cầm gậy đánh, đập “toi bồi hoa lá” nhằm cho dê toát hết mùi hôi, sau đó mới chọc tiết, làm lông, thui vàng, mổ ra ướp trong khoảng mười, mười lăm phút với lá cúc tần hay là hương nhu trước khi xả thịt chế biến thành nhiều món khác nhau, nhưng phổ biến nhất vẫn là tái dê, tiết canh dê, xào lăn, hấp sả, xào thập cẩm hay nấu lẩu dê...

Thịt dê nói chung không độc, trái lại có tác dụng bổ dưỡng. Theo Đông y, thịt dê thúc đẩy lưu thông máu huyết và chữa được nhiều thứ bệnh như lao, hen suyễn. Nói chi xa xôi, hãy nghe lời “thành khẩn khai báo” dưới đây; ấy là mới chỉ nói riêng về món tái dê vắt chanh thôi nhé:

*Tái dê chấm với tương gừng,
Ăn vào cứ thấy phừng phừng như... dê”!*

Quan niệm dân gian vẫn “đánh giá” cao thịt dê là món ăn tăng cường sinh lực, đặc biệt về khả năng tinh dục, kiểu “ông ăn bà khen hay”. Chẳng thế mà:

*“Tái dê chấm với tương bần,
Ăn vào một miếng bần thần như... dê.
Đêm về vợ lại ti tê:
Tối mai ta lại tái dê tương bần”!*

Riêng cái “vưu vật”, tức là dải dê vẫn được một số ông bất lực mà còn hào ngọt... cầu cứu, áp dụng đúng toa thuốc của người bình dân: Ăn gì bỏ nấy. Bởi thế giới này không dám gọi bằng tên cúng cơm, sợ hết linh, mất “ép-phê”, bèn tôn làm “Ngọc Dương”. Thật hư thế nào, chỉ thấy các tiệm thuốc Bắc hốt bạc và các quán nhậu vớ bộn. Nói tóm lại, qua thời gian, từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, “rượu nồng dê béo” vẫn luôn luôn là món hưởng thụ “cao cấp” của cả giới thượng lẫn hạ lưu; đặc biệt “ngọc dương” vẫn là “niềm tin” của các đấng tu mi nam tử, là “phao cứu nạn cứu khổ” cho những kẻ kém

may mắn vốn lâm vào bi kịch “trên bảo dưới không nghe”, bởi thế tuy khôi hài nhưng vẫn là châm ngôn bất diệt: Cười dê nhưng vẫn mong khỏe như dê!

Tuy vậy, quý vị mê thịt dê thiết tưởng cần để ý lời mách của các cụ ta trong việc ăn thịt dê kéo sa vào cảnh “tiền mất tật mang”: Người đang mang các chứng bệnh như lở miệng, lở lưỡi, đau mắt đỏ, đau yết hầu, sưng nhức chân và đau bụng đi cầu... thì dù thêm đến nhỏ dãi cũng nên kiêng thịt dê cho tới khi hết hẳn bệnh.

Thịt dê rất “kỳ thị” dưa hấu, dấm, bí đỏ nên phản ứng bạo nếu bị thực khách bắt ăn chung. Thịt dê vốn có... tính nóng, bởi thế khi nấu hay hấp thịt dê, ta nên giảm bớt các thứ gia vị cũng đầy... nóng tính như gừng, đinh hương, hồi, ớt, hạt tiêu.

Cuối cùng, sau khi đã lai rai thịt dê, chó nên kết thúc bằng ly trà. Táo bón đấy! Nếu cứ “liều mạng sa trường” mà nhiều lần “sao y bản cũ” - “tiền dương nhục + hậu trà thù” - thì đừng có la tướng là bị “đau khổ vì bệnh trĩ”!

Hình ảnh Dê trong truyện cổ tích

Nền văn học dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, phản ánh mọi khía cạnh trong đời sống tinh thần và vật chất của dân tộc. Năm mới 2015 này là Ất Mùi nên ở đây người viết xin mạn phép chỉ nêu hai truyện cổ điển hình liên quan đến Dê để thấy rằng cổ nhân ta đã gửi gắm một thông điệp hay một lời nhắn nhủ, cảnh báo hoặc một bài học luân lý nào đó cho hậu thế; hẳn các cụ đề phòng con cháu chỉ vì quá mê xơi thịt dê mà quên mất phần tinh thần của loài vốn có một ngoại diện không mấy bắt mắt.

-Truyện người lớn: Lấy chồng dê -

Ngày xưa ngày ngày xưa ở một ngôi làng ven biển, có đôi vợ chồng đã da mồi, tóc bạc mà vẫn hiếm hoi. Vợ chồng cầu Trời, khấn Phật cho một mụn con để hủ hỉ lúc tuổi già. Thế rồi người vợ bỗng có thai. Sau chín tháng mười ngày cưu mang, bà sinh ra một cái bọc mà khi mở ra, bà thấy không phải một em bé mà là một con dê đực. Vì buồn phiền, người chồng qua đời. Dê trái lại hay ăn chóng lớn, biết giúp mẹ trông gà, chăn lợn và đỡ đần các công việc trong nhà. Nhờ vậy, mẹ Dê cũng khuây khỏa phần nào.

Một hôm Dê gục đầu vào lòng mẹ, thủ thỉ: “Mẹ ạ, Phú ông ở làng bên có ba người

con gái, mẹ sang dạm hỏi cho con một cô!”

Bà mẹ bật cười, lắc đầu nhưng Dê nài nỉ quá, bà đành “uống thuốc liều” mà mang trầu cau đến nhà phú ông. Vừa nghe nói, phú ông đã ùng ùng nổi giận, quát mắng om sòm. Nhưng theo lời Dê dẫn, bà mẹ cứ nhẫn nhục để rồi cuối cùng nhà giàu có này phải bất đắc dĩ “chào thua” bằng cách cho gọi ba cô con gái ra hỏi, “hễ đưa nào bằng lòng lấy Dê thì sẽ gả”. Hai cô đầu nguyệt mặt khinh bỉ bà cụ, bĩu môi nhạo báng Dê, nhưng bất ngờ cô út lại cúi đầu thưa: “Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy” khiến phú ông ngạc nhiên như từ mây xanh rơi xuống đất, nhưng ông bèn “trưng kều tỵ kế” với lời đòi hỏi một trăm trâu bò, một trăm lợn, một mâm vàng, một mâm bạc.

Dĩ nhiên bà mẹ “tá hỏa tam tinh” mà khuyên con bỏ ý định ngông cuồng đi thôi, tuy nhiên Dê vẫn quả quyết “con sẽ lo được”. Đêm hôm đó, trong khi mẹ đã ngủ say, Dê ra sân, trút lột dê để hiện nguyên hình một chàng trai trẻ. Chàng lập tức ra lệnh “lấy cho ta đủ thứ sinh lễ” thì bỗng xuất hiện rất nhiều gia nô với mâm vàng, đĩa bạc và tay dắt theo đủ số trâu, bò, lợn. Xong công tác họ lại biến mất. Chàng trai lại chui trở vào lột dê.

Ngày rước dâu, Dê tung tăng đi trước, còn cô gái út lẻo đẻo theo sau cùng với hai chị. Đêm động phòng, sau phần hợp cần, cô dâu bỗng thấy chồng mình trút lột dê để trở thành một thanh niên tuấn tú khiến nàng vừa sợ vừa mừng. Sáng dậy, người chồng lại chui vào lột dê. Hai bà chị vợ cố tình nán lại đằng nhà trai cốt ý để xem “sự thật phũ phàng” của đứa em út, thế nhưng sáng ra cô em chỉ lộ vẻ tươi tỉnh chứ không có gì khác thường. Họ ngạc nhiên tí tẹo hỏi dò em gái; lúc đầu vợ Dê nhất định không hé răng nhưng sau cô đã “bật mí” mọi việc trước sau. Đêm lại, hai bà chị lên khoét vách buồng của em, quả thấy đúng như lời em kể. Họ không ngờ chồng của em mình trẻ đẹp quá, bỏ xa bọn con trai trong vùng. Hôm sau, họ khuyên em phá lột dê để chồng không còn biến vào đâu nữa. Từ đó Dê đành chấm dứt kiếp lột dê. Nhưng cũng từ đó hai bà chị hối tiếc và ghen tị với số phần may mắn của em út.

Một năm sau vì phải lo đôi ba công việc ở một phương trời xa, trước khi lên đường, người chồng trao cho vợ hai vật hộ thân: Con dao và hòn đá lửa. Một ngày nọ,

hai bà chị đến rủ cô em đi trẩy hội nhưng trong thâm tâm họ đã mưu toan giết em. Khi thuyền đã ra khơi, hai bà chị đẩy em xuống biển rồi trở về nhà bịa chuyện em mình bị sảy chân rơi xuống biển.

Nào ngờ, vợ Dê lúc đang vùng vẫy cố ngoi lên khỏi mặt nước thì bị một con cá kinh đớp ngay vào bụng. Nhưng sức nhớ đến vật hộ thân chồng đã trao, người vợ dùng con dao đâm cá kinh đứt ruột. Cá bị thương nặng, ít phút sau thì chết; xác bị sóng biển đưa vào một hòn đảo. Vợ Dê rạch bụng cá chui ra ngoài. Đây là một hoang đảo nên không một bóng người. Vợ Dê dùng hòn đá lửa đốt củi để sưởi rồi xèo thịt cá nướng ăn. Cứ thế, nàng vượt qua bao nỗi khó khăn trong những ngày đầu trên hoang đảo.

Một hôm, vợ Dê chợt thấy một cánh buồm trắng ẩn hiện từ ngoài khơi. Nàng lấy áo buộc vào một cành cây rồi vẫy. Con thuyền nhận ra dấu hiệu cầu cứu, bèn rẽ sóng tiến vào bờ. Vợ Dê mừng rỡ khi nhận ra vị thuyền trưởng không ai khác chính là chồng mình. Vợ chồng ôm nhau mừng tủi, kể nhau nghe mọi sự kiện.

Về đến nhà, Dê giấu vợ trong buồng không cho ai biết. Chàng mời họ hàng đôi bên đến dự bữa tiệc đoàn tụ. Hai bà chị trong bụng khắp khởi mừng thầm nhưng ngoài mặt làm bộ khóc lóc, kể lể nguyên nhân cái chết của cô em út xấu số đồng thời liếc mắt đưa tình nhằm cám dỗ người em rể tuấn tú. Sau khi mọi người đã ăn uống no say, Dê khoan thai nói với hai người chị: “Em xin cho gọi người hầu ra chào hai chị!” - rồi vén màn cho vợ bước ra. Mọi người sững sốt. Hai bà chị vừa sợ vừa then, vội lên ra khỏi nhà. Nhưng hai người đi chưa được một quãng đường thì bị thần Sét đánh chết.

Từ đây vợ chồng Dê chung sống hạnh phúc cho tới cuối đời với bảy con cũng xinh đẹp chẳng kém gì bố mẹ.

-Truyện nhi đồng: Dê trắng - Dê đen -

Một gia đình nông dân nọ nuôi một đàn dê; tất cả đều lông trắng, chỉ trừ một chú dê đen tuyền. Sự khác biệt màu lông đã đưa tới tình trạng kỳ thị giữa các con vật vốn cùng một giống. Các con dê trắng lúc nào cũng... vênh mặt, kiêu hãnh về bộ lông trắng như tuyết của mình và thường tỏ ra khinh bỉ chú dê đen, chê rằng “đúng là một tên nghèo hèn với bộ áo bẩn thỉu”. Khi ở trong chuồng, đám dê

trắng luôn luôn tránh xa chú dê đen còn hơn tránh... hùi. Những lúc ra ngoài đồng cỏ, chú dê đen bao giờ cũng chỉ thui thủi một mình, nếu lại gần đám dê trắng, lại chỉ “lãnh đủ” những câu nói mỉa mai, những cú bấu môi hay nguýt dài...

Ngay cả người nông dân cũng thường coi rẻ chú dê đen, không chỉ bắt công trong việc chăm sóc, phân chia thức ăn mà đôi khi ông còn đánh đập chú nữa. Chẳng ai để ý nhiều lúc giòng lệ đã ứa ra nơi khóe mắt của chú dê đen. Hệ quả là lông chú không được mượt, cân lượng của chú tăng chậm, khiến ông chủ lại có thêm cơ hành hạ chú.

Vào một ngày đầu xuân, cả đàn dê cùng ra ngoài ăn cỏ. Chúng tung tăng giữa cảnh thiên nhiên xanh tươi và chạy chơi rất xa. Bỗng một trận bão tuyết đổ xuống, chẳng bao lâu phủ trắng vạn vật. Bầy dê đành nấp vào một bụi cây và run sợ vì trời đất mênh mông mang cùng một màu khiến chúng không còn có thể định hướng về chuồng.

Người nông dân đi tìm đàn dê của mình nhưng vì khắp nơi đều trắng toát màu tuyết nên ông không thể nhận ra đàn dê ở tận đâu vốn chúng cũng trắng... như tuyết. Đi một hồi, chợt ông chủ chợt nhìn thấy từ xa một đốm đen. Sinh nghi, ông vội vàng chạy đến. Đốm đen ấy càng lúc càng lớn hơn, nhờ thế ông càng nuôi hy vọng. Gần tới nơi, người nông dân đã nhận ra đàn dê của ông đang đứng đó, run rẩy giữa lùm cây. Và đốm đen ấy chính là chú dê đen. Quá xúc động, ông chủ ôm lấy chú dê đen. Cùng lúc, các con dê trắng cũng quần lấy chú dê đen như muốn bày tỏ tình cảm biết ơn.

Trên đường về, người nông dân vác chú dê đen trên vai; thỉnh thoảng ông lại xòe hết bàn tay phải lại bên trái, nhìn ngắm các ngón dài ngón ngắn rồi ra vẻ suy nghĩ. Theo sau ông chủ, bầy dê trắng vừa đi vừa kêu be... be... vui vẻ.

Mơ thấy Dê

Xin nói ngay mà không lo “trật đường rầy” rằng với dân chuyên đánh đề, mỗi lần mơ thấy dê con là họ vội trút hết vốn ra đặt con số 35, thấy dê lớn là dồn vào số 75. Thế nhưng với chiêm tinh học và chuyên gia giải đáp giấc mơ thì vấn đề không thể đơn giản như vậy, trái lại tối thiểu phải phân biệt hơn nữa thứ dê nào đã hiện ra trong giấc mơ. Tuy vậy, cũng vì sự giới hạn trang báo mà ở đây

người viết chỉ xin “bật mí” tổng quát về giấc mơ thấy dê như sau, nhất là phải canh chừng năm Ất Mùi này do Dê chủ trì thế gian:

-Dê con:

Hình ảnh dê con ám chỉ đường con cái. Thiếu nữ chưa lập gia đình mơ thấy dê con, ấy là dấu hiệu sắp có người đến hỏi cưới; “đối tượng” này cũng rất có thể là người ngoại quốc. Còn nếu phụ nữ mang thai mơ thấy dê con thì đây là điềm sinh nở “mẹ tròn con vuông”.

-Dê cái:

Mơ thấy một đàn dê cái trắng, nghĩa là sắp nhận được một thắng lợi tuy nhỏ nhưng cũng đủ làm đắc ý. Ngược lại, thấy một đàn dê cái đen thì người nằm mơ nếu đang trong hoàn cảnh kiện cáo, ắt sẽ bị thua. Nếu chỉ mơ thấy một con dê cái mà thôi, nhưng thân hình dê gầy thì nên hiểu rằng vợ/chồng mình tài đức không ở bậc “cao cấp”, chớ nên đòi trèo cao mà ngã đau. Trái lại, người độc thân mơ thấy một dê cái mập, nghĩa là sắp lấy được chồng/vợ giàu có nhưng nhan sắc chỉ ở mức “khiêm nhường”.

-Dê đực:

Trong cuộc sống thực tế cũng vậy, dê đực vẫn biểu hiệu sự dâm dăng. Bởi thế mơ thấy dê đực - đi một mình - hãy coi chừng đang có ý định “từng bước từng bước thăm” lên chiếm con tim của một “đối tượng” đã có chủ; nếu dê đực này không có sừng thì hãy tỉnh ngộ bởi việc “ăn phở” đã bị bại lộ rồi đây - Nhưng thấy cả bầy dê đực, cũng phải cảnh giác cao độ vì đây là điềm cảnh báo đám bạn bè đang qua lại hầu hết là những người không đứng đắn, khoái lêu lộng hơn chuyện làm ăn.

Người La Mã cổ đại tin rằng sáng sớm mà bạn bước ra khỏi nhà mà nhìn thấy một con dê thì ngày ấy bạn sống hạnh phúc “hết ý”.

Dê... đi hoang

Được ví là Dê là sự may mắn, là vinh dự hay là dấu hiệu xúi quẩy, nhơ nhuốc? Vấn đề còn tùy. Ở đây, kẻ viết chỉ mạn phép gióng lên một tiếng chuông báo động như sau: Người nào “thả dê” bậy bạ hay không kiểm soát nổi mức độ “máu dê”, nhẹ thì bị ăn tát nầy đom đóm hay lãnh đủ những trận xỉ vả của nữ nạn nhân, đồng thời còn bị những người thân cận cười chê, khinh bỉ - mà nặng thì có cơ hội vào “bóc lịch” nhiều năm trong bốn bức tường. Thuở xưa xưa vì hủ tục trọng

nam khinh nữ thịnh hành cộng với tình trạng luật pháp lỏng lẻo nên mới có vụ: “*Thế gian 3 sự chẳng chừa: Rượu ngon, dê béo, gái vừa đương xuân*”; thế nhưng ngày nay, “rượu ngon, dê béo” nếu đấng mày râu nào muốn thì cứ “vô tư” tiếp tục chương trình, nhưng với tiết mục thứ ba - “Gái vừa đương xuân” - mà “chẳng chừa” thì chắc chắn thủ phạm khi “bùng con mắt dậy” đã thấy ngay... vành móng ngựa.

Trên đây là nói người đối với người, còn người mà “thả dê” với dê thứ thiệt, luật pháp của đa số quốc gia cũng trừng phạt, điển hình hai trường hợp dưới đây vốn đều xảy ra ở các quốc gia Hồi Giáo:

-Sudan: Vào tháng 2 năm 2006, Charles Tombe, 25 tuổi, công dân xứ Sudan, đã bị Hội Đồng Bộ Tộc - giống Tòa Án Nhân Dân dưới chế độ cộng sản - buộc phải cưới một con dê làm vợ đúng nghĩa hôn phối, đồng thời theo tục lệ địa phương, can phạm còn phải nộp cho chủ nhân con dê món hồi môn 15,000 Dinar (khoảng gần 50 Mỹ Kim). Nguyên nhân: Charles Tombe đã bị bắt qua tang đang “làm chuyện dê” với con dê cái ấy!

-Nigeria: Giữa tháng Giêng năm 2014, một thanh niên vừa tròn hai mươi xuân xanh, tên là Malam Kamisu Baranda, đã bị tòa án tiểu bang Jigawa kết án 2 năm tù về tội “quan hệ tình dục” với một con dê cái tại bìa rừng Baranda. Thẩm phán Auwalu Sani Balago cho biết can phạm đã bị trường làng bắt tại trận trước khi giao cho cảnh sát. Đương sự cũng thú nhận đã “dê” không chỉ với dê cái mà cả với các động vật khác, cả thầy trên 10 lần. “Bệnh dê” này đúng là “hết thuốc chữa”!

Và ở Tây Phương, có lẽ khối Bắc Âu đã vác cờ tiên phong quảng bá luật pháp bảo vệ loài vật tránh khỏi tệ nạn “lạm dụng tình dục”. Trong 3 nước, xưa kia vốn là “anh em con chú, con bác”, nhưng sau một thời gian “đánh bẻ đầu nhau ra”, thì nay trở thành hàng xóm láng giềng, Na Uy tuy giữ phận “em út” nhưng lại nhanh nhẹn nhất. Năm 2011, Na Uy đã ban hành đạo luật cấm làm tình với súc vật (lov om forbud mot dyresex). Còn Thụy Điển, tuy là nước “anh hai” nhưng mãi tới ngày 20. 02. 2014 mới bắt kịp.

Nhớ lại trước đây, toàn thể dân chúng Na Uy dường như đều “nhất trí”, không ý kiến gay go nào cả trước và sau thời điểm đạo luật nói trên được chính thức áp dụng.

Còn ở Thụy Điển, cách riêng nhà văn nổi tiếng Leif GW Persson chuyên viết truyện trinh thám lại cười nhạo “dyresex-lov” ấy. Ông này tuyên bố với nhật báo Aftonbladet: “Vớ vẩn! Người ta không thể gọi một con vật ra làm chứng trước ba tòa quan lớn”, và: “... Lại thêm một công việc rắc rối nữa cho cảnh sát khi phải điều tra một vụ xâm phạm như vậy”.

Trong khi đó Đan Mạch chậm chân nhất, mãi đến gần cuối năm 2014, ngày 12 tháng 10, Tổng Trưởng Nông Nghiệp Dan Jørgensen mới đệ trình một dự luật “forbud mot dyresex” cũng với mục tiêu y chang như ở hai nước anh và em mình; tuy nhiên theo tạp chí Ekstra Bladet, Đan Mạch còn nhân mạnh hơn ở điểm “ng nghiêm cấm gây cho súc vật thống khổ, đớn đau, sợ hãi hoặc tổn thương lâu dài”. Ghê chưa! Kết quả cuộc thăm dò ý kiến của viện Gallup ngày 11-10-2014 cho biết 76% dân chúng Đan Mạch ủng hộ dự luật này, khiến ông Jørgensen “tự tin” rằng đa số đại biểu trong Quốc Hội cũng sẽ bỏ phiếu OK vào dịp đầu năm mới 2015. Đúng năm con Dê!

Quẻ bói cho năm Ất Mùi

Loài Dê vẫn được “đánh giá” là tượng trưng cho sự ôn hòa và cát tường, nên người tuổi Mùi tuy có trung vận lắm giống tổ nhưng tiền và hậu vận lại “thuận buồm xuôi gió” để có thể đạt tới thượng đỉnh mãn nguyện.

Nói chung, đàn ông hay đàn bà cầm tinh Dê phần đông hiền lành, mẫn cảm, nhẫn nại, cẩn thận, nghiêng về nghệ thuật, biết tiến thủ, đối xử thân thiện với mọi người và có mối giao tiếp xã hội tốt, đồng thời cũng xem trọng gia đình và ý thức trách nhiệm nên gia đạo tốt đẹp, không chỉ được người phối ngẫu yêu thương mà còn được thân bằng quyến thuộc quý mến.

Người sinh năm Mùi, cả nam lẫn nữ đều coi trọng “ngoại hình”, cẩn trọng trong cả cách suy nghĩ lẫn lời phục sức và cử chỉ bên ngoài... khiến nhiều khi tỉ mỉ quá mà tự làm khổ mình đến độ “điên cái đầu, đau cái đít”. Vậy hãy bớt “nặng phần trình diễn” và thoang thoáng một chút, ắt được phơi phới hân hoan hơn nhiều.

Cách riêng những người cầm tinh Dê trong năm Ất Mùi đều là Mộc Dương, tức dê gỗ; mạng “Sa trung Kim”, tức “Vàng trong

Cát”:

-Nam giới:

Trong năm mới này có nhiều cơ hội phát triển về công danh, sự nghiệp và tài lộc. Đối với những người đã lập gia đình, gia đạo an bình; còn những người độc thân thì phương diện tình cảm gần như suốt năm được quá u “ngon lành”; nếu chưa có đôi có lứa thì thế nào cũng có mỹ nhân đến “gõ cửa trái tim” đây. Những người từ 29 tuổi trở lên mà vẫn “sầu lẻ bóng”, hãy nhớ là năm nay rất tốt để kết hôn.

Một hai điều có thể không hay: Không nên đi xa và toan tính làm ăn lớn; ngoài ra cũng phải đề phòng bệnh bất ngờ.

-Nữ giới:

Năm nay, tài lộc trung bình; công danh, sự nghiệp tuy không “sáng như đèn ô tô” nhưng vẫn được như ý. Phụ nữ tuổi Mùi đã có gia đình hầu hết là người vợ đảm đang, luôn lấy gia đình làm trọng. Người còn vẫn “đi sớm về khuya một mình” mà nếu “thuở ban đầu lưu luyến ấy” không được may mắn thì năm Ất Mùi này chính là thời điểm để “... trái tim đã vui trở lại”.

Khuyết điểm: Vì đa cảm đa sầu nên người nữ tuổi Mùi dễ nhìn vấn đề không mấy tích cực; vì thích ăn diện nên tốn phí tài chánh và mất nhiều thời giờ, công sức vào việc trang điểm và khoe khoang các “mặt bằng”...

Thôi thì dù thế nào đi nữa, tân niên vẫn là thời điểm thuận lợi để “đổi mới” về các phương diện cho mọi người dù cảm tình bất cứ con giáp nào. Vậy nhân dịp năm mới Ất Mùi, người viết xin kính gửi đến toàn thể quý độc giả của Viết & Đọc lời cầu chúc tuy cổ điển truyền thống nhưng đầy đủ ý nghĩa, nhất là rất linh: An Khang - Thịnh Vượng - Hạnh Phúc! - Godt Nytt År!

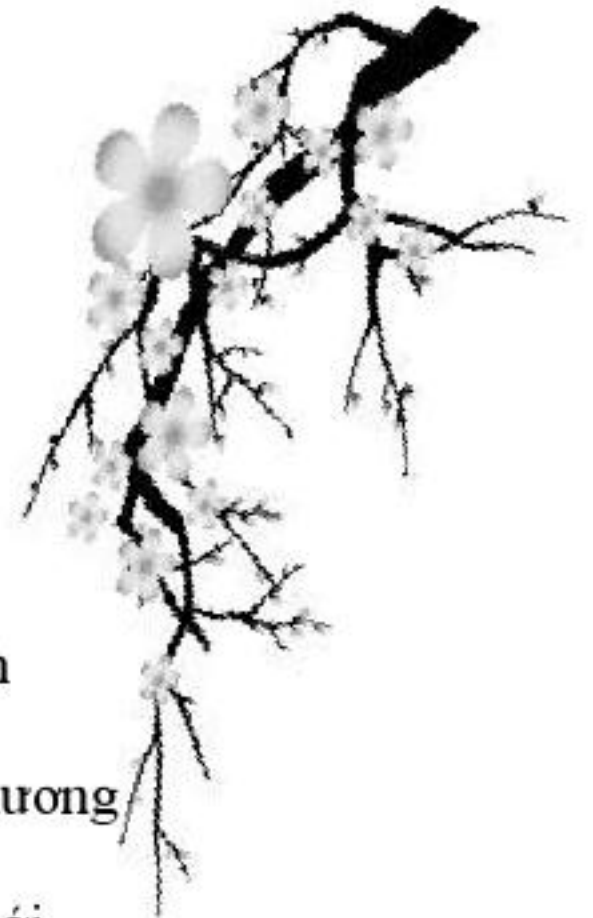


Hoài Mỹ

Xuân, sáng Mừng Một

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau
(Chào Nguyên Xuân – Bùi Giáng)*

Sáng Mừng Một
Sương che kín lối
Đường trượt trơn
Dốc hút hút mờ
Bầy sè nhỏ
Trón tìm trong ngõ
Cánh lá nghiêng
Vẫy gió đầu ngày



Hoa dầu nụ
Chồi chờ xanh ngọn
Xuân ở đâu
Thơm thoảng mùi hương
Áo năm cũ
Mặc choàng năm mới
Tình ủ đông
Tim: ấm máu hồng

Tôi đứng giữa trời mù mây xám
Nửa lối sương che, nửa dốc gió nhòa
Đêm thấp thoảng trón sau tàng lá
Ngày mơ hồ thả giọt nắng lu

Chân mụ mị
Ngà
Từng bước chậm
Đường mùa xuân, chốn ấy, vạn hoa
Nơi đây vắng, cỏ xanh, bóng đậm
Rạp mình nằm ngậm hạt long lanh

Lồm đồm
Cúc
Cánh se che mặt
Nhụy ửng vàng
Gọi nắng vào uôm
Ừ, thế đó,
Xuân, ngày Mừng Một
Thả dầu mong manh
Xuống giữa con đường

Cổ Ngu

12C3, Không Mờ Nhặt

Nguyễn Trung Tây

Vẫn là một điều không hiểu, bởi từ bao lâu nay có những người tôi đã gặp gỡ trên một khoảng đường đời, nhưng khuôn mặt, tính tình, và ngay cả tên tuổi xuất hiện trong tâm trí mờ nhạt. Nếu phải nói về họ, thông thường tôi ấp úng ngớ ngẩn, bởi không nhớ. Ngược lại, có những người tôi nhớ đáng đứng, lời nói; tên của họ tôi nhớ chính xác, đủ họ và tên.

Những người mờ nhạt, có một thời tôi nghĩ bởi mình không có nhiều kỷ niệm. Nhưng thấy cũng không đúng lắm, bởi có người tôi đã chia sẻ một đoạn đường năm năm chung trường, hay mười năm hàng xóm, rõ ràng một khoảng thời gian dài; nhưng quên vẫn quên! Riêng những người tôi nhớ, có người chỉ gặp khoảng ba năm thôi, nhưng nhớ, nhớ hoài, tôi muốn nói tới bạn học lớp 12C3 năm 1979 của Nguyễn Thượng Hiền; hoặc đặc biệt hơn chỉ vón vẹn một năm, nhưng sau hơn ba mươi năm không gặp mặt, mở miệng ra tôi vẫn đọc đúng họ và tên, tôi muốn nói tới Thầy Cung Vĩnh Viễn của 12C3 Nguyễn Thượng Hiền.

Lớp 12C3 của chúng tôi học chung với nhau từ 10C3 năm 1976. Tôi mù mờ với tên và khuôn mặt giáo viên dạy Văn lớp 10 và 11. Nhưng đầu năm lớp 12, chúng tôi học Văn với Thầy Cung Vĩnh Viễn. Ngoài dạy Văn, Thầy còn là Giáo viên Chủ Nhiệm 12C3. Tôi không hiểu các bạn khác thì sao, nhưng Thầy xuất hiện nổi bật trong tôi với hàng râu mép, giọng Bắc âm áp, dáng phong trần với điều thuốc lá lạng đang khói trắng, đặc biệt Thầy giảng bài rất hấp dẫn. Năm 77, 78, 79, C là lớp chuyên Toán Lý. Học sinh khối C thông thường không thích Văn. Nhưng lớp 12C3 mê Thầy Cung Vĩnh Viễn, đặc biệt nhóm con trai, chuyên viên cúp học giờ Văn lớp 10 và 11C3. Nhưng lên lớp 12C3, tự nhiên tên nào cũng nghiêm chỉnh ngồi học giờ Văn, bởi thầy dạy Văn là Thầy Cung Vĩnh Viễn. Tôi không biết Thầy có hấp lực gì để đám con trai 12C3 không bỏ lớp đi hoang nữa. Nhưng giờ ngồi nhớ lại, tôi đoán có lẽ đám con trai tại tôi khoái Thầy bởi nơi Thầy có một chút lãng mạng của Đồng Xanh (The Greenfield), “Đồng xanh là chốn đây, thiên đàng cỏ cây, là nơi bày thú hoang...”, một chút lạ lùng Lê

Uyên Phương, “Theo em xuống phố trưa nay theo dòng nước cuốn lêu bêu...”, một chút triết lý hiện sinh Jean Paul Sartre trong Buồn Nôn, muốn đập đổ tất cả... Đặc biệt nhất, những khi “phải” giảng những điều “không thật”, Thầy không bao giờ nhìn tội tôi, nhưng quay lên bảng, giả vờ viết một vài chữ gì đó. Tội tôi thấy hết. Và tội tôi nói với nhau về những cái quay lưng đặc biệt của Thầy. Cứ thế... Cuối cùng Thầy lấy được niềm tin của chúng tôi, đặc biệt đám con trai.

Tuổi 16, 17, con trai chúng tôi cần những thần tượng để nhìn lên, để bám lấy và để tin tưởng. Nhưng sau một cuộc bể dâu, chúng tôi mất Sài Gòn và thần tượng. Và riêng niềm tin, chúng tôi ngỡ ngàng nhìn thấy cha anh bị dối lừa dẫn vào trại tập trung cải tạo. Thời năm 79 phía Bắc mặt trận biên giới nổ ra; phía Tây Nam lính Khờ Me đồ với mã tấu, súng AK Trung Cộng lăm le đợi chờ chúng tôi, tuổi thanh niên 18. Nhiều người bạn cùng thời đã bỏ xác tại chiến trường Cam Bốt, di ảnh để lại trên bàn thờ hương khói. Thời năm 79 còn là thời bạn bè thân thiết âm thầm lên thuyền vượt biên, tối qua còn uống cà phê với nhau, mấy ngày sau, biệt tăm. Có tên tới đảo, có tên bỏ xác đáy biển. Sống trong hoàn cảnh đặc biệt của một giai đoạn bể dâu, Thầy Viễn hiện ra như một luồng gió thổi hây hây nhẹ vào đêm hè lửa đỏ! Thầy trở thành một hình ảnh, một niềm tin để chúng tôi trông lên, bám vào. Sau giờ học, đám con trai bên tách ly cà phê hút thuốc lá Ara Con Két và Hoa Mai nói rất nhiều về Thầy, đặc biệt lòng tự trọng của một kẻ sỹ!...

Tuổi 17, 18 cũng là tuổi nổi loạn. Sáng hôm đó chúng tôi đứng bên hành lang cửa lớp giờ ra chơi, một tên bật miệng đề nghị 12C3 bỏ lớp dẫn nhau đi chơi. Không ngờ, cả bọn gật đầu đồng ý. Sau những âm thầm bàn luận, sáng hôm đó, chúng tôi cũng vẫn mang sách cặp tới trường, nhưng cả lớp, gái cũng như trai, đứng tụ tập ngay trước cửa trường. Chúng tôi ồn ào nói với nhau và “thông báo” với các bạn học của trường bản tin 12C3 Nguyễn Thượng Hiền hôm nay bỏ học! Tiếng chuông giờ học buổi sáng reo vang sân trường cũng là giây phút

chúng tôi lái xe đạp dẫn nhau bỏ đi. Cả lớp đạp xe tới Vườn Lái Thiêu.

Sáng hôm sau, chúng tôi xách cặp vô lớp để gặp Thầy Viễn đứng đó, yên lặng chờ đợi. Cuối cùng Thầy nói, trầm tĩnh trong từng câu. Tôi cảm nhận trong từng chữ từng lời, Thầy rất thận trọng đắn đo để không thương tổn chúng tôi, tuổi trẻ mới lớn lạc loài ngay trên quê hương. Sáng hôm đó chúng tôi không phải học nữa, nhưng Thầy thông báo, theo lệnh thầy Hiệu Trưởng, chúng tôi phải mang phụ huynh lên gặp Thầy, khi đó mới được tới lớp. Tụi tôi đứng dậy xách cặp đi về. Và đương nhiên, tụi tôi, có tên tới nhà người quen, năn nỉ họ giả làm phụ huynh; có tên tung kể, quay ra lè đường nhờ tài xế xe xích lô đóng vai anh lớn tới trường gặp Thầy.

Kết quả cho một lần nổi loạn là 12C3 bị giải thể. Chúng tôi bị chia thành từng nhóm nhỏ “di cư” sang những lớp hàng xóm, 12C1, C2, C4... Giải thể, nhưng tụi tôi vẫn gặp lại Thầy trong giờ Văn của những lớp 12C hàng xóm. Thầy vẫn thế, lãng mạn, triết gia, điều thuốc kẹp tay, và có một chút gì đó bất cần, một nét rất nhà thơ...

Mặc dù 12C3 đã bị giải thể, giờ ra chơi, chúng tôi vẫn đứng với nhau. Mỗi lần Thầy Viễn đi ngang qua, chúng tôi vẫn nghiêm trang mở miệng chào Thầy. Thầy nhìn chúng tôi, một thoáng nụ cười. Tôi không hiểu Thầy nghĩ gì khi thấy 12C3, lớp Thầy Chủ Nhiệm, bị giải thể, nhưng riêng tôi, tôi biết Thầy vẫn là Thầy Chủ Nhiệm, Thầy vẫn dạy Văn lớp 12C3.

Cuối năm 79, chúng tôi thi Tú Tài, ra trường. Tiệc cuối năm không tổ chức bởi lớp đã bị giải thể. Cánh cửa Nguyễn Thượng Hiền đóng lại sau lưng. 12C3 chúng tôi có tên Thanh Niên Xung Phong; có tên bị lệnh Tổng Động Viên năm 79 cuốn trôi sang chiến trường Tây Nam; có tên vượt biên; có tên thi đậu vô đại học, Bách Khoa, Kinh Tế, Nông Nghiệp. Nhưng khi có dịp, tụi tôi vẫn gặp nhau như ngày nào, vẫn xưng danh 12C3; con trai vẫn nhậu, vẫn uống cà phê, hút thuốc Ara Con Két và Hoa Mai cháy khét; 12C3, một tên bị bắt nạt, cả nhóm con trai vẫn xúm vào bênh vực bạn (bất kể bạn đúng hay sai!); 12C3 con gái vẫn áo dài trắng ngồi ăn chè. Tụi tôi vẫn gặp nhau, bắn khoăn chuyện tương lai, thì thảo chuyện vượt biên... Và Thầy dạy Văn, như một ước lệ, vẫn được

nhắc nhở tới. Đám con trai có tên vẫn ghé nhà thăm Thầy. Bởi thế năm 1981, lớp 12C3 nhận được tin thuyền gỗ có Thầy được tàu Na Uy vớt. Tự nhiên tôi trầm ngâm mấy phút, tôi mơ bước chân xuống thuyền gỗ như Thầy, lênh đênh trên sóng biển như Thầy, và được tàu Na Uy vớt như Thầy.

Dòng thời gian đầy tới, năm 82 tôi xuống thuyền gỗ tại Rạch Giá. Chuyến tàu định mệnh mang nhiều bất hạnh khi vượt qua vịnh Thái Lan... Nhưng cuối cùng thuyền cũng cập bến Marang của Mã Lai. Và thuyền gỗ (không số) Rạch Giá khoác vào mã số PB 706 trên đảo Bidong. Tôi, Sài Gòn, Việt Nam khoác lên người áo tỵ nạn! Cao Ủy Tỵ Nạn cấp thẻ Căn Cưóc Người Vô Tổ Quốc (Displaced Person). Năm 84 tôi tái định cư tại Thung Lũng Hoa Vàng, San Jose, California.

Và thật là mâu nhiệm, chúng tôi, 12C3 gặp lại nhau trên vùng đất mới. Trên đảo tỵ nạn Pulau Bidong, tôi gặp Ngô thị Mai Phương. Tại Thung Lũng Hoa Vàng San Jose, tôi gặp Đỗ Thụy Tú và Nguyễn Đình Thuận. Tại Brisbane, Úc Châu tôi gặp vợ chồng Nguyễn Kế Khôi và Nguyễn Kim Yén, Lê Đức Thảo. Tại Mỹ nhận được email và tin tức của Trần Quốc Bảo, Hoàng Đình An, Nguyễn Hồng Kha, Nguyễn thị Thanh Vân, Ngô thị Giáng Tiên, Trần thị Mộng Thúy, Vương Thành Vinh, Hoàng “Ngựa”. Hội ngộ 12C3 chưa dừng lại ở đó, năm 2005, tôi bay về Việt Nam 20 năm ngày giỗ Bố, tôi gặp lại gần như đủ mặt lớp 12C3, Hồ thị Ngọc Truyền, Nguyễn Ý Nhi, Trương thị Trâm Anh, Hoàng Quốc Thái, Thiệu Văn Thành, Trần Văn Tráng, Trần Kính Lữ, Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Đình Tuyền và nhiều bạn học khác. Chúng tôi, 12C3, vẫn đủ mặt, vẫn 12C3 của năm 1979, vẫn là bạn thân của mây và tao, vẫn chửi tục ồn ào như ngày nào, vẫn cà phê đen đắng nghét, vẫn là học sinh áo trắng lớp 12C3 Nguyễn Thượng Hiền. Và Thầy Cô của ba năm, 10C3, 11C3, 12C3 vẫn được chúng tôi nhắc tới. Thầy Cung Vĩnh Viễn vẫn là một cái tên, lớp 12C3 không quên.

Cứ thế, hằng năm 12C3 gặp nhau, hoặc ở Úc Châu, hoặc ở Mỹ, hoặc ở Việt Nam.

Tháng 9 năm 2014, tôi có dịp công tác tại Hòa Lan. Sau đó tôi bay vào thủ đô Oslo của Na Uy ghé thăm người bạn thời chung trường tại Chicago, Phố Gió. Thật bất ngờ, vợ bạn tôi mang

về nhà thờ đặc san Cộng đồng Việt Nam tại Oslo. Tôi mở ra, đọc thấy mấy bài thơ ký tên Cung Vĩnh Viễn. Tôi không tin vào cặp mắt mình! Hóa ra Thầy Cung Vĩnh Viễn đang sống ở Oslo. Sáng hôm đó, tôi nhờ vợ bạn tôi liên lạc. Tối hôm đó, tôi được nói chuyện với Thầy. Sáng hôm sau, bạn tôi lái xe mang tôi tới nhà của Thầy. Trời mùa đông Na Uy giá rét, mưa đông phủ mờ kính xe hơi che cản đường. Nhưng rồi cũng tới. Cánh cửa gỗ mở lớn, Thầy Cung Vĩnh Viễn hiện ra, bằng xương bằng thịt. Thầy vẫn nét phong trần lẫm lẫm từ, vẫn hàng râu mép, vẫn ánh mắt tinh anh. Tôi cúi đầu chào Thầy. Thầy ôm vai tôi. Giây phút linh thiêng của Thầy và trò. Cuối cùng, sau hơn 30 năm (1979-2014), tôi gặp lại Thầy.

Quà tôi biếu Thầy là một chai rượu đỏ Tây Ban Nha. Thầy mở ra ngay mừng ngày hội ngộ. Thầy và Cô nấu cơm. Tôi hân hạnh ngồi ăn trưa với Thầy. Chuyện xưa của 12C3, chuyện lớp xảy đàn tan ghé, chuyện thuyền gỗ lênh đênh trên biển, chuyện ty nạn, chuyện đời Na Uy và Hoa Kỳ. Chuyện miên man! Chuyện bất tận!

Hồi xưa Thầy dạy tôi văn chương Việt Nam. Thầy nuôi tôi thức ăn tinh thần nguyên một năm dài. Ngày gặp lại Thầy, Thầy nấu cơm, đích thân đứng dọn mâm cơm Việt Nam nhiệt đới trên đất Na Uy, Bắc Âu.

Tôi biết tôi là người học sinh duy nhất của 12C3 gặp lại Thầy sau khi thuyền gỗ của Thầy cặp bến. Thầy nói với tôi, “Đó là một cái duyên!” Thầy tiếp, có những người sống với họ, ở với họ cả một khoảng thời gian, nhưng nếu không duyên, cả hai vẫn không gặp nhau. Có đó, nhưng cũng vẫn là không!

Tôi ngồi đó, chăm chú lắng nghe. Tôi thấy

mình vẫn chỉ là một tên học sinh 12C3 ngày nào. Vẫn là Thầy đang đứng lớp. Vẫn là tôi đang ngồi đó nghe Thầy giảng bài. Bài giảng chữ Duyên ngày hôm đó đi thẳng vào hồn tôi. Chữ Duyên Thầy dạy cũng đã trả lời cho tôi biết tại sao có những người tôi mù mờ về hình dáng, giọng nói, tên tuổi dù đã từng đi với nhau cả một khoảng đường dài. Hệ quả của một chữ Duyên.

*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,
Vô duyên đối diện bất tương phùng.*

Tạm dịch:

*Có duyên nghìn dặm xa còn gặp.
Không duyên trước mặt vẫn cách lòng.*

Lớp 12C3, tôi nhớ tên các bạn, nhớ không quên, nhớ khuôn mặt, nhớ tiếng nói dù đã là một con số dài tính từ năm 79. Lớp 12C3 hồi đó dù bị giải thể, nhưng bởi chữ Duyên, chúng tôi vẫn thế, nguyên vẹn hình hài, bạn vẫn là bạn, 12C3 vẫn là 12C3. Có dịp, chúng tôi bỏ qua mọi thứ, cương quyết gặp nhau mặc dù đời cơm áo nhiều khi quay nhanh nhanh, quay xoay xoay, quay chóng mặt!...

Thầy Cung Vĩnh Viễn, từ những ngày năm 1979 cho tới ngày hôm nay 2014, vẫn là Thầy. Gặp lại Thầy, tôi lại mặc áo trắng, tay ôm sách vở, hạnh phúc bước qua khung cửa, ngồi xuống bàn gỗ lớp học tường vôi 12C3 ngày nào. Vẫn là tàng lá me xanh xanh đông đưa bên khung cửa lớp. Thầy đứng đó trước bảng đen, tay cầm phấn trắng, giọng trầm hùng dạy tôi về ý nghĩa chữ Duyên.

Cám ơn Thầy cho những dạy dỗ một thời tiếng Việt mến yêu. Cám ơn Thầy đã xuất hiện vào một thời mất thần tượng và mất niềm tin. Cám ơn Thầy đã rót rượu đỏ tràn đầy ly của em. Cám ơn Thầy và Cô cho một bữa ăn trưa quê hương trên vùng trời Bắc Âu mùa đông. Và cám ơn Thầy cho bài giảng chủ đề chữ Duyên của ngày hôm đó.

Vâng! Vẫn là câu chuyện của Không Mờ Nhặt bởi chữ Duyên.

Nguyễn Trung Tây
Sydney, 2014



Nguyễn Trung Tây và thầy Cung Vĩnh Viễn(bên trái)

Thơ Uyên Giang

Sang mùa

Bỗng dung trở rét...ngọt ngào,
Hôm qua mây trắng. Trời cao... Nắng vàng.
Mặt hồ, cây đứng soi gương,
Sáng ra, tuyết phủ ngập vườn... Trắng phau...
Ngàn bông tuyết quấn theo nhau,
Đẹp như những cánh hoa cau trước nhà.
Trà thơm, khói tỏa xanh mờ,
Miên man Bảo Lộc...lượn lờ... trắng soi...
Ngoài hiên..."hoa bưởi" vẫn rơi,
Mới sang mùa đã chơi vui...Lạ lòng !

Tết

Lên bảy đèn Tết thì vui,
Bảy mươi Tết đến ngậm ngùi tiếc Xuân.
Soi gương lòng những phân vân,
Bóng câu qua cửa, bao lần nổi trôi?
Xứ người Tết ngắm tuyết rơi,
Tưởng đâu hoa bưởi đầy trời tung bay.
Chúc nhau ly rượu run tay,
Thôi thì, mong được như ngày đã qua.



Tết đến, thích chi?

Con thích Tết này được về nhà
Nhìn mẹ xếp hoa lên trang Phật
Hít sâu vào ngực mùi hương tỏa
Từ khói nhang lòng mẹ nhớ cha

Con thích nhìn mẹ chấp bàn tay
Năm tháng khô trên ngón sen gầy
Mà đây trong búp tình tha thiết
Vội tỏ tiên vội vội thiêng liêng

Con thích cùng với mẹ, sân mây
Một bữa cơm chay dưới tàng cây
Gắp vào trong bát mẹ và nhận
Từ mẹ cho con một bát đầy

Con thích ngủ với mẹ một đêm
Để nghe mẹ hát. Khe khẽ... êm...
Làm con mèo nhỏ năm xưa đó
Ngày nào con còn bé tí teo

Con thích nghe mẹ kể, mẹ cười
Những tình trước bố, lẫn tình sau
Không thích nghe kể tình với bố
Mỗi lần nhớ mỗi lần lệ đau

Con thích ngồi im lặng nhìn nhau
Bởi vì ngôn ngữ không đủ mau
Bởi vì nói, lời đâu cho đủ
Nói lời nào cũng chẳng đủ sâu

Con thích Tết này chẳng ở xa
Ở nơi mưa chích thịt đậm da
Nơi gió nuốt chùng con vào bụng
Rồi nhô ra con nổi nhớ nhà

Mạch Nha

Tiếc



Cổ Ngu

Sau thời trung học, có nhiều lần, tôi tiếc. Tiếc con dốc đỏ, màu ngói nâu, hành lang hút gió, khung cửa lớp mở ra khoảng xanh, tiếng giảng bài, nụ cười, ánh mắt. Tiếc những buổi đến trường, tan học, rong ruổi đạp xe cùng hai thằng bạn thân, tào lao tán dóc, mắt dõi theo bóng dáng các nữ sinh cùng trường, khác lớp, tóc ngắn, tóc dài, nón rộng vành, ríu rít đôi ba đôi bảy bên nhau. Những vòng quay theo chân đạp rồi được cơ động hoá. Những ước mơ thời niên thiếu rồi ít nhiều trở thành hiện thực. Và mỗi đứa bạn thân rẽ theo một nhánh đời tách biệt, xa dần nhau.

Sau ngày rời Sài Gòn đi xa, có nhiều lần, tôi tiếc, Tiếc những buổi sáng tinh mơ, chạy bộ ngang ngôi nhà có dàn ti gôn nở hồng từng trái tim ngô, thấp thoáng một bóng thon gầy trên lối sỏi lao xao. Tiếc những buổi trưa mồ hôi đổ hột, ngồi vào quán quen bên ly chè lạnh hay nhấp một ngụm nước mía thơm lát dâu, mùi quýt ép cùng. Tiếc những buổi tối giảng đường tấp nập, nập cùng lúc vào người này kiến thức, này cà phê, này chuyện phiếm, này tình tự lãng nhãng. Tiếc những đêm lặng, một mình, một *guitare*, một nguyện ước thả vào trời rộng, nhấp nhóa triệu ánh sao.

Sau lần chuyển hăng vào nội thành, có nhiều khi, tôi tiếc. Tiếc những chuyến xe lửa vượt qua đoạn rừng thưa mỗi ngày. Mùa nôi mùa, rừng đổi dáng. Có lá chóm xanh, có nhánh ủa vàng. Có hoa đồng nội tung bùng khoe cánh bên vệ cỏ. Có bướm cam bướm trắng nhòn nhơ. Có quả đại lúc liu đầu cành. Có từng vạt rừng đổ ụp theo vệt gió quét mùa bão, cháy nám vì lưỡi lửa vô tình hay trắng lạnh ngày tuyết đỏ. Và cả vài đóm thỏ nâu quen thuộc

với độ phóng của mỗi đoàn tàu, diêm nhiên gặm cỏ sát cạnh đường ray. Buổi sáng, buổi chiều, thiên nhiên đôi lúc vẫn ưu ái dành tặng những bất ngờ, khi thả vội một dáng chim lạ vút vào khoảng rừng rậm bóng, khi thổi bùng lên một đám vàng lóc lá, hoảng loạn xoáy tròn trong hoàng hôn phút màu nắng ủa.

Sau mùa son rồi, có nhiều khi, tôi tiếc. Tiếc không còn mỗi ngày, tay trong tay, cùng em nhịp bước một quãng đường, qua sông, vào ga, chia nhau mỗi đứa một bên. Em ngược ngoại ô xa, tôi xuôi phố lớn. Người đi sau vẫn chào người đón được tàu trước. Tạm biệt đầu ngày để lại quán quýt cuối ngày, lại tay trong tay, môi liền môi, ủ tình, nhen yêu, nồng nàn đôi lứa.

Sau chuyển dời nhà, có nhiều khi, tôi tiếc. Tiếc con đường mỗi sáng dẫn con đến trường mẫu giáo. Hết lượt thằng anh lớn đến dạo con em bé. Con đường vài trăm thước năm này qua năm khác, xuân-hạ-thu-đông, mưa-nắng-gió-tuyết, cứ vang vang tiếng bi bô liu tiu bao chuyện nhỏ chuyện to theo từng bước chân loảng quảng của con. Con lớn dần lên, thời gian mỗi sáng dành cho đoạn đường ít dần đi, nhưng những chiếc lá hình tim che rợp hai bên lối vẫn mãi tiếp tục trình tự thường niên của chúng : mầm-chồi-lá-bay. Tôi cũng tiếc chiều cao tầng thứ bảy, từ *balcon* nhìn ra một khoảng trời rộng, thỉnh thoảng diêm một bóng phi cơ cắt-hạ cánh, gợn lên ước muốn viễn du. Đoạn sông lấp lánh sáng bên dưới, nằm ngoan giữa con đường tản bộ song song với hành trình xuôi-ngược những chuyến xe lửa ra-vào thủ đô. Và đêm quốc khánh xứ người, pháo bông nở rộ hết vòm

trời này đến khoảng tối nọ, hàng chục thành phố lân cận bắt vào trời niềm vui, khoe giàu, kẻ mạnh. Nhưng tiếc nhất, có lẽ chính là khoảng không gian nhỉnh hơn sáu mươi thước vuông, với *balcon* dài lúc nào cũng xanh lá, đỏ hoa, nơi giữ lại những khóc-cười-vui-giận của con trẻ, những bước chân lẫm chẫm đầu tiên trên sàn gỗ của thằng anh, những điệu đàn duyên dáng trước tường gương soi của con em. Và hình như mỗi bức tường, từng vật dụng trong không gian ấy phập phồng hơi hướm của hạnh phúc chung gia đình, hoan lạc riêng chồng vợ.

Năm nay, thay trường, đổi lớp, giờ giấc đi làm của bố, đi học của con không còn phù hợp, ngồi trên xe *bus* một mình, tôi lại tiếc. Tiếc những buổi sáng của niên học cũ, ba bố con hồi hả kéo nhau chạy, băng qua xóm nhỏ, băng qua bãi cỏ còn ướt sương mai, sợ trễ chuyến *bus* cứ nửa tiếng mới ghé một lần. Yên vị, thằng anh lấy sách vở ra ôn, con em tập chính tả miệt mài, tập đọc, tập làm toán, nhẩm cửu chương, thơ thuộc lòng với bố. Hạnh phúc đấy, bình thường, giản dị như ánh mắt vui của con khi được thưởng một viên kẹo, một nụ hôn lên má, một lời khen lúc thuộc bài, nhận giỏi mặt chữ, làm đúng những phép cộng, trừ. Liều thuốc bổ đầy sinh tố ấy giúp bố trừ năng lượng vượt *stress* trong công việc được suốt một ngày.

Chiếc xe con, gần gũi đã mười lăm năm, cũng đến lúc sắp phải chia tay. *Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình !* Chiếc xe đầu tiên trong đời, lúc ấy, tinh khôi như những cảm xúc của người cầm lái, trong túi lấp ló mảnh băng sắc cạnh, còn thơm mùi giấy mới. Sẽ có ngày tôi tiếc chiếc xe mình đang đi, và, như đang thấu hiểu hơn câu thơ của Thanh Tâm Tuyền *ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới*. Nhớ dáng ngồi của em, ngày bụng mang dạ chửa, xe bon bon mà lòng phập phồng sợ sẽ quá trễ khi đến được cửa bệnh viện. Nhớ nụ cười của ông bà nội cùng ngồi băng sau ngày đón bé sơ sinh về nhà, oe oe ngộ nguẩy giữa tã khăn trắng lớp. Nhớ ánh mắt bà ngoại triu mến nhìn con ngấm cháu khi xe len lách giữa phố phường chật chội. Nhớ anh chị em, bạn bè gần, xa rôm rả chuyện trò, nói cười hí hả trong khuôn xe hẹp. Xe cần mẫn băng xa lộ,

vượt núi đồi, dọc sông biển hay rề rề đường phố. Xe nhỏ, có lần ôm gọn vào lòng một nhạc sĩ cả đời cặm cụi gửi cho đời ngàn lời ca, một thi sĩ có trăm bài thơ được chuyển thành ca khúc từ thời thủ đô Sài Gòn đến thời Little Saigon, một văn sĩ tinh mê theo thời tiết, một văn sĩ khác vừa rời mặt đất để thênh thang về với mây trời, một họa sĩ hiền hậu như ruộng đồng phương nam nhưng nét vẽ lại muốn cào rách vông mạc, một văn-họa-nhạc sĩ được biết tiếng, lại kiếm sống bằng nghề giáo sư anh văn, một ca-kịch sĩ của thập niên 50 thế kỷ trước, một cầm sĩ *guitare* giàu ngang ngửa giám đốc chi nhánh ngân hàng, một ca sĩ vừa hát nhạc bán cổ điển Âu châu vừa giới dân ca Á, mấy bác sĩ, vài nhà sĩ, nhiều tiến sĩ, thạc sĩ, một ầu sĩ tuổi chỉ mới lên hai. Xe chở cả trăm ký chữ nghĩa văn chương suốt từ «Ngõ Ngõ Đồng» về đến «Phố Ái Khanh». Xe tải đất, sỏi, cỏ, cây, bàn, ghế, đồ ăn, thức uống, xoong chảo nồi niêu, linh tinh vật dụng gia đình, học cụ. Xe ngón xăng, gặm đường, đôi khi muốn quên cả lối về chỉ vì một khúc hát đang phát thanh, gọi đầy, dồn ứ bao hồi ức.

Và, có thể chỉ vài năm nữa thôi, khi mẹ cha trăm tuổi, khi các con khôn lớn, tàn mác đó đây, sẽ có lúc, tôi tiếc. Tiếc những trưa, chiều, hai ba thế hệ quây quần quanh bàn ăn, cạnh góc bếp thơm lừng mùi xào nấu, nhắc chuyện đời xưa, kể chuyện đời nay, mơ chuyện mai sau. Tiếc cho đôi chân đã không còn thật vững vàng để có thể thông dong rong ruổi đạp xe cùng bè bạn, chạy bộ một đoạn dài đuổi theo từng đoàn *métro*, nhón ga rô máy trên xa lộ, xuống lên thang gác, hay tàn bộ cùng em trong con ngõ nhỏ, trong khoảnh vườn nhà tưới tưới cỏ lá. Tiếc cho đôi tay đã mỏi, đôi mắt đã mờ, đôi tai đã lảng, đôi môi đã cần. Tiếc cho trí nhớ cùn nhụt, sức khoẻ hư hao, thịt da nhẽo nhột...

Vậy, này tôi ơi, hãy sống cho trọn hôm nay, hãy ôm chặt vào lòng những gì mình đang có, trong hiện tại. Để ngày mai, nếu có lần tiếc, sẽ không tự trách mình đã, đôi lần, quá lơ là với quá khứ, hôm qua.

Thiais-Paris-Châtillon
09-10.2014

Thơ Cung Vĩnh Viễn

Thơ Viết Cuối Năm

Như một thói quen đã cũ mèm
cuối năm ngồi gạn đục khơi trong
nhưng trên mặt nước ao tù ấy
đóng vầng xanh xao những nếp buồn.

Các mối giao tình đậm luộm thuộm
tuổi già như những giọt cường toan
hư hao cơ thể mòn tâm trí
bắt bẻ nhau từ cái còn con.

Ở trong thần thoại ngày xưa thấy
lão trượng râu dài tóc trắng phau
chống cây gậy trúc thông dong bước
chẳng bận tâm gì chuyện trước sau.

Chuyện sau chuyện trước, trò dâu bề
thì cũng bao nhiêu cảnh huống đời
chấp nê thì biết sao mà kể
thà là ngồi dõi bóng mây trôi.

Ở trong trời đất bao la ấy
thấy cái đời ta có đáng chi
áo com một kiếp đời trôi nổi
bụi ngùi thân thể chẳng ra gì.

Cuối năm. Rót một ly tao ngộ
bạn tác nào ai đến cụng ly
bấm vài con số trong điện thoại
mấy tiếng chuông kêu cũng bật đi ...



Buổi Đoàn Viên

Bao năm rồi nhỉ, làm sao nhớ
chỉ biết hôm nay lại đủ đầy
chú bác ông bà hay cụ kị
theo thời gian vai vế đổi thay.

Trưởng lão năm nay quá bát tuần
lược qua gia phả của họ Cung
ân cần nhắc nhở đàn con cháu
giữ gìn truyền thống của cha ông.

Những tấm hình xưa được chiếu lên
khoan thai trưởng lão điểm từng tên
những khuôn mặt cũ đầy thương mến
thức dậy bao nhiêu những nỗi niềm.

Tôi là đứa trẻ ngày xưa đứng
giữa đám anh em ở dãy đầu
mắt sáng môi hồng tươi tắn cả
đã nghĩ gì đâu chuyện trước sau.

Đứa trẻ giờ đây sắp bảy mươi
đời bao hương vị nếm qua rồi
bao nhiêu mất mát theo ngày tháng
những lá thu vàng đã rụng rơi.

Trong buổi đoàn viên hội ngộ này
những người đã khuất cũng về đây
nhìn đàn con cháu tung bừng để
thấy vận hội sau vẫn đẹp ngời.

Những Vì Sao Của Một Thời Tuổi Thơ



Phạm Tín An Ninh

Thời học trung học, tôi có người bạn thân, không những tướng tá mà cả cái tên cũng đẹp: **Phan Ái Minh**. Hai đứa học chung trường. Minh học Ban B và trước tôi một lớp, còn tôi dốt toán nên học Ban C. Vì vậy mà bạn còn là “ông thầy” kèm toán cho tôi. Nhà Minh ở trên Thành (Diên Khánh), cách thành phố Nha Trang, nơi có ngôi trường Võ Tánh của bọn tôi hơn mười cây số. Minh cùng người anh thuê căn nhà nhỏ trong một con hẻm ở gần đình Phương Sài để trọ học. Mỗi chiều Thứ Sáu, sau khi tan trường, hai anh em đạp xe về thăm nhà đến chiều Chủ Nhật lại ca bài đường trường xa trở lại Nha Trang, mang theo thức ăn cho một tuần sau đó. Tôi cũng từ một vùng quê khác vào Nha Trang học, ở nhà ông chú, một tiệm buôn giữa trung tâm thành phố. Để tránh ồn ào và khỏi bị sai vặt, tôi thường đạp xe lên nhà Minh vừa chơi vừa học. Có khi tôi ngủ lại hoặc cuối tuần theo anh em Minh về thăm quê bên kia Cỏ Thành Diên Khánh.

Minh luôn hãnh diện khoe với bọn tôi về quê hương “Cỏ Thành”. Anh thường gọi đó là “la Citadelle” và gần như thuộc lòng sử tích: “*được chúa Nguyễn Phúc Ánh xây từ thế kỷ 17 và lần lượt do các ông Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh trấn thủ. Võ Tánh là một dũng tướng bất khuất, sau này đã tự thiêu tuân tiết trước khi thành Bình Định lọt vào tay tướng Trần Quang Diệu của Tây Sơn. Có lẽ vì vậy mà ngôi trường trung học lớn nhất miền duyên hải của chúng ta mang tên Võ Tánh, để nêu gương sĩ khí cho đám học trò.*” Minh còn đọc đi đọc lại bài thơ của công chúa Ngọc Du khóc phu quân tướng công Võ Tánh, làm bọn tôi thuộc nằm lòng cho đến mãi bây giờ:

*Những tường ra tay giúp nước nhà
Ai dè binh địa nổi phong ba.
Xót người vì quốc liều thân ngọc,
Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.
Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,
Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.
Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,
Nóng ruột thuyền duyên giọt lệ sa!*

Có lẽ chính quê hương Cỏ Thành và hình ảnh dũng tướng Võ Tánh in rất đậm trong trí óc và tâm hồn Minh từ thuở ấu thơ, đã hun đúc trong Minh một mẫu người lý tưởng sau này.

Vào những mùa thi, căn nhà trọ khá ọp bức và đèn điện không đủ sáng, bọn tôi thường rủ nhau đạp xe xuống bờ biển, nơi có các trụ đèn tỏa sáng, vừa học bài vừa nhìn biển trời mênh mông mà xây mộng tương lai. Có lần Minh bảo “*sau này nhất định tao sẽ chọn binh nghiệp để độ sức cùng năng mừa và tha hồ xông pha trận mạc*”. Tôi cười đùa: “*Mày nói hay như đang hát tuồng Thuyền Ra Cửa Biển!*” (lúc ấy gánh hát Thanh Minh Thanh Nga đang diễn vở tuồng này tại rạp Minh Châu - Nha Trang).

Là bạn, nhưng dường như tất cả mọi thứ trên đời ông trời đã dành cho Minh nhiều hơn tôi: đẹp trai hơn, to con hơn, võ nghệ, đàn hát và nhất là học hành cũng giỏi hơn. Chơi đàn và đọc sách là hai món tiêu khiển của Minh. Anh đọc rất nhiều sách, từ truyện Tam Quốc Chí đến Đệ Nhị Thế Chiến, từ các sách nghiên cứu Khoa Học đến Thiên Văn Học. Trí nhớ của Minh rất tốt, anh nhớ từng chi tiết và làm bọn tôi mê mẩn mỗi lần ngồi nghe anh kể lại. Ngoài ra Minh rất tự cách, tính tình bộc trực, thẳng thắn. Một lần có tay “anh chị” ở đầu hẻm hiều lăm, tưởng tôi làm

ngã cái xe gắn máy của y, lớn tiếng ăn hiếp, Minh bênh vực tôi, ôn tồn nói điều phải trái, nhưng gã kia hung hãn ra tay trước, Minh không đánh lại, chỉ đỡ vài đòn mà hấn đã té nhào không đứng lên được. Minh đưa tay kéo hấn lên và phúi bụi đất bám trên mặt hấn. Thấy Minh võ nghệ cao cường, có khí phách và lòng hào hiệp, hấn ta phục, bắt tay xin làm bạn, đãi bọn tôi một châu phở Hợp Lợi. Sau lần ấy, tôi mới biết bạn tôi “văn võ song toàn”.

Cứ đến mùa Hè, tôi đạp xe lên quê Minh ở chơi một vài tuần. Nhà Minh ở gần con sông chảy uốn khúc qua một vài khu xóm làng và ruộng đồng tĩnh mịch. Ban đêm, tôi theo Minh và đám bạn bè, ra cắm lều, đàn hát, câu cá và ngủ lại bên bờ sông. Khung cảnh êm đềm thơ mộng. Đêm mùa Hè, trời trong vắt, bọn tôi thường đưa nhau đếm thử có bao nhiêu vì sao, tìm trong các dải ngân hà, xem nơi nào có cái cầu Ô Thước của Ngưu Lang Chức Nữ. Minh biết tên khá nhiều các ngôi sao, và lúc ấy Minh đã dạy bọn tôi biết cách nhìn sao trời để định hướng và dự đoán cả thời tiết nữa. Minh còn giải thích về các thiên hà, tinh tú trong vũ trụ mênh mông, có những vì sao mang cái tên kèm theo một huyền thoại, rồi kể cho bọn tôi nghe truyện Les Étoiles của nhà văn Alphonse Daudet mà thầy Cung Giũ Nguyên có nói qua trong giờ Văn Học Sử Pháp. Có những vì sao sáng lấp lánh, bọn tôi đưa nhau giành lấy. Ai “xí” được ngôi sao nào lóe lên trước nhất sẽ được đặt tên mình và tên một cô bạn học trò đã từng khuấy động trái tim. Trong bọn, Minh là người tìm được cho mình nhiều ngôi sao nhất. Nhưng có một điều lạ, là ngôi sao nào anh giành được và đặt tên mình, đều lóe sáng lên, nhấp nháy vài lần rồi bỗng dưng vụt tắt, biến mất trên bầu trời, giữa hằng hà tinh tú khác. Năm chờ mãi không thấy hiện lên, Minh bèn phân thích hiện tượng này, nhưng rồi cả anh và bọn tôi đều xuýt xoa nuối tiếc.

Ngày ấy, chúng tôi đều con nhà nghèo lo đi học, chưa có người yêu và cũng không dám mơ tưởng tới chuyện yêu đương, nhưng dường như trong trái tim khờ khạo của đứa nào cũng phảng phất bóng hình một cô bạn học trò cùng lớp hoặc chung trường. Trong những lần tâm tình, hay lúc đặt tên cho những

vì sao, Minh cũng thường nhắc tên một cô học trò cùng quê, học sau Minh hai lớp. Cô bé có làn da trắng, đôi môi mọng đỏ, hiền hậu dễ thương, mà bọn tôi đã gặp một đôi lần.

Xong tú tài, đang học ở Đại Học Khoa Học Sài Gòn thì Minh tình nguyện vào Khóa 20 Võ Bị. Con đường võ nghiệp mà Minh đã từng nhiều lần tâm tình với đám bạn bè là anh sẽ chọn, mặc dù với khả năng, anh còn có thể tiến xa trên đường học vấn. Bạn bè có người khuyên Minh vào Trường Hải Quân ở ngay Nha Trang để được gần nhà và sau này trong các chuyến hải hành tha hồ ngắm sao trời mà đặt tên cho người tình trong mộng. Nhưng Minh nhất quyết chọn Trường Võ Bị. Lúc ấy tôi thầm nghĩ, một người có khả năng, phong độ và tư cách như Minh, lại được đào tạo bởi một quân trường danh tiếng, chắc chắn sẽ trở thành một sĩ quan, một cấp chỉ huy đảm lược và mẫu mực sau này.

Cuối tháng 12/1963 đám bạn bè chúng tôi tiễn Minh lên Đà Lạt. Cùng nhập học Khóa 20VB với Minh còn có một số các anh cựu học sinh xuất sắc khác của trường Võ Tánh: Phạm Cang, Hoàng Văn An, Hồ Đắc Tùng, Cao Đình Phú, Quách Giám, Võ Anh Tuấn, Nguyễn Công Lắm vv. Chia tay Minh, bọn tôi cũng mỗi thằng mỗi ngã. Sau đó hơn sáu tháng, tôi và hai thằng bạn khác vào quân trường Thủ Đức.

Những ngày đầu năm 1965, khi chúng tôi đang thực tập hành quân cấp đại đội tại bãi tập bên bờ sông Đồng Nai, thì nghe các sĩ quan cán bộ và anh em SVSQ bàn tán về trận chiến Bình Giã rất khốc liệt. Tiểu Đoàn 30, 33 BĐQ và nhất là Tiểu Đoàn 4 TQLC bị tổn thất rất nặng nề. Cả tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó, y sĩ trưởng và gần 20 sĩ quan khác đã hy sinh. Chúng tôi bàng hoàng khi biết được trong số các sĩ quan tử trận có ba thiếu úy tân khoa vừa mới tốt nghiệp Khóa 19VB Đà Lạt, 1 BĐQ (Nguyễn Thái Quan) và 2 TQLC (Võ Thành Kháng, Nguyễn Văn Hùng). Họ đã hy sinh ngay trong trận đánh đầu đời, chỉ sau hơn hai tuần trình diện đơn vị. Đặc biệt trong số này có vị thủ khoa Võ Thành Kháng. Người sĩ quan tân khoa ưu tú đã bắn bốn mũi tên đi bốn phương trời trong ngày lễ ra trường, và mang theo rất nhiều hào quang cho con đường binh nghiệp. Bọn tôi không ai quen biết anh Võ Thành Kháng

cũng như các anh cùng khóa 19 VB vừa từ trận, nhưng tất cả đều ngậm ngùi tiếc thương những sĩ quan rất trẻ, chọn binh nghiệp bảo vệ giang sơn, nhưng vừa được đào tạo văn võ song toàn mà đã hy sinh khi chưa kịp thi thố tài năng, chưa có cơ hội để “đem hết sở tồn làm sở dụng”, mà nếu còn sống chắc chắn sẽ trở thành những cấp chỉ huy tài ba đảm lược. Khi ấy, bỗng dưng tôi nhớ tới Phan Ái Minh, người bạn thân tài hoa của tôi đang theo học Khóa 20 Đà Lạt, và tất nhiên cũng thoáng một chút âu lo cho số phận của chính mình. Cuộc chiến đang có dấu hiệu bắt đầu khốc liệt.

Một sự kiện trùng hợp đặc biệt khác làm tôi không thể nào quên. Người kể cho chúng tôi nghe chi tiết trận Bình Giã và danh tánh các sĩ quan hy sinh trong trận chiến khốc liệt này là anh Dương Văn Chánh, người bạn cùng trung đội SVSQ Thủ Đức với tôi. Nhờ có người thân quen ở TQLC nên anh biết rõ từng chi tiết một. Chánh đang học ở đại học luật khoa thì nhận lệnh động viên. Tướng tá phong trần, nước da sạm đen, giọng nói khàn khàn, đôi mắt sáng, tính tình hiền lành và trầm ngâm, ít nói. Ra trường, anh là một trong số rất ít (hình như chỉ có bốn người) được chọn về binh chủng Nhảy Dù. Sau ngày mãn khóa (18/3/1965), khi chúng tôi đã ra đơn vị và tham dự nhiều cuộc hành quân, thì Dương Văn Chánh vẫn còn đang học nhảy dù. Vậy mà đến giữa tháng 6/65, tôi bất ngờ được tin Chánh vừa hy sinh trong trận Đồng Xoài. Có lẽ đó cũng là trận đánh đầu đời của Chánh. Và cũng khi ấy, chúng tôi mới biết Chánh được bổ sung về Tiểu Đoàn 7 thuộc Chiến Đoàn 2 ND mà vị Chiến Đoàn Trưởng, Trung Tá Trương Quang Ân, là anh rể của Chánh. (Ba năm sau ông là Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn của tôi).

Là một sĩ quan trừ bị, khi bước chân vào quân trường, Chánh không phải là người chọn binh nghiệp, nhưng với một người có nhiều khả năng và cá tính như Chánh, nhất định phải là một người lính can trường, được hầu hết bạn bè kỳ vọng trở thành một cấp chỉ huy tài giỏi sau này, nhưng anh đã hy sinh quá sớm. Cái chết của Chánh làm tôi lại nhớ đến bầu trời tuổi thơ ngày xưa của bọn tôi ở quê Minh, bên kia Cỏ Thành Diên Khánh và mơ hồ như nhìn thấy một vì sao nữa vừa mới lóe lên rồi vụt tắt!

Tháng 11/65 khi đang hành quân ở Phú Yên, tôi nhận được thư Minh báo tin anh chuẩn bị làm lễ ra trường. Minh bảo sẽ cố gắng để được đi Nhảy Dù hay TQLC, còn nếu ra Bộ Binh thì sẽ chọn về Sư Đoàn 23 để được gần tôi cùng một số bạn bè khác cho vui.

Tôi vào quân trường Thủ Đức sau nửa năm nhưng lại ra đơn vị trước Minh 11 tháng. Vì thời gian học ở Võ Bị lúc ấy gấp ba lần ở Thủ Đức. Hơn nữa, đặc biệt so với các khóa trước, Khóa 20 VB, sau khi tốt nghiệp (20.11.65) còn phải theo học khóa Rừng Núi Sinh Lây tại TTHL/ BĐQ Dục Mỹ thêm 42 ngày.

Khoảng đầu tháng 2 năm 1966, hình như ngay sau Tết nguyên đán, tôi rất vui mừng được tin Minh bổ sung về cùng Trung Đoàn với tôi. Minh về Tiểu Đoàn 4, còn tôi đang ở Tiểu Đoàn 3. Lúc ấy, đơn vị tôi đang hành quân ở Di Linh (Lâm Đồng) còn tiểu đoàn của Minh thì hành quân ở Lạc An (Khánh Hòa). Hai đứa hẹn gặp nhau sau cuộc hành quân, uống một chén mừng cho cuộc trùng phùng. Nhưng rồi cuộc hẹn đã không thành và tôi không bao giờ có cơ hội để được gặp lại Minh, người bạn đa tài mà tôi hằng mến mộ cả một thời đi học.

Cuộc hành quân dài hạn ở Di Linh vừa kết thúc, tiểu đoàn tôi không trở lại Nha Trang như dự trù mà lại nhận lệnh di chuyển đến Phan Thiết, tăng phái cho TK Bình Thuận, phối hợp với một đơn vị Thiết Kỳ của Hoa Kỳ, hành quân giải tỏa mật khu Lê Hồng Phong. Một mật khu rộng lớn và địa thế hiểm trở bị Cộng quân chiếm cứ khá lâu. Tại tuyến xuất phát, tôi được anh sĩ quan truyền tin Tiểu Đoàn, cùng quê với Minh, cho biết Phan Ái Minh đã hy sinh tại Lạc An trước đó hai ngày, khi đang điều động trung đội tiến chiếm mục tiêu. Tôi bàng hoàng, xót xa khi vừa mất một người bạn mà mình hằng mến phục, quân đội cũng vừa mất đi một sĩ quan ưu tú, mà nếu còn sống chắc chắn sẽ trở thành một cấp chỉ huy tài giỏi sau này. Tôi mang hình ảnh của Minh theo suốt cuộc hành quân cam go hôm ấy. Cuộc hành quân kết thúc toàn thắng. Tôi nghĩ có thể hình ảnh của Minh đã tạo thêm sức mạnh cho tôi để đơn vị tôi có được chiến thắng vẻ vang này.

Mấy đêm liền sau đó, tôi nằm trằn trọc nghĩ tới Minh, nhớ lại bao nhiêu kỷ niệm vui

buồn. Nhớ những đêm cùng Minh và đám bạn bè nằm bên bờ con sông quê dưới bầu trời lung linh những vì sao, màu nhiệm. Bỗng tôi giật mình khi nghĩ tới một điều kỳ lạ: các vì sao mà Minh đã chọn để đặt tên mình, tất cả chỉ vừa lóe sáng lên rồi vụt tắt. Và nhớ tới người con gái nào đó, được Minh trầm trồ tha thiết đặt tên, không biết nếu nghe được câu chuyện thơ mộng này lòng cô có nhiều xúc động? Tôi (và chắc có cả Minh nữa) thầm cầu mong cho cô được tròn hạnh phúc sau này.

Khóa 20VB được bổ sung về đơn vị tôi còn có các anh Vũ Phúc Sinh, Hoàng Văn An, Cao Đình Phú, Bùi Hữu Kiệt, Dương Đình Chính, Hồ Đắc Tùng, sau này đều là những cấp chỉ huy giỏi. Anh Vũ Phúc Sinh, người cùng về TĐ 4 với Minh, đã được đặc cách lên trung úy chỉ 7 tháng sau ngày ra đơn vị, Anh Hoàng Văn An là sĩ quan đẹp trai nhất Trung Đoàn, tính tình vui vẻ, cương trực, được mọi người từ quan tới lính yêu thương. Rất tiếc là các anh đã thuyên chuyển, rời khỏi đơn vị khá sớm, sau khi nắm đại đội và đánh thắng vài trận, để lại bao luyến thương và tiếc nuối cho tất cả mọi người. Dương Đình Chính đã tử trận (mất tích) tại chiến trường Kontum đầu năm 1973, khi vừa lên nắm Tiểu Đoàn 1. Bùi Hữu Kiệt thuyên chuyển về TK Ninh Thuận, nắm một tiểu đoàn ĐPQ và hy sinh tại Bình Định cuối năm 1972 khi dắt tiểu đoàn tăng cường cho mặt trận này. Người cuối cùng còn ở lại đơn vị là anh Hồ Đắc Tùng, sau này là một tiểu đoàn trưởng đã đóng góp nhiều chiến công trong chiến thắng Kontum mùa Hè 1972.

Khóa 20 VB đã có rất nhiều cấp chỉ huy lỗi lạc làm rạng danh quân lực. Sau này khi biết được một số trong những tên tuổi của Khóa 20 VB từng nổi danh trên các chiến trường: các anh Hoàng Mão, Lại Thế Thiết, Huỳnh Bá An, Vương Mộng Long, Phạm Cang, Quách Vĩnh Trường, Nguyễn Thái Bửu, Trương Phúc, Đoàn Minh Phương, Trương Dưỡng, Nguyễn Văn Măng, Phạm Văn Tiền...tôi luôn nghĩ đến Phan Ái Minh, người bạn đa tài của tôi, và xót xa nhớ tới những vì sao sớm vụt tắt trên bầu trời tuổi thơ của chúng tôi thuở trước.

Phạm Tín An Ninh

Đường hoa Kyoto

Lối đi rợp bóng hoa đào
Sáng nay bỗng tưởng lạc vào Thiên thai
Sắc hoa ngơ ngẩn lòng ai
Bức tranh tuyệt mỹ, bàn tay nhiệm mầu
Xuân tàn hoa rụng về đâu
Gởi trong trời đất một màu nguyên xuân
Sang trang lịch sử mấy lần
Còn đây dấu tích tiền nhân bao thời
Họa chiến tranh, họa đất trời
Vẫn còn đất nước đời đời hiên ngang
Trời dậy từ đông tro tàn
Dựng xây đất nước vẻ vang giống nòi
Lương thiện từ tế người người
(Đau lòng nghĩ đến xứ người, xứ ta).

Khánh Hà



Biểu Tượng

Đoàn Mai Tâm



Người đàn ông lôi các đồ trong kho ra sắp xếp lại cho gọn gàng. Ông lật xem lại từng trang vở viết tay, từng bức tranh vẽ nghịch ngoạc cho đến từng món đồ thủ công như thêu, đan và đồ mộc của từng đứa con đã làm trong suốt những năm tiểu học. Mỗi thứ còn ghi dấu sự vui chơi trong học hành của các con thời trẻ dại. Từ trong đó, ông lựa ra được một tấm hình chụp ngày Đức vua Harald về khánh thành pho tượng ông Trygve Lie ở trung tâm khu dân cư Furuset. Trong hình các con ông mặc đồng phục của đội kèn trường học và đang đứng nghiêm trang thổi bài quốc ca: Ta nguyện yêu quê ta... (Ja, vi elsker dette landet...)

Ngôi nhà vừa được sắp xếp và trang trí lại tạo cho ông bà cảm giác như mới hơn, rộng hơn ra. Và vì chuyển hướng, nên trong phòng của ông bà bỗng xuất hiện một bức tranh rất sinh động; bức tranh thay đổi theo thời tiết từng ngày. Những ngày trời trong, lặng gió, ánh đèn đường chiếu xuyên qua khóm cây phía ngoài, qua khung cửa kính in hình khóm cây lên bức tường cuối phòng. Và vào một đêm, ngoài bức tranh thường ngày còn có ánh trắng chiếu lên tấm hình tượng ông Trygve Lie, Đức Vua và các con ông. Ông nhích đầu ra chỗ vệt sáng nhìn lên bầu trời trong xanh,

một mảnh trăng khuyết lơ lửng ngoài khung cửa kính. Ánh trắng vạch một đường sáng ngang chỗ ông nằm, dần dần thu hẹp vào cạnh phòng dưới chân cửa sổ.

Ánh trắng mờ dần rồi khuất hẳn để lại trong tâm trí ông một quãng thời gian dài từ khi ông vừa dọn về đây, một vùng dân lao động đa phần là dân nhập cư da màu. Ngày ấy, ông ở nhà chung cư và làm việc theo ca, xoay tua như chong chóng. Nửa đêm đi làm về ngang qua công xe điện ngầm, có lần ông nhìn thấy một người ngồi tay cầm chai bia, tay kia vạch cu đái thoải mái, miệng nói lảm nhảm. Thịnh thoảng bước vào cửa chính chung cư, cửa kính bị đập bể; thùng thư, lâu lâu cũng bị như vậy. Mặc kệ giấy cảnh cáo treo: nếu không giữ gìn sẽ tăng tiền thuê nhà. Tin tức đưa lên mặt báo thì dữ nhiều hơn lành; đánh đập nhau nhiều hơn thành đạt. Bạn đồng nghiệp đọc thấy chỉ cho ông: lại khu nhà mày. Và ngay cả trong những lúc vui chơi, bạn bè đồng hương cũng thường mang ra làm đề tài đùa cợt. Có những lúc ông tưởng chừng như không còn có thể tìm ra được một nhân vật nào trong vùng nổi trội về đức độ và tài năng làm biểu tượng cho đám người như ông nhìn lên, để phấn đấu vươn tới.

Vào những ngày nghỉ, ông thường tìm vào

những cánh đồng hoang lân cận. Vui chân, ông vượt qua cả một cánh rừng với những cây cầu cũ kỹ bắc ngang qua suối bị gãy không được sửa sang; hình như cầu dành cho người đi săn thời xa xưa nay không còn nhu cầu nữa. Những hình ảnh đó thường làm cho ông nhớ lại cảnh tượng bom đạn, giết mìn hãi hùng trong chiến tranh. Và cả những cảnh trả thù bằng lao động cải tạo đói lả trong rừng sâu, ông đã từng trải qua sau ngày cuộc chiến kết thúc.

Một hôm vào đầu thập niên chín mươi, đang trong giấc ngủ ngày chập chòn sau một ca đêm, ông bị tiếng kèn hòa cùng tiếng trống đánh thức dậy. Tiếng trống kèn giống như trong ngày Mười Bảy Tháng Năm, ngày quốc khánh của Na Uy; nhưng hôm ấy lại là một ngày thường. Những thắc mắc trong ông muốn vực ông dậy cho ông chạy theo đoàn diễu hành xem, nhưng không thắng nổi cơn buồn ngủ.

Những thắc mắc của người đàn ông bị cơn buồn ngủ cuốn trôi đi. Cho mãi đến cuối năm ấy, trong lúc ông vừa lên ca, bắt đầu ngày làm việc, bất ngờ ông nhìn thấy tám hình pho tượng ông Trygve Lie bên cạnh đức vua Harald và có cả mấy đứa con ông mang đồng phục đội kèn trường học từ trong máy đều đều chạy ra. Ông lấy một ấn bản lật xem, và được biết: sự kiện đức vua Harald đến khánh thành bức tượng đồng ông Trygve Lie, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Đầu Tiên được các nhà phân tích thời sự xếp vào một trong những sự kiện tiêu biểu trong năm. Và nó được đặt nhà máy nơi ông làm việc in và đóng tập bốn mươi lăm ngàn ấn bản kịp phát hành dịp lễ Giáng Sinh và Năm Mới năm ấy.

Theo sau sự kiện này, một cây cầu treo nối từ cửa ngõ vào khu vườn đặt tượng ông Trygve Lie với đỉnh đồi cao phía bên kia xa lộ E6 được khởi công xây cất. Mấy năm sau, cây cầu treo hoàn thành tên ông Trygve Lie được dùng để đặt cho nó. Vào những buổi chiều nắng đẹp, người đàn ông thường đạp xe qua khu vườn nhỏ đặt bức tượng ông Trygve Lie hướng lên cây cầu treo dẫn tới đỉnh đồi. Khi tới điểm cao nhất của cây cầu, ông thường đứng nhìn ngược lại, xuống toàn cảnh các

công viên cùng các con đường nối liền chúng với các dòng suối và các hồ nước nằm rải rác trong cùng khu vực. Và khi trở về, ông thường đứng nghỉ bên bệ dưới chân bức tượng đồng. Bệ được làm bằng một khối đá hoa cương màu hồng nhạt; một phần ba mặt bệ, khối đá vươn cao biến thành bức thuyết trình trước mặt pho tượng ông Trygve Lie đang đứng trong tư thế đọc bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền. Khối đá trước mặt pho tượng, phía hướng về độc giả được khắc huy hiệu Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Trong lúc rời khu vườn, ông nhìn thấy trên bảng thông báo: một cuộc đốt đuốc đi dạo dọc theo dòng suối trong khu vực sẽ được tổ chức vào cuối tuần.

Theo đúng lịch trình, ông rủ vợ cùng đi theo đoàn người đốt đuốc, đi qua những vùng đất hoang ngày trước, nay biến thành công viên cùng với dòng nước nhân tạo và hệ thống chiếu sáng phản quang vào ban đêm rất sinh động. Qua những dòng suối chảy ngoằn ngoèo trong vạt rừng rậm ngày trước, nay có cả một hệ thống đường dành cho người đi dạo, hoặc đi xe đạp uốn lượn theo dòng nước; nhiều đoạn được nối bằng những cây cầu gỗ bề ngang độ chừng hơn một mét bắc dọc trên mặt nước hoặc qua những quãng sinh lầy. Những bờ đá được chất cao ở những chỗ tiếp giáp với triền đồi để ngăn chặn đất lở tạo thành những bậc tam cấp đẹp để vững chắc. Trên các vùng đất bằng phẳng, nước được chặn lại, tạo thành những hồ nước lững lờ, êm ả.

Một trong các hồ trên con suối này rất đặc biệt, nó nằm khuất, nắp dưới chân một con thác cao chừng hơn chục mét; gần bên, một ngôi nhà gạch cũ kỹ. Theo bảng ghi chú ở dưới chân thác, thì ngôi nhà gạch này là nhà máy tơ sợi đã có từ hơn trăm năm; và vào thời đó, người ta thường đến đây leo lên ngọn thác này. Đứng trong đoàn người đốt đuốc ca hát, nhưng hai vợ chồng không khỏi ngạc nhiên, vì hằng mấy chục năm, hai ông bà thường chờ nhau đi về qua con đường ngoằn ngoèo qua dòng nước trên đỉnh thác nhìn xuống ngôi nhà gạch dưới vực, mà chưa một lần nhìn thấy hồ nước cùng các sinh hoạt quanh nó. Và lại thêm một sự ngạc nhiên nữa, khi hai vợ chồng trên đường ra khỏi hồ

nước đến trước ngôi nhà số 52 Grorudveien bên trạm xe buýt, tình cờ thấy hàng chữ: Trygve Lie lớn lên trong ngôi nhà này (Trygve Lie vokste opp i dette hus). Ngôi nhà nằm trên cùng một con đường từ nhà tôi sở, hằng ngày hai vợ chồng vẫn thường chờ nhau qua lại.

Ngay lúc ấy, hai vợ chồng ông muốn vào bên trong ngôi nhà này, nhưng cửa vào ngôi nhà đã đóng. Những ngày tiếp theo sau, người đàn ông thường lần mò theo các dấu tích cậu bé Trygve Lie còn để lại trong khu làng quê này từ hồi đầu thế kỷ trước, mà bây giờ là láng giềng của ông. Cuộc đời cậu Trygve Lie ngày ấy thật bi đát. Bố cậu bỏ đi Mỹ từ khi cậu chưa được sinh ra, đúng hơn cậu bị bố bỏ rơi ngay khi còn trong bụng mẹ. Cậu sống với mẹ trong ngôi nhà số 52 Grorudveien này, và với đời sống kinh ở đây hồi đầu thế kỷ trước không phải dễ dàng. Vết thương tuổi thơ làm cho cậu Trygve Lie đau đớn nhức nhối mãi về sau, nhưng cũng chính nghịch cảnh đã đưa Cậu đến sống gần gũi với những người lao động trong làng quê này. Nhờ môi trường đưa đẩy, cậu Trygve Lie đã sớm rẽ vào con đường chính trị để bênh vực cho những người lao động nghèo và người nhập cư trong vùng.

Bây giờ, mỗi lần đi ngang qua khu vườn, nhìn lên bức tượng đồng ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Tiên Khởi đang long trọng công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, một mẫu mực ăn ở và cư xử với nhau giữa con người, người đàn ông luôn thấy thấp thoáng bóng dáng cậu Trygve Lie, một tấm gương can đảm phấn đấu vươn lên trước phận người không may, và bênh đỡ cho những người cùng cảnh ngộ.

(Ông Trygve Halvdal Lie 1896-1968 là một chính trị gia tên tuổi, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ trong chính phủ trong nước, cũng như trong thời gian chính phủ lưu vong ở London. Nhưng ông được biết đến nhiều trong chức vụ Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc tiên khởi 1946-1953. Ông được đúc tượng và được đặt tại một khu vườn nhỏ trước trung tâm Furuset)

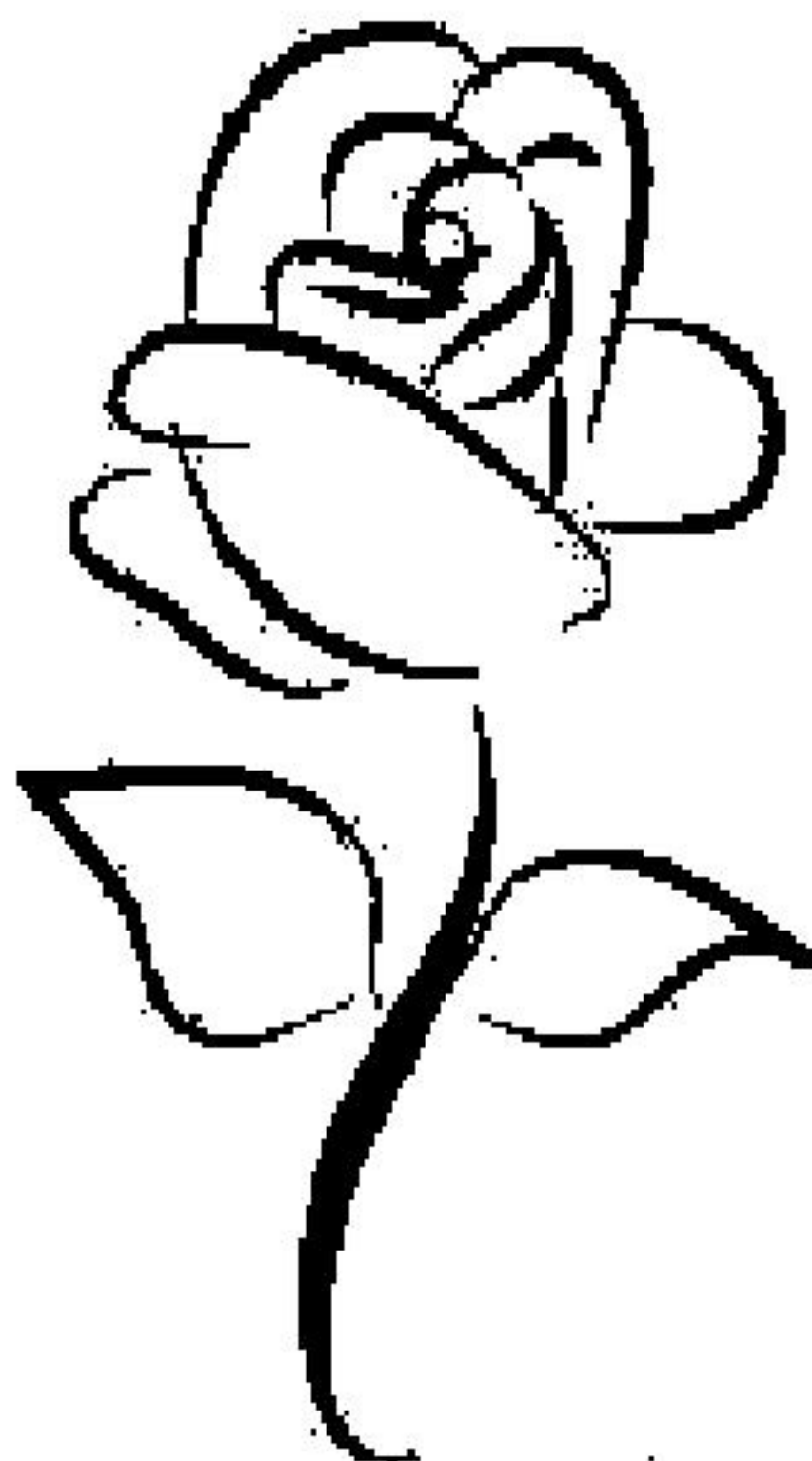
Đoàn Mai Tâm

Bài Thơ Cổ Thở

Tặng Tâm Thanh và Khánh Hà

Tôi gởi tặng người cái gì đây?
Thế giới còn cỗi
Trí tôi mòn mỏi
Thân tôi rã rời
Tôi hiến dâng người cái gì đây?
Những ngày nắng đầy
Hương hoa ngát ngây
Những mùa tuyết dày
Tho thấm vai gầy cổ thô?
Người ơi ghé tai tôi nói nhỏ
Tôi thương người
Chỉ có vậy mà thôi

Mạt Tĩnh



Vài Ghi Nhận

Về các Buổi Họp Mặt Văn Hóa ở Oslo Năm Qua

Người Quan Sát (NQS)



1. Buổi họp mặt đề cao văn hóa và nghệ thuật Việt Nam

Chiều ngày 03.05.2014, khi bước vào hội trường, quan khách được phát một tờ chương trình. Chưa kịp xem qua tờ chương trình, NQS bị chinh phục ngay bởi người phát Nguyễn Ngọc Huân, một trong những người tổ chức buổi họp mặt, bác sĩ tâm lý, nụ cười và cung cách đầy kính trọng và cẩn trọng, đầy chân thành nhiều hơn là tiêu xảo nghề nghiệp. Chưa hết đâu: Năng vàng ngoài khu vườn khoáng đãng và những người tươm tất, tươi cười như nắng.

Nhìn vào tờ chương trình, thấy đây là một buổi họp mặt thuần túy văn học. Nói thế không có nghĩa là những buổi họp mặt chính trị là không cần thiết nữa, hay chúng bị xếp xuống hàng thứ khi cuộc chiến đã lùi xa, khi lòng người đang bận những thứ khác cận kề hơn như một cuốn phim hay, một buổi mua sắm, một buổi nhâm nhi v.v., nhưng ở chỗ quan khách và NQS, ở Oslo, Na Uy, lần đầu tiên được sống trong một bầu không khí khác, bầu không khí văn học.

Đây là buổi họp mặt được dự tính trong tháng 8, lại dời qua tháng 5, khi nghe tin nhà văn Tâm Thanh, bị bệnh nan y: bệnh ung thư nặng hơn, nhằm mục đích tôn vinh những đóng góp của Tâm Thanh cho văn học tiếng Việt. Anh Trương Minh Đức, thuộc Trung Tâm Mục Vụ và Anh Nguyễn Ngọc Huân có ý đứng ra tổ chức với sự trợ giúp về nội dung từ tờ Viết&Đọc, họa sĩ Tú Anh, các em thiếu nhi Oslo, và các quý vị thiện nguyện khác... Anh Huân liên lạc Tâm Thanh nói về mục

đích và chương trình. Trái với thói thường “văn mình vợ người”, Tâm Thanh không chịu khi người ta dự định nói về văn của mình. Cuối cùng, hai vị đồng ý gọi đó là “Buổi họp mặt đề cao văn hóa và nghệ thuật Việt Nam”, đề cập đến nhiều người, nhiều ngành, ví dụ hội họa, âm nhạc...

Khi NQS bước vào trong một chút, thấy ngay các chị, cả các anh nữa, đang loay hoay trong bếp lo chuyện ẩm thực. Và những tiếng cười nói thân tình. Vào chút nữa, đến hội trường lại thấy có người đang chỉnh âm thanh, ánh sáng, và đang dọn bàn ghế, có cả cụ Trương Chi đã quá tám mươi. Hội trường sáng sủa, gọn gàng với những bức tranh màu, nét dân tộc Việt đặc thù Tú Anh treo trên tường mời khách thưởng lãm. Lại nhìn vào tờ chương trình với những đề tài, những người góp truyện, NQS thấy nhiều hứa hẹn về một buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật đúng nghĩa.

Vào chương trình, Nguyệt Minh duyên dáng, Nguyễn Ngọc Huân đĩnh đạc chào mừng quan khách và giới thiệu ban tổ chức: Trương Minh Đức, Nguyễn Ngọc Huân, Nguyễn Văn Cao và Đinh Ngọc Cẩn. Nguyệt Minh tiếp tục vừa vui nhộn vừa sâu sắc qua hướng dẫn quan khách qua các tiết mục.

Duy, một sinh viên từ Trondheim đến, đọc tấu đàn tranh, nam nhi chứ không phải một kiều nữ nào như thói thường. Như mây trôi, như suối chảy. Lòng người nhẹ nhàng để vào bài nói chuyện đầu tiên với Đặng Bản. Bản kể, bằng cách đọc một bài viết cũ, từ số 1 tờ Viết&Đọc, về Tâm Thanh với những bản thảo của nhà văn qua những với những mẫu

chuyện hội nhập từ lời ăn tiếng nói, đến sinh hoạt đầy thách đố hằng ngày của dân tị nạn xứ Việt với người bản xứ Na Uy. Đọc mà như kể chuyện.

Kể đến, đáng lẽ là phần phỏng vấn, nhưng Tâm Thanh bệnh tái phát nặng, nên chỉ gởi một lời phát biểu ngắn, và anh Cần diễn đọc; không khí trang nghiêm khác thường; (có lẽ bởi vì biết anh đang nằm bên bờ vô hạn.) Ý chính: "1. Từ hơn năm nay trên giường bệnh, tôi chỉ có một nỗ lực duy nhất: trở thành trề thơ để trở về với Thượng Đế. 2. Bản chất văn chương là hư cấu. Khi viết tôi bịa đặt hoàn toàn; nhưng khi sống, tôi ráng không phản bội những điều mình viết, dù một chữ. Thả bút viết "tình yêu" mà trong lòng đầy oán hờn, tôi không làm được."

Múa Lạc Hồng của đoàn thiếu nhi Oslo gọi về một thời hào khí Trần Quốc Toàn.

Cung Vĩnh Viễn khoan thai, nhập vai như nửa như tâm sự, nửa như kể một số truyện tiêu biểu của Tâm Thanh. Hội trường lặng im như tờ, bị hoàn toàn lôi cuốn bởi giọng kể, lời bình. NQS đã đọc những truyện này, nhưng vẫn bị mê hoặc, há hốc miệng nghe. Tiếng vỗ tay rầm rộ khi chấm dứt. Bầu không khí văn học đạt đến điểm đỉnh.

Giải lao với những món ẩm thực từ những bàn tay, từ những tấm lòng yêu mến Tâm Thanh, yêu mến việc chung. Mọi người rôm rã trò chuyện, vẫn còn phấn khích về phần đầu.

Phần hai, mở đầu với hai vĩ cầm thủ, Đan Thi và Cẩm My, tí hon mà ngón đàn đã điêu luyện lắm. Qua hai em, người ta thấy những con người ngày mai với những tương lai tốt đẹp.

Nguyễn Văn Thà nói về nghệ thuật viết truyện với những cứ liệu từ các tác phẩm của Nguyễn Du, Tâm Thanh, Phạm Tín An Ninh và v.v.; và nói một chút về tác phẩm mới nhất và quan trọng của Tâm Thanh: Lệnh Triệu Ban Rồi: một trường hợp ung thư. Cũng chính Nguyễn Văn Thà hát bài Giữa Vọng Các Nhớ Sài Gòn, do NVT phổ toàn vẹn bài thơ cùng tên của Khánh Hà, bạn đời của Tâm

Thanh. Tiếng giọng hát không hay lắm, tiếng đàn đệm, cũng của NVT, lại dở, nên chưa lột hết được lời thơ, ý nhạc. Thôi, ít ra cũng là "cây nhà, lá vườn."

Phần cuối, phần khác của văn học nghệ thuật, đó là phần nói về hội họa do nữ họa sĩ Tú Anh trình bày, người mặc áo dài với quần jeans. Nhìn là thấy khác người rồi. Cái khác người cũng thấy được qua sự trình bày bút pháp, đường hướng sáng tác của cô. Và cụ thể qua những bức tranh treo quanh hội trường với những họa tiết Việt Nam. Và đặc biệt lối sáng tác dườnh nhau giữa nhạc và họa: Trịnh Tiến Duy gieo những chuỗi đàn tranh, Tú Anh nương suối âm thanh vờn bút. Và cũng không quên vẽ một chữ Tâm quốc ngữ tặng Tâm Thanh. Tài hoa cùng mình hai nghệ sĩ! Kể đến là phần giới thiệu và phỏng vấn về văn hóa nói chung và hội họa nói riêng. Người phỏng vấn hết sức nhà nghề: Hoàng Thị Thu Hồng. Khi nói về mức văn hóa của người Việt hải ngoại, Tú Anh nói về cái tiêu biểu nhất cho văn hóa nhất của người Việt hải ngoại là "khi vào nhà một người Việt tị nạn, người ta chỉ sẽ thấy chai nước mắm và băng Thúi Nga." Ý cô muốn nói chúng ta cần phải bồi đắp nhiều hơn nữa nền văn hóa của chúng ta. Diệp Bảo Dzũng, phu quân Tú Anh, quay phim suốt buổi.

Di (phước) Trang, mẹ bẻ trên dòng Mến Thánh Giá Oslo, vui tươi cùng cô bạn đồng trang lứa lên cảm ơn thầy Tâm đã dạy tiếng Việt cho họ và các bạn cùng lứa tuổi nay đã vào đời với một bộ chữ Việt và một tâm hồn Việt của thầy truyền lại. Một cành lan trắng sung mãn tặng thầy.

Nói về người tham dự, người ta hay ước lượng số người tham dự để đánh giá sự thành công của những buổi họp mặt là bữa ấy có đông người tham dự hay không; 100? 200 người? Nhưng điểm chính, NQS nghĩ, không ở chỗ số đông mà ở thái độ tham dự tích cực, văn minh của quan khách hôm ấy.

Trước khi ra về NQS có trò chuyện với anh Diệp Bảo Dzũng, dạy môn vi trùng học tại trường cao đẳng Nông Nghiệp Ás. Nói nhiều chuyện, nhưng một câu làm NQS nhớ mãi: "Bọn em, những người nghiên cứu các ngành

tự nhiên, cứ học mãi cho tới khi tốt nghiệp rồi đi làm; ai cũng có thể làm được. Còn những người viết văn, làm thơ, đâu phải cứ học là được; tài lắm, hiếm lắm, đáng quý lắm.” Thiệt khiêm cung quá sức!

Lời này cũng là lời kết luận của phần ghi nhận này, và cũng dành cho Tâm Thanh, nhà văn yêu quý, tài năng, khiêm tốn của chúng ta.

2. Ra mắt tập thơ Biển Đời của tác giả Phụng Long

Buổi họp mặt kê trên sẽ khó xảy ra nếu không có buổi ra mắt tập thơ Biển Đời của thi sĩ Phụng Long trước đó bốn tháng nhằm 25.1.2014, do hội đồng hương Việt nam vùng Bærum đứng ra tổ chức, vì chính sự thành công của buổi này làm cho những người thiện chí mới dám tổ chức những buổi họp mặt văn hóa kế tiếp.

”Trời đất, sao lại ra mắt tập thơ, sao gan cùng mình quá vậy!” – NQS nghĩ vậy khi nhận được thư mời – ”Đi vì cảm thấy trách nhiệm với văn học mà đi thôi.” Hôm ấy lại lạnh căm, tuyết đầy trời, đầy đường, trời lại tối u u. Thơ nghe chừng như heo hắt. Lòng người đã không còn nồng nàn gì với thơ từ lâu; văn còn bị thảm bại, huống chi thơ. Thơ e khó sống. Nhưng khi vừa bước vào hội trường của giáo xứ Bærum, thấy ngay một bầu không khí ấm cúng, ấm cúng nhất là chính nhà thơ và phu nhân, và anh Huân. NQS vốn là công nhân, cả hơn một phần ba đời người phải làm việc toàn với những kẻ bạc lòng, thô lỗ, bỗng thấy ấm lòng, thấy nặng tình ngay, yêu người Việt mình quá, giống người Việt phép tắc, lịch lãm ngày xưa. Không phải chỉ các vị nơi cửa chào mừng quan khách, mà khi đi vào, cả quý vị tham dự nữa: lịch sự, thân tình, hóm hờ. Ai dám bảo ”người Việt xấu xí.”?

Sau phần chào mừng quan khách của anh Huân và Thiên Nhân, đỉnh cao của buổi ra mắt thơ là lúc nhân vật chính: nhà thơ Phụng Long. Anh đọc thơ của chính anh, đọc say sưa, đọc lâu 30 phút hay một giờ, NQS không còn nhớ nữa, vì đã say cùng nhà thơ túi thơ tằm rượu trần gian của anh: Tình yêu, Nàng

Thơ, vần điệu vờn theo ý thơ lạ. Nhìn quanh ai cũng vậy, không say thì cũng ngà ngà, hào hứng.

Đến phần ẩm thực, các món ăn cũng là những bài thơ đẹp, và với thơ, là chất xúc tác làm cho người người lại gần nhau hơn. NQS có hoa hòe với phu nhân nhà thơ Phụng Long một câu: ”Sau mỗi bài thơ là có bàn tay của mỹ nhân.” ”Anh nói quá, em có chi mô anh!” – chị ấy đáp. Nhưng NQS nghĩ câu này đúng cho những bài thơ của phu quân của chị và cả những đĩa thức ăn ngon lành, và đẹp mắt nữa.

Rồi Đình Giang, Phạm Kim Tiên, Thi Hạnh, Lê Nguyên, Tiểu Thiên. Đặc biệt người-không-chịu-nhận-mình-là-thi-sĩ Đình Giang đọc bài về về ông thủ trưởng thứ trưởng chịu chơi của mình: đi xe đạp, nhậu với nhân viên quèn như ông; lòng đầy ngưỡng mộ, đọc say sưa. Các nhà thơ khác cũng lần lượt lên đọc thơ, toàn thơ hay. Hóa ra có nhiều thi sĩ như vậy quanh ta. Đúng như lời một học giả Tây Phương nhận xét: ”Người Việt lúc nào cũng ứa ra thơ.” Câu này được xác nhận một lần nữa khi thấy quý vị tham dự không chỉ lịch sự, nghe cho có, nhưng tham gia cùng mình, trôi theo giòng thơ của các thi sĩ. NQS cứ ngỡ đang đứng trong một buổi đọc thơ của các thi sĩ tầm cỡ quốc tế nơi các giảng đường đại học Âu Mỹ mà hẳn thấy trong TV.

Sẽ rất thiếu sót nếu không kể đến phim hoạt họa ngắn Việt-Hải Ngộ Thăng Long (Người Việt từ Biển Gặp Rồng Bay), như một hồi tưởng về quãng đường tị nạn, về những người Việt đầy can đảm, đầy hào hùng. Nguyễn Thành Trung từ Bergen là tác giả.

Chưa hết đâu: Còn hát, còn đờn địch: Thi Hạnh và con hát bài hát phổ từ thơ của Phụng Long, phu quân đệm đàn; rồi những ngón đờn nhuần nhuyễn của Minh Tú, của anh Công uốn theo những giọng ca sống động, thuần thực của các bạn trẻ.

Khi ra về NQS chúc mừng sự thành công của buổi ra mắt, Phụng Long giọng Huế: ”Cung dzờ ong Chúa cả.”

NQS ra về, và ”người Việt cao quý”, cái âm vang ngày xưa ấy, tưởng vĩnh viễn bị chôn

vui theo giòng thể sự nhục nhằn lẫn nhọc nhằn của Đất Nước, nghe như vang vang trong trời đất lạ, giá băng.

3. Buổi ra mắt tập truyện ngắn Nước Mắt Mùa Đông của Minh Hồng

Sẽ rất thiếu sót, nếu không kể đến buổi ra mắt tập truyện ngắn đầu tay Nước Mắt Mùa Đông của Minh Hồng ở hội trường Gyorud Samfunnshus ngày 04-10-2014, từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30. Với lời giới thiệu trong chương trình như sau:

“Chúng ta rất may mắn được một cuộc sống hạnh phúc và phong phú trên vương quốc Na Uy. Và một trong những giá trị quý báu nhất trên xứ sở bình yên này là chúng ta đang tận hưởng sự tự do trong nhiều lãnh vực, như vật chất, ngôn luận, nhân quyền, sinh hoạt hội đoàn, và phát triển kiến thức và tiềm năng theo nhu cầu và điều kiện của mỗi cá nhân. Trong bối cảnh khách quan này chúng ta được sự đóng góp tinh thần và văn hóa của nhiều văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, họa sĩ và cá nhân yêu thích và tự hào với văn hóa và nghệ thuật Việt Nam tại Na Uy. Những đóng góp tích cực này giúp chúng ta phát triển và bảo tồn được văn hóa và nghệ thuật dân tộc.

Để sáng tỏ những lời nói trên, gia đình và một số bạn hữu của tác giả, xin trân trọng kính mời Quý khách đến tham dự buổi ra mắt tập truyện ngắn "Nước Mắt Mùa Đông".

Tập truyện ngắn "Nước Mắt Mùa Đông" là tập truyện đầu tay của tác giả Minh Hồng. Với phương châm (motto): "Thành công nào cũng bắt đầu bằng một giấc mơ và một bước chân khởi đầu" chúng tôi mong chào đón Quý khách.

Trong chương trình (đính kèm) có phục vụ tiệc trà, cùng nhiều tiết mục văn nghệ khác. Thân ái,

Lộc Huỳnh và Nguyễn Ngọc Huân

Với một lời mời đầy tính thuyết phục và hấp dẫn như thế là phải đi thôi, dù NQS bản tính vốn lười, chỉ thích nằm dài vào những ngày cuối tuần, nhâm nhi ly cỏ nhác, đọc một cuốn truyện hay.

NQS đi xe buýt, và mò theo bản đồ của Ruter để kiếm hội trường, lò mò hồi lâu, hỏi han đủ thứ người vẫn không tìm ra, tính quay về, thì có một xe hơi sang trọng với đôi vợ chồng quần áo sang trọng rà tới hỏi: “Anh đi dự buổi

ra sách hả?” “Vâng.” Thế là đi.

Vào hội trường lại gặp ngay anh Huỳnh Lộc, anh Huân (lại anh Nguyễn Ngọc Huân), T. H. Victoria, cô sinh viên, nay là bác sĩ tâm lý mới ra trường, (người đã đọc và nhận định sâu sắc về tác phẩm Lụa Bạch – Hvite Silke của Tâm Thanh, bản dịch ra tiếng Na Uy của NVT), rồi sau đó chính tác giả Minh Hồng ra chào. Tay bắt mặt mừng. Lịch lãm. Lại chào hỏi những người tham dự. Cái âm vang “Người Việt Cao Quý” vang vang đâu đó trong không gian.

Các tiết mục văn nghệ chen lẫn với những đóng góp thơ của Cẩm Vân, của một người bạn của tác giả (NQS quên tên) và của NVT thật gần về truyện ngắn dài hơn trăm trang của Minh Hồng. T. H. Victoria cũng nói đôi giòng về sự sáng tác đầy chăm chỉ và say mê của mẹ mình, tác giả Minh Hồng. Nhưng bài nhận định quan trọng nhất của Nguyễn Ngọc Huân mới là đầy đủ, sâu sắc và quân bình. Chỉ có một người yêu văn chương và có đầu óc phân tích tế nhị như anh Huân mới nhận định được như vậy. Rồi đến phần phỏng vấn tác giả kỹ thuật và quá trình sáng tác tác phẩm. Đã thế, còn nhiều hoa, nhiều người đẹp, nhiều thức ăn ngon. Và nhất là tình gia đình giữa anh chị Lộc + Hồng + hai con; cả gia đình cố tạo cho buổi ra mắt sách của vợ mình, của mẹ được thành công và làm hài lòng mọi khách tham dự.

Đây là buổi ra mắt sách thành công, nhiều ân tình. Khi nói thành công NQS không kể đến số đông, hay số sách bán ra. Một người mà tri kỷ vẫn còn hơn ngàn người mà hững hờ, chiếu lệ. NQS tiếc cho những bạn không biết mà đến, hay những bạn biết mà không đến.

Trong ba buổi họp mặt lúc nào cũng có anh Nguyễn Ngọc Huân. Không những anh chỉ có mặt hôm đó và thuyết trình, anh còn lo liệu, sắp xếp từ đề tài, chương trình và nhân sự cho cả ba buổi. Nhìn anh, NQS thấy niềm hi vọng cho một Việt Nam tương lai với những con người như anh. Và không phải chỉ mình anh, sự tham dự của quý vị quan khách cũng là một đóng góp cho văn hóa Việt Nam hôm nay và mai sau.

Lời anh Diệp Bảo Dzũng trên kia cũng dành cho không chỉ Tâm Thanh mà còn cho thi sĩ Phụng Long, nhà văn Minh Hồng của chúng ta.

Màu nhiệm của tình yêu

*«Lạy Chúa, con muốn trở nên người chiến sĩ của Chúa,
sẵn sàng chết cho Tình Yêu.»*

(St. Augustine)

Vũ Thanh Thủy

Mỗi tháng Năm, «Ngày Của Mẹ» thường gọi ta nghĩ ngay đến Tình Mẹ yêu con là một tình yêu phi thường đã tạo nên bao điều màu nhiệm. Nhưng cuộc đời chứng minh Tình Yêu nào cũng có thể làm nên những việc phi thường, nếu ta chấp nhận sống chết cho Tình Yêu đó.

Lớn lên trong thời đại «cách mạng phụ nữ đòi quyền bình đẳng với nam giới,» tại Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ, tôi thường nghĩ ngờ những lời khen tặng phụ nữ một cách quá đáng theo kiểu Tú Xương làm thơ tặng vợ, «*quanh năm buôn bán ven sông, nuôi đủ năm con với một chồng*». Dường như những lời ca tụng đàn bà thường được các ông nói lên với hậu ý. Hầu hết chỉ ca tụng vợ... người khác, ít ông nào ca tụng thẳng vợ mình. Một chị bạn tôi có lần chua chát nhận xét, «*đàn ông và xã hội Việt Nam hết lời ca ngợi sự đảm đang của đàn bà chỉ để tụy mình cổ mà đảm đang tới... chết luôn.*»

Tôi bao lần thắc mắc tìm hiểu sao không ai ca ngợi đàn ông hết vậy? Bộ đàn ông Việt Nam không có «*khuôn vàng thước ngọc*» để theo hay sao? Mặc dù tôi yêu chồng con tôi hết lòng và không quản ngại lo cho chồng con, tôi vẫn không thể không đòi hỏi sự ghi nhận và đáp trả. Tôi không hiểu tại sao cùng là con người được sinh ra y như nhau, mà xã hội lại đặt ra những lễ thói bất công cho phụ nữ như thế. «*Đàn bà phải thế này, thế nọ...*» còn đàn ông thì...tha hồ tự do.

Những thắc mắc của tôi không dừng lại ở phạm vi gia đình và xã hội, nó len lỏi cả vào đời sống tâm linh của tôi. Tôi sợ bài sách Cách Ngôn nói về «*Người vợ đảm đang, người mẹ nhân đức*» lúc nào cũng thức khuya dậy sớm, lo lắng cho hết cả nhà, chu toàn từ trong gia đình ra ngoài cộng thành (xã hội), mà miệng lúc nào cũng mỉm cười.» Đối với tôi, đòi hỏi một người đàn bà phải toàn hảo như thế thật là một sự bất công. Tôi ám ức mãi về những thắc mắc này. Cho đến khi tôi tìm ra câu trả lời.

Tôi cảm nghiệm được điều này trong một khóa tĩnh tâm. Chưa bao giờ trong đời, tôi ý thức được tác động của Tình Yêu mãnh liệt đến độ nào như

khi tôi quỳ trước Thánh Thể Chúa trong khóa tĩnh tâm năm 1989. Lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu ra Chúa yêu thương tôi như thế nào. Và cũng lần đầu tiên trong đời, tôi biết yêu Chúa, chữ YÊU ở đây phải được viết hoa với tất cả sự mãnh liệt của đầu óc, con tim và linh hồn.

Cảm nghiệm này cho tôi một lý tưởng mới, một ý thức mới và một sức sống mới vô cùng mạnh mẽ. Tôi bắt đầu biết cầu nguyện, biết «*chuyện trò*» với Chúa, biết nhận định, biết «*gọi tên*» những cảm nghiệm trước đây mơ hồ trong đời sống. Và sự hiểu biết này đã cho tôi một ý chí mới làm thay đổi toàn diện đời sống của tôi. Nhất là về cách YÊU THƯƠNG.

Tiếng Việt chỉ có một chữ TÌNH để chỉ chung cho tất cả: tình vợ chồng, cha mẹ, bạn hữu... Tiếng Hy Lạp có rất nhiều chữ nhưng có hai chữ thường được dùng trong Thánh Kinh là EROS và AGAPE. *Eros* là tình yêu có qua có lại. Được yêu thế nào thì ta yêu lại như thế. Nếu không thấy được yêu nữa thì ta có quyền ngừng thương yêu. Đây là loại tình yêu trần gian cho là khôn ngoan nhất. Còn *Agape* là tình yêu vô điều kiện được trao tặng nhưng không. Nếu đã từng dự khóa tĩnh tâm có buổi tiệc *Agape*, ta khó lòng quên được, khi ta nhận bánh và rượu tượng trưng cho Mình và Máu Thánh Chúa, đồng thời cũng nhận tình yêu *Agape* vô biên của Người.

Đây chính là thứ tình yêu tôi cảm nghiệm Thiên Chúa dành cho tôi. Tôi đồng thời cũng nhận ra từ trước tới nay, tôi đã không hề yêu theo kiểu *Agape*, mà chỉ yêu kiểu *Eros*. Tôi cân đo từng hành động, tôi so sánh từng lời nói. Tôi muốn chồng con đáp trả tương xứng với tình thương tôi cho đi một cách chọn lọc, tính toán. Trong đời sống gia đình, không ít lần tôi bực bội, «*tại sao TÔI cứ phải làm cái này, làm cái kia. Tại sao cứ là TÔI?*» Cái TÔI to như thế thì chắc chắn là tôi đã không yêu theo kiểu Chúa dạy. Yêu mà không phục vụ là chỉ yêu chính bản thân mình. Người yêu thương thật tìm vui cho chính mình bằng phục vụ. «*Chính lúc hiến thân là khi được nhận lãnh, chính lúc quên mình là lúc gặp lại*

bản thân» (Thánh Phanxicô Assissi). Điều này thường bị người đời cho là khờ dại. Trước đây, tôi không muốn bị coi là «khờ dại» nên tôi dùng khôn ngoan người đời để tính toán, so đo.

Bây giờ, cảm nghiệm được thứ tình yêu *Agape* của Chúa và ao ước đáp trả Tình Yêu Người, tôi rũ bỏ được mọi thắc mắc, so sánh hơn thiệt. Thật kỳ diệu khi ân sủng của Tình Yêu Chúa biến đổi khả năng nhận thức của con người. Khi tôi chưa ý thức được thế nào là Yêu, thì cũng làm những việc này, nhưng tôi thấy như bị bắt buộc phải làm trong tù túng và bức bối. Như người y tá được trả lương để chăm sóc người bệnh nhưng luôn than thở về công việc «hầu hạ» cực nhọc, trong khi Mẹ Theresa và đoàn nữ tu của bà lại tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong việc phục vụ không công cho những người nghèo khổ nhất. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao. Từ việc nhận thức mình là người công giáo, phải «khác» người không biết Chúa, đến ý thức mình là *cursillista* phải «khác hơn» người công giáo khác, tôi nhận ra cái khả năng phi thường của Tình Yêu thay đổi toàn bộ cách nhìn sự việc của lý trí. Quả là một mẫu nhiệm của Thiên Chúa mà sự khôn ngoan người đời khó mà hiểu được.

«Tình Yêu không bao giờ thất bại» (1Côr 13:2). Tôi nghiệm câu này chưa bao giờ sai. Trong suốt cuộc đời, tôi đã thấy tình yêu làm được muôn điều kỳ diệu. Sự bày tỏ tình yêu giữa con người không chỉ tác động người trong cuộc, mà còn làm mềm lòng mọi người chung quanh. Vấn đề chỉ là kiên nhẫn và có lòng quyết tâm. Trong một lần được gặp Đức Cha Nguyễn Văn Thuận, tôi đã được nghe Người nhắc lại câu, *«On Chúa không bao giờ thiếu, nhưng ý chí của con có đủ không?»* (Đường Hy Vọng, câu 1000)

«Ý chí của tôi có đủ không?» Mỗi ngày, tôi tự hỏi câu này. Tôi cần ý chí giúp tôi vững bước trên đường theo Chúa. Vì nếu không có ý chí. Tình Yêu sẽ làm tôi yếu mềm, cả nể, thụ động. Ngược lại nếu không Tình Yêu, ý chí sẽ biến tôi thành độc đoán, nghiêm khắc, cứng cỏi và «khó thương.»

Bài sách Cách Ngón ở trên không còn làm cho tôi lo sợ nữa. Tôi không còn thấy đó là bổn phận và trách nhiệm «ghê gớm». Mà thấy đó là con đường Chúa vạch sẵn cho chúng ta đi, thật cần trọng và thật rõ nét, không chỉ cho người đàn bà, mà cho bất cứ con người nào biết yêu thương, nhất là cho từng người *cursillistas* chúng ta. Đường dù còn rất xa, nhưng ta chỉ cần một hành trang duy nhất là Tình Yêu. Đây là loại hành trang càng cho đi càng sinh sôi nảy nở. Và Tình Yêu thật sẽ mời gọi, rủ rê thêm Tình Yêu để Tình Yêu của chúng ta có thể tăng trưởng mãi mãi.



Xuân này

Sáng nay choáng ngợp nắng vàng
Trời xanh thăm thẳm thênh thang gió đùa
Bạch dương nhánh tỏa đông đưa
Lá xanh mon mơn tuổi vừa chớm xuân
Có đôi chim lạ ven rừng
Lãng xãng xây tổ tha từng nhánh khô
Bóng ai lãng đảng mơ hồ
Mới hôm nào đó bây giờ khuất xa
Còn đây khóm lá bụi hoa
Ngẩn ngơ ngơ ngẩn ôi ta một mình
Một mình giữa cõi lặng thinh
Đường nào về chốn an bình tâm ta

Khánh Hà

Ta Chẳng Tìm Ta Cũng Thấy Ta

Nguyễn Văn Thà



*I hope it is true that a man can die
and yet not only live in others
but give them life,
and not only life,
but that great consciousness of life.*
Jack Kerouac, nhà thơ

*(Tôi hi vọng có chuyện thật là khi ai đó chết,
chết mà không những chỉ sống trong những người khác
mà còn cho họ cuộc sống,
và không những cho cuộc sống,
nhưng còn cho cả sự đại giác ngộ về cuộc sống.)*

Nam duyên tình lận đận: những người đàn bà nói dai, nói dài, nói dốt; công việc không hợp với sở thích, sở học, người làm cùng sở lại là những kẻ nhập tràng từ một cõi nhân gian càng ngày càng gian xảo, thô bỉ, ác độc. Cả hai bức bách, kềm kẹp anh lúc mở mắt cũng như trong giấc ngủ. Đôi lúc anh cảm thấy đạo lý, phép xử thế anh được dạy dỗ, thấm đẫm tự nhiên từ những ngày xưa lại là nguyên nhân của những đau khổ anh phải chịu hằng ngày. Sống giữa bùn mình phải là giun mới hạnh phúc được, hình như một hiền giả nào đó đã nói như vậy. "Một công việc lý tưởng là chuyện hiếm. Hôn nhân là cửa vào thiên đàng lại càng hiếm, như một viên kim cương phải đào hàng trăm, hàng ngàn mét khối đất cũng chưa chắc có, đá sỏi là thường. Đời là bể khổ là vì vậy." Nam có lần nói đại khái như thế trong một lần ngồi tán gẫu với Tâm, thầy giáo dạy toán cấp ba Nam gặp trên đảo tị nạn Bidong. Và nói nhiều chuyện khác nữa: chuyện thơ văn, triết lý lãng đãng này nọ, những nhận định chung chung về những hiện tượng xã hội mới trên đảo: những quy lụy trước một giống người chỉ mới đây thôi bị gọi một cách khinh bỉ "tụi Chà Dzà", những tấm lòng vàng của các bà phước người Úc, sự khinh bỉ ra mặt những người tị nạn - ngoại trừ những cô gái đẹp - từ tay bác sĩ Phần Lan thiên tả... Có bữa sau khi nghe Nam, vốn làm thông dịch viên cho bệnh viện và canh sát trên đảo, kể về những ấu ó dẫn tới đã thương nơi những cặp vợ chồng trên đảo, những vụ

phá thai, những thai nhi vạt vô tội vạ trong các bụi bờ quanh đảo, mà Nam cho là hậu quả của một cuộc vùng thoát đột ngột từ một trật tự này tới một trật tự khác, Tâm bỗng kêu lên:

"Trời ơi, mình không thể nào quên được tiếng thét của cô học trò đi cùng tàu với mình bị bắt sang bên tàu hải tặc, bị hãm hiếp, và sau đó bị chúng nó ném xuống biển. Biển lặng Thảng Ba, trời trong, nên nghe rất rõ. Một đêm trăng sáng vô chùng. Tiếng thét như một đường guom xé rách màn trắng. Xé rách mọi hi vọng của mình về con người. Trời ơi, con bé chỉ mới 16 tuổi. Ước mơ qua Nhật để học làm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ; qua Nhật, vì cô bé có người chú ruột đi du học đã lâu và có địa vị, cùng giàu có bên đó, và có cả chị gái ruột mới vượt biên qua năm ngoái."

"Sao anh biết đó là tiếng thét của cô học trò anh?"

Tâm nhướng mắt ngạc nhiên nhìn Nam một chút khi nghe hỏi, nhưng vẫn không nói gì để trả lời, mắt nhìn lung vào bầu trời xanh biển đảo. Từ ngày ấy, hai người trở thành đôi bạn tâm tình tri kỷ, và họ hứa với nhau sẽ mãi giữ liên lạc với nhau sau khi định cư.

Ngày ngày Tâm làm lúi đi đi về về phòng thánh âm để nghe băng tiếng Anh, lãnh thức ăn, vào thư viện, ngồi hàng giờ trên bãi biển, còm côi. Còm côi, cô đơn trong một thế giới ồn ào nhân cách, buông thả tính dục.

Rồi hai người cũng đến ngày chia tay. Tâm qua Nhật. Nam qua Na Uy.

Mấy năm sau, Tâm cho biết đã tốt nghiệp

điểm cao ngành kiến trúc, làm trong một hãng kiến trúc lớn ở Osaka, và sắp cưới vợ, cưới chị gái cô học trò thết giữa Biển Đông. Người ta phải tiếp tục sống, Tâm viết như vậy, một điệp khúc điệp lệ Nam nghe hoài ở đây, Na Uy. Như thế, bên Nhật cũng không khác. Nhưng hai người vẫn là bạn thân, càng ngày càng thân, thân đến độ Tâm sẵn sàng biểu Nam, hay nếu Nam ngại, mượn cũng được, để in sách, ra CD mà Nam hằng ước ao, thậm chí tiền để mua nhà, khi biết Nam qua Na Uy cả chục năm mà vẫn phải ở nhà thuê, mỗi lần phải dọn nhà là một cực hình vì lúc nào cũng mang theo cho được mấy ngàn cuốn sách, nặng cả mấy tấn. Tiền bạc sớm muộn gì cũng sẽ đánh đổ tình bạn, Nam nghĩ vậy và từ chối khéo không nhận. "Nam thiệt sĩ khí không đứng chỗ. Ăn ở như vậy thì cực chết đi, rồi sao có thì giờ yên ổn để viết sách như Nam ao ước? Cái nước Na Uy tiền nhà mắc khủng khiếp, mà Nam thì lương đâu có bao nhiêu. Gàn hết sức." – Tâm than.

*

Cạnh xưởng Nam làm, quận Alna, Oslo, có nghĩa trang Alfaset rất lớn, nằm trên một ngọn đồi thoải thoải, thơ mộng như Đồi Cù, Đà Lạt. Những bia mộ thấp thấp, hàng hàng lớp lớp, trật tự mà như quần tụ với nhau trong một trại họp bạn hướng đạo. Bốn mùa, mùa nào cũng đẹp. Xuân, hè hoa cỏ ngàn hồng nghìn tía chảy lai láng quanh những điệp trùng bia mộ như lạc cảnh xuân sơn. Thu, đông có khi sương khói tràn về, như nhận chìm, như nâng lên trăm ngàn núi đảo Đường thi. Và yên tĩnh. Càng yên tĩnh hơn nơi Khoảnh Vườn Thương Nhớ: Minnelund. Đó là một khu vườn tưởng niệm thuôn dài, rộng cả mẫu đất. Có chiếc ao tròn Nguồn Sinh khá lớn nâng cầu bán nguyệt; nước từ hồ chảy thông thả ra con suối nhân tạo bậc thang róc rách giòng nhỏ, xuống ba hồ Nhân Sinh: ấu, trưởng, lão nhỏ hơn, rồi chảy dần xuống chiếc hồ Vĩnh Cửu lớn nhất cuối vườn, những viên đá viền mép hồ tròn nở ra như những tia sáng trầm mặc, như cánh sen giác ngộ khiêm cung; và cuối vườn, gần bên kia mép hồ Vĩnh Cửu là tác phẩm điêu khắc *Những Bóng Hình* của Nico Widerberg, tạc từ một khối đá hoa cương đen, rỗng, cao hơn tầm người một chút, bốn mặt bào đen láng, vuông cạnh, mỗi mặt khoét một bóng hình người cao bằng tầm người, giống y nhau,

bằng nhau, cho người ngắm cái cảm tưởng con người nhập vào núi, vào thiên nhiên, người vào với người vô cùng, sau khi giòng chảy cuộc thế mình xuôi dần về Miền Thiên Thu. Hầu như mỗi ngày đi làm Nam đi sớm một tiếng, vào vườn, ngồi nghỉ ngơi, tĩnh tâm trên một trong những băng ghế đơn giản mà trang trọng trong đường nét cùng màu sắc, kê trong những chòm cây thâm thấp hoa nọ nhỏ. Nam ngồi đó ngắm suối, ngắm hồ nghĩ tới cõi vô thủy vô chung, nhìn mông lung bóng người chìm nổi, hay âm âm bài thơ cổ, kim của các danh sĩ; những cái vã với con vợ "đỉnh cao trí tuệ" trước khi đi làm bị nhận chìm hồi nào không hay; những xung đột sắp tới với đồng nghiệp mảnh mung, ma qui bỗng trở thành chuyện nhỏ.

*Con chuồn chuồn
Loay hoay đâu chẳng xong
Trên lá cỏ non (1)*

*Tĩnh lặng
Thắm đẫm vào đá
Tiếng ve gần xa (2)*

*Đá thom nồng
Giọt sương ẩm
Cỏ hạ hồng (3)*

*Sao cánh chim kia
Hỏi hã cuối năm?
Một con quạ (4)*

*Nghe tiếng vượn kêu:
Phải chăng vượn con bị bỏ
Trong gió thu phiêu? (5)*

*Mộ ai như lay động
Tiếng khóc than đẫm lệ
Mắt hút gió thu (6)*

*Hãy học biết tại sao
Trái Đất nặng như thế (7)*

*buổi chiều lắng
bóng chim qua
rớt lại tiếng kêu
trên hồ nước lặng (8)*

*Thì thế cỏ cây cũng rã rời
chỉ còn nhật nguyệt nổi vòng trôi*

*lá rơi như trút mùa thu xuống
con đường thành một nhánh sông trôi (...)*

*Ngoài lại chẳng đường thương khó ấy
lòng ta ràn rụa nỗi mê say
bao nhiêu hạnh phúc và đau khổ
đã ngấu thành men rượu ngất ngây*

*Rồi cũng phải đi có một mình
chẳng còn chỗ rẽ chẳng phân vân
vàng trắng vốn lẽ loi là thế
mà toả từ tâm rất dịu dàng (...)*

*Xóa đi dấu vết trong tâm khảm
Ta chẳng tìm ta cũng thấy ta (9)*

Một trưa mùa xuân Tháng Năm, khi đang ngồi như thế, và lần này ngồi nhớ về khung trời đại học, nhớ về những ngày thơ mộng với cô sinh viên Nhật học ở đại học Oslo, trong chương trình trao đổi sinh viên giữa hai nước. Nàng đẹp cốt cách, đẹp tinh thần như 100 bài thơ bài cú nàng làm và chép tặng chàng trước ngày chia tay. Bây giờ Nam ngồi đây với tập thơ ấy trong tay. Đọc với cả nỗi niềm tiếc xót. Bỗng, Nam thấy có một đoàn người vóc dáng người Á Châu đang đi tới Khu Vườn Thương Nhớ. Lại gần mới biết là người Nhật vì họ nói tiếng Nhật; một số tỏ vẻ thích thú ngắm hồ, ngắm con suối, có người còn vội vàng đưa thước dây ra đo, có kẻ loay hoay chụp hình, quay phim, nhưng khi đến trước tác phẩm điêu khắc, ai cũng chững lại, và đứng sững ngắm. Lần đầu tiên, Nam mới thấy có đoàn du khách tới xem khu vườn. Và toàn đàn ông. Rồi họ ra đi, có kẻ còn ngoái đầu lại nhìn. Khi đoàn đi ra gần tới cổng, Nam mới thấy một người đàn bà thanh mảnh đang đứng trông vời trên cầu cong bán nguyệt, rồi từ đầu hồ Nguồn Sinh khoan thai đi xuống dọc con suối, đến chỗ Nam đang ngồi, dừng lại cười mỉm với chàng rồi hỏi bằng tiếng Nhật:

"Anh đọc gì đó, đọc thơ phải không?"

Nam gật đầu sung sướng: "Vâng."

"Sao chưa ăn, đã lo đọc, không đói bụng sao?" – Ân cần, y hệt cô y tá thiện nguyện người Nhật, người tình tuyệt vời của anh hồi đó ở đảo Bidong, cũng là người đã nói với anh: "Người Nhật hơn người nước khác chút chút có lẽ họ biết nắm ngay cơ hội.", và vừa

cười cười vừa hôn anh vừa đùa: "Em là một trong những số đó, phải không tiên sinh?", khi Nam hỏi bí quyết thành công của nước Nhật. Nàng cũng là động lực chính khiến cho Nam khi đến Na Uy học tiếng Nhật, chứ không phải một ngành thực dụng nào khác, và nghề hướng dẫn khách du lịch Nhật sau khi tốt nghiệp là một nghề khó kiếm.

"Ừ, chốc nữa ăn. Đọc thơ cái đã." – Nam trả lời.

Cô nàng lại cười:

"Có thực mới vực được thơ, tiên sinh ạ. Nhưng thôi, *sayonara, sensei!*" rồi biến sau rặng liễu viên lối ra cổng.

Nam ngồi đó ngẩn ngơ, những giòng thơ, những vịnh cửu loanh quanh bỗng hóa thành chuyện nhảm. Anh đúng là một kẻ "không biết nắm ngay cơ hội", không phải chỉ lần này mà thôi. Và rồi bây giờ ngồi tro gặm bánh mì, đọc thơ. Anh bực bội đứng phắt dậy, ném tập thơ, mẩu bánh mì vào xắc, rồi quay lưng đi vào sở, thì nghe tiếng gọi: "Anh ơi, anh ơi, chờ em một chút." – bằng tiếng Việt, giọng miền Nam hân hoan. Nam quay đầu lại, thấy chính là người đàn bà lúc nãy, nhưng mặt hồng hào hơn, chạy nhanh tới, tay cầm một cành đào Nhật Bản, mỹ diện đào hoa tương ánh hồng. Nam cũng chạy lại phía nàng. Hai người gặp nhau trên cầu bán nguyệt treo trên hồ Nguồn Sinh. "Em tặng anh cành đào này cho đủ bộ hạnh phúc như trong một bài thơ bài cú trong tập thơ anh đang đọc: *Tôi bước đi buổi sáng/ Cuốn sách, chiếc bánh, cành hoa tươi/ Hạnh phúc nào hơn thế?*". Nam ngạc nhiên đến chết sững: không biết sao người đàn bà lại biết anh đọc tập thơ bài cú, còn biết cả bài mình thích mà mình vừa đọc ngay trước khi người đàn bà đến, lại còn đọc đúng cả bài dịch bởi Nam... nhưng Nam quên hết mọi thắc mắc chột đến và nói như reo:

"Trời ơi, ai mà lấy được cô, rồi có chết cũng cam."

Người đàn bà hồn hên, như đứt hơi: "Anh không phải chết đâu. Anh lấy em đi. Hãy đưa em về khách sạn nào đó, rồi tính sau. Em tính đi luôn, nhưng không muốn bỏ mất cơ hội duy nhất, quý giá này."

Không trở ngại lắm chuyện xin nghỉ làm ngay hôm đó. Và cũng không khó khăn, như

Nam vẫn tưởng, chuyện rời tổ cũ lột gai, cài mật. Khi Nam báo tin cho Tâm mỗi duyên tình bích câu kỳ ngộ, Nam rất vui và nói tình bơ: "Anh lựa câu chọn chữ thì hay, mà lựa đời chọn vợ thì dở ẹc. Minh nghĩ Ông Trời, Ông thấy tội, lần này Ông phải can thiệp cho anh."

Nàng còn tự đi kiếm và mua được một căn hộ vừa ý chàng, khang trang, có cả một thư phòng với kệ sách xinh xắn vây quanh, đủ để chứa hết sách sưu tập của chàng, lại còn một lò sưởi nhỏ hiu hiu lửa ấm. Từ ngày ấy Tâm, khi trao đổi chuyện trò với Nam, không còn cảm râm chuyện chỗ ở của bạn nữa. Cũng cần kể thêm là mỗi lần Nam chuyện trò với Tâm, nàng bao giờ cũng khép nép lui vào phòng mình. Hai người từ ngày ấy sống hạnh phúc, và không biết trên đời này ngoài họ ra có ai có thứ hạnh phúc nào như họ đang có không. Họ hạnh phúc đến độ họ hoặc quên, hoặc không có thời giờ, hoặc không cần thiết nữa để hỏi những câu hỏi lúc đầu họ cứ ngỡ là quan trọng lắm; hạnh phúc đến độ cảnh hoa đào tơ duyên độ ấy, cả mười năm nay, vẫn còn tươi, tuy rằng mỗi năm, năm cùng tháng tận, cứ rụng đi một cánh để nàng trẻ ra thêm một tuổi một cách thấy rõ. Khi chiếc hoa đào cuối cùng rụng cũng là khi nàng lại được 16 tuổi. Tôi kể là nàng trẻ lại chính xác là 16 tuổi là vì Tết đó, khi chiếc hoa đào cuối cùng rụng xuống, nàng lại thêm trẻ, thêm đẹp một cách khác thường, và tôi mong một Nam khóa thân nàng, nàng ngà ngọc, tinh tuyền, thơ ngây đến độ anh phải chảy nước mắt, thì nàng thâm thì:

"Anh có biết không năm nay em mới đúng 16 tuổi trắng tròn?"

"Đúng rồi, em của anh bắt từ. Tình yêu đích thực làm cho em trẻ ra mãi."

"....."

Ngày hôm sau, mùng hai, khi đi làm về, Nam không thấy nàng trong nhà chạy ra đón anh như mọi ngày. Anh hoảng hốt, vì điều này chưa bao giờ xảy ra trong mười năm hai người chung sống. Nàng đi biệt tích và Nam cũng không muốn báo tin cho Tâm biết, vì tuy bạn thân, nhưng Nam vẫn không muốn cho bạn biết mình bị thất bại lần nữa trong chuyện hôn nhân.

Sáng mùng ba có tiếng điện thoại reo. Nam mừng rỡ chụp máy, nhưng tiếng nói đầu bên

kia điện thoại là tiếng của Tâm, cho biết: Nhà Tâm một tháng trước Tết được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc báo là có lẽ họ đã tìm ra mộ của một người tên Nguyễn Thị Nguyệt Nga, có thể là mộ của người vợ chưa cưới của Tâm, nhờ tên hải tặc hối hận vì tội ác của mình, đã xuống tóc đi tu, và đã báo cho cảnh sát Thái để họ đi kiếm mộ trên một hòn đảo nhỏ trong vịnh Thái Lan, nơi chính hãn chôn xác người con gái. Hãn còn giữ chiếc lắc có khắc tên Nguyễn Thị Nguyệt Nga + Lê Tâm mà Tâm tặng ngày hứa hôn, trước khi cả hai cùng vượt biên mấy tháng. Hãn còn khai thêm là sau khi hiếp và quăng xuống biển cô gái, hãn ân hận ngay và, vốn là thuyền trưởng, khẳng khẳng bắt thuyền chạy tới chạy lui trong vùng biển đó để kiếm xác, cho tới ngày thứ ba thì thấy xác cô gái nổi trên biển; cũng may suốt tuần đó, vì là vào Tháng Ba, nên biển lặng tờ, do đó mới dễ thấy được xác trôi trên mặt biển. Tâm không muốn báo tin ngay cho Nam ngày được tin báo đó vì không chắc có đúng đó là di thể của Nguyệt Nga, và Tâm phải chờ mãi cho tới khi chú Nguyệt Nga đi (Nam ngạc nhiên tại sao Tâm không đi, nhưng không muốn hỏi, cứ đoán là Tâm bận.) với vợ Tâm qua Thái xem di thể, và khi mẫu di thể của Nguyệt Nga với mẫu xét nghiệm của chị gái của nàng được xét nghiệm DNA kỹ càng và được xác nhận là đúng, Tâm mới báo cho Nam. Mãi ngày ba mươi Tháng Chạp âm lịch mới đưa được di thể tro Nguyệt Nga về thờ trong nhà vợ chồng Tâm. Kể xong, Tâm bỗng cười lảng nhách, không giống Tâm thường ngày chút nào hết:

"Vậy là mình có hai vợ ở một nhà... Ông biết không, mình lúc trước yêu cả hai cô một lần; và hai cô cũng tự nhận đều yêu mình?" Và Tâm yên lặng một lúc mới nói, giọng khơi khơi: "Còn ông, cũng phải kiểm ý trung nhân khác chứ! Mà ông cũng phải qua đây một chuyến để giải sầu, và biết đâu gặp được ý trung nhân ở đây."

Nam giật mình nhưng vẫn rón nói trớ:

"Tâm nói sao? Mình có ý trung nhân còn kiếm gì nữa?"

Tâm cười hi hi:

"Ai nào biết được ý Trời. Minh khi không giờ có hai vợ thì sao!"

Thật vậy, khi cảm thấy không chịu nổi cô đơn, bất ngờ Nam đi Osaka. Và để tránh gây

phiền phức, và cũng muốn tạo sự bất ngờ, khi xuống phi trường, Nam kêu tắc xi đến cầu may địa chỉ của Tâm rồi tính sau. Thật may, khi bấm chuông lại có vợ Tâm ra mở cửa. Nam giới thiệu mình và nói lý do cuộc thăm viếng và xin lỗi vì sự đường đột. Nam hỏi Tâm có ở nhà không. Nàng đón Nam vào, rồi chỉ lên bàn thờ có hình Tâm và hình Nguyệt Nga với hai cái tiểu đưng tro đi thề trước mỗi hình, vừa ứa nước mắt vừa nói:

"Anh Tâm bị tai nạn khi đang thi sát một cao ốc đang xây cất, và chết tại chỗ."

"Trời đất ơi!"

Và nàng tiếp tục:

"Khoảng một tháng sau khi anh Tâm mất, lại được tin của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc báo tin đã kiếm được mộ em Nguyệt Nga. Chuyện còn dài, em sẽ kể anh sau, nhưng tóm lại: chú em và em cũng đưa được tro của em Nguyệt Nga về thờ." – Rồi nàng cúi mặt xuống một lúc, mới nói tiếp: "Như thế hai người bây giờ cuối cùng cũng tác hợp được với nhau... Mà xin lỗi anh, nhà em tang gia bối rối quá, quên cả báo cho anh, dù em biết anh là bạn thân của anh Tâm."

"Nhưng... anh Tâm..."

"Nhưng anh Tâm sao anh?"

Nam ngập ngừng:

"Thôi quên đi... Không có gì trọng... Tôi chỉ lẫn lộn một chút về thời điểm."

"Vâng, tùy anh."

Sau khi ngồi xuống ghế và nhấp xong chén trà thơm, ngon, hai người bình tĩnh hơn, Nam mới nói:

"Thật lạ, Nguyệt Nga sao giống người yêu của tôi quá và giống cả cô nữa."

Nàng cười nụ, liếc sắc:

"Anh nói thật hay đùa vậy? Nhưng em nghĩ cũng không có gì lạ đâu. Chú em có lần nói: Một thiền sư đã nói trong một công án: Mọi mỹ nhân đều giống nhau, mà anh."

"Trời đất, nghe cô nói, tôi mới ngộ ra!"

Cả hai cùng cười.

"Em có nghe anh Tâm kể về mối tình bích câu kỳ ngộ của anh... Mà sao anh không đưa cô ấy sang đây chơi?"

Nam ngần ngại:

"Thú thật, cô hỏi, tôi mới nói: cô ấy, một ngày kia tôi đi làm, biến đi đâu mất. Thiệt như trong tiểu thuyết lá cải."

"Em nghĩ giống Giáng Tiên trong truyện Bích Câu Kỳ Ngộ thì đúng hơn."

"Không đâu. Tôi nghĩ lý do ra đi của người yêu tôi tầm thường thôi, chứ không cao quý như thế."

Nàng nói giọng vỗ về:

"Thôi anh đừng giận cô ấy chỉ cho tội nghiệp."

Khi chia tay đi khách sạn, nàng bỗng cầm tay Nam, cảm nhẹ ân cần:

"Anh đừng buồn phiền mà sinh bệnh. Mọi sự trong trời đất này đều lặp lại, có đi có về, chỉ khác nhau cái vỏ ngoài. Cái vỏ sau thường tốt đẹp hơn vỏ trước. Nếu không thế, vũ trụ sẽ không còn tồn tại. Anh Tâm lúc sinh tiền từng nói như vậy."

Từ đó người ta lại thấy Nam ngồi trong Khoảnh Vườn Thương Nhớ. (11)

Chú thích:

(1), (2), (3), (4), (5), (6) thơ bài cú (haiku) của Matsuo Bashō: *Tùng Vĩ Ba Tiêu*./NVT dịch.

(7) *Apprends pourquoi la Terre est si lourde à porter*, của Pierre Emmanuel./NVT dịch.

(9) của Khánh Hà.

(10) của Cung Vĩnh Viễn, tựa đề truyện lại là một câu thơ của bài trên.

(11) Có bữa, bà xã dặn Thà khi đi làm ca chiều-tối, nhớ mua ổ bánh mì cho cháu gái ngày mai đi nhà trẻ (cháu tuyệt đối chỉ ăn bánh mì buổi sáng), nhưng Thà ngồi rần mấy phút để viết cho xong truyện, nên trễ chuyên xe buýt, trễ việc, không mua được, sáng mai bé sẽ khóc um. Xong việc lúc 23.15, khi đi ngang côngnghĩa trang Alfaset để ra trạm xe buýt, trời tối đen, mà Thà, mắt kém, vẫn thấy nguyên một ổ bánh mì còn trong gói ny lông nằm ven đường cạnh côngnghĩa trang. Lượm đưa về. Sáng mai, bà xã hỏi: "Hôm qua, anh sao sang, mua bánh mì loại ngon, mắt tiền như vậy?" Ai làm rót, hay là từ các đấng anh linh điệu nghệ?



Thơ Dương Kiên

Thuyền Chưa Đưa

*Đường Sài Gòn bụi mù,
Mẹ cầm tấm vé số,
Đi bán những ước mơ.*

*Hẻm Sài Gòn hun hút,
Mẹ gánh một gánh chè,
Rao bán vị ngon ngọt,
Sao miệng mẹ đắng lè?*

*Đường Sài Gòn nhộn nhịp,
Ai mà nghe em rao,
Nắng đổ lửa rát mặt,
Thèm một trận mưa rào.*

*Đêm Sài Gòn đổ lạnh,
Mẹ nằm co chân cầu,
Bạn với con chó ốm,
Chạy hoang sủa gâu gâu.*

*Mẹ ơi! Mẹ ơi!
Bao giờ mẹ hát ví dâu,
Ấy con sông cái lớn,
Ấy nhịp cầu dừa duyên,
Sài Gòn đêm ngủ không yên,
Xa xôi là thế (mà) con thuyền chưa đưa.*

Rao

*Ai ăn khoai không?
Ai mua xoài không?
Năm mươi củ khoai,
Hai ba trái xoài,
Mẹ đi miệt mài,
Qua phường qua phố,
Qua bao cơ khổ,
Nuôi chồng nằm bệnh,
Nuôi con cơ nhỡ.*

*Kiểm ba chục ngàn,
Trăm nghìn gian nan,
Nắng bỏng đường nhựa,
Mặt trời chói chang.*

*Bóng mát còn xa,
Có đâu gốc đa,
Cho mẹ ngồi tựa,
Tìm đường về nhà,
Ngón ngang đường phố,
Mắt chan lệ nhòa.*

*Ba củ khoai ế
Nghẹn cổ mẹ già.*



Bà Tôi

(Viết để tưởng niệm bà nội)



Nguyễn Tấn Vinh

Khi tôi bắt đầu biết nhận thức, thì thấy bà là người đàn bà vóc dặc hơi thấp, nhưng vừa người. Răng bà to và đen, nhưng không phải "đen nhánh hạt huyền" kiểu mấy bà Bắc nhuộm răng mà có lẽ là do ăn trầu lâu năm. Điểm đặc biệt ở bà là cái đầu trọc. Bà chăm lo công việc nhà cửa, ruộng vườn, không hề sai biểu con cháu, chuyện gì bà cũng tự cáng đáng.

Bình thường bà được gọi là bà Hai, bác Hai...là theo thứ của ông nội tôi và gọi bà Ba, bác Ba là thứ của bà. Bà thứ ba trong gia đình. Tên thật bà là Phan Thị Ngưu, có lẽ do cái tên này vận vào mà đời bà rất cực khổ, người ta thường nói là *cực như trâu* mà! Nghe kể ông cố ngoại là thầy thuốc Bắc, có nghĩa là dư thừa chữ nghĩa để đặt cho con gái một cái tên hay, không dè cụ nhớ đến ngưu lang chức nữ. Khiến bà tôi phải chịu chữ Ngưu cho em trai kể bà được tên Lang (và về sau ông này không biết có phải nhờ chữ lang không mà đã nổi nghiệp cha làm thầy thuốc). Không nghe nói các em kể của bà nội tôi có ai tên Chức và Nữ không? Chứ bà có 2 người em nữa tên liền là Danh và Vọng.

Nhân vụ đặt tên này, tôi được biết có cụ lời câu "cầm kỳ thi họa" ra đặt tên con, vô tình chữ họa nhằm ngay cô con gái xinh đẹp, thế mới khổ cho cô cả đời phải mang cái tên không ai chuộng này!

Sau này lớn hơn một chút, tôi mới được nghe kể: khoảng năm 1945-46 xuất hiện phong trào Thanh niên tiên phong ở Sài Gòn, thu hút giới thanh niên, sinh viên, học sinh rồi lan ra các tỉnh. Rồi tới phong trào Việt Minh. Nhà cầm quyền Pháp mở ra những cuộc bắt bớ những người tình nghi có tham gia hoạt động chống chúng. Thế là

trong xóm tôi có vài người bị bắt. Sau một thời gian bị giam giữ, họ mắt tích luôn, nghe nói là ban đêm Tây đem ra cầu tàu trên bờ sông Cái (Tiền giang) bắn và xô xuống sông. Rồi tới lượt ba tôi lúc ấy đang là giáo viên dạy học ở trường tỉnh cũng bị bắt, cầm chắc cái chết trong tay. Bà cầu khẩn đủ điều và trong đó có việc nguyện xuống tóc để cầu cho ba tôi được thả. Không biết là do sự ngẫu nhiên hay Phật trời cảm ứng mà rồi ba tôi được thả ra, nhưng bà tôi vẫn không để tóc lại, cứ cạo đầu hoài, nói là cạo đầu quen rồi, cứ cạo luôn cho mát! Khi tóc bà mọc ra lún phún và bạc trắng thì thấy đầu bà như một thúng bông giống như bà mẹ chồng trong câu ca dao: *...Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông*.

Thế rồi trong một cuộc ruồng bỏ, nhà ông nội tôi bị Tây đốt, nên gia đình phải tản cư lánh nạn rày đây mai đó. Khi thì ở đậu nhà người tốt bụng, khi thì dựng chòi ở tạm. Trong thời gian đó thì chừng năm ba ngày lại có tin Tây bố, thì người với mừng mền, gạo thóc, nôi niêu, son chảo chất hết xuống chiếc xuồng ba lá rồi bơi đi về hướng xa, qua làng khác. Bà có tánh hay lo, sợ xuồng chở khẳm chìm, nên cứ lâu có xuồng nào đi gần cũng đều cất tiếng hỏi: "Cô ơi/ chú ơi, coi giùm xuồng tui có khẳm quá không?".

Những ngày "bình yên" không phải chạy Tây thì bà bày ra làm bánh trái cho con cháu ăn. Thôi thì đủ thứ, thứ nào ngoài chợ có bán thì bà đều có làm, có khi còn hơn nữa. Nhờ vậy mà bây giờ khi tán gẫu với bạn bè về đề tài này thì tôi có kiến thức rất phong phú.

Có lúc vào nửa đêm có "mọt chē" của Tây từ thị xã bắn vào. Bà lôi các cháu xuống hầm núp ở dưới bộ ván ngựa, miệng hốt hoảng luôn nhắc nhở con cháu niệm Phật.

Tôi là cháu đích tôn nên được bà đặc biệt

cung chiều, cái gì cũng được ưu tiên. Khi tôi bị ba má đánh đòn, thì bà bênh vực, can ngăn, không được thì nói lầy: "*Bây đánh nó cho chết đi mới vừa bụng hả!*", thế là ba má tôi phải buộc lòng tha Tào một phen.

Khi tôi "ề mình" nằm một chỗ thì bà đi ra đi vô sờ trán xem nóng lạnh ra sao. Khi thấy tôi nằm lì một chỗ thì biết tôi bệnh thật chớ không phải giả bộ, thì bà mời thầy coi mạch hốt thuốc cho uống. Ôi thôi thuốc Bắc đắng thấu trời xanh, phải nhắm mắt nhắm mũi mà uống, dòm trước dòm sau không thấy ai thì đồ bót. Khi tôi bị u nhọt thì bà đi vật mù u lấy mù làm thuốc dán cho tôi. Đến mùa nóng nực, bà hay đi cạy mù trôm về ngâm với hột é, đười ươi ăn cho mát. Những buổi tối bà hay luộc khoai lang cho chúng tôi ăn. Vừa ăn vừa nghe bà kể đủ thứ chuyện nào "Thạch sanh chém chằn", tới "Thoại Khanh, Châu Tuấn", Phạm công-Cúc Hoa, Con Tằm, con Cám... Có khi bà còn đọc về như bài Tập tầm vông, mà tôi còn nhớ lôm bôm: Tập tầm vông, Chị lấy chồng em ở giá, Chị ăn cá, em mút xương, Chị nằm giường, em nằm đất, Chị hút mật..... Và đặc biệt có bài về mang tính thời sự nói về tù nhân thời Pháp ở Khám lớn hay Côn đảo... mà tôi chỉ còn nhớ được vồn vồn có một câu mô tả giờ cơm tù: "Cơm dọn hai hàng như làng ăn trùng cừ". Sau này tôi có ý dò tìm bài về này nhưng không tìm đâu ra.

Khoảng 1953-54 thì gia đình hồi cư về quê cũ ở gần thị xã, tôi bắt đầu được đi học ở trường làng. Mỗi buổi đi học, sợ mấy đứa em phân bì, bà kín đáo nhét vào tay tôi vài đồng bạc để ăn hàng. Vài năm sau tôi đòi trường xa hơn. Thời đó hay có những đoàn sơn đông mãi võ của người Hoa bán thuốc dán, thuốc rượu: "*Tả lù lên (lùng..tùng xềng)...ông Hai bên này một chai rượu nhưt mới, chị Tư bên kia một chai thuốc nhưt dăng..*". rồi các trò phóng dao, nhảy vòng lửa, cắt thịt chảy máu rồi dán thuốc cầm máu... Thật là quyến rũ đối với lũ học trò quê. Chúng tôi coi thật là say mê quên về dù trời nhá nhem tối.

Hễ hôm nào gặp đám sơn đông dọc đường thì tha bị đòn nát đít chớ đứa nào cũng nhứt định ở coi cho tới hết... thì có khi tới mịt mới về tới nhà. Mỗi khi tôi về trễ, gần tới nhà thì đã thấy bà đứng đón, bàn tay khum khum che ngang mày để nhìn cho rõ và còn hỏi: "Thằng V. đó hả con? Dia mau đi, ông nội

mày hăm mề răng đó!". Về nhà bị ông nội hay ba má la rầy thì có bà đỡ cho. Vì lý do tàn cư, nên phải đi học trễ, nên học tới lớp nhì, lớp nhứt (lớp 5, lớp 6 ngày nay) thì đã lớn xộn rồi. Má tôi bắt phải tự giặt quần áo lấy thì bà lại can thiệp: "*thằng nhỏ tay churn mấy chút mà bắt nó giặt đồ có sạch sẽ gì đâu*", rồi bà biểu để đó bà giặt cho. Đến khi tôi vào Trung học, hồi đó thanh niên có "mốt" chải đầu láng mượt bằng bri-dăn-tin, nên ít cậu nào chịu đội nón, cho nên mỗi bữa thấy tôi dắt xe đạp ra là bà nhắc đội nón "*trời nắng chang chang để đầu trần bình chết ghen con!*" Cứ thế bà nhắc hoài khiến tôi đâm bực mình.... Sau này tôi có đọc tập truyện "Sông Mỹ sông Việt" của tác giả bác sĩ Huỳnh Hữu Cừ cũng có kể chuyện thuở mới lớn cũng từng lấy hột buri ngâm cho ra nước nhót để chải tóc cho láng!

Bình sanh bà tôi thích món bí rợ hầm dừa, đó là món bí rợ nấu với nước cốt dừa như chè ăn rất ngán, mà bà thì ưa, hay nói "*nữa tao chết cũng tao món này là được*". Những lúc chuyện trò thân mật với bà con, bạn bè thân, bà thường hay nói: "*Tui chỉ trông sống tới thằng V. cưới vợ, để được thấy mặt con cháu dâu*". Lúc đó tôi mới mười mấy tuổi. Mỗi lần nghe nói tới chuyện vợ con thì mắc cỡ đỏ mặt, chạy tránh chỗ khác. Một buổi sáng gần Tết, một người bà con từ quê lên Sài Gòn báo tin bà qua đời. Đó là năm 1964, tôi đang học lớp đệ tam, ba má bận bịu công việc, sai tôi về dự đám tang bà.

Mãi lo việc học hành, đến năm 1972 tôi mới "cưới vợ". Thế là bà không được toại nguyện cái mơ ước đơn sơ là "*được thấy mặt con cháu dâu*".

Thế rồi vận nước truân chuyên, tôi cùng số phận với hàng triệu anh em khác phải mang kiếp lao tù oan nghiệt. Sau khi được thả, tôi cùng vợ và con gái đầu lòng về thăm quê, nơi ngôi nhà ông bà nội ở, nơi anh em tôi trải qua thời thơ ấu, nay do bà cô quản lý, coi như nhà từ đường, thấp hương cho vợ lấy ra mắt ông bà. Chắc trong cõi vô hình bà đã "thấy mặt con cháu dâu vợ thằng V. rồi!".

Năm 1978, vợ chồng chúng tôi cùng 2 con nhỏ một gái một trai vượt biên, chắc nhờ phước đức ông bà và chắc cũng có sự phù hộ của bà cho đứa cháu thân yêu mà chuyến vượt biên của chúng tôi được trót lọt, may mắn được tàu của vương quốc Na Uy vớt,

được cho vào định cư ở Na Uy từ năm 1979, được trợ giúp làm lại cuộc đời từ hai bàn tay trắng. Đời sống an cư lạc nghiệp, con cái học hành theo đúng sở nguyện của chúng và sau đó đã có công ăn việc làm thích đáng, có nhà cửa riêng ở tại thủ đô Oslo.

Thời gian thấm thoắt, ngày nay tôi đã ở vào độ tuổi "cổ lai hy", nhớ lại vô vàn kỷ niệm êm đềm của đoạn đời thơ ấu sống cùng ông bà nội, cô Năm, thiềm Tư, 3 em ruột tôi là Khánh, Châu, Phương và các em họ là Xuyên, Hùng, Dũng và Việt thật bàng hoàng cảm xúc.

Năm 2005, tôi có dịp trở lại mảnh vườn xưa, ngôi nhà cũ, nhìn lại cảnh cũ mà thiếu vắng người xưa. Bạn bè một thời rong chơi, có người đã qua đời, có người thất tán. Lòng bồi hồi cảm khái. Tất cả như một giấc mơ thoáng qua. Về lại Na Uy, tôi có ghi lại trong bài thơ "Chiêm bao" sau đây:

*Ta về thăm quê cũ,
Xóm làng xưa thân thuộc đâu còn.
Đưa cháu giăng cho ta cái võng
dưới tàn cây vù sữa.
Bồn bèo yên ắng,
Đồng vọng tiếng chim cu
ngày sắp Tết.
Bìm bịp kêu nước lớn.
Giòng nước đục phù sa
chảy lờ đờ từ vàm vô ngọn
đem theo những đám lục bình.
Vẫn còn cây dừa lão năm xưa
chim chìa vôi làm ổ trong bông.
Có con chim sâu nhỏ
chuyến trên cành cây cam còi cộc,
kiến vàng đã bỏ đi.
Hàng rào bông bụp không người tia xén.
Um tùm
Những chậu kiếng xác xơ
như đời người dâu bể.
Ôn chuyện cũ ấu thơ,
Những ngày xưa rất vội.
Tan như bong bóng mưa.
Ta bỗng thương đời.
Ta bỗng thương mình.
Đời cứ thế hay sao?
Đêm mịt mùng tăm tối,
Trời đất mang mang.
Đốt mẫu nèn lên soi
Bạch lạp vẫn sầu muôn thuở trước
Nhỏ hoài lệ trắng xuống thiên thu!.....*

Những người thân yêu cũ: ông nội, bà nội, ba, má, cô Năm, những bạn bè, những người hàng xóm láng giềng xưa hồn ở đâu bây giờ?!

Cô gái múa bụng

Cô gái múa bụng chừng mệt lả,
Nhưng nhạc còn vang, cô phải theo.
Nảy ngực, ngoáy mông và lắc bụng...
Như là người máy thể mà thôi!
Bỗng cô thấy đầu nặng, mặt xây xẩm,
Rồi cô khụy ngã xuống sàn diễn
Người ta khiêng cô khỏi sân khấu
Nửa giờ sau xe cứu thương tới
Xe hú còi inh ỏi chờ cô đi,
Lơ mơ cô thấy mình về nhà,
Đứa con đói sữa vô lấy cô
Mẹ già thều thào hỏi "sao con về trễ vậy?"
Giường bên anh chồng say ngủ ngáy to
Hắn cứ ăn no và cứ ngủ,
Tiền bạc phó mặc cô lo.
Trong phòng cứu cấp, người ta tắt bật làm
nhiệm vụ....
Cô chỉ biết mình đang cho con bú.

Đăng Trình
(Sharm -el Sheikh 01/2013)



thơ Phụng Long



Cho nên nhân thế mới thường tương tư

Hồn thơ vương dẫy ngân hà
Bao ngàn sao rụng tuôn ra nhiệm màu
Roi vào trong mối tình đầu
Nở ra một đóa tình sâu đậm đà
Roi vào phú quý vinh hoa
Ôi chao! Chốn ấy tim ta lụy phiền
Roi vào hoang đảo thần tiên
Sao nghe hoang lạnh phiêu diêu dật dờ
Roi vào ở giữa cơn mơ
Ta nghe điệu nhạc tuổi thơ vọng vào
Roi vào nỗi nhớ cuộn trào
Mới nghe thấm thía buồn sao là buồn
Roi vào trong cõi vô thường
Sao ta lạc lõng tình thương của người
Hiện thân ở giữa cuộc đời
Tâm ta xao động buồn vui xa gần
Mới hay trong cõi phong trần
Cả khung trời vắng muôn ngàn vấn vương
Vì đời thiếu vắng tình thương
Cho nên nhân thế mới thường tương tư.

Xuân Tha Hương

Xuân đến rồi sao, hỡi xuân ơi!
Xuân về vào lúc tuyết đông rơi
Trời đông se lạnh, lòng xa xứ
Thắm tận hồn phai giữa xứ người

Mai đâu bỗng nở giữa trời đông
Bông vàng sao ấm được nỗi lòng
Nhụy rơi! Rơi rớt vào nhung nhớ
Nhớ quê hương xa với núi sông

Ai mời xuân đến, đến làm chi
Xuân đến rồi xuân bỏ xuân đi
Khiến kẻ tha phương sầu da diết
Sầu thâm lòng người nỗi phân ly

Đã van nài mà xuân chẳng tha
Mỗi năm xuân làm héo lòng ta
Hỡi xuân có đem lại hơi ấm
Buồn kia phiền muộn kẻ xa nhà

Rượu xuân, men chất ngát cơn say
Lòng héo chờ vợ phận lưu đày
Ta nhớ xuân về trong dĩ vãng
Hồn ta ray rứt đến hôm nay

Cõi Thơ Đem Trải giữa Mênh Mông

Thanh Trà

Tơ Trời Mong Manh là tập thơ thứ hai sau tập Biển Đồi mới ra mắt thành công năm ngoái.

Trong tập này, như thi sĩ bao đời, Phụng Long say đắm với tám nhan sắc: Tóc em dài lấp đôi vai nhỏ/ Nụ cười em trải tấm trắng quê / Nắng vàng mê mẩn làn da mịn/ Ngọn gió say sưa vén tóc thề.

Và nàng đang bơ vơ: Tình đời luôn mờ ảo/ Ai đợi chờ trong đêm/ Tình người như hoang đảo/ Xa vơi cả tim em/ Ánh đèn đêm le lói/ Lưng chùng giữa khoảng đèo/ Em lặng cảm thâm hời/ Cuộc tình nào em theo.

Thì ngày hạnh ngộ đến: Anh đến như cơn mộng/ Hơi ẩm quện ngập phòng/ Lòng em xuân hoa nở/ Hoa đỏ cả dòng sông. (xin nhớ là ngập phòng, chứ không ngập lòng đã trở thành điển lệ.)

Và: Xuân nay đã trở lại/ Vết thương xưa đã lành / Tình em đầy hoa trái/ Em dành hết cho anh

Trong tình yêu không chỉ có xuân tình, có chính nguyệt, có sum vầy: Chỉ là một mảnh trăng tà/ Sao em dứt bóng đời ta một mình/ Chỉ là một buổi chiều êm/ Ta về bỗng thấy tim mình đơn côi// Tình yêu là chiếc bóng thủy tinh/ Quanh năm chỉ bóng thiếu cả tim/ Đêm về bật điện đèn không đổi/ Mờ rõ tình kia tình vô tình// Em đi làm gãy câu thơ

Tình đâu để viết để chờ để mong

Thi sĩ, về mặt tình yêu vốn đòi hỏi hơn người thường, tim dễ bị tổn thương hơn, nhưng cũng là kẻ thông minh hơn người trong tình yêu để nhận ra tình yêu chân chính đã hiện dâng cho chàng, cả dưới lớp bùn tách khí, sau màn bụi thời gian: Trải qua năm tháng hư hao/ Nhan sắc có lạt, tình trao vẫn đầy/ Tim kia không rệu vẫn say/ Ngộ ra mới biết lòng đầy yêu thương.

Tình yêu đôi lứa mặn nồng là thế, tình hiếu thảo với cha mẹ, nhất là mẹ, cũng chất ngất, và Phụng Long đã viết lên được những dòng thơ hay: Tối qua quá khứ ghé qua đây/ Nhắc con kỷ niệm những vui đây/ Công cha năm cũ cao vơi vơi/ Nghĩa mẹ ngày xưa quá ngập đầy.

Hay: Mẹ có biết không hỡi mẹ/ Thân con lưu lạc tận phương trời/ Mỗi đêm con vẫn hằng nhung nhớ/ Thương bóng mẹ già dạ tá toi.

Đã có người nói "lòng mẹ bao la như biển

Thái Bình" nhưng nơi Phụng Long lòng yêu thương của mẹ còn: Ngàn thơ cũng chẳng hết lời/ Một lòng mẹ chứa cả trời yêu thương

Phụng Long không chỉ nói về tình, mà còn có những bài nhận ra ý nghĩa đích thực của cuộc đời, hay đúng ra của trò đời xoay vần: Tóc trắng bạc đầu hiểu cái ta/ Cái mình mong ước kiếm không ra/ Cái không nghĩ đến thì luôn đến/ Thấu hiểu sự đời thấy xót xa.

Đáng ngạc nhiên hơn nữa, Phụng Long còn có nhiều bài khai triển những ý niệm Phật Giáo rất sâu, rất hay: Đêm nằm nghĩ mãi cái hư vô/ Ngẫm cái căn khôn thật vô bờ/ Mời hay phận người nhỏ bé quá/ Hồn thì phiêu lãng, xác chơ vơ.

Hay: Mấy mươi năm nhăm đọc kinh/ Mời hay kiếp trước phận mình hôm nay/ Duyên là ở tận tâm này/ Nghiệp là quả chứng mình bày kiếp xưa/ Nghiệp duyên cứ mãi đong đưa/ Nắng vừa hé sáng lại cơn mưa chiều// Thân ta theo bước thiền sư/ Đùng sai, sai đùng, thiếu dư không lời/ Hữu vô nguyên lý cuộc đời/ Mây tan đây nước hữu còn hay vô.

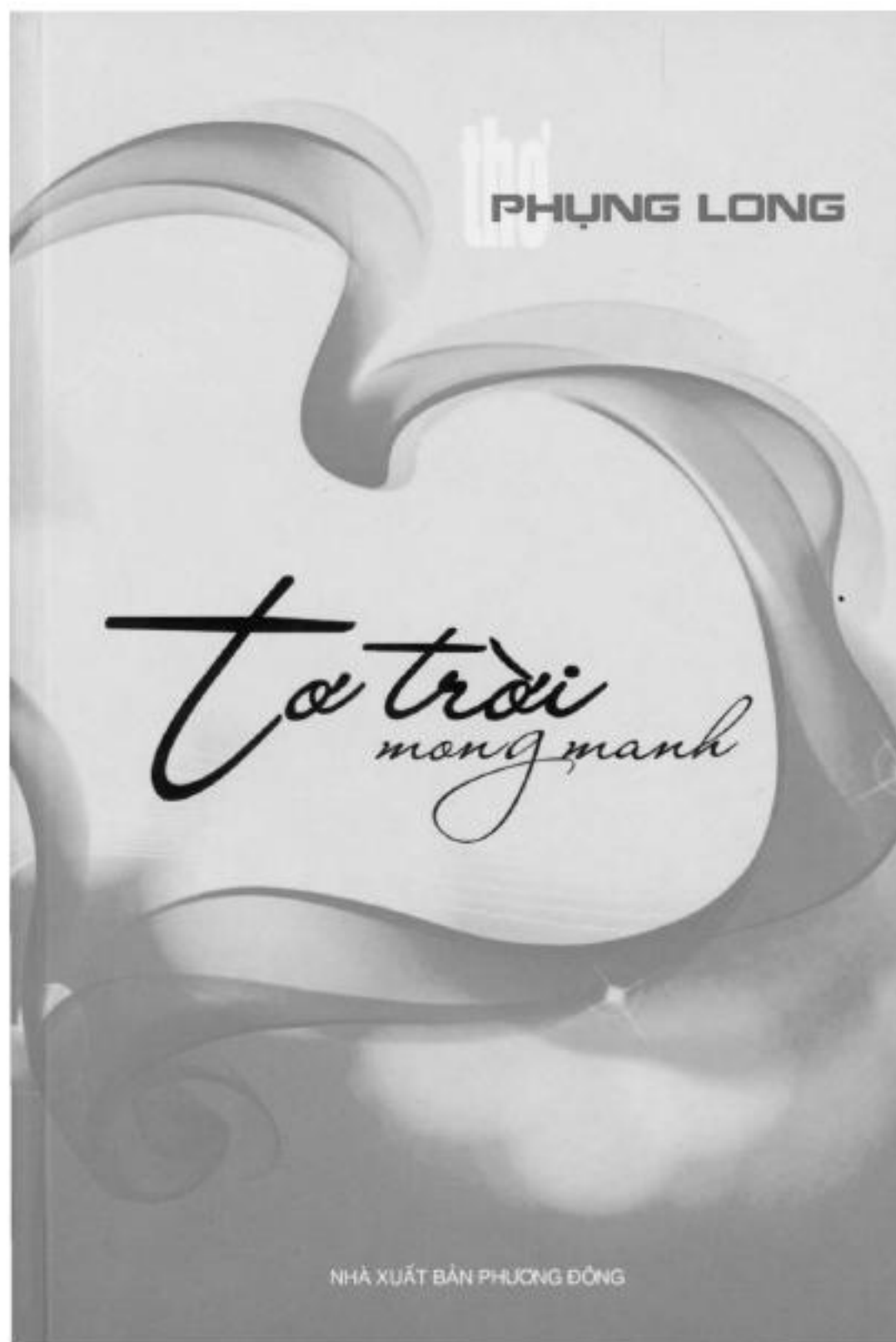
Có nhiều bài thơ như thế với những ý niệm Phật giáo, nhưng không có một bài thơ nào về Chúa, về Mẹ Maria nào, dù Phụng Long là một người Công giáo ngoan đạo, sinh trưởng nơi giáo xứ Phú Cam, Huế, nay đang ở giáo xứ Bærum. Xứ Huế của thành quách thu không, của đại hồng chung đã thắm đẫm chàng thi sĩ hời nào không hay. Xin đại ngôn một chút: Nơi loại thơ Phật giáo này của Phụng Long người ta có thể thấy được một tiêu bản (prototype) của một người Việt về mặt tinh thần, một tiêu bản rất cần thiết: **khiêm tốn, bao dung**, cho công cuộc xây dựng một xứ Việt của bây giờ, của mai sau, một đất nước đã bị chia rẽ nhiều về mặt tôn giáo. Bây giờ cũng chưa muộn.

Chàng thi sĩ yêu tình yêu, yêu lẽ đời, yêu đạo đến thế, nhưng nhiều khi chẳng được đáp lại, mặc chàng có van xin: Mong người tri kỷ thương thơ với.

Nhưng tri kỷ xưa nay vốn hiếm, nên: Thôi thì ta về với thơ/ Mượn thơ đi trợn giấc mơ kiếp người.

Ấu cũng là số kiếp thi nhân.

Oslo, 16 I 2015



Gấm Kiều

Đêm khuya nằm đọc truyện Kiều
 Mà tâm trần trở những điều trớ trêu
 Vương ông sinh đẳng hai Kiều
 Song Kiều tài sắc lụy nhiều hơn vui
 Mười lăm năm ôm ngậm ngùi
 Sóng đời xao động ngọn triều mãi dâng
 Sợi tình lại quá mong manh
 Buộc bao duyên nợ chỉ mảnh treo chuông
 Đêm về ôm cả nỗi buồn
 Để cho lòng cũng phải tuôn lệ sầu
 Bao năm vương vấn buồn đau
 Mảnh trăng gãy với nhịp cầu qua sông
 Lòng chia với nỗi nhớ mong
 Mảnh đời chia lửa thấp trong cõi người
 Thảng năm sầu với cuộc đời
 Nửa trong chết lịm, phận ngoài sắc không
 Cuộc đời sắc sắc không không
 Người hòng ra khỏi, kẻ mong chui vào.

Bước Thiền Sư

Thân ta theo bước thiền sư
 Đúng sa, sai đúng, thiếu dư không lời
 Hữu, vô nguyên lý cuộc đời
 Mây tan đáy nước hữu còn hay vô.

Nỗi Lo Của Tóc

Trời ban mái tóc che đầu
 Khi mưa, lúc nắng, dãi dầu đêm sương
 Sợi nào là để em thương
 Sợi nào thức cả đêm trường mệnh mang
 Sợi nào bạc với thời gian
 Sợi nào trắng nỗi lo toan cùng người
 Sợi nào chọc để em cười
 Sợi nào thêm bớt tuổi đời đa đoan
 Sợi nào lúng túng giải oan
 Sợi nào anh kết đem vào trong thơ
 Sợi nào tối ngủ còn mơ
 Sợi nào ru với tuổi thơ mộng vàng
 Sợi nào lên thẳng thiên đàng
 Sợi nào lạc bước đày sang thế trần
 Sợi nào vương biên ái ân
 Sợi nào giữa cõi phong trần vẫn say
 Sợi nào theo vết chim bay
 Sợi nào nghe tiếng tình quay trở về
 Sợi nào lạc giữa cõi mê
 Sợi nào vượt biển để về bên em.



Đề Tưởng Niệm Một Người Anh –

Sau Bốn Mươi Năm Tan Đàn Xẻ Nghé

Phạm Tín An Ninh

Lần cuối cùng tôi gặp lại anh, khoảng tháng 7 năm 1978 tại Nghĩa Lộ. Trong những người tù ốm o đang vác những bó nứa, băng qua khu ruộng khô mà đám tù chúng tôi đang “lao động”, bất ngờ tôi nhận ra anh, khi anh hỏi xin bọn tôi một ngụm nước. Tôi ngỡ ngàng đứng nghiêm đưa tay lên chào:

- Đại Tá!

Anh nhìn lên, nhận ra tôi và nở nụ cười:

- Mi ở đây à? Chừ còn tá với tướng chi mi. Mi khỏe không?

Tôi đưa cho anh lon guigoz nước rồi nắm lấy tay anh. Anh gầy hơn xưa nhiều, chỉ có nụ cười vẫn vậy, không thay đổi. Chưa kịp hỏi anh ở trại nào và vợ con ra sao, thì tên vệ binh hét: “không được quan hệ linh tinh, khăn trương về trại”. Tôi phụ đưa bó nứa lên vai anh. Bước đi, anh nói vọng lại một câu:

- Mi nhớ giữ gìn sức khỏe hi!

Có một thời báo chí và nhiều người gọi anh là “Người hùng Ban Mê Thuật”. Điều đó rất xứng đáng. Khi chỉ có trong tay một tiểu đoàn và được tăng cường Đại Đội 23 Trinh Sát tinh nhuệ, nhờ hăm hồ công sự vững chắc, anh cùng đơn vị đã phải chiến đấu đơn độc nhưng thật quyết liệt can trường trước nhiều đợt tấn công biền người của địch, giết hằng trăm địch quân và bắn cháy nhiều chiến xa T-54, giữ vững vị trí đến sau khi cả thành phố Ban Mê Thuật đã lọt vào tay giặc gần một tuần trước đó. Ngày 17.3.75, một lực lượng địch đông đảo có nhiều chiến xa kéo đến bao vây tấn công để bằng mọi giá phải nhổ cái gai làm chúng vô cùng căm tức. Với hàng ngàn quả pháo, chúng muốn san bằng cái cứ điểm cuối cùng mà đơn vị anh đang thủ, quyết sống chết trong căn cứ B50 bên cạnh phi trường Phụng Dục, cách thị xã Ban Mê Thuật 8 cây số về hướng Đông. Anh đã cùng đồng đội vẫn không nao núng, đánh thật đẹp một trận đề đòi. Một số binh sĩ hết đạn, anh ra lệnh cho thu nhặt súng đạn của địch để đánh lại địch. Rất tiếc, phi vụ tiếp tế thả dù cuối cùng không may rơi ra ngoài vị trí, lương thực và đạn dược đã cạn kiệt. Anh

khôn khéo lừa

địch, cùng những thuộc cấp sống sót mở đường máu lúc nửa đêm, phân tán thành nhiều toán nhỏ, vài toán rút về hướng Lạc Thiện, vài toán đi về khu làng Thượng thuộc tỉnh Tuyên Đức, riêng anh cùng một toán trên 20 người đến được Phước An, hai ngày trước khi quân ly cuối cùng của tỉnh Darlac này rơi vào tay Cộng sản. Anh và đồng đội đã tạo thêm một huyền thoại trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Đặc biệt, anh cũng là cấp chỉ huy trực tiếp cuối cùng của tôi vào những giờ thứ 25, trước khi Quân Lực VNCH bị bức tử, để những chiến sĩ anh hùng như anh phải đành đau đớn tức tưởi kết thúc binh nghiệp nửa đường.

Vào đầu tháng 4/75, QĐ II&QK2 lần lượt lọt vào tay giặc, sau những cuộc triệt thoái tồ tề và bi thảm nhất trong lịch sử chiến tranh. Hầu hết quân nhân các cấp thuộc các Sư Đoàn và Tiểu Khu thống thuộc còn sống sót đã tiếp tục di tản vào Bình Tuy, Vũng Tàu, Sài Gòn. Được lệnh của Bộ TTM truyền đi trên các đài phát thanh, truyền hình, kêu gọi “đến trình diện tại Trại Chí Linh, Trung Tâm Huấn Luyện XDNT Vũng Tàu” để sau đó được bổ sung tái lập một sư đoàn duy nhất: Sư Đoàn 22BB với Thiếu Tướng Phan Đình Niệm tiếp tục làm tư lệnh, đặt dưới quyền sử dụng của Quân Đoàn III.

Không ngờ số lượng đến trình diện thật đông đảo. Đa số là sĩ quan, chỉ có khoảng một phần ba là hạ sĩ quan và binh sĩ. Khi lang thang đi tìm mấy thằng bạn cùng đơn vị cũ, xem ai còn ai mất sau trận chiến Khánh Dương và một số phải di tản theo Tỉnh Lộ 7B oan nghiệt, bỗng tôi nghe trên loa có một giọng Huế quen thuộc gọi tên mình, và yêu cầu đến dãy nhà số 4 gặp Đại Tá Võ Ân. Tiếng gọi quen thuộc ấy cũng chính là tiếng nói của anh.

Tôi tìm đến dãy nhà số 4, nơi đặt BCH Trung Đoàn 47 (tái lập). Vội vàng tìm gặp anh, để

xem người hùng của trận chiến Ban Mê Thuột bây giờ ra sao. Anh ngồi trên dãy bàn dài với một vài sĩ quan cấp trung tá, có nhiều vị tôi quen biết. Tôi đưa tay chào, chưa kịp trình diện lời nào, thì anh đã phát tay bảo tôi ngồi:

-Tau được chỉ định tái lập gấp Trung Đoàn 47 này. Mi về đây với tau cho vui. Anh em 23 nhiều lắm. Tụi mình “đánh đấm” tiếp. Thoáng một chút xúc động. Nghĩ mình là một sĩ quan đàn em cấp thấp, cũng chẳng tài cán gì, chỉ gặp gỡ một vài lần và được anh quý mến. Vậy mà hôm nay, trong cái cảnh chợ chiều, hỗn tạp rồi ren này, anh vẫn còn nghĩ đến mình.

Ba ngày sau, Trung Đoàn 47 BB được tạm tái lập với một quân số mà quan nhiều hơn lính. Một tiểu đoàn có đến 2 trung tá. Cấp đại đội có 1-2 thiếu tá, có vị đã từng làm tiểu đoàn trưởng hay chỉ khu phó. Có nhiều trung đội được chỉ huy bởi một đại úy với quân số không quá 25 người, mà 50% là sĩ quan. Chắc chắn trên thế giới không có một đội quân nào với bản cấp số kỳ quặc và “ghê gớm” như thế.

Trong hầu hết những bài viết về các trận chiến cuối cùng của QLVNCH, dường như chưa có ai nói đến sự kiện này. Tại sao những sĩ quan cấp tá, cấp úy lại sẵn sàng nhận lãnh những chức vụ quá nhỏ nhoi như thế, trong lúc tình hình nguy ngập, chiến trường đang từng giờ thu hẹp lại, mà mọi bất lợi, hiểm nguy đang chờ họ đối mặt? Hơn nữa hầu hết đều bỏ lại gia đình ở miền Trung mà bây giờ đã thuộc vùng địch chiếm. Bao nỗi ưu tư canh cánh bên lòng. Nếu không phải là “Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm”, sứ mạng cao cả mà họ đã tuyên thệ nhận lãnh khi quì xuống vũ đình trường trong ngày mãn khóa?

Ngay tại BCH Trung Đoàn, ngoài Đại tá Võ Ân Trung đoàn trưởng, còn có đến 4, 5 trung tá. Trung tá Nguyễn Thắng Phùng, chỉ huy trưởng TTHL/SĐ 23BB nhận lãnh chức vụ Trưởng ban 3. Vai trò này anh đã từng làm cách đây trên 10 năm, khi còn mang cấp bậc thiếu úy. Tôi vẫn còn nhớ, khi mới ra trường vài tháng, dắt trung đội biệt phái đến trình diện BCH Trung Đoàn 45BB của Trung tá Võ Văn Cảnh, đóng trại giữa rừng để chỉ

huy trận chiến Quảng Nhiêu đang hồi khốc liệt nhất, tôi được gặp Thiếu Úy Nguyễn Thắng Phùng, đang là Trưởng Ban 3 Trung Đoàn. Anh rất vui vẻ, niềm nở hướng dẫn trung đội tôi ra nằm giữ an ninh cho một Pháo Đội Pháo Binh 155 ly, đóng bên cạnh BCH Trung Đoàn. Anh dặn dò chỉ vẽ những điều cần thiết. Chỉ với cấp bậc thiếu úy, nhưng tôi nghĩ anh là một Trưởng Ban 3 nhiều kinh nghiệm, khả năng. Tôi có cảm tình với anh kể từ ngày ấy. Anh đã đảm trách chức vụ này từ khi còn thiếu úy, bây giờ mang đến cấp bậc trung tá, anh lại trở về với cái chức vụ hơn 10 năm trước. Vậy mà anh rất vui vẻ, bình dị, thường thân tình đùa cợt với anh em và chu toàn trách nhiệm của mình. Anh bảo:

Được làm việc với Đại Tá Ân là vui rồi! Tôi rất nể phục thái độ và tư cách của anh.

Trong BCH Trung Đoàn có một vài vị nguyên là tiểu khu phó, tham mưu trưởng của các tiểu khu. Tôi cũng gặp một anh thiếu tá, nguyên là tiểu đoàn trưởng xuất sắc của một tiểu đoàn ĐPQ tại TK Bình Định. Năm 1971 có một thời tăng phái hành quân cho Trung Đoàn 44 của chúng tôi tại An Khê, còn bây giờ thì anh đang vui vẻ làm đại đội trưởng với quân số chưa tới 80 người.

Tôi được anh Ân thương mến, giao cho một chức vụ cũng không có trong bản cấp số: Sĩ Quan Hành Quân & Tiếp Vận. Thực chất, đó chỉ là một loại “thượng sĩ thường vụ” của Trung Đoàn, chạy ngược chạy xuôi lo đủ thứ việc.

Ngày 17/4/1975, chưa kịp trang bị xong, một số quân nhân chưa có cả súng đạn, Trung Đoàn được lệnh di chuyển xuống Long An, đảm trách hành quân an ninh trong vùng Bến Lức. Ban đêm, từng đoàn xe từ Tổng Kho Long Bình chở vũ khí, quân trang quân dụng xuống để đơn vị vừa hành quân vừa trang bị tiếp. Đạn thì thiếu nhưng súng lại thừa. Một người có thể được trang bị một khẩu M16 và thêm một súng Colt 12 nếu muốn.

Ngày 22/4/75 có khoảng 10 tân sĩ quan hai khóa 29 và 30 của Trường VBQGVN vừa tốt nghiệp “non” tại Trường Bộ Binh Long Thành, đến trình diện. Các anh vẫn giữ đúng nề nếp, cử một đại diện chỉ huy trình diện đơn vị trưởng theo đúng lễ nghi quân cách. Nhìn họ mà tất cả chúng tôi ai nấy cũng đều cảm kích, chạnh lòng. Những sinh viên đã từ

bỏ học đường chọn binh nghiệp bảo vệ giang sơn tổ quốc. Bây giờ giang sơn đang như sợi chỉ mảnh trước gió, tổ quốc lâm nguy, vậy mà họ vẫn đến đây, để chấp nhận một cuộc chiến ở giờ thứ 25, trong một hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, khi chưa hề có được một ngày kinh nghiệm chiến trường. Trong những đôi mắt nhuốm chút ít ưu tư ấy vẫn tỏa ra đầy khí phách, sẵn sàng nhập cuộc.

Đại Tá Võ Ân đến bắt tay từng người một. Im lặng một lúc, anh lấy giọng:

-Thay mặt đơn vị, anh cảm ơn và hoan nghênh các em đã đến trình diện. Các em đã cho chúng tôi một nguồn sinh lực mới, sau thời gian trải qua những mất mát, dao động. Điều đó cũng đã là một góp phần xứng đáng rồi. Anh biết các em chưa nghỉ phép sau khi làm lễ ra trường. Còn đơn vị lại đang trong thời kỳ tái tổ chức. Bây giờ theo thông lệ, anh cấp cho các em giấy nghỉ phép mười ngày, để các em về thăm gia đình. Mong là các em hiểu sự quyết định này của anh.

Hầu hết các tân sĩ quan nhất quyết xin ở lại để chiến đấu cùng đơn vị. Có anh bảo là gia đình ở ngoài Trung, không có ai ở đây. Nhưng tất cả sĩ quan chúng tôi có mặt lúc ấy đều thấy quyết định của Đại Tá Ân là có căn nhắc và có tình có lý, nên khuyên các anh nên chấp nhận quyết định của Đại tá, nếu anh nào gia đình ở miền Trung có thể về Sài Gòn tạm nghỉ ngơi chờ lệnh, sau khi hết phép trở lại đơn vị cũng chưa muộn (?)

Ngay chiều hôm ấy, có lệnh bàn giao vị trí cho một đơn vị khác của Quân Đoàn III, chúng tôi khẩn cấp di chuyển đêm xuống giải tỏa áp lực địch tại huyện Cần Giuộc. Theo tin tức, đã có hơn một trung đoàn địch đang trên đường tiến đến uy hiếp khu vực này.

Tất cả chúng tôi đều đến từ Vùng 2, nên không ai biết rành địa thế và tình hình trong khu vực lạ lẫm này. Để tránh chậm trễ và nguy hiểm, Trung Đoàn được biệt phái một toán Cảnh Sát do một Thiếu Tá chỉ huy, dẫn đường. Khởi hành từ 10 giờ tối, cho mãi 5 giờ sáng đơn vị mới tới địa điểm. Toán Cảnh sát “huớng lộ” đã dẫn chúng tôi đi sai lộ trình. Rất may là tất cả an toàn, không đụng độ với bất cứ lực lượng nào của địch.

BCH Trung Đoàn đóng tại Trường Trung Học Cần Giuộc. Phía trước là đồng ruộng,

sau mùa gặt nên đất đã khô và tro những gốc rạ. Tổng Kho Long Bình có lệnh phân tán quân trang quân dụng, nên đã đưa xuống đây cả mấy chục chiếc xe GMC và xe jeep các loại, kèm theo một lệnh miệng: “Mỗi xe chỉ có đầy bình xăng, sử dụng chiếc nào đến hết xăng là bỏ luôn.” Vừa xe, vừa gạo, và quân trang chất thành những đống cao giữa trời, trên những đám ruộng khô.

Trung Đoàn có ba tiểu đoàn, không có đại đội trinh sát và đại đội chỉ huy công vụ. Một tiểu đoàn đóng chung với BCH Trung Đoàn, làm lực lượng trừ bị, hai tiểu đoàn bung ra xa. Trong đó có một tiểu đoàn hành quân tái chiếm xã Mỹ Lộc, một khu trù phú của huyện Cần Giuộc, bị một tiểu đoàn địa phương của địch xâm nhập, truy giết các nhân viên xã ấp và các trung đội nghĩa quân.

Giữa một cuộc chiến không nhìn thấy tương lai, và phải chỉ huy một đơn vị như chiếc áo cũ mục nát, được vá víu bằng những tấm vải đủ màu, nhưng Đại tá Võ Ân cùng tất cả chúng tôi đã sống với nhau thật vui vẻ, chí tình. Với tôi, đó lại là thời gian đáng ghi nhớ nhất trong cả mười một năm binh nghiệp. Cái ranh giới chỉ huy gần như nhỏ lại, để nhường cho cái tình huynh đệ. Điều này có được phần lớn là nhờ vào anh - Đại tá Võ Ân.

Ngày xưa, khi còn chỉ huy các tiểu đoàn, trung đoàn hùng mạnh, tham dự nhiều trận chiến cam go ở Bình Định, Pleiku, Kontum, Quảng Đức, anh vẫn vui vẻ thân tình như hôm nay. Với bạn bè hay đàn em, thuộc cấp lúc nào anh cũng dùng hai chữ “mi, tau”. Sĩ quan trong đơn vị thực sự xem anh như một người anh, hay một ông thầy của thời trung học.

Tháng 11 năm 1973, Phóng viên chiến trường Dương Phục, trong một lần đặc biệt đi theo đơn vị của anh, khi ấy là Trung Đoàn 53 thuộc Sư Đoàn 23BB, đang quần thảo với địch trong một trận chiến vô cùng khốc liệt tại Quảng Đức, đã viết:

“Tôi vác ba lô ra xe và hai tiếng đồng hồ sau có mặt bên cạnh đơn vị có nhiệm vụ tái chiếm hai tiền đồn Bu Prang và Bu Bong đã lọt vào tay địch quân trong cuộc tấn công ngày 4.11 vừa qua.

Trung Tá Võ Ân, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53 Bộ Binh, trông giống một giáo sư hơn là một đơn vị trưởng tác chiến. Cả bộ chiến phục bụi bặm, bẩn thỉu, và khẩu súng lục Colt 12 đeo lưng lẳng bên hông cũng không giúp anh có vẻ ngoài oai hùng của người lính chiến. Nhưng tất

cả những thứ đó chỉ là bề ngoài. Sức chịu đựng bền bỉ và ý chí sắt thép của anh Ân được truyền tụng theo chiều hướng huyền thoại hóa trong trung đoàn.

Ân tiếp tôi ngay tại vị trí chiến đấu của Tiểu Đoàn 2/53. Khuôn mặt trẻ trung, nhưng đầy đặn vẻ phong trần, nụ cười chân tình như chỉ những người lính chiến mới biết cười như vậy. Ân bảo tôi :

- Anh đến chậm mất hai ngày.

- Hai ngày sớm hơn đã xảy ra chuyện gì?

- Pháo. Địch pháo như mưa, pháo dội vào các đơn vị chúng tôi. Sau pháo, chúng xung phong."

Sáng ngày 27 tháng 4 /1975, khoảng 10 giờ sang, khi chúng tôi đang ngồi uống cà phê trong một phòng học được dùng làm Trung Tâm Hành Quân, nghe tiếng trực thăng đang đảo thấp một vòng đáp xuống đám ruộng khô phía trước, cách chúng tôi chừng hơn 100 mét. Nghĩ là trực thăng CNC đến làm việc cho Trung Đoàn, Đại Tá Ân bảo tôi lấy một chiếc xe jeep mới toanh, không mui, chạy ra đón phi hành đoàn. Vì trời nóng, nên đa số chúng tôi đều mặc áo thun. Tôi không kịp mặc áo lính, lái xe chạy băng qua mấy đám ruộng khô và dừng lại trước chiếc trực thăng vừa đáp xuống. Bỗng bất ngờ, ngạc nhiên khi thấy một người vừa bước xuống, tay cặp chiếc mũ sắt ngực trang có gắn 3 ngôi sao. Theo sau là một vị trung tá trên tay cầm khẩu M-18. Tôi giật mình, nhận ra đó là Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Vội vàng bước xuống xe, tôi đứng nghiêm đưa tay chào. Ông bước tới gần tôi. Trong tiếng cánh quạt trực thăng chưa dừng hẳn, tôi nghe ông hỏi lớn:

- Có Đại Tá Ân trong đó không?

- Trình Trung Tướng, có.

Tôi trả lời và mời ông lên xe, nhưng ông từ chối, bảo là ông muốn đi bộ. Có thể là ông có ý cho tôi chạy vào trước để báo cho đại tá Ân, tôi đoán thế.

Tôi vội vã lái xe chạy vào BCH la lớn cho Đại Tá Ân và mọi người biết: Trung Tướng Ngô Quang Trưởng tới thăm chứ không phải phi hành đoàn.

Tất cả vội vã mặc áo và sửa soạn lại tấm bản đồ lớn được treo trên bảng đen (của lớp học). Tôi xếp mấy chiếc ghế lại cho ngay ngắn. Khi Đại Tá Ân chưa kịp bỏ áo vào trong quần thì Trung Tướng đã bước vào phòng.

Anh chỉ còn kịp đứng nghiêm hô to: "vào hàng, phắc" rồi đưa tay lên chào.

Tướng Trưởng trông khá mệt mỏi, ánh mắt hình như bị mất ngủ. Ông hỏi với một giọng buồn bã:

- Tình hình thế nào em?

Đại Tá Ân đưa cây que chỉ bảng lên tấm bản đồ, định trình bày tình hình, thì Tướng Trưởng đưa tay ngăn lại. Ông chỉ nói một câu ngắn ngủi:

- Phải cẩn thận. Đừng để hao tổn sinh mạng của anh em một cách vô ích.

Sau khi đưa tay bắt từng người có mặt trong TTHQ, Tướng Trưởng cho biết ông không có nhiều thì giờ vì chỉ mượn được trực thăng trong một thời gian ngắn, và bảo Đại Tá Ân lái xe chở ông sang thăm ông huyện trưởng Cần Giuộc. Tôi gọi toán cận vệ lên một xe jeep khác chạy theo, nhưng Tướng Trưởng khoát tay, bảo không cần. Sau này Đại Tá Ân cho biết, anh Trung tá huyện Trưởng này cũng là một thuộc cấp được Tướng Trưởng tin cậy và quý mến, thời Ông còn làm Tư Lệnh QĐIV.

Cả Đại Tá Ân và chúng tôi không biết lúc ấy Tướng Trưởng giữ chức vụ gì. Chỉ biết là ông đến thăm anh Ân và dặn dò đôi điều. Anh Ân cũng cho biết là chưa từng làm việc dưới quyền Tướng Trưởng, có lẽ ông chỉ nghe nói đến anh Ân "người hùng trong trận chiến Ban Mê Thuật", nên đến thăm và khen ngợi anh như từng khen ngợi những sĩ quan, những đàn em xuất sắc của ông ở Quân Đoàn I, nơi có nhiều cấp chỉ huy lỗi lạc với cái tên chỉ có hai chữ như anh (Võ Ân): Lê Huân, Võ Toàn, Vĩnh Dác, Hoàng Mão, Nguyễn Hóa, Võ Vàng...

Tôi gặp và biết anh Ân lần đầu tiên vào khoảng cuối năm 1972, khi anh mang cấp bậc trung tá, dắt một tiểu đoàn thuộc Sư Đoàn 22BB, từ Bình Định lên tăng cường cho Trung Đoàn 44BB chúng tôi, để giải tỏa Trung Nghĩa, một ngôi làng Công giáo, dưới sự chỉ huy của một vị linh mục, quyết tử chiến với Cộng quân, nhưng vì không đủ hỏa lực nên bị một lực lượng địch cấp tiểu đoàn chiếm hơn nửa làng. Một trận chiến phức tạp, khốc liệt, và cuối cùng anh đã chiến thắng ngoạn mục. Bằng một lối đánh giặc rất đặc biệt, sử dụng toàn súng cối 60 ly thay cho Pháo Bình và phi yểm.

Sau nhiều lần tấn công bất thành, do lực lượng địch trú ẩn bám trụ trong các giao thông hào kiên cố và chống trả mãnh liệt. Lệnh của Tư Lệnh Quân Đoàn, tránh tối đa việc sử dụng phi pháo có thể gây thiệt hại cho khu nhà thờ và nhà cửa của dân chúng. Hơn nữa, Pháo Binh khó cận yểm vì khoảng cách giữa địch và dân quá gần, tiền sát viên của ta khó tiếp cận để điều chỉnh cho thật chính xác.

Anh lệnh cho các đại đội tạm rút ra, lựa chọn các binh sĩ trẻ và có năng lực tác chiến, chỉ trang bị súng nhẹ, không mang theo ba lô, chia thành nhiều toán nhỏ, làm lực lượng xâm nhập, tấn công. Các binh sĩ lớn tuổi hay yếu kém theo sau, làm lực lượng tải đạn, tản thương và án ngữ. Anh tập trung cơ hữu và xin chúng tôi tăng cường thêm cho anh nhiều súng cối 60 ly (ít được các đơn vị sử dụng) với đầy đủ đạn dược, cùng một số xạ thủ có kinh nghiệm về loại vũ khí này. Tôi được Đại Tá Phùng Văn Quang, Trung Đoàn Trưởng 44, chỉ định đảm trách công việc này. Anh và tôi cùng hướng dẫn cấp tốc các tiểu đội trưởng cũng như xạ thủ, điều chỉnh súng cối từng mét một. Khi các tiểu đội bò vào tiếp cận các hầm hố của địch, đích thân anh điều động trên 20 khẩu súng cối 60 ly tác xạ theo sự điều chỉnh của các tiểu đội trưởng. Kết quả thật không ngờ. Địch quân bị tiêu diệt bởi các khẩu súng cối 60 ly này, số còn lại bị thương và bị bắt sống, bên ta không có binh sĩ nào tử thương.

Sau trận chiến, trước khi trở về đơn vị gốc, anh gọi tôi ra ăn bữa cơm chia tay, cùng với vài sĩ quan của anh ngoài tiệm Thiên Nam Phúc. Và có lẽ do chiến công này, chỉ một thời gian ngắn sau đó anh được chuyển về Sư Đoàn 23 BB để giữ chức vụ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53 thay Đại Tá Trần Văn Chà. Sau này, tôi cũng được nghe kể lại, anh Ân là người chưa từng giữ cấp “phó” bao giờ.

Anh tốt nghiệp Khóa 12 Thủ Đức, là người thẳng cấp trung tá sớm nhất và cũng là người duy nhất của khóa mang cấp bậc đại tá. Hầu hết những sĩ quan giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng dưới quyền, đều là khóa đàn anh, có người xuất thân trường Võ Bị đồng thời với anh. Nhưng tất cả đều nể phục và kính mến anh.

Ngày 30-4-75, khi Dương Văn Minh tuyên

bố đầu hàng, chúng tôi đang quây quần trong phòng học được dùng làm TTHQ. Đại Tá Ân gục đầu xuống bàn. Tất cả im lặng. Cái im lặng thật rợn người. Có lẽ trong đầu mỗi người đang suy nghĩ về một điều gì đó. Tôi bước lại ôm vai anh. Trung Tá Phùng lệnh cho gọi tất cả anh em tập hợp trước sân trường để nghe anh Ân ra lệnh lần cuối cùng. Anh cảm ơn, bắt tay và ôm từng người, chúc tất cả trở về an toàn và gặp lại gia đình. Anh cũng ra lệnh phá hủy tất cả các loại súng ống trước khi rời vị trí.

Anh bảo tôi tập trung tất cả tài xế lái các xe GMC khả dụng chờ anh em về cầu chữ Y. Không đủ xe, tôi chạy đi mượn thêm hai chiếc xe đò. Tôi nghiệp hai anh tài xế đến giờ này vẫn còn chí tình với lính, tình nguyện chờ giúp bọn tôi về đến Sài Gòn. Tôi đưa anh về nhà (chị Ân thuê để cùng các con tạm trú ở đây, sau khi theo đoàn quân di tản từ miền Trung). Anh bắt tay tôi thật chặt, nhìn tôi rồi bỗng nở một nụ cười, như chưa hề có chuyện gì xảy ra:

-Mi về xem vợ con ra sao. Cần thận hi.

Tôi nhìn anh, chưa biết nói lời gì để an ủi anh, thì lại nghe tiếng anh đùa:

-Que sera sera! Chừ tau chỉ tội nghiệp cho vợ con, còn tau thì phó thác số phận cho ông trời! Tính anh là vậy đó, lúc nào cũng bất cần, cũng cười đùa, mặc dù trong lòng đang rối như tơ vò. Chia tay anh, tôi bước đi mà nước mắt lưng tròng. Bước chân nhẹ tênh như không còn cảm giác, và trong lòng bây giờ dường như chỉ là một khoảng trống mênh mông!

Anh bị tù hơn 14 năm. Sang Mỹ cùng gia đình năm 1992 theo diện HO, và chỉ vài năm sau anh qua đời tại Florida, do bị đột quỵ (tai biến mạch máu não). Có lẽ do hậu quả từ những cơn say và nhiều đêm mất ngủ. Anh dùng rượu để có thể tâm tình với hư vô, với những đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại ở đâu đó trên các chiến trường xưa, và đã ân hận vì không trả được món nợ máu xương này cho họ.

Anh ra đi, nhưng không hề chết. Tên tuổi Võ Ân vẫn còn vang vọng mãi trong tâm khảm của mọi người đã từng quen biết và sống chết cùng anh. Lịch sử dân tộc chắc chắn còn ghi đậm tên anh. Một người lính đã sống hết lòng với đồng đội anh em, và chiến đấu bằng tất cả danh dự cùng cả trái tim mình.

Phạm Tín An Ninh

Hạnh Phúc

Sống ở Sài Gòn ra đường bạn không khỏi "choáng ngợp" vì vô số thứ, trong đó có cái mà nhà nước thì gọi là "tuyên truyền", phần tư nhân thì gọi là "quảng cáo" thì nhau nhồi vào đầu bạn đủ thứ hàm bà làng, thí dụ một ông nha sĩ để bảng trước phòng mạch "Hai răng tặng một răng" làm nhiều bệnh nhân đau hai răng rắng chờ đau thêm một răng trước khi ôm miệng đến nha sĩ.

Nhà nước cũng không kém "hoành tráng" trong "tư duy tuyên truyền", thí dụ mùa hè này "Hạnh Phúc" viết hoa len lỏi khắp đầu đường xó chợ. Nay nhé:

-An toàn giao thông là HẠNH PHÚC của mọi nhà.

Còn nữa:

-Phòng chống cháy nổ là HẠNH PHÚC của mọi gia đình.

Mới chạy vài trăm thước đã thấy HẠNH PHÚC, đi thêm ngã tư nữa HẠNH PHÚC chằng ngang góc đường. Nhưng người dân Sài Gòn vẫn cứ thấy thiếu thiếu cái gì. Ừ nhỉ, sao không thấy:

-Trời mưa đường không ngập là HẠNH PHÚC của người đi đường.

-Không phải học thêm là HẠNH PHÚC của học sinh.

-Rau sạch, thịt sạch, cá sạch là HẠNH PHÚC của bà nội trợ.

-Bệnh viện không quá tải là HẠNH PHÚC của bệnh nhân.

Ờ, Hạnh Phúc nghe chừng đơn giản mà khó quá chừng chừng.

Dương Kiên

Xem cung điện triều Nguyễn

Chẳng còn nghe hồi trống thu không
Vương triều hơn trăm năm tắt lịm
Bụi thời gian phủ mặt sân rồng
Tiếng đế kêu ran vườn thượng uyển

Điện cửu trùng lạnh lẽo vắng hoe
Cô quạnh chiếc ngai vàng cũ kỹ
Đâu ngọc ngà châu báu với quyền uy
Còn lại đó một thanh kiếm gỉ

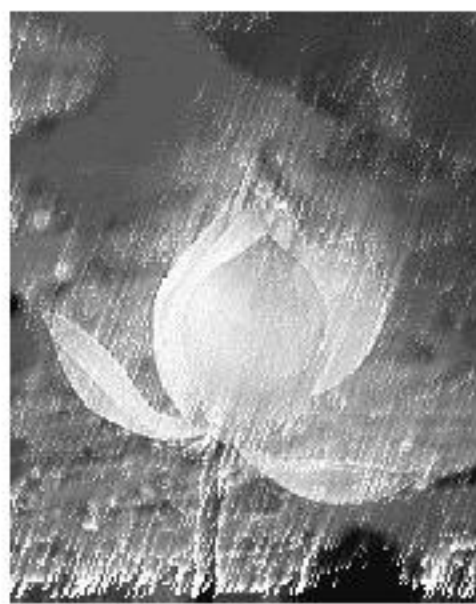
Hàng tượng đá gù lưng cùng mưa gió
Quan võ quan văn im lặng cúi đầu
Lẽ nào lại túi com com giá áo
Đề vương triều sụp đổ càng mau

Hết thầy đã lui vào dĩ vãng
Nuối tiếc chỉ dâu bể cũng qua rồi
Tôi lại nghe khách tham quan bàn tán
Về ông vua có trăm vợ mà thôi. . .

Xuân Sách



Hỏi Vườn Dâu Đâu Giòng Nước Cũ



Tâm Thanh

*Lấy gốc cây làm nhà.- Thành phố Hồ Chí Minh -
Một người đàn bà sống gần hai chục năm bên
một gốc cây... Bà Đinh Thị Thanh Thủy kể: "Hồi
tôi mới cắm lều ở đây, cây điệp chỉ cao bằng đầu
người, bây giờ đã thành cổ thụ..."*

Tôi giật mình, khi đọc mẩu tin trên đây trong một tờ báo cũ, báo Tuổi Trẻ, gói mấy trái cóc chín bán ở tiệm Việt Nam. Giật mình không phải vì chuyện khổ hay chuyện lạ; mà giật mình vì ngỡ rằng người đàn bà kia chính là Thủy của tôi...

Mưa to. Bọn trẻ lười xóm ulla ra tắm mưa trên cái sân gần nhà tôi như một bầy vịt. Phần đông từ xóm Nghĩa Hòa sang, có một vài đứa nhà ở đây - Cư Xá Bắc Hải.

Tôi đứng trong nhà dòm qua cửa sổ nhìn lũ trẻ nô đùa dưới mưa, thèm thuồng mà... sợ trúng mưa. Tôi cũng sợ không làm được như tụi nó - chạy lấy đà rồi quăng người sòng soài trên sân xi-măng láng; thèm nhất là thấy thằng Hùng nó nằm sấp trượt một cú từ đầu sân tới cuối sân, như con cá lóc.

Con Thủy đứng ngay bên cửa sổ hỏi nào tôi không hay.

"Mày vô lều nào vậy? Không sợ chó cắn à?"
"Sợ chi. Chó nhà mày con nào cũng làm biếng, trời mưa không dám ra. Mày cũng vậy, làm biếng."

Hai chữ làm biếng đối với tôi nghe đỡ 'tự ái' hơn tiếng chết nhất. Tôi trả lời:
"Tao không thích."

"Mày thử tắm với tao, thích lắm!"

Tôi nhìn xuống, bỗng thấy con Thủy hôm nay khác lạ. Cái áo thun đen ướt dính lên da có lẽ làm cho nó lạ. Ngực nó không giống

ngực con trai xẹp lép, cũng không giống ngực cô giáo phồng lên quá cỡ, mà nó u lên hai cục bằng hai trái chanh. Hèn gì nó không còi trần như tụi con trai. Con Thủy là đứa thường phải bao tôi ăn kẹo kéo mỗi lần tôi cho nó cốp bài tính đồ, vì nó ham chơi đá banh với bọn con trai, không kịp làm bài. Có lần nó cốp bài tập làm văn, tôi tả con gà trống, nó sửa thành con gà mái, đem nộp. Kỳ trả bài, cô hỏi sao cô cho tả con gà trống mà em tả con gà mái. Nó trả lời nhà nó chỉ có một con gà mái. Cô nói ừ như vậy cũng chấp nhận tạm, nhưng tại sao con gà mái của em biết gáy? Nó cả quyết rằng nó có nghe gà mái gáy rồi. Từ đó trong lớp chúng nó hay ngêu ngao câu hát 'Nhà ai có con gà mái gáy...' Có điều lạ là Thủy luôn bênh vực tôi, đứa nào bắt nạt tôi là nó đực liên. Vì thế khi nó rủ rê thì tôi cảm thấy dễ xiêu lòng. Và lại hôm nay may mắn, ba má tôi đi vắng hết.

"Khó không?" tôi còn hơi do dự.

"Thiệt tình thằng con nhà giàu! Tắm mà khó!"

Tôi định nói 'trườn cá lóc' kia. Nhưng kệ nó hiểu lắm, tôi cười áo, theo nó chuồn ra ngoài. Trước hết tôi há miệng hứng một ngụm nước mưa uống vào 'cho khỏi cảm' như lời người lớn nói, lại uống thêm vài ngụm nữa vì nước ngọt lịm.

"Đã không?" con Thủy hỏi.

"Đã!" tôi trả lời.

Tắm mưa sướng thiệt. Quen nước quen cái một hồi, tôi cũng muốn trườn như tụi nó. Con Thủy nắm tay tôi nói:

"Chạy! Một, hai, ba! Thả đít xuống trước!"

Pipi pi.....”

Tôi phệt mông xuống rồi nằm ngửa ra, trườn phẳng phẳng, tay nắm chặt tay con Thủy. Ba lần như vậy, tôi bắt đầu thích trườn, thích cả việc cầm tay con Thủy. Nó lại nói: “Giỏi rồi đó! Mày trườn một mình coi!”

Tôi trườn một mình, lần đầu ý một chỗ, nhưng lần thứ hai lấy đà xa hơn thì trườn khá xa. Khi không còn phải bận tâm tới cái mông hay cái đầu thì tôi lại để ý cái áo con Thủy bị nước dính sát vào da. Trườn ngửa chán, tôi trườn sấp và đầu tôi nghĩ tới hai trái chanh của con Thủy và một cảm giác kỳ lạ chạy rần rần trong người. Đó là lần đầu tiên tôi có cảm giác đã như vậy trong đời con trai.

Ba má tôi chắc bị mắc mưa đâu đó, về trễ và không hay biết gì về việc tôi cả gan tắm mưa, và chơi với bọn Nghĩa Hòa. Tôi chẳng bị cảm cúm gì như má tôi lo. Có điều đêm hôm đó tôi mơ nằm trên người con Thủy mà trườn, hai tay nắm chặt hai trái chanh...

Băng đi nhiều năm. Lê Trung, một quận nhỏ bé của Pleiku và buồn gặp bội Pleiku. Tôi đi lính và đóng ở đó ngót ba năm trời, nơi không phải là 'đi dăm phút đã về chốn cũ', mà đi dăm bước đã hết chỗ đặt chân. Bởi vậy mỗi lần nghỉ phép về Sài Gòn là tôi cuống lên như con ngựa non xỏ chuồng, không biết lòng về hướng nào để vợ lấy hạnh phúc ngăn ngui. Nhưng rồi cũng có một lần về phép buồn. Tôi thay thường phục, lấy xe chạy vội vã qua Lê Văn Duyệt, xuống Kỳ Đồng, qua nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, quẹo phải vào Bà Huyện Thanh Quan và dừng trước cái biệt thự thơm hoa ngọc lan, để gặp Vân Hương. Em gái nàng ra tiếp, cho biết chị đã đi Tân-tây-lan du học, chỉ để lại lá thư. Thư không gọi lên Lê Trung cho tôi mà để lại nhà, đề nếu tôi tới thì nhận được lời giã từ và phân giải, không tới thì thôi. Tôi hiểu cái lộ trình tình cảm như vậy, và nhủ thầm thế cũng là lịch sự chán. Tôi hạ cái Lambretta xuống - cái xe bỗng dưng nặng nề làm sao, đẩy hai lần nó mới chịu đứng xuống đường! Vừa tới trường Gia-Long thì trời đổ mưa. Đám nữ sinh cây đàn, chọc ghẹo, tôi nghe được ba cái mồm to nhất “Cho em quá giang mí!” “Anh còn phải đi chờ chị Hai, mày ơi!” và một câu rất 'cá nhân': “Ê! Sao đen vậy?” Rồi cả bọn cười khanh khách. Toàn là nhóc mới lớn cả.

Trang lứa Vân Hương đã đi hết rồi, cô lên đại học, cô đi lấy chồng... tôi cảm thấy mình thuộc lớp tiền bối. Tôi tấp xe vào chùa Xá Lợi trú mưa. Mưa cao nguyên buồn, làm người ta nhão ra, lịm đi. Mưa Sài Gòn khua động rộn ràng - làm người ta tỉnh táo, cả lúc đang... thất tình. Một cô gái Gia Long chậm chân đang co ro đứng dưới hiên chùa, vừa sợ ướt áo vừa sợ người đàn ông đứng bên cạnh là tôi. Đây! Đứng một mình thì như thỏ mà đứng trong đàn thì như tiêu yêu. Tôi muốn trả đũa cô bé bằng một câu mà các bạn của cô vừa chọc tôi, nhưng trước cổng chùa cũng nên động lòng từ bi. Và lại, tôi nhớ tôi cũng làm quen với Vân Hương ở đây, dưới hiên chùa này, phía trong. Hôm đó ngày Rằm... nhưng thôi, quên đi! Tôi thấy mưa càng lúc càng nặng hột, nổi bong bóng nổi, một dấu hiệu sẽ mưa dai lắm. Cô bé lộ vẻ bồn chồn rõ rệt. Tôi thương hại hỏi:

“Em quên mang nón à?”

Cô bé ngược nhìn, chắc thấy mặt mũi tôi lương thiện sao đó, nên ngoan ngoãn trả lời: “Dạ, em quên. Hôm nay lại có bài kiểm mới khổ chó!”

“Em học lớp mấy?”

“Dạ, lớp mười hai.”

Bỗng tôi nghĩ ra, trong 'cốp' xe Lambretta tôi còn cây dù đàn bà luôn mang theo dành cho Vân Hương ngồi sau che nắng che mưa. Tôi ra xe lấy cây dù, giương lên và đưa cho cô gái, nói:

“Cho em mượn nè. Mau vô làm bài kéo trễ!” Cô gái ngạc nhiên, nhưng không giấu được sự cảm động, và không khách sáo, cô cầm lấy cây dù:

“Em cảm ơn anh. Nhưng làm sao em trả lại dù được?”

“Không cần.”

“Anh không cần, nhưng em phải trả.”

Giảng co mãi sẽ mất giờ của cô gái, tôi nói. “Nhà em ở đâu tôi tới lấy. Tôi chạy xe tiện hơn.”

“Dạ, nhà em ở Hồng Thập Tự, cạnh tiệm Anh Đào.”

Nhìn cây dù quen thuộc dưới mưa, tôi chạnh lòng buồn bã.

Tôi không đi lấy dù ngay, sợ bị hiểu lầm là bần tiện có tí cũng đòi. Nhưng chắc có ngày cũng phải tới... đòi, kéo cô bé ấy này. Kỳ phép sau tôi thả từ Lê Văn Duyệt xuống Hồng Thập Tự, rẽ tay phải, nơi bàn ghế được bày ra lễ đường để đánh vệc-ni, xông mùi dầu cay cay ngọt ngọt.

Cánh cửa sắt rên siết rồi một người đàn bà trung niên thò đầu ra. Tôi hỏi:

“Xin lỗi, ở đây có một cô học Gia Long, lớp mười hai, phải không?”

“Cô Tư ơi! Có ông nào hỏi nè!” người đàn bà gọi to vào trong nhà. Tôi đoán bà là người làm hoặc quản gia. Bà hạ giọng nói với tôi:

“Chắc thầy là thầy giáo? Cô Tư bị khiển trách, hả thầy?”

“Dạ không. Tôi tới xin lại cây dù thôi.”

“Cô Tư ơi! Có người xin cây dù!”

Cô bé Gia Long lật đật chạy ra, tay vén tóc, rồi rít:

“Dạ thưa anh!” Rồi cô nói với bà người làm

“Thím Bảy lấy nước giùm con.” Thím Bảy đi vào trong, cô bé hạ giọng: “Anh tên chi vậy?”

“Sung,” tôi đáp, rồi cũng bắt chước hạ giọng:

“Em tên chi vậy?”

“Em tên Thanh Giang. Dạ mời anh Sung vô nhà chơi.”

Trong bộ đồ bà ba, Thanh Giang xinh đẹp hẳn lên và chững chạc. Cũng có thể vì hôm nay không có mưa. Tôi tưởng tượng nếu một người con gái như thế này rớt xuống tiền đồn Lệ Trung thì rừng núi trên đó chắc xôn xao lắm.

“Sao, hôm đó em làm bài được không?”

“Dạ, cảm ơn anh, em được mười bốn điểm.”

“Môn gì đó?”

“Dạ, triết.”

“Chà! Triết gia non!”

“Anh ngạo em cụ non! Còn anh? Hôm đó đi thăm chùa hay...?” Giang bỏ lửng câu nói, cười hóm hỉnh.

“Hay gì?”

“Kiếm mấy em Gia Long...”

“Nếu muốn kiếm thì đâu có xa xôi gì... Cô ấy đứng ngay bên cạnh.”

Nói xong câu đùa, tôi thấy Giang không cười mà cúi đầu làm thinh, tôi hơi ân hận, bèn sửa giọng chân thật:

“Đi xa Sài Gòn rồi, anh nhớ nhất cái gì, em biết không? Những buổi đứng trú mưa dưới mái hiên nhà.”

“Tại sao vậy?”

“Cảm giác an toàn tạm nè. Thời buổi này được tạm an toàn là anh hài lòng rồi. Nếu cùng đứng dưới hiên mưa với người yêu lại càng thích hơn. Mưa dai mấy năm cũng kệ. Còn nếu chưa có người yêu thì biết đâu màn mưa và hiên hẹp chẳng tạo ra những mối duyên ướm ắt.”

Giang cười giòn, bắt đầu bạo dạn hơn.

“Anh có ướm ắt chưa?”

Tôi chưa kịp trả lời thì một người mở cửa vào. Tôi quay lại thấy một cô gái.

“Chị Hai em về,” Giang nói và đứng lên, như là ngại chị Hai thấy mình ngồi nói chuyện với đàn ông lạ. Cô giới thiệu: “Chị Hai, đây là anh Sung, người cho em mượn dù ở chùa Xá Lợi. Đây là chị Thủy!”

Chính cái tên Sung và tên Thủy làm cho chúng tôi cùng dăm dăm nhìn nhau, thăm dò từng nét trên mặt nhau, và cùng hân hoan.

“Thủy! Thanh Thủy! Lớn quá vậy?!”

“Trời ơi! Sung cũng... lớn quá rồi!”

Thủy đã thành một cô gái đẹp lộng lẫy, nhưng dáng thể thao vẫn còn.

“Thủy còn đá banh không?” tôi cười hỏi.

“Banh bung gì nữa, Sung ơi!” Thủy đáp, rồi sờ nắn cánh tay tôi, khen: “Khá rồi!”

Không bệu như ngày xưa nữa. Đen vậy? Đi lính phải không?”

Thanh Giang lúc đầu hứng thú vì tình cờ chị cô cũng quen tôi, sau thấy chúng tôi rồi rít ôn lại chuyện xưa một cách thân mật đậm ấm, trong đó cô không dự phần gì cả, cô từ ngượng ngập chuyển sang thất vọng trông thấy. Sau này nghĩ lại tôi thấy mình hơi vô tình. Nhưng lúc này tôi mừng quá đỗi. Đám trẻ tắm mưa năm nào tàn mát, cũng như đàn vịt. Chỉ có thằng Hùng là tôi nhìn thấy nó cùng lớn lên, cùng đi lính, nó chết trận. Hồi đó Thủy là đứa con gái duy nhất đã có trái chanh mà còn chơi với con trai, ngoài ra toàn 'con nít' nhãi ranh cả.

Nàng uốn ngực hỏi:

“Sao? Vợ con gì chưa, Sung?”

“Chưa, vẫn đang chờ sung rụng. Còn Thủy chồng con gì chưa?”

“Ai thèm lấy!”

Tay Thủy không đeo nhẫn. Nhưng một người con gái đẹp, linh hoạt như Thủy mà giờ này còn tự do thì hiếm lắm. Tôi có cách trắc nghiệm đơn giản:

“Thủy đi chơi với anh nghe?”

“Đi thì đi, nhưng lên chức anh hồi nào vậy?”

Nơi đầu tiên chúng tôi thăm là cái sân tắm mưa tại Cư Xá Bắc Hải.

Tôi chỉ căn nhà xưa của tôi, nói: “Nhà này thuộc về chủ khác rồi. Bố Sung đi làm tỉnh trưởng ở miền Trung. Cả nhà theo ra. Được bốn năm thì ông chết, chết trận. Mẹ và Sung trở về Sài Gòn, bà buồn sinh bệnh đi theo ông luôn. Cũng được gần bảy năm rồi. Mau quá!”

“Anh con một, cha tử sĩ. Lẽ ra được miễn dịch, tại sao anh đi lính?”

“Chạy trốn...”

Chúng tôi đứng yên nhìn cái sân xi-măng hùng hực nắng. Tôi ước mưa đổ xuống lúc này, rửa sạch bớt phiền muộn. Và tôi nhỏ bé lại, nắm tay Thủy trườn nước mưa.

Một bàn tay đàn bà mềm mại nắm tay tôi. Khi trở lên Lê Trung, dù nắng đỏ hay mưa lay tôi để lòng ở Sài Gòn - bên Thủy, trong những cơn mưa. Và nôn nao chờ những ngày phép vàng son, mà tôi gọi đùa là 'Vacances

Romaines', theo cái phim Thủy và tôi coi đi coi lại năm lần. Gregory Peck chở Audrey Hepburn đi du dương trong thành Roma bằng xe Vespa, còn tôi chở Thủy lang thang Sài Gòn bằng xe Lambretta. Khi mua xe scooter, tôi chọn Lambretta là có ý tứ hẳn hoi. Thời đó bọn tôi thằng nào muốn tôn cặp giò của bồ mặc minijupe thì đi Vespa, thằng nào thích sự khăng khít trên công lộ thì đi Lambretta yên liền. Thủy bao giờ cũng dán toàn thân vào lưng tôi, cánh tay phải vắt qua ngực lên vai trái tôi. Tay trái nàng cầm dù, nắng che nắng, mưa che mưa. Nếu mưa gió quá thì cụp dù luôn. Từ ngày gặp lại nhau, không bao giờ chúng tôi dùng xe để trú mưa. Nếu có mang áo mưa thì chúng tôi ngừng lại mặc áo mưa (xỏ ngược, trước ra sau) và tiếp tục đi. Nếu không, chúng tôi cứ để vậy mà chạy. Tôi hào hứng nói:

“Đã không?”

“Anh nói gì? Gió tạt em không nghe!”

Tôi nhắc lại câu nói, hét to trong tiếng gió. Thủy luôn tay vào trong áo sơ-mi vuốt ve ngực tôi. Tôi hét:

“Coi chừng! Hai đứa lẫn cù ra đường trườn cá lóc bây giờ?”

Thủy cắn vào vai tôi tê dại.

“Mai anh đi rồi, phải không?” Thủy hỏi.

Tôi gật đầu. Lúc đó là cuối tháng 2-1975, tình hình chiến sự đã căng thẳng lắm rồi. Tôi nói:

“Ừ, và có lẽ lâu lắm mới về.”

“Cho em về với anh đêm nay đi!”

Chúng tôi quên bằng cái hẹn với Giang tôi nay đi ăn cháo lòng, ở cái quán gần nhà, bên kia đường. Hôm sau tôi vừa trở ra Pleiku thì có lệnh cấm trại và mấy ngày sau thì lệnh triệt thoái cao nguyên. Lạ lắm, cuộc triệt thoái kinh hoàng đó, tôi lại chóng quên hơn những cơn mưa và những hiên mưa Sài Gòn. Cảm ơn cái trật tự riêng của ký ức.

Tôi vào Vũng Tàu, lên tàu ra Phú Quốc rồi vượt biên, được tàu Na Uy vớt và định cư tại Na Uy từ năm 1975. Tôi viết nhiều thư về Hồng Thập Tự, không có hồi âm trong nhiều năm. Năm 1985 tôi lấy vợ. Thế nào rồi cũng

có ngày tôi phải về thăm Việt Nam, cho vợ tôi biết quê chồng, cho con biết quê cha. Nhưng cái tin tình cờ về Thủy khiến tôi thu xếp chuyến đi sớm hơn. Trở lại Sài Gòn sau hai mươi năm xa cách, tôi hoàn toàn lạc lõng. Không họ hàng đón tiếp, lại đi với bà vợ Na Uy và một đứa con không biết tiếng Việt, tôi cảm thấy mình là một Việt kiều bẽ rạc. Việc đầu tiên sau khi ổn định chỗ ở là tôi đi tìm thuê cái xe Lambretta. Nhưng Lambretta chả có mà Vespa cũng không. Scooter loại khác thì gần khách sạn không có. Thằng con trai, Geir, hơi thất vọng, nhưng Solveig vợ tôi cười nhẹ nhõm:

“Tạ ơn Chúa đã không để bố con tự từ!”

Mà thật vậy, chúng tôi đứng ở chỗ đèn xanh đèn đỏ gần khách sạn đúng một nửa giờ mà không dám thò bàn chân xuống lòng đường (nơi có lằn trắng dành cho người đi bộ đường hoàng). Cuối cùng phải thuê hai chiếc xe xích-lô để qua đường. Thằng Geir xuyết chết vì nó thấy bác xích-lô cứ đưa thân nó ra làm cái 'parasôc' càn bừa về phía đằng trước, nó hoảng quá nhảy xuống đường. Nhưng nhờ cái thử nghiệm đó mà hai hôm sau Geir qua đường giỏi hơn cả tôi, một cựu trung úy bộ binh có Anh Dũng Bội Tinh với Nhanh Dương Liễu. Vợ tôi thì nói “Dân chúng can đảm và xông pha như thế này hèn gì đánh thắng Mỹ!”

Chỉ còn một vài dấu tích xưa - nhà thờ Đức Bà, Bưu Điện, Dinh Độc Lập - ngoài ra đã thay đổi hết rồi. Tôi nói chú tài xế taxi cho tới đường Hồng Thập Tự. Chú cũng biết là đường nào, nhưng dạy tôi tên mới là Xô-viết Nghệ Tĩnh. Tôi nhận ra khu bàn ghế, nhưng không thấy tiệm Anh Đào đâu cả, tôi xin chú tài vòng lại. Chú vui vẻ lái lên một chút, tôi nhìn không thấy tiệm cháo lòng, nhưng thấy một cao ốc; chú vòng lại. Ở chỗ tôi độ chừng là tiệm gỗ Anh Đào và nhà Thủy, bây giờ là một thương xá rất hiện đại. Tôi nghĩ hỏi thăm vô ích, chẳng khác gì hỏi ruộng dâu giòng nước năm xưa đâu. Tôi chợt nhớ tới cây điệp, nhìn quanh, không thấy cây điệp 'đã vừa người ôm' nào cả. Tôi bấm chuông một căn nhà cũ gần đó. Không ai biết Thủy hay Giang là ai cả. Người trả lời có một giọng Bắc khác hẳn giọng Bắc của nữ ký giả Lê Phan trên đài BBC, của nữ sĩ Bùi Bích

Hà trong những băng cassette chuyện gia đình, và của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, người đồng lưu dân của tôi. Tôi lại nhờ bác taxi chở tới Cư Xá Bắc Hải. Tôi làm tài khôn:

“Bác chạy Lê Văn Duyệt qua Nghĩa Trang Đô Thành thì quẹo trái.”

“Lê Văn Duyệt đã đổi thành Cách Mạng Tháng 8. Còn Nghĩa Trang Đô Thành đã thành Công Viên Lê Thị Riêng, ông ạ.”

“Đổi tên lạ vậy, bác?”

“Không phải đổi tên, mà xây dựng lại.”

“À, ra vậy. Lê Thị Riêng là ai ạ?”

“Không biết.”

Tôi đoán đó là một chiến sĩ cách mạng biết biến những sự buồn bã thành vui tươi. Và những người như thế rất cần cho đất nước tôi, ít nhất là hữu dụng hơn tôi, kẻ đang đi tìm kỷ niệm. Nếu còn cái nghĩa trang chắc tôi có thể ghé thăm mộ Thanh Nga, người giống hệt Thanh Thủy của tôi. Cư Xá Bắc Hải không đổi tên, điều làm cho tôi cảm thấy an ủi. Tim tôi đập mạnh khi bước xuống taxi để chỉ cho vợ con ngôi nhà thời niên thiếu của tôi. Nhờ còn nhớ thuộc lòng địa chỉ, tôi tìm ra ngôi nhà. Nó còn gần nguyên như cũ. Solveig nhìn thấy rõ bàn tay tôi run run khi mở bao máy ảnh, mắt nàng cũng ngấn lệ. Nàng chụp một tấm hình tôi đứng một mình, một tấm đứng với con trai. Một người đàn ông có dáng một ông tướng hoi hui đứng trên ban công nhìn thờ ơ, chắc ông cũng đoán tại sao tôi chụp hình, nhưng tôi mong ông đừng đoán xa quá, như đòi nhà chẳng hạn. Có cái gì trên đời thực sự của mình đâu mà đòi.

Tiếc là tôi không tìm lại được cái sân xi-măng. Trước đây tôi không hề thắc mắc tại sao lại có cái sân xi-măng ở gần nhà tôi, ai xây, để làm gì. Bây giờ tôi không biết nó biến đi đâu, tại sao. Gần như một điều huyền bí.

Sáng hôm sau lúc vợ con còn ngủ, tôi tới tòa soạn báo Tuổi Trẻ. Không ai nhớ chính xác về chuyện người đàn bà sống bên gốc cây. Họ hứa sẽ hỏi người đã viết bản tin lạ đó khi anh ta đi Hà Nội về. Tôi không chờ được,

nên nhờ một cậu honda ôm làm thám tử. Cậu ta truy ra được mười một cái 'ponchot-bên-gốc-cây-điệp-mà-chủ-nhân-là-bà-già', tới ca thứ mười hai thì gặp tất cả các 'yêu cầu' đó cộng với tên Thủy.

Người đàn bà tên Thủy bị cậu honda ôm đánh thức, dụi mắt nhìn tôi trùng trùng. Tôi không tìm được trên khuôn mặt nhăn nhoe đen đúa nét nào của Thủy. Tang thương này tôi không thể tưởng tượng mà cũng không chấp nhận được. Những người tôi quen từ hồi trẻ, dù bây giờ tàn tạ hay phát tướng thế nào chẳng nữa, cứ nói tên và nhìn mặt một phút là nhận ra ngay. Còn người đàn bà này? Tôi dè dặt:

“Chào bà.”

Bà không đáp lại mà hỏi:

“Hỏi ai?”

“Dạ tôi hỏi bà Đinh Thị Thanh Thủy.”

“Thằng bạn nãy hỏi rồi. Bà đây! Có việc gì? Đuổi ông đeo đi đâu nhé!”

Chết rồi, đây không phải là giọng của Thủy, dù Thủy về già. Nhưng tôi cố: “Xin lỗi, bà có nhớ một người tên Sung, Trần Văn Sung không?”

Tôi ngồi chồm hồm xuống chờ đợi và cố ý chường mặt ra cho bà nhận diện. Nhưng bà không nhìn nữa, bà đã nhìn tôi từ đầu rồi. Bà quơ chai nước mở nắp tu. Trả lời:

“Sung nào?”

“*Sung nhà ai có con gà mái gáy. Sung trườn cá lóc. Sung đường mưa...*” Tôi định nói nhiều nữa, những mặt mã của Thủy và tôi, nhưng thấy nét mặt vô cảm của người đối thoại, tôi ngưng lại. Tôi bối rối, thất vọng, thương xót, ngơ vờ. Hay là tôi nên quên trò chơi này đi? Dù đây là Thủy thiết mà đã không tự nhận ra mình, cũng không nhận ra tôi thì tôi nên quên đi, tôi nghĩ và đứng lên.

“Thôi cảm ơn bà.”

Bà chỉ chờ có thế, lại nằm xuống, lầu bầu.

Nhưng tiếc công đi tìm, tôi lại ngồi xuống, hỏi:

“Xin lỗi, bà có quen một người tên Đinh Thị Thanh Giang không ạ?”

Tôi nhắc lại câu hỏi, to hơn. Bà hơi có vẻ quan tâm tới câu chuyện:

“Giang?”

“Dạ vâng, Giang.”

“Biết!”

“Thiệt không? Bà biết Đinh Thị Thanh Giang?”

Bà già lại ngồi dậy, một con ruồi bám vào mép bà, mép động đậy nó cũng không bay.

“Cũng đến đây hỏi Thủy thiếc gì đấy!”

Tôi mừng rỡ, đuổi con ruồi trên mép bà già, hỏi:

“Bà biết Giang bây giờ ở đâu không?”

“Ai biết! Tự dừng đến hỏi, thấy không phải người thì cấp dứt đi thôi, việc gì phải khai địa chỉ.”

“Nhưng Giang, vì có gì... tại sao lại hỏi về Thủy.”

“Chị em gì đó, nghe báo đăng...”

Thế là tôi có chút hy vọng rồi. Tôi cảm ơn bà già và đứng lên. Bà kêu lại, nói:

“Giả nhời khô cả họng rồi ông Việt kiều phải dứt đi à?”

Tôi hiểu ý, móc túi lấy mấy tờ giấy mười ngàn đưa cho bà, cảm ơn một lần nữa.

Thấy tôi về mồ hôi nhễ nhại, Solveig hỏi:

“Thấy bà ấy không?”

“Không. Người đàn bà ở bên gốc cây mà tờ báo nói chỉ là người trùng tên với Thủy.”

“Trùng hợp là thường trên đời này.”

Tôi định nói rằng còn nhiều trùng hợp kỳ dị hơn nữa: cô em của Thủy cũng đọc mẫu tin mà tôi đọc, và cũng tới tìm chị. Nhưng bỗng nhiên cái cảm giác chói với vô vọng trước thời gian xâm chiếm tôi. Cảm giác trên đường Hồng Thập Tự - đứng trên bãi dâu mà hỏi đâu giòng nước cũ - trở lại; mãnh liệt hơn.

Tôi nói với Solveig:

“Mai mình đi Cần Thơ, nghe em. Chẳng còn bao ngày giờ.”

Tâm Thanh

Đoản Thơ Xuân

Lê Nguyên

Tết tây tết ta

Tết tây lại nhớ, đến Tết ta
Cũng pháo, cũng hoa, cũng rượu trà
Có sao rượu uống, lòng vẫn nhạt?
Thân ở xứ người, tâm lại xa....

Tết nhớ nhà

Giờ này bên nhà, ắt rộn ràng
Người người nô nức đón Xuân sang
Nơi đây chẳng có, mai, đào nở
Chỉ biết ngày xuân, tuyết ngập tràn

Tết ta

Ở tận trời Âu, đón Tết ta
Sao nghe buồn tủi cái thân già ...
Thắp nhén nhang thơm cúng Tổ phụ
Bàn thờ, hoa trái nhớ Ông Bà
Thiệp xuân muốn gửi, lòng vương bận
Bánh mứt nằm chờ, chẳng mặn mà
Em về quê cũ, ta nhắn gửi
Một chút tình riêng, nỗi nhớ nhà....

Xuân viễn xứ

Xa quê đã mấy xuân ngút ngàn?
Bạn bè, lắm đứa khi xuân sang
Đưa bạn đi làm, đưa chẳng nhớ...
Xuân đến xuân đi thật bẽ bàng!

Bài thơ tặng Mẹ

Tóc xanh nay đã bạc màu
Một đời tần tảo, in hằn sâu
Nay đàn con lớn nên gia thất
Cầu mong Mẹ sống mãi bạc đầu...



Trên con đường này

Vẫn trên con đường này
Mùa xuân hoa nở đầy
Tôi ơi thôi đừng khóc
Buồn vui như bóng mây

Còn đó những rặng hoa
Mà mùa xuân trôi xa
Bóng đôi ta biệt biệt
Một lần. Một lần qua

Còn đây bao cảnh đẹp
Mê mãi những tháng ngày
Người từng vác máy ảnh
Dạo qua những chôn này

Rong chơi trong cõi tạm
Có đến mấy mươi năm
Sao không khỏi tưởng lầm
Là quê nhà mình đó

Đến một ngày từ bỏ
Ở cuối cuộc hành trình
Người còn lại một mình
Lao đao cơn bệnh ngặt

Mây trời trên bệnh viện
Sớm chiều bay thông dong
Những phận người khôn khổ
Ngước mắt vời vợi trông

Giong ruổi kiếm tìm chi
Quay về lại chính mình
Kết thúc cuộc viễn trình
Vào thênh thang rộng lặng

Khánh Hà

Các Nhà Văn Viết Truyện Như Thế Nào

Nguyễn Văn Thà



Kính thưa quý vị,

Tôi được Ban Tổ Chức giao cho nhiệm vụ nói về tác các nhà văn viết truyện như thế nào. Nhưng trước khi bàn về văn chương của các nhà văn, tôi xin nói qua một số điểm về nghệ thuật viết truyện, và sau đó dựa vào đó để đánh giá văn chương của các vị. Và ở phần 2 tôi dành riêng nói một chút về tác phẩm LTBR của Tâm Thanh.

Thưa quý vị,

Hoài Thanh đã viết: *"Viết sao thì viết, nhưng trước hết phải văn chương cái đã."*

Nhưng văn chương là gì? Hay hỏi cho dễ hiểu: cái **Dụng** của Văn Chương là gì?

Nguyễn Du đã có câu trả lời, và ông có thẩm quyền để trả lời: Đó là để **mua vui**. Trước khi chấm dứt truyện Kiều dài 3254 câu, ông viết ở 2 câu cuối cùng:

*Lời quê chấp nhặt dông dài/ **Mua vui** cũng được một vài trống canh.*

Dựa vào văn cảnh của hai câu thơ, người ta có cảm tưởng ông rất khiêm tốn nhà Nho, nhưng sự thật là như thế, vì chính thi sĩ cổ đại La Mã Horace, trước Nguyễn Du hơn một ngàn năm trăm năm, cũng đã nói Văn Chương là để **làm cho người đọc vui/ và hướng dẫn họ - làm được hai việc đó một lúc thì càng tốt.**

Để hướng dẫn một số chân lý về cuộc sống, cách hiệu quả nhất là kể truyện:

Ví dụ: chân lý trong lời dạy của Đức Phật: Từ Bi, Hi Xả: hay nói nôm na ra: Thương

Người và Vui vẻ bỏ qua lỗi lầm của người khác/ hay triệt để hơn như lời dạy của Đức Giê Su: "Hãy thương yêu kẻ thù". Chân lý này được hai vị minh họa bằng chính đời sống của hai vị và được kể lại trong hành trạng Đức Phật và trong Phúc âm.

Cái chân lý trong lời dạy "hãy yêu thương kẻ thù" này cũng được diễn tả qua truyện ngắn **Ở Cuối Hai Con Đường** của **Phạm Tín An Ninh**. Truyện nói về tình người giữa hai kẻ thù trên hai chiến tuyến: một anh quân giáo trại tù và một anh sĩ quan VNCH bị cải tạo; ai ở trại tù CS mới thấy mức độ gian ác, quỷ quyết thế nào của những công an cai tù quân giáo, còn tù thì khổ sở khỏi nói, thế mà họ trong truyện vẫn xóa bỏ được hận thù. Hay qua truyện **Trích Tiên** của **Tâm Thanh** về tình yêu giữa con trai một gia đình ty nạn Việt Nam ở Na Uy với một cô gái Bắc Kỳ cộng sản; tình yêu từ con trai Miền Nam Việt Nam sống ở Na Uy đã dành, mà còn từ cha mẹ anh, thuộc lớp những người Việt tị nạn từ miền Nam, những người nói chung thường đố kỵ, thậm chí dùng một số từ mang tính khinh bỉ để gọi những người bỏ nước ra đi từ miền Bắc. Những biên giới lòng.

Đọc qua hai truyện của PTAN, của Tâm Thanh người ta thấy rõ hơn cái chân lý "yêu thương kẻ thù" vì cuối cùng họ cũng là con người, cùng đồng bào Việt Nam mình cả.

Hay nói cách khác nhờ kể truyện, với các nhân vật, các chuyển biến trong tâm tư, trong hoàn cảnh trong truyện, chân lý trở thành cụ thể, sinh động trước mắt người đọc, tưởng có thể sờ mó được. Chân lý nó không

còn là những khái niệm trừu tượng: Khái niệm đã trở thành thịt xương tại thể: (- *Et Verbum caro factum est et habitavit in nobis* -) nhờ những dụ ngôn, những câu truyện kể như thế.

Truyện không phải chỉ mua vui, tạo được sự vui vẻ, thích thú đơn thuần, hạn hẹp như khi uống một ly côca mát lạnh hay hút một điều thuốc ngon, hay như khi đọc các loại truyện tạo cảm giác thoải mái mà người Anh gọi là *feel good novel*, hay những tập chuyện dân vừa đọc vừa uống bia hút thuốc, truyện còn làm rung động vùng tình cảm sâu lắng, khối tâm tư còn lẫn khuất trong ta. "Viết truyện phải viết làm sao để truyện trở thành một lưỡi rìu đập vỡ được **biển** băng đông cứng trong ta." - Frank Kafka đã nói như vậy. Hay như Chinua Achebe: "Khi chúng ta đọc truyện, chúng ta không những thấy, mà chúng ta còn **đau đớn** theo nhân vật trong truyện." Trong truyện *Còn Đóa Hoa Quỳ*, Tâm Thanh không dùng rìu để đập vỡ lòng băng giá của lớp người càng ngày càng thực dụng trong tình yêu, mà dùng một cây hoa quỳ nhỏ nhoi, hăm hui chân tường. Hoa *quỳ* và nàng Amelia tị nạn từ Liên Bang Xô Viết là một. Xin ghi chú: Amelia lại cũng là tên một loài hoa. Với truyện *Trên Chiến Trường Xưa*, PTAN đã làm cho nhiều độc giả đau đớn lẫn ngậm ngùi. Tác giả kể lại chuyến đi thăm lại chiến trường xưa Kontum 1972 mùa hè đỏ lửa nơi ông đã tham dự trận đánh kinh hoàng. PTAN mở đầu truyện:

"Hơn ba mươi năm sau, cùng với bốn anh em trong đơn vị xưa, chúng tôi trở lại Kontum tìm thăm nơi an nghỉ của những đồng đội cũ. Trong những năm 72 và 73, đơn vị chúng tôi đã có hơn hai trăm anh em vĩnh viễn nằm lại nơi này để giữ vững miền địa đầu, cửa ngõ quan trọng nhất vào Tây Nguyên."

Rồi anh kể về trận đánh hủy diệt đó.

Rồi kể về mối tình đơn sơ mà thủy chung giữa một nữ sinh, sau 75 là một người bán quán, với anh trung sĩ quen trình sát tên Bình, cũng dự trong trận đánh đó và từ trận, vùi nông một năm.

Phe bên kia thắng.

Mồ của những chiến hữu của tác giả bị mất dấu, mất tăm.

Và cuối truyện:

"Sáng hôm sau, chị chủ quán, bạn gái anh Bình, mời chúng tôi ăn sáng rồi tiễn chúng tôi ra đầu cầu Dakbla. Chị đứng yên lặng không nói một lời gì. Nhìn những giọt nước mắt chảy dài trên má chị; trong lòng chúng tôi có lẽ ai nấy cũng đang giữ riêng một nỗi ngậm ngùi. Nhìn dòng sông Dakbla chảy ngược qua cầu, tôi có cảm giác như lòng mình cũng đang chảy ngược về những nơi nào đó, những chiến trường xưa, mà mãi mãi vẫn còn in bóng dáng hào hùng của bao nhiều bè bạn, anh em - những người đồng đội cũ. Tất cả đã từng có một thời sống rất đáng sống."

Một khi đã diễn tả qua hình ảnh cụ thể như thế, truyện không nhiều thì ít sẽ **chuyển hóa**, làm cho người đọc **ngộ** được một phần nào đó cái ý tưởng mà tác giả vô tình vô thức, hay cố ý hữu thức đưa ra để làm rường cột câu truyện.

Tóm lại có bốn cái **dụng** của Văn Chương, của một truyện hay: 1: mua vui; 2: chỉ dẫn; 3: đánh động tâm tư - tình cảm, 4: chuyển hóa người đọc.

Nguyễn Du chỉ cầu cho truyện mình **mua vui** cho người đọc, nhưng với Truyện Kiều ông đã thể hiện được 4 điều tôi vừa nêu ra.

Nhưng để làm được 4 điều trên người viết phải có **những kỹ thuật**, hay nói cách khác: **những phương tiện**. Những phương tiện đó là phương tiện gì? Văn chương vốn có nghĩa là **vẻ đẹp, vẻ sáng**. Ý niệm về Cái Đẹp, Cái Mỹ là một cái gì có sẵn, cái sẵn trong con người, bất luận người đó ở đại lục nào trên thế giới, ví dụ, quan niệm thế nào là một người đàn bà đẹp chẳng hạn. Quan niệm về người đàn bà đẹp vẫn xoay quanh kích thước 3 vòng của người đàn bà và khuôn mặt, khác nhau chỉ qua màu da, quần áo, sự trang điểm vốn là những phần phụ. Cho nên, không lạ gì các nhà nghiên cứu, phê bình văn chương, xin nhắc lại văn chương là vẻ đẹp vẻ sáng,

ngày nay đồng ý về những quy luật phổ quát khi viết truyện. Và những hình thức diễn đạt hoặc trong sáng, hấp dẫn hoặc tối tăm, rối rắm có chủ ý như trong một số tác phẩm ở phương Tây cũng như ở nước ta mới đây, những hình thức diễn tả đó chỉ là phụ như quần áo, trang sức.

Những quy luật phổ quát để có một truyện hay đó là:

1. **Cái cốt truyện** hay
2. **Cách dùng chữ** và phối hợp chữ sao cho hay và đẹp. Các câu, các đoạn, các chương sao cho sít sao, hợp lý, vừa đủ.
3. Có một **tư tưởng chủ đạo** thấm suốt tác phẩm.

Xin dẫn chứng 3 quy luật trên bằng truyện Kiều. Truyện Kiều:

1. Cốt truyện hay, hấp dẫn của truyện Kiều thì ai cũng biết rồi.
2. Cách dùng chữ, ví dụ khi tả sắc đẹp nàng Kiều, Nguyễn Du lựa chữ, dùng chữ như sau:

*Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành.*

Mỹ lệ đến như thế là cùng nơi một người con gái.

Nhưng, khi diễn tả anh chàng điểm đàn Mã Giám Sinh thì sắc bén đến mức điển hình:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghé trên ngai tốt số sàng.*

Những hình ảnh như thế tới nay vẫn còn đúng để tả những anh chàng điểm đàn. Quý vị có xem các phim xã hội đen ngày nay cũng sẽ thấy như thế. Còn các câu, các đoạn rất sít sao, hợp lý, vừa đủ. Xin miễn cho tôi trích dẫn ra đây, sợ quá dài.

3- **Tư tưởng chủ đạo** trong truyện Kiều là cái Mệnh Trời đối kháng với Tài Năng và Con Tim của người thế. Trời bắt sao phải chịu vậy, cũng na ná giáo lý Chúa Quan Phòng của Ki tô giáo, nhưng Trời bắt ta chịu số phận nhưng cũng cho Tài Năng và Trái Tim để con người có thể chủ động thoát Mệnh Trời, hay nói như Khái Hưng con người hãy cố "giữ được lòng vui, giữ linh hồn trong sạch và đem hết nghị lực ra làm việc". Nguyễn Du viết rõ ý tưởng chủ đạo của truyện Kiều như sau ở phần kết:

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao*

Nhưng đừng lo vì
Chữ Tài, chữ Mệnh dồi dào cả hai.
Và vì
*Thiện căn ở tại lòng ta;
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*

Tâm Thanh, trong ba tập truyện ngắn, đa số các truyện đã thực hiện được những qui luật phổ quát đó. Xin đưa một truyện làm ví dụ: Truyện **Con Bọ Mắt**.

1. **Cốt truyện**: Con bọ mắt đối kháng với Vân, người vợ đẹp. Đúng là một cốt truyện hay, hấp dẫn.
2. **Cách dùng chữ**, phối hợp chữ và các câu ra sao để diễn tả con bọ đó. Xin mời quý vị nghe một trích đoạn:
" 'Nó' nhỏ bằng hạt bụi mà bay thoăn thoắt, êm ru. Nếu tôi không bắt đầu để ý sự hiện diện của nó thì quả là nó ... không có. Không hút máu như con muỗi ngổ ngáo. Không bu vào lon bia trên bàn như con ruồi dơ bẩn. Nhưng đã bắt đầu để ý tới nó thì không thể làm ngơ được. Nó thoắt hiện, thoắt biến, không biết từ đâu tới, không biết đi đâu. Tôi chỉ thấy được nó chớp nhoáng khi nó hiện ra trong tầm mắt, ngay trước mũi. Phòng khách nhà tôi, khi thắp đèn lên, có những mảng tối để tôn sự ám áp của vùng sáng. Những khoảng tối đó là nơi con vật kỳ cục ẩn núp để

trêu chọc tôi, làm cho nỗi khó chịu của tôi lớn dần trong chiều nay.”

Khi mức độ quấy nhiễu của con bộ mắt càng ngày càng tăng, tác giả còn gọi nó là **con tinh, con yêu, con quái, con quỷ quái** v.v. v. Còn các câu, các đoạn thì sít sao, hợp lý, vừa đủ. Quý vị xem truyện sẽ thấy.

3. Tư tưởng chủ đạo: Đó là: Trong cuộc sống vợ chồng đừng quá quan tâm những chuyện cái vĩa vắn tượng trưng ở đây là con bộ mắt, mà quên đi người bạn đời yêu dấu của mình. Xin trích:

”Tôi trút nỗi bức mình về con quỷ sang Vân: - Trồng cây trồng kiềng chi vậy không biết! Vân ngo ngác, nhưng vẫn nhẫn nhịn, lại gần, đứng trước mặt tôi. Những đường cong nổi bật qua làn lụa mỏng trước ánh đèn. Nhưng lúc này làn lụa mỏng trở thành một trở ngại trước mặt, khiến tôi không theo dõi được 'con quỷ'”

Tư tưởng chủ đạo như thế cũng giá trị rồi nhưng ngẫm kỹ một chút thì thấy tác giả còn đưa ra một ý tưởng siêu hình Phật giáo. Đó là chớ có trụ vào, vướng vào những giả tượng, những huyền tượng mà quên đi cái Phật tính, cái Bản Ngã đang nằm ngay trong lòng mình. Tại sao tôi có thể quả quyết như vậy, xin quý vị nghe:

”Giống như một cô bé nũng nịu, Vân thích mỗi tối tôi đọc cho nàng nghe một đoạn sách hay. Nàng thích, ví dụ tôi dịch một đoạn kịch thơ của Ibsen (cuốn sách tôi đang cầm trên tay tối nay) và tán rằng trong nhà thơ lớn này của Na-uy có đầy tư tưởng Phật. Nhưng tối nay chẳng có Bụt, chẳng có Ngã. Chỉ có con quái, con quỷ này.”

Tác giả thả một câu thông khơ khời mà tài tình như vậy là để mời gọi độc giả khám phá thâm ý rường cột của tác phẩm.

Tác giả Việt Nam viết truyện ngắn ở Na Uy có 5 người: **Nguyễn Thị Vinh** với văn phong cổ điển Tự Lực Văn Đoàn nhưng cũng có phần sắc nét hơn trong những truyện bà viết sau này ở Na Uy; **Đoàn Mai Tâm** với bút pháp dung dị với những đề tài

tự sự, điểm xuyết những trải nghiệm của anh ở Na Uy; **Hoài Mỹ**, đã nổi tiếng ở Việt Nam trước 75, với bút pháp bình thản, kiệm lời cô hữu, vẽ lại những mảnh đời, những bi kịch. **Phạm Tín An Ninh**, một sĩ quan QLVNCH, nổi tiếng thế giới người Việt, với những truyện ngắn chiến trường, đồng đội, về tù cải tạo với bút pháp đơn sơ mà chân thành, hào hùng mà ngậm ngùi. Với truyện *Ở Cuối Hai Con Đường* và truyện *Trên Chiến Trường Xưa* của anh, anh có thể ngang hàng với Eric Maria Remarque, tác giả viết truyện chiến tranh hay nhất của Đức. **Nguyễn Văn Thà** với lối viết hiện thực huyền ảo và phương pháp nhân vật nhị trùng. Và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng: **Tâm Thanh** đã viết được nhiều truyện ngắn hay. Anh đã nâng truyện ngắn Việt Nam lên một bậc. Truyện ngắn anh có kỹ thuật cao, hóm hỉnh và đầy minh trí như thơ Nguyễn Khuyến, nhưng cũng lãng mạn một cách thâm trầm, ý vị.

Lệnh Triệu Ban Rời

Tâm Thanh, mùa thu năm ngoái có cho ra đời cuốn *Lệnh Triệu Ban Rời - một trường hợp ung thư*. Tôi cũng đã có vài lời bàn về cuốn này và đã được đăng trong giai phẩm *Viết&Đọc*, Xuân Giáp Ngọ 2014 và quý vị cũng có thể đọc trong trang nhà diendanthekey.net. Ở đây tôi chỉ tóm tắt như sau:

1. Tôi nhận được cuốn sách khi tôi bước ra khỏi nhà đi làm, đưa luôn đến sở, và lén đọc được mười trang. ”Cảm giác đầu tiên của tôi là mình đang chạm tới cái mệnh mông dễ chịu, đọc từ thư mà lòng lại thấy nhẹ nhàng.” Sau đó khi ”Đọc xong tác phẩm, tôi vẫn còn cái cảm giác đầu tiên: như chạm tới cái mệnh mông dễ chịu.”

2. Tâm Thanh kể về bạn bè, bạn văn, những mẫu nhân nhân vật anh kể có những tính cách cao đẹp của tình người, tình bạn của một lớp người nay đang sắp tiệt giống. Với những miêu tả như thế, Tâm Thanh vô tình đã tạo được bộ sưu tầm quý giá về nhân văn cho đời sau. Tả một cách chất lọc, sắc bén, hóm hỉnh.

3. *Tâm Thanh* kể lại một giai thoại văn học quan trọng về thái độ trước cái chết của cụ linh mục và là giáo sư Lê Tôn Nghiêm, một trong những cột trụ giới thiệu triết học Tây Phương vào Nam Việt Nam. Nơi chân quan tài của Thầy có tấm bảng ghi câu "*Mon Dieu, la Destinée*" mà chị của Tâm Thanh hiểu là: "*Thượng Đế của tôi, Định Mệnh*", nhưng NVThà lại hiểu là "*Than ôi, Định mệnh!*" Hai lối hiểu khác nhau, vì chỉ khác nhau một dấu phẩy và một dấu chấm than, dẫn tới hai nhận định khác nhau về thái độ trước cái chết của giáo sư Nghiêm với cuộc đời trí thức thượng đẳng mà cũng gian truân của ông khi Cộng Sản chiếm miền Nam.

4. Tập thơ kèm trong tác phẩm LTBR có tên *Văn Cuối Cho Anh* của bạn đời Tâm Thanh: Khánh Hà gồm 23 bài. Nói lên tình khăng khít vợ chồng mà Tâm Thanh trong tác phẩm gọi là cửa vào thiên đàng và cũng nói lên một mối tình vừa văn chương vừa vợ chồng xưa nay hiếm.

Thưa quý vị,
Khánh Hà có ba tập thơ với hàng trăm bài thơ giá trị, nhưng chỉ cần một bài cũng đủ tóm lại sự nghiệp làm thơ của chị. Đó là bài *Tiếng Chim*:

*buổi chiều lẳng
bóng chim vút qua
rớt lại tiếng kêu
trên hồ nước lẳng*

Như kim cổ bao đời, các nhà văn, nhà thơ sẽ vút qua, nhưng tiếng kêu của họ đã rớt lại cho độc giả/ và mặt hồ bạn đọc sẽ **không** lẳng khi lòng hồ họ đã may mắn nhận được những tiếng kêu của con người muôn thừa vào lòng mình.

Cảm ơn quý vị đã lắng nghe.
Cảm ơn ban tổ chức.

Oslo, 30 IV 2014, ba ngày trước ngày văn hóa Việt Nam ở Oslo, Na Uy mà Tâm Thanh sẽ không thể tham dự được vì bệnh nặng.

Nguyễn Văn Thà

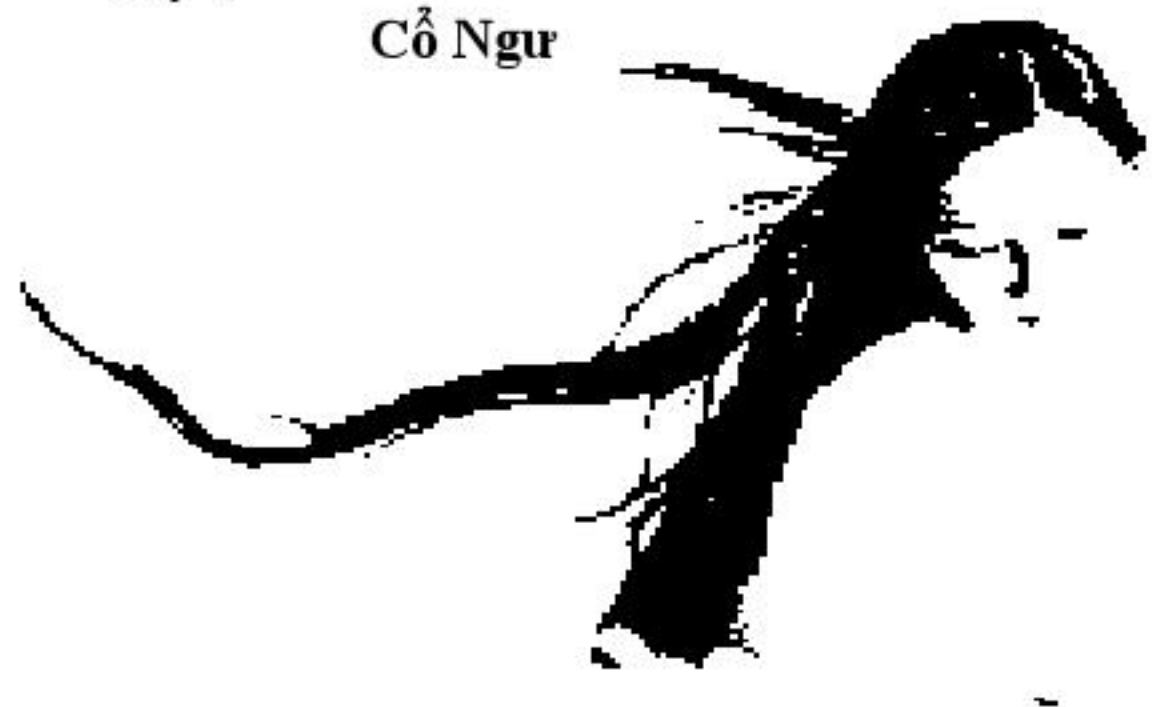
Địa Trung Hải

Giữa em và anh
Vẳng tiếng chim cu ngói
Vọng âm suốt mùa hè
Giữa ngói đỏ, gió xanh
Nhành bông giấy
Quệt nghiêng trời vệt tím
Nhạc ve treo lơ lửng,
Tán cọ xòe...

Sẽ là trăng đêm biển lặng
Lóng lánh gương soi
Ghềnh đá dựng
Mòn theo con nước
Xuống, lên,
Xuôi, ngược,
Trước, sau,
Những con nước
Bạc màu cùng năm tháng
Vẫn mặn mòi yêu
Chiều
Bãi nhỏ rợp hoa.

Hương trầm ôi nhạt nhòa cùng khúc hát
Ngọn trúc đào đổi sắc giữa chiều phai
Em tóc lộng thả đời anh trôi lạc
Giữa hàng hàng sợi mỏng,
Gọi nguyên khai
Mây ừng rắng,
Nổi trận mưa khơi thùy
Gió từng luồng,
Thổi
Tháng hạ
Vụt
Bay !

Cổ Ngự



Kẻ Lụy Tình

Kjærlihetens Slave – Knut Hamsun

Bản Việt ngữ: Dương Kim

Hamsun Knut, nhà văn rất nổi tiếng của Na Uy, sinh năm 1859 ở Lom. Mất năm 1952. Tên thật là Knud Pedersen. Năm 1889 ông lấy vợ, tên Bergljot Bech. 1906 đời sống hôn nhân tan vỡ. 1909, ông lại lập gia đình với Marie Andersen.

Năm lên ba, gia đình ông dọn tới Hamarøy tại Nordland. Nơi ấy tạo cho ông nhiều ấn tượng về thiên nhiên, đã phản ánh trong văn thơ của ông sau này. Trong đời sống ông làm rất nhiều việc, từ phu khuân vác, thợ sửa giày, phụ tá ủy viên an ninh, giám thị trường học và nhân viên phục vụ thương mại, v.v...

Năm 1877, ông ra tập truyện đầu tay. Năm sau, ông xuất bản tập thơ «Et Gjensyn» và tập truyện ngắn «Bjøger». Ông trở thành nhà thơ xuất sắc, hai cuốn sách trên được đánh dấu là kiệt tác.

1886 ông tới Hoa Kỳ và tạm trú tại đây hai năm. Ông đi diễn thuyết nhiều nơi. Và tới Copenhagen, với chương đầu của cuốn tiểu thuyết «Sult» trong túi. Cuốn sách ấy xuất bản năm 1890, đã làm chấn động giới văn học Na Uy.

Ông viết rất nhiều tiểu thuyết, kịch, truyện ngắn, thơ v.v... Năm 1920 ông nhận giải thưởng Nobel văn chương qua cuốn «Markens Grøde».

1

Chính tôi đã viết. Mới viết hôm nay để lòng được nhẹ nhàng. Tôi đã bị mất việc làm ở quán cà phê cùng những ngày vui. Tôi đã mất hết tất cả. Quán cà phê ấy mang tên Maximilian.

Một người đàn ông trẻ, áo xám, chiều nào cũng như chiều nào, cùng hai người bạn tới quán cà phê. Họ ngồi vào một trong những cái bàn do tôi trông coi. Khách đàn ông tới rất nhiều, ai cũng chào hỏi tôi niềm nở, nhưng ông ấy thì không. Ông ta cao, yếu, tóc đen mềm, và đôi mắt xanh của ông thỉnh thoảng nhìn tôi. Phía trên môi, mép râu ghi-đông đã bắt đầu mọc cong lên.

Mới đầu, hình như ông ghét tôi.

Ông tới đều đặn. Chuyện ấy đối với tôi đã trở thành thói quen, hôm nào ông không tới tôi cũng nhớ. Một hôm ông không tới. Tôi đi quanh quán cà phê tìm. Cuối cùng tôi thấy ông ngồi cạnh cột nhà ở cửa vào phía bên kia. Ông đang ngồi với một cô gái làm xiếc. Cô ta mặc bộ đồ vàng, găng tay dài cong lên tới khuỷu. Cô ta còn trẻ, đôi mắt đen đẹp, còn mắt tôi thì xanh.

Tôi đứng yên một lát, nghe được họ đang nói chuyện. Cô ta trách móc chỉ đó, về chán ngán và muốn ông ta đi cho khuất. Tôi nghĩ bụng: Lạy Đức Bà đồng trinh, sao ông ấy không tới với tôi nhỉ?

Chiều hôm sau, ông đến cùng hai người bạn, họ ngồi vào bàn của tôi, tôi có năm cái bàn để chạy. Tôi không tới gặp ông như thường lệ, nhưng tôi đỏ mặt và làm bộ như không thấy ông. Nhưng ông vừa vẫy tay ra hiệu là

tôi tới ngay.

Tôi nói: «Hôm qua ông không tới.»

Ông bảo với hai người bạn: «Cô chiêu đãi này có dáng người thon tuyệt vời.»

Tôi hỏi: «Bia?»

Ông đáp: «Được!»

Tôi vội vàng lấy ngay ba bình bia lớn.

2

Vài ngày sau.

Ông đưa tôi một tấm thiệp, bảo:

- Mang tới...

Ông chưa nói dứt lời, tôi cầm lấy tấm thiệp đưa cho cô mặc áo vàng. Trên đường đi, tôi đọc thấy tên ông: Wladimierz T***

Khi tôi trở lại, ông nhìn tôi như muốn hỏi.

Tôi nói: «Tôi đã đưa rồi!»

- Không có trả lời gì à?

- Không!

Ông đưa cho tôi một mark, mỉm cười nói:

- Không trả lời cũng là một cách trả lời.

Suốt buổi chiều ông ngồi nhìn cô áo vàng và những người đeo đuôi cô ta. Mười một giờ khuya, ông đứng dậy, tới bàn của cô. Cô đón tiếp ông lạnh nhạt, nhưng ngược lại, hai người đàn ông theo cô lại tiếp đón ông, họ mỉm cười hỏi những câu hiểm hóc. Ông đứng ở đó vài phút. Khi ông trở lại, tôi ra hiệu cho ông hay túi áo choàng mùa xuân của ông bị dính bia. Ông cởi áo, xoay nhanh người, nhìn về phía bàn của cô gái làm xiếc. Tôi lau áo cho ông, ông mỉm cười:

- Cảm ơn, người nô lệ.

Lúc giúp ông choàng áo, tôi ngấm phui lưng ông.

Ông ngồi trầm ngâm. Một trong những người

bạn của ông kêu thêm bia, tôi lấy bình bia rót vào ly của hắn. Tôi cũng định lấy bình bia của ông T*** rót cho ông.

«Không», ông nói rồi đặt tay lên tay tôi. Sự đụng chạm này làm cánh tay tôi khựng lại. Ông cũng cảm thấy thế, vì liền sau đó ông rút nhanh tay về.

Đến tối, tôi quỳ trước giường và cầu nguyện cho ông hai lần. Tôi sung sướng hôn bàn tay phải, bàn tay mà ông ta đã đụng vào.

3

Có một lần ông cho tôi hoa, một đồng hoa. Ông mua của một bà bán hoa vào quán cà phê cùng lúc với ông, dường như ông mua hết cả rổ hoa. Hoa tươi đỏ. Ông để hoa trên bàn, trước mặt. Không có một người bạn nào của ông đi cùng. Tôi thường đứng sau cột nhà nhìn ông và nghĩ: Ông ấy tên là T***.

Có lẽ mắt cả tiếng đồng hồ. Ông chăm chú nhìn đồng hồ.

Tôi hỏi:

- Ông đợi ai ạ?

Ông lơ đãng nhìn tôi, rồi bỗng nói:

- Không, tôi chẳng đợi ai cả. Tôi đợi ai chứ?

Tôi nói: «Tôi tưởng là ông đang đợi ai.»

Ông bảo: «Lại đây. Cho cô này!»

Rồi ông cho tôi cả đồng hoa.

Tôi khẽ cảm ơn, nhưng nói không nên lời. Máu như hân hoan chảy khắp người tôi, tôi tới quỳ đứng thờ hồn hên.

Cô thiếu nữ ngồi ở quầy hỏi: «Chị cần chi?»

Tôi hỏi lại: «Dạ, cô nghĩ gì vậy?»

Cô thiếu nữ nói: «Tôi nghĩ gì à? Chị có mát không?»

Tôi bảo: «Thử đoán coi, ai cho tôi hoa thế này?»

Người quản lý đi ngang, tôi nghe ông ta hỏi: «Sao cô không đem bia tới cho ông khách ở cái bàn ba chân kia?»

Tôi vừa hấp tấp cầm ly bia đi vừa nói: «Ông Wladimierz cho tôi đây.»

Ông T*** chưa đi. Lúc ông đứng dậy, tôi lại cảm ơn ông. Ông lấy làm ngạc nhiên, nói:

- Thật ra tôi mua hoa cho một người khác.

Hắn rồi, ông ta mua hoa cho một người khác à. Nhưng tôi lại được hoa, chứ không phải người ấy. Ông để mặc cho tôi cảm ơn về hoa tặng. Xin chúc ông Wladimierz ngủ ngon.

4

Sáng hôm sau trời mưa.

Bữa nay, tôi bận áo xanh hay đen đây? Áo xanh. Vì nó mới nhất. Lòng tôi cảm thấy vui

sướng.

Tôi đến trạm xe, lúc ấy có một người đàn bà cũng đứng đợi. Bà ta không có dù. Tôi mời bà cùng che dù với tôi, nhưng bà ta cảm ơn và từ chối. Tôi cụp dù lại. Tôi nghĩ: Rồi, không phải chỉ một mình bà ta bị ướt.

Tối chiều, ông Wladimierz đến quán cà-phê.

Tôi hãnh diện: «Cảm ơn ông hôm qua đã cho tôi hoa.»

Ông hỏi: «Hoa nào? Thôi, đừng nói tới nữa.»

Tôi trả lời: «Tôi chỉ muốn cảm ơn thôi mà.»

Ông nhún vai đáp:

- Người nô lệ à, cô không phải là người tôi yêu đâu.

Tôi không phải là người ông yêu, thế đấy. Tôi đâu có mong chờ chi, nên tôi chẳng hề bị thất vọng. Nhưng chiều nào tôi cũng thấy ông, ông chỉ ngồi vào cái bàn của tôi, không ngồi bàn ai khác, và tôi là người rót bia cho ông. Xin chào đón ông, Wladimierz.

Hôm sau, ông tới trễ. Ông nói:

- Người nô lệ, cô có nhiều tiền không?

Tôi trả lời: «Đáng tiếc là không, tôi là một cô gái nghèo.»

Lúc đó ông mỉm cười nhìn tôi:

- Cô hiểu lầm rồi. Ngày mai tôi cần tiền.

Tôi trả lời: «Tôi có một ít tiền, một trăm ba mươi mark ở nhà.»

Ông bảo: «Ở nhà ư, không có ở đây à?»

Tôi đáp:

- Ông đợi khoảng mười lăm phút nữa, khi quán đóng cửa, ông đi với tôi, tôi sẽ lấy tiền.

Ông đợi mười lăm phút rồi cùng đi với tôi. Ông nói: chỉ cần một trăm mark thôi. Ông luôn đi bên cạnh tôi, không để cho tôi đi trước hoặc đi sau, như những tay đàn ông khác.

Tối trước cửa nhà, tôi nói: «Nhà tôi chỉ có một phòng nhỏ.»

Ông bảo: «Tôi không vào đâu. Tôi đứng ở đây.»

Rồi ông đứng đợi.

Khi tôi xuống, ông đếm tiền, nói:

- Chỗ này những hơn cả trăm mark. Tôi cho cô mười mark tiền boa. Ờ, ờ, nghe này, tôi muốn cho cô mười mark tiền trà nước.

Ông đưa cho tôi tiền xong và chào tôi trước khi đi. Đi tới đầu góc đường, ông ngừng lại cho người ăn mày già khập khiễng một shilling.

5

Đêm hôm sau, ông xin lỗi tôi về chuyện ông

không thể nào trả được số tiền đã mượn tôi. Nhưng chuyện ấy tôi lại cảm ơn ông. Ông nói thật rằng ông đã lỗ tiêu hết số tiền đó rồi. Ông mỉm cười: «Biết nói sao, người nô lệ ơi! Cô biết cô áo vàng chứ?»

Một trong những người bạn của ông hỏi: «Tại sao lại kêu cô ta là nô lệ? Xem ra anh còn nô lệ hơn cô ta nữa.»

Tôi cắt ngang: «Bia?»

Lát sau, cô áo vàng bước vào. T*** đứng dậy cúi chào. Ông cúi thấp đến nỗi tóc rủ xuống phía trước. Cô áo vàng đi ngang, ngồi vào bàn lẻ loi, cố ý để trống hai chiếc ghế. T*** liền đi tới chỗ cô ta, ngồi xuống một chiếc ghế. Hai phút sau, ông đứng lên nói lớn:

- Được, tôi đi. Không bao giờ tôi trở lại đây.

Cô áo vàng nói: «Cảm ơn!»

Tôi mừng quýnh lên, tôi chạy đến quầy nói chi đó. Chắc tôi kể là ông ta không bao giờ tới với cô áo vàng nữa. Người quản lý đi ngang, nhìn tôi khiển trách, nhưng tôi không đếm xỉa đến.

Khi quán đóng cửa, T*** theo tôi về tới trước nhà.

Ông nói: «Đây là năm mark của số mười mark mà tôi hứa cho cô hôm qua.»

Tôi muốn cho ông lại cả mười mark và ông đã nhận, nhưng ông cứ đưa cho tôi năm mark tiền boa, và không muốn nghe tôi từ chối.

Tôi nói: «Tôi rất vui mừng. Nếu tôi có thể mời ông lên nhà, nhưng nhà tôi chỉ có một căn buồng nhỏ.»

Ông đáp: «Tôi không lên đâu, chúc cô ngủ ngon.»

Ông bỏ đi. Ngang qua chỗ người ăn mày đang nhún mình chào, nhưng ông quên cho bà ta tiền. Tôi chạy đến cho bà chút đỉnh, nói: - Đây là của ông mới đi ngang qua, ông áo xám đó.

Bà ta hỏi: «Ông áo xám nào?»

- Ông tóc đen ấy mà. Ông Wladimierz.

- Cô có phải là vợ của ông ta không?

Tôi đáp:

- Không, tôi là người nô lệ của ông ta.

6

Từ đó nhiều đêm ông xin lỗi tôi về vụ ông không thể trả tiền tôi được. Tôi yêu cầu ông đừng làm tôi khó chịu, nhưng ông cứ nói lớn, khách khứa trong tiệm nghe và cười ông.

Ông nói: «Tôi là một đồ tồi. Tôi đã mượn tiền của cô và không thể trả được. Tôi muốn chặt bàn tay phải của tôi để trừ vào năm mươi

mark của cô.»

Tôi đau đớn nghe những lời này, tôi nghĩ tại sao tôi lại cho ông ta mượn số tiền, đối với tôi quá lớn vậy.

Ông tiếp:

- Và cô hỏi ngoài chuyện ấy ra, tôi có làm sao không à. Cô áo vàng đã đi theo đoàn xiếc của cô rồi. Tôi đã quên cô ta. Tôi không còn nhớ cô ta nữa.

Một trong những người bạn của ông nói: «Hôm nay anh vừa viết thư cho cô ta mà.»

Wladimierz đáp: «Đây là bức thư cuối cùng.»

Tôi mua một bông hồng của bà bán hoa rong rồi cài lên khuyết áo trái của Wladimierz. Tôi cảm thấy hơi thờ ông phả trên tay và tôi gần như không cài nổi kim lại được.

Ông nói: «Cảm ơn.»

Tôi lấy mấy đồng dư của tôi ở két rồi đưa cho ông. Chuyện chẳng đáng chi.

Ông lại nói: «Cảm ơn.»

Suốt buổi tối hôm đó tôi sung sướng cho tới khi Wladimierz thỉnh thoảng lên tiếng:

- Tôi sẽ đi xa một tuần với mấy đồng bạc này. Khi tôi trở lại, cô sẽ có tiền.

Ông nhìn tôi rồi tiếp: «Cô mới là người tôi yêu!» Ông nắm lấy tay tôi.

Tôi quýnh lên vì ông sẽ đi xa mà không nói đi đâu. Tất cả, cả tiệm cà-phê, góc phòng, khách hàng như trôi quanh tôi, chịu không nổi, tôi nắm cả hai tay của ông.

Ông đột ngột đứng lên: «Một tuần sau tôi sẽ trở lại với cô.»

Tôi nghe người quản lý nói với tôi:

- Cô sẽ nghỉ làm ở đây.

Tôi thầm nghĩ: «Ừ, có sao đâu! Một tuần nữa Wladimierz sẽ trở về với tôi! Tôi định cảm ơn ông nhưng khi quay lại, ông đã đi mất rồi.»

7

Một tuần sau, vào một đêm, tôi về nhà nhận được thư ông. Bức thư buồn, ông kể ông đã cố đeo đuổi người đàn bà áo vàng, và ông không bao giờ có thể trả được tiền cho tôi nữa, ông đang nghèo túng cùng khổ lắm. Ông tự mắng nhiếc mình là một người có lòng dạ đều cang. Cuối thư, ông viết: «Tôi là kẻ nô lệ của người đàn bà áo vàng.»

Cả ngày lẫn đêm tôi buồn bã không làm gì được. Một tuần sau tôi mất chỗ làm và bắt đầu tìm chỗ mới. Ban ngày tôi tới xin việc làm ở mấy quán cà phê, khách sạn, gọi điện

thoại tới tư nhân. Không thành công. Ban tối tôi mua tất cả các tờ báo hạ nửa giá, về nhà đọc kỹ quảng cáo. Tôi nghĩ: Có thể kiếm được việc gì cứu được cả Wladimierz lẫn mình...

Tối hôm qua, tôi đọc một tờ báo thấy tên ông, rồi tôi đọc bài báo nói về ông. Sau đó, tôi đi ra khỏi nhà, quanh quẩn ở ngoài đường, sáng hôm sau tôi mới trở về. Có lẽ tôi đã ngủ ở một chỗ nào đó hoặc ngồi trên một cầu thang và không đi được nữa; có lẽ vậy, tôi không biết.

Hôm nay tôi đọc lại những tờ báo mà đêm qua tôi đã đọc ở nhà rồi. Mới đầu tôi nắm tay lại, ngồi xuống ghế. Sau đó, tôi ngồi bệt xuống đất rồi lại leo lên ghế. Tôi vừa đập tay xuống sàn nhà vừa suy nghĩ. Có thể tôi không suy nghĩ gì cả; đầu óc tôi lẩn quẩn trống rỗng, chẳng còn biết gì nữa. Ra ngoài, tôi đi xuống góc đường, tôi nhớ đã cho bà ăn may một shilling và nói:

- Đây là của ông áo xám đỏ, bà biết mà.

Bà ta lại hỏi: «Chắc cô là vị hôn thê của ông ta?»

Tôi đáp:

- Không. Tôi là quả phụ của ông ta...

Rồi tôi đi khắp phố cho đến sáng. Và tôi lại thăm đọc một lần nữa, tên ông ấy là Wladimierz T***.

Đợi Chờ

Đong đưa ánh trăng vàng
nhỏ xuống dải tre làng
cửa mờ, cơn gió lộng
rung rinh, mảnh trúc vang.

Bên sông thuyền vật vờ,
bờ cỏ bóng đen mờ.
mong manh, thuyền, bến vắng,
chờ khách về bến mơ?

Nhịp nhàng tiếng quay tơ
đêm thiếu bóng người thơ
chăn gối ... trăng bỗng lạnh
người đi, không kỳ hạn
vò vò thu lại thu...

Nguyễn Tiên Thành

Chia Ly

Trăng tà bên xóm vắng,
song thưa gió thổi lùa,
người ngọc mong manh đến,
đường sỏi bước chân khua.

Gió khuya lồng lộng thổi,
long lanh vàng rải vàng,
vùng cúc lán sương đọng,
đêm nay xuân vừa sang.

Người cùng Tôi bước đi,
ngát ngây trong tình si,
môi ướt, vòng tay lạnh,
lời âu yếm thắm thì...

....

Môi tím môi ẩm áp,
tay siết chặt vai thơm,
chia ly người mỗi hướng,
Người, Tôi còn những gì?

Nguyễn Tiên Thành



Nói Chuyện với Thi Hạnh

Viết&Đọc thành thật chúc mừng Thi Hạnh với giải Nhất cho nhạc phẩm "Đi Tìm Tình Nhân Loại" trong giải thi sáng tác 2013/2014. Nhân dịp này Viết&Đọc có một buổi trò chuyện ngắn với Thi Hạnh để bạn đọc làm quen với tác giả.

Thực Hiện: Nguyễn Oslo

Viết&Đọc (V&Đ): Bạn đến Na Uy lúc còn rất nhỏ. Đối với trẻ em Việt ở hải ngoại, nói và viết được tiếng Việt đã khó chứ đừng nói đến sáng tác. Vốn tiếng Việt của bạn ở đâu mà ra? Quá trình học tiếng Việt của bạn bắt đầu ra sao?

Thi Hạnh (TH): Đầu tiên xin cho TH gửi lời chào đến ban biên tập V&Đ và độc giả khắp nơi. Đúng là TH đến Na Uy lúc 10 tuổi, và lúc đó, cũng như tất cả các bạn đồng lứa khác, việc học tiếng Na Uy là cần thiết và thiết thực nhất để có thể hội nhập vào xã hội và môi trường mới. Thời bấy giờ thì tất cả các học sinh Việt Nam đều được học mỗi tuần 1 giờ tiếng Việt và dĩ nhiên mỗi tuần 1 giờ thì không thể học được gì nhiều. Tuy nhiên lúc nào thầy cô cũng khuyến học trò nên đọc sách, vì đọc sách luôn luôn là cách tốt nhất để trau dồi một ngôn ngữ. Có lẽ vì lúc ấy tiếng Na Uy của TH không đủ để có thể đọc và hiểu được một cuốn truyện viết bằng tiếng Na Uy, nên TH đã giải trí bằng những tập truyện tiếng Việt. Đó cũng có lẽ đó là ngưỡng cửa đầu tiên đã đưa TH đến với thế giới văn chương Việt Nam và đó cũng là cách mà TH đã dùng để trau dồi thêm tiếng Việt.

Viết&Đọc: Bạn bắt đầu học nhạc khi nào? Nhạc cụ nào? Bạn đã sáng tác nhiều chưa?

Thi Hạnh: Nói ra thì hơi mắc cỡ, nhưng từ nhỏ TH rất thích đàn dương cầm, nhưng thời

ấy nhà nghèo nên sở hữu một cây piano mà điều không thể. Tuy nhiên, khi được 13 tuổi thì TH có gửi đơn xin học piano, nhưng Kulturskolen lúc ấy không còn chỗ nào trống cho piano cả, riêng phong cầm thì còn trống nên TH đã nhận lời học phong cầm thay cho dương cầm. Học được 3 năm thì TH phải nghỉ để dành thời gian cho việc học chữ. Mãi tới sau này, chừng năm 2006 TH mới học lại và tập tành sáng tác, và cho tới nay thì TH đã viết được trên 30 nhạc phẩm, trong đó có một số bài phổ từ thơ do chính TH sáng tác.

Viết&Đọc: Bạn sống ở một đất nước yên bình nhất trên thế giới, chung quanh bạn là thiên nhiên hữu tình và cuộc sống gia đình bạn thì không thể hạnh phúc hơn. Vậy duyên cớ nào bạn đã sáng tác ra bản "Đi Tìm Tình Nhân Loại", một mảng tối của xã hội? Bản nhạc nói về sự vô cảm, sự suy đồi tình người trong xã hội ngày nay.

Thi Hạnh: Chắc V&Đ cũng đồng ý với TH là trong xã hội ngày nay, hình như tình người càng ngày càng hiếm hoi. Tuy đây là đề tài ít người viết, nhưng không thiếu người đã cảm nhận được. Ý tưởng cũng như cảm xúc đã hình thành ca khúc này là lúc TH nhìn thấy những em bé VN đi ăn xin bên những quán ăn hay vệ đường. Đáng lý ra các em bé ấy phải được đến trường, phải được sống trong sự đùm bọc thương yêu, nhưng không, mỗi ngày các em phải đi xin từng miếng cơm,

từng đồng bạc lẻ, và hơn thế nữa, các em đang đi xin một chút tình người. Vì nếu nhân loại biết chia sẻ cho nhau thì chắc chắn rằng không một ai trên thế giới này cần phải đi ăn xin cả.

Viết&Độc: "Đi Tìm Tình Nhân Loại" được đánh giá rất cao và đoạt giải nhất giải sáng tác 13/14 do đài truyền hình SBTN của người Việt ở Hoa Kỳ tổ chức. Bản nhạc này được trình bày rất tuyệt vời qua giọng hát Huy Hoàng. Hãy kể một chút về cảm nghĩ của bạn trong suốt quá trình thi khi cuộc thi kéo dài nhiều tháng như thế.

Thi Hạnh: Ca sĩ Huy Hoàng đã trình bày nhạc phẩm này trong vòng tứ kết và bán kết. Khi đến vòng chung kết thì nhạc phẩm này đã được ca sĩ Nguyên Khang trình bày. Có lẽ vì sự trình bày quá xuất sắc của ca sĩ Nguyên Khang trong vòng chung kết nên nhạc phẩm này đã động lòng khán thính giả khắp nơi, nên ngoài số điểm của ban giám khảo, thì sự bầu chọn của khán giả đã đem đến giải nhất cho Đi Tìm Tình Nhân Loại. TH gửi nhạc phẩm dự thi vào năm 2012, gần một năm lọc lựa ban giám khảo mới có thể chọn ra 40 nhạc phẩm để đưa vào vòng tứ kết. 40 nhạc phẩm này được ca sĩ trình bày và chiếu trên đài truyền hình SBTN trong suốt năm 2013 và mãi đến 2014 mới kết thúc. Cuộc thi kéo dài hơn 2 năm, và đôi lúc TH tưởng chừng như nhạc phẩm của mình đã chìm vào quên lãng, vì ở Na Uy không có SBTN để theo dõi, mà những video được đưa lên youtube thì giới hạn. Khi nhận được tin rằng Đi Tìm Tình Nhân Loại đã được vào chung kết thì TH rất mừng, và như thế là hài lòng, phải nói là quá hài lòng. TH không mơ ước gì hơn, và càng không thể tin rằng "đứa con tinh thần bé nhỏ" của mình có thể đoạt giải nhất như hôm nay. Và cũng mượn đây, TH xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến với tất cả quý vị đã yêu thương và bầu chọn cho nhạc phẩm này, vì nếu không có những phiếu bầu của quý vị thì chắc chắn rằng Đi Tìm Tình Nhân Loại không thể nào đạt được giải cao như thế.

Viết&Độc: Bạn là cây bút quen thuộc trong những tờ báo Việt ngữ ở Na Uy, trong đó có V&Đ. Độc giả biết nhiều qua những bài thơ, truyện ngắn. Bây giờ lại bắt gặp với khả năng

sáng tác nhạc của bạn. V&Đ chắc rằng niềm đam mê nghệ thuật của bạn vẫn còn những cánh cửa chưa mở?

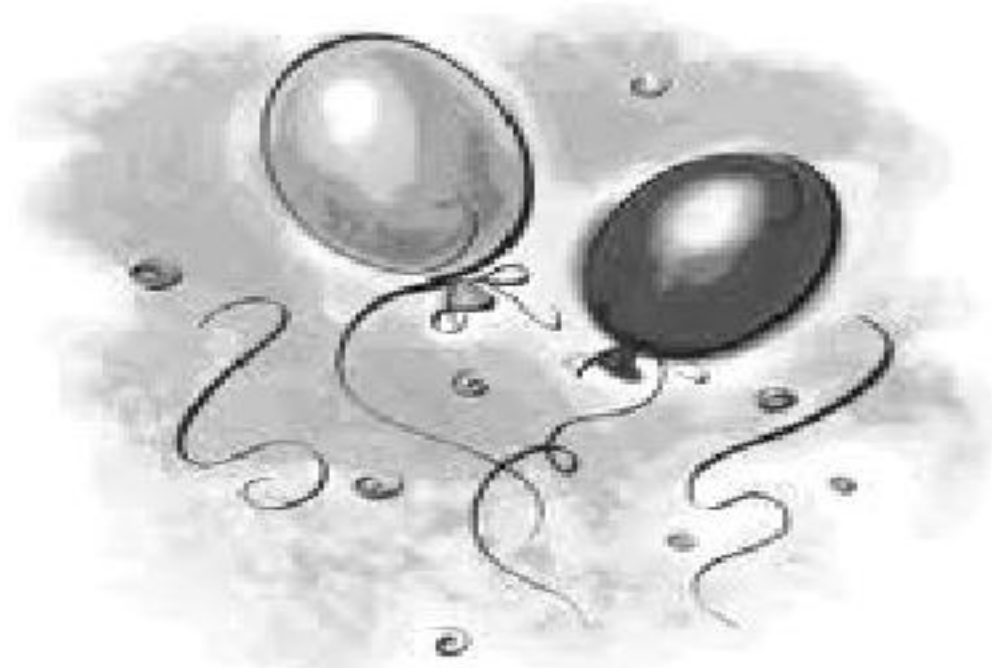
Thi Hạnh: Nói về đam mê nghệ thuật thì TH còn rất nhiều, thí dụ như hội họa, đó cũng là một lãnh vực mà TH rất mê, nhưng phải nói là khả năng thì có giới hạn, vì đâu phải ai cũng làm được tất cả những gì mình thích.

Viết&Độc: Bạn có thể cho bạn đọc biết thêm những kế hoạch cho tương lai, xuất bản thơ, sách v.v.

Thi Hạnh: Trong tương lai gần nhất, TH sẽ cho xuất bản một tuyển tập văn, tựa là "Những chuyện linh tinh". Bản thảo đã hoàn tất, và TH rất may mắn được nhà văn Tâm Thanh viết lời tựa. Hy vọng ở một tương lai xa hơn, TH có thể cho xuất bản thêm một tập thơ nữa nếu như thơ của TH vẫn được quý bạn đọc ưu ái như thuở ban đầu.

Viết&Độc: Chưa gì lời giới thiệu "Những chuyện linh tinh" của Tâm Thanh trong số này đã làm cho mọi người rất tò mò và náo nức chờ đợi ngày phát hành sách của bạn để được thưởng thức những chuyện... linh tinh. Cảm ơn bạn thật nhiều cho thời gian buổi phóng vấn hôm nay! Thân chúc bạn luôn thành công với những cánh cửa sắp mở rộng và các tác phẩm nghệ thuật của mình.

Thi Hạnh: TH cũng xin chân thành cảm ơn V&Đ đã cho TH cơ hội để tâm sự cùng với quý độc giả khắp nơi. Trước thềm năm mới, xin kính chúc quý vị một năm mới nhiều sức khỏe, nhiều niềm tin và an khang & thịnh vượng.



Yêu Lời Mẹ Ru

Hoàng Quân

Bạn học của Mẹ gặp Bê lần đầu, cười, nói với Mẹ:

- Thấy thằng Bê, khỏi hỏi, biết ba nó là ai liền.

Người bạn khác tiếp lời:

- Nghe Bê nói một câu, cũng biết đích thị mẹ nó là ai.

Bê đã học giọng Huế từ khi còn trong bụng Mẹ. Mẹ đã ru Bê bằng những bài học thuộc lòng khi Mẹ ở tiểu học: *Trường em xây ở ven sông...*

Hoặc bài *Giờ Quốc Sử* thật dài:

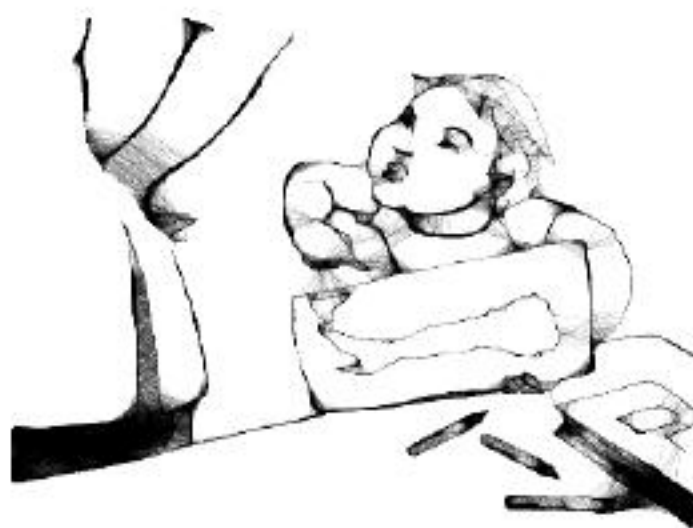
Những sớm mai bình minh le lói chiếu,

Trên non sông làng mạc ruộng đồng quê...

Rồi Mẹ nghiêm chỉnh đọc Gia Huấn Ca cho Bê nghe:

Ngày con mới biết đi biết chạy...

Thời gian Bê học ở vườn trẻ Am Goldstein, buổi sáng Mẹ đưa Bê đến trường. Hôm nào Mẹ đi học, buổi trưa, ông Ngoại đi xe buýt, đón Bê về nhà ông bà Ngoại ở tới chiều, chờ Ba Mẹ về. Bê nói theo giọng ông bà Ngoại, cho nên Bê còn Huế hơn cả Mẹ.



Bê và bản đồ nước Ý của Bê.

Bê sung sướng kể cô Oanh nghe:

- Con sắp sửa đi Ý.

Cô Oanh béo má Bê:

- Đi ị thì đi lẹ lẹ chứ còn ở đó mà nói nữa.

Hèn gì, nãy giờ bốc mùi.

Bê lắc đầu:

- Dạ không, tuần sau mới đi được.

Cô Oanh nghiêm giọng:

- Con không đi ị mỗi ngày, đau bụng phải đi

bác sĩ để khám bệnh đó.

Bê giảng giải:

- Dạ không, cô Oanh không biết gì hết. Ý xa lắm, đâu có đi mỗi ngày được.

Lúc đó Mẹ phải xen vô thông dịch:

- Cu Bê sắp sửa du lịch qua nước Ý đó cô Oanh.

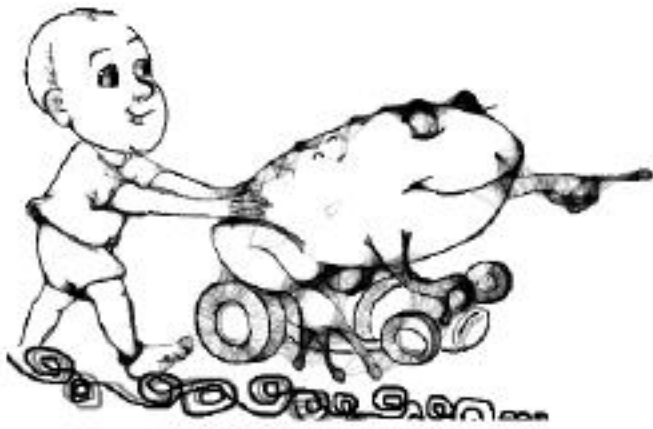
- Chu mợc ời, đi Ý mà ông cứ nói đi ị thì ai mà biết.

Khi vào vườn trẻ, vốn liếng tiếng Đức của Bê rất gọn gàng. Mama là mẹ, Papa là ba, Auto là xe hơi, essen là ăn, pipi là đi tè. Vậy thôi. Ban đầu, Mẹ sợ Bê gặp khó khăn vì không nói được tiếng Đức, nhưng ai cũng bảo Mẹ chỉ khéo lo. Trẻ con học ngoại ngữ rất nhanh. Không việc gì phải bận tâm. Bê đi học thấy cũng vui, nhưng có hôm Bê nhớ Mẹ quá sá. Bê khóc bù lu bù loa. Bê kêu Mẹ ơi, Mẹ ơi, chứ Bê không thích gọi Mama. Các cô giáo đoán Bê kêu Mẹ. Bà Hahn, mẹ của con Sandra, tự nguyện bế Bê trong lòng suốt buổi cho đến khi Mẹ đến đón Bê về.

Mỗi buổi sáng, Mẹ bỏ trong cặp Bê một ít đồ ăn. Vài trái nho, miếng bánh mì, một hũ sữa chua kèm theo cái muỗng nhựa đẹp Bê vẫn thích. Đến giờ ăn sáng, tất cả bày đồ ăn ra bàn, Bê cũng bắt chước mấy bạn đồng thanh: *Wir wuenschen allen guten Appetit* (Chúc mọi người ăn ngon). Ăn xong, Bê phụ cô giáo dọn dẹp lau bàn. Cô giáo dẹp muỗng nhựa của Bê xuống bếp. Bê muốn nói với cô giáo, muỗng đó của Bê, mà Bê đâu đã biết cái muỗng tiếng Đức gọi là gì. Nên Bê cứ nín áo cô Gabi nói essen, essen. Cô giáo lắc đầu nói không được. Khi Mẹ đến đón Bê, cô Gabi nói, Bê hôm nay cứ đòi ăn thêm. Mẹ hỏi, Bê đói bụng lắm phải không. Bê kéo Mẹ xuống nói nhỏ, Bê không đói bụng, nhưng Bê muốn đòi cái muỗng của Bê, cô giáo dẹp cất trong bếp. A, thì ra vậy, Mẹ vui vẻ cất nghĩa cho cô giáo nghe sự hiểu lầm nho nhỏ.

Bê mê xe lắm. Mẹ cũng học hỏi thêm đề "thảo luận" với Bê về xe cộ. Mẹ kể, hỏi xua

ở Việt Nam, chú của Mẹ có chiếc xe con cóc, mà Mẹ nhớ đó là VW Kaefer. Hôm Bê chơi ngoài ban công, Bê thấy con Kaefer, mừng rỡ, Bê vội kêu lên - Mẹ ơi, có con cóc ở bông hoa đây. - Vậy là Mẹ mang cuốn sách to ời là to, chỉ cho Bê coi hình con cóc và con bọ cánh cứng.



Bê và con Kaefer độc đáo.

Sau này, các cậu đĩnh chính lại. Ông chú quả thật có chiếc xe con cóc, nhưng đó là xe Citroen deux cheveaux chứ không phải VW Kaefer. Mẹ cười xí xóa với Bê:

- Tại hồi đó Mẹ chưa có Bê, Mẹ “dòm” lắm, đâu có rành như bây giờ. Mà xe nào cũng có bốn bánh, đầu đuôi tròn tròn thì làm sao Mẹ phân biệt được.

Mỗi lần về nhà bà Nội, bà Nội hỏi Bê:

- Con doi ra sao hả Bê?

Bê liền lấu:

- Con doi nó có cái doi.

Rồi Bê cao giọng “thuyết minh” cho Mẹ:

- Tức là con voi nó có cái vòi đó Mẹ.

Mấy cô chú cười, khen Bê giỏi ngoại ngữ.

Thình thoảng Mẹ nhờ Bê ghi chép những món hàng Mẹ sẽ mua ở chợ. Có hôm Ba muốn trở tài nấu bún bò. Ba nhờ Bê ghi vào giấy mua thịt. Ba đọc, Bê cẩn thận viết: 1 ký vò heo. Mẹ bở ngỡ cho Bê rằng: giò heo mới đúng.

Bê phân trần:

- Ba nói dui dè, nhưng ý Ba là vui vẻ.

Bê vùng vằng:

- Tiếng Việt kỳ cục, kỳ cục.

Mẹ nói, ai cũng có lúc bị “trục trặc kỹ thuật”, dù cùng trò chuyện tiếng Việt với nhau. Lần đó, Ba Mẹ Bê đi khu chợ Việt Nam ở Cheb, Tiệp Khắc gần biên giới Đức. Qua đó, một công mấy chuyện. Ba Mẹ mua gạo. Gạo bên đó vừa ngon, vừa rẻ. Rồi ghé vô tiệm cắt tóc,

thế nào cô thợ sẽ hỏi: “Cô cắt đầu đĩnh cho cháu nhé”. Kiểu đầu thời trang này, bạn Bê khen “ngầu”, mà cô gọi đầu đĩnh nghe tức cười quá. Sau đó, đi coi những chậu đất trồng cây, coi các đĩa phim và nhạc. Cuối cùng ghé vào tiệm ăn. Ăn xong, Mẹ nhờ Ba mua cho Mẹ gói xôi đậu phụng. Ba nói với cô bán hàng:

- Chị cho một phần xôi đậu phụng.

Cô bán hàng nhanh nhẩu:

- Vâng, một gói xôi lạc ạ.

Ba do dự:

- Đừng lạt, chị làm ơn cho xôi mặn đi.

Cô bán hàng vui vẻ:

- Vâng, thế có ruốc đây.

Ba lắc đầu nguầy nguậy:

- Thôi thôi đừng cho ruốc vào. Xôi không như vậy thôi.

Cô bán hàng chiều ý khách:

- Vâng, tùy anh.

Mẹ theo dõi đối thoại của Ba, nháy nháy mắt với Bê:

- Tiêu Ba rồi Bê ơi. Ba gặp vấn đề với “ngoại ngữ” đó Bê.

Vừa lúc đó Ba đem gói xôi chay tới. Ba lật đặt kê:

- Dân Bắc ăn uống quái chiêu thiệt! Xôi đậu phụng mà ăn với mắm ruốc.

Mẹ không nín cười được:

- Không phải đâu anh. Ruốc tức là thịt chà bông, em còn gọi là thịt chấy đó.

Rồi Mẹ cắt nghĩa cho hai cha con rằng, lạc là đậu phụng. Giọng bắc thì sẽ phân biệt lạt và lạc. Còn giọng trung và nam phát âm gần như giống nhau.

Bê khoái chí:

- Mẹ thấy chưa, Ba mà còn te tua như vậy. Con lâu lâu nói lầm, hiểu sai một tí đâu sao. Mà nhiều khi con nói tầm bậy tầm bạ, chứ cũng đúng tùm lum tã la.

Lâu lâu Bê siêng, Bê làm bánh mì bỏ trong hộp cho Mẹ đem đi làm. Bê còn cẩn thận viết trên giấy dán nắp hộp: “Chúc Mẹ ăn ngon”. Mẹ cười vui:

- Bánh mì Bê làm thế nào mẹ ăn cũng ngon. Nhưng mẹ gọi bà Ngoại và bà Nội của mẹ là Mẹ. Không sao, lần sau Bê viết cho trùng nghe.

Bê cảm thấy “quê đạn” quá, chữ dễ như vậy mà viết sai, kỳ thiệt. Bê nói lấp liếm:

- Con nghĩ nhiều khi Mẹ là Mẹ đó chứ. Tại

Mẹ mang kiếng cho người già. Mẹ thỉnh thoảng bị đau lưng đó.

Mẹ chồm qua vặn nhẹ tai Bê:

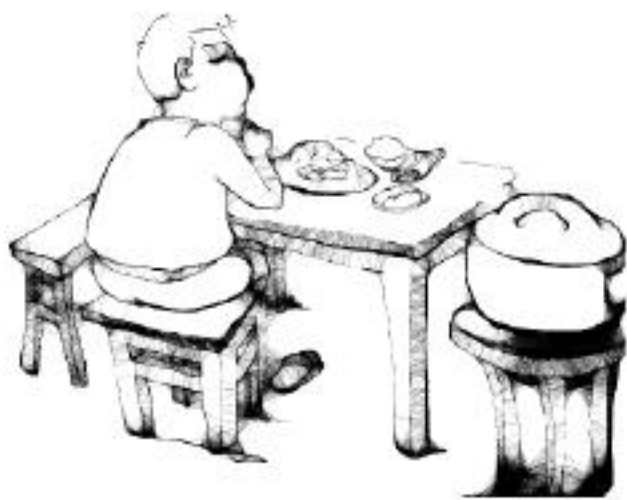
- Thằng ni xạo quá. Ngó bộ ít bữa lớn Bê đi làm luật sư được đó.

Bê lúc lắc đầu:

- Sao bữa trước Mẹ nói con sẽ thành bác sĩ tại con viết chữ như gà bới.

Cuối tuần, Bê học tiếng Việt với Mẹ. Mẹ dạy Bê câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Bê không đồng ý:

- Con ăn quả nhớ công Ba Mẹ đi chợ. Ba Mẹ trả tiền là trả công cho người trồng cây rồi.



Bê vừa “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” và “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”.

Bê học được câu nào hay, gặp dịp, Bê hành ngay. Trong bữa ăn, Bê thấy nồi còn chút cơm, Bê hỏi:

- Ba Mẹ ăn thêm cơm không?

Ba nói:

- Không, con ăn đi.

Mẹ cười vui:

- Bê biết hỏi như vậy là giỏi lắm. Mẹ mừng lắm.

Bê “nổ” liên:

- Con mà! Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.

Mẹ hí hửng quá trời, cứ kể đi kể lại cho mọi người rằng tiếng Việt của Bê “chiến” lắm. Cho nên, cuối tuần sau đó, Mẹ phát cho Bê bằng danh dự. Bê được lên lớp ba trường của Mẹ, mặc dầu Bê đã học lớp sáu trường trung học Wilhelm Hausenstein rồi.

Có lần Mẹ nhận làm thông ngôn tận trên miền bắc Đức. Người ta mua vé máy bay cho Mẹ. Bê cứ hỏi đi, hỏi lại, tức là Mẹ không làm gì hết, Mẹ chỉ nói tiếng Việt mà được đi máy bay, ở khách sạn không trả tiền.

- Sao lại không làm gì! Mẹ dịch tiếng Đức qua tiếng Việt, rồi dịch tiếng Việt qua tiếng Đức.

- Mà tiếng Việt tiếng Đức chỉ cũng dễ ẹc hà. Cool thiệt. Ít bữa con lớn, con có được như Mẹ không?

- Còn hơn nữa. Nếu con chịu khó rèn luyện tiếng Việt, con sẽ nói tiếng Việt như mẹ. Mà tiếng Đức của con hay hơn của mẹ.

Bê tưởng tượng, không chừng người ta sẽ mời Bê qua Mỹ, qua Tây đó, vì tiếng Anh, tiếng Pháp của Bê cũng “xịn”.

Về Việt Nam, Bê rất thích, mà thích nhất Huế. Ở Huế, Bê nói chi người ta hiểu liền. Chứ không như ở Sài Gòn, người ta cứ hỏi lui hỏi tới là Bê nói cái gì, rồi nhiều khi người ta không hiểu, Bê phải múa tay loạn xạ ngầu.

* * *

Bê thấy Mẹ ngồi yên thật lâu bên máy. Có lẽ máy trục trặc, thế nào rồi Mẹ cũng kêu Bê giúp. Bê đến bên Mẹ, khều khều vai Mẹ:

- Mẹ của con. Frauen und Technik (phụ nữ và kỹ thuật). Máy bị sao hả Mẹ?

Mẹ nói nhỏ:

- Cám ơn Bê. Máy vẫn chạy ngon lành.

- Sao Mẹ có vẻ buồn vậy?

- Đâu có, đâu có. Mẹ mới nhận thư của bạn mẹ, mẹ cảm động quá, nhớ lại bao nhiêu là chuyện. Bê biết không, bạn mẹ nhắc đến câu ru *Em tôi buồn ngủ buồn nghe, Buồn ăn cơm nếp cháo kê thịt gà*. Lúc Bê còn tí xiu, mẹ cũng hay ru Bê ngủ câu này.

Bê ôm vai Mẹ:

- Thiệt hả Mẹ, Mẹ đọc lại cho con nghe câu ru lần nữa đi, coi thử con có nhận ra không.

- Bê cưng ơi, bây giờ có lẽ con chưa nhớ đâu. Ngày xưa, bà Ngoại ru mẹ, mẹ còn nhỏ lắm, mẹ không nhớ tới. Khi mẹ có con, những câu ru như sống lại trong đầu mẹ.

Mẹ chớp chớp mắt, mắt Mẹ như ướt ướt, Mẹ nói thật nhỏ như một mình:

- Mẹ thương lắm câu ru Mẹ của mẹ ru mẹ, thương vô cùng. Bạn của mẹ nhắc tới câu ru, cũng triu mến như vậy. Người bạn và mẹ có sự đồng cảm lớn lắm.

Bê chưa hiểu hết những lời Mẹ đang tâm sự với Bê, nhưng lúc nào với Bê, Mẹ cũng là những lời êm dịu nhẹ nhàng, như lời ru. Mẹ ơi, con cũng yêu lời Mẹ ru, như Mẹ yêu lời bà ngoại ru Mẹ đó, Mẹ ơi.

Thử Thách và Hy Vọng

Hãy thử hình dung bạn đang đứng giữa mùa đông...

Lạnh lẽo
Già rét
Tối tăm

Mùa đông với tất cả những thử thách của nó...

Những ngọn gió buốt mặt...
Những ngón tay tê cóng...
Những cơn ho kéo dài...
Những lần cảm dai dẳng...

Mùa đông...

Làm mọi thứ đông đặc...
Làm người ta sống với cảm giác chỉ để tồn tại...
Để chờ đến mùa xuân...

...Mùa xuân...
Rồi sẽ đến
Với ấm áp yêu thương...
Với chồi non xanh biếc...
Với sắc thắm hương hoa...

Hãy kiên nhẫn...

Mùa xuân sẽ không xa
Dẫu mùa đông tưởng chừng như bất tận...

Kiên nhẫn
Và hãy vượt qua mùa đông
Với những gì bạn có...
...áo, nón, găng tay...
một tinh thần mạnh mẽ...

Mùa đông...
không có gì đáng sợ
Đừng nản lòng
Hãy kiên nhẫn...
Hãy vượt qua...

Mùa xuân sẽ không xa...

Không xa...

Trước Lúc Đi Xa

Ngày mai này em lại đi xa
Lại gói ghém bao nỗi niềm thương nhớ
Lại băng khuâng với đêm dài trăn trở
Về lại nơi này em lại nhớ nơi kia

Hai quê hương chỉ một đại dương chia
Sao dài thế, khoảng cách không đo được
Mỗi lần đi mỗi lần em chùn bước
Bối sau lưng, nhớ quá những tấm lòng

Nơi em đến nhiều náo nức chờ mong
Nơi em đi điều vu vơ chưa nói
Ở phương nào tìm em đều khẽ nhói
Nhịp yêu thương em giữ lại bên mình

Hai quê hương gắn bó những ân tình
Mỗi lần đi mỗi lần em tự nhắc
Bối những điều ngỡ như là nhỏ nhất
Mà khi xa mới biết lớn vô cùng

Mai này đi em gởi lại nhớ nhung
Nơi mảnh đất em vô tình gắn bó
Na Uy hiền hòa, Na Uy bé nhỏ
Nhớ làm sao hoa, cỏ, nắng, trời xuân

Chỉ là một chuyến đi, sao nhiều nỗi băng khuâng
Sao ngơ ngẩn giọng cười nào ở lại
Một tháng trôi đâu phải là mãi mãi
Na Uy ơi! Nhớ đợi tớ trở về!

Minh Nguyệt



Chuyện Lạ



Nguyễn Oslo

Hai anh em Tim bốn năm mới lại có dịp về thăm ngoại ở Việt Nam, nhìn chung quanh cái gì cũng thấy lạ.

Ra đường xe lớn xe bé chạy như mắc cửi và bấm còi inh ỏi, không có một khoảng trống cho người đi bộ băng qua đường. Thắc mắc sao mình không chờ chỗ vạch trắng dành cho người đi bộ và tự động xe sẽ dừng lại cho mình qua như ở Na Uy. Ba nói chờ thế thì mình phải chờ đến Tết Kongo cũng chưa chắc qua đường được. Lạ quá!

Trong công viên Đàm Sen, hai anh em là những người đầu tiên đứng chờ đến lượt mình để chơi trò lái tàu dưới hồ nước. Nhưng lơ là một chút là có vài người khác (người lớn nhen) chen vào đứng trước mình. Ba nói ở Việt Nam người ta không có thói quen xếp hàng để chờ đến lượt mình. Lạ thật!

Ở Việt Nam con nít không ngồi vào bàn tự ăn mà được đút cho đến lúc đi học, có lúc vừa ăn vừa chạy chơi và cha mẹ chạy theo đút. Không phải ở nhà mà ngay ở nhà trẻ cô giáo cũng kiêm luôn nhiệm vụ đút cơm. Đây là chuyện mà hai anh em chưa từng chứng kiến ở nhà trẻ bên này. Mà cô giáo ở Việt Nam cũng rảnh thật. Lạ ghê!

Hai đứa em, Phú 5 tuổi, Xuân Anh 3 tuổi, con của dì ba, đứa nào cũng xinh xắn thông minh, chưa đi học mà đã biết nhẩm toán cộng toán trừ hàng chục giỏi ghê. Không hiểu sao suốt ngày hai đứa mặc pysj đồ ngủ bằng thun đã bị giãn đến chẳng còn giãn được nữa, cổ áo trễ tới vai, trông lòng thông xóc xếch vô cùng. Nhìn tụi nó giống như con của dì phước. Nhà dì ba cũng đâu phải thuộc hộ nghèo. Dì ba có hai căn nhà, một ở quận Một, một ở gần siêu thị Big C Tân Phú. Dì

cho thuê hết rồi đem cả nhà về nhà ngoại ở kè. Hai vợ chồng dì là kiến trúc sư, dì đi xây nhà, vẽ nhà làm đẹp cho người ta, nhưng sao dì để hai đứa nhỏ nhìn đuối hết sức. Nhà dì không giàu, không có xe hơi, nhưng thu nhập tương đối ổn định, bởi có gì dì không cho hai em mặc quần áo đẹp. Dì nói mặc vậy cho mát. Lạ quá!

Phương Anh chưa được ba tuổi là con của cậu út có gương mặt sáng và nhiều nét hao hao giống em gái Tim hồi nhỏ. Nhưng sự giống nhau dừng lại ở đó vì con bé này cực kỳ năng động và gặp cái gì cũng phá. Phải công nhận rằng cái nư em to thiệt. Đôi khi không vừa ý chuyện gì em cứ bật ngửa người ra sàn gạch bất chấp có bị u đầu hay không, làm mọi người trong nhà nhiều phen đứng tim vì sợ em bị chấn thương sọ não. Bởi cái tính lì này nên em thường xuyên bị ăn đòn. Hai anh em thấy em bị đòn vào đít mà thấy đau giùm và tội nghiệp cho em quá. Ở Na Uy đánh trẻ em bất cứ hình thức nào là một tội hình sự nặng, cảnh sát sẽ đến hỏi thăm cậu mợ cho đi bóc lịch không chừng, và điều chắc chắn là họ sẽ cứu em ra khỏi nhà ngoại, giao cho người khác nuôi. Cha mẹ mà tại sao lại đánh con là những người mình yêu thương nhất. Lạ quá!

Con bé Xuân Anh diện áo đầm lên cũng xinh đẹp chứ đâu đến nỗi xấu xí như dì ba vẫn làm bộ than vãn. Em lại mê mặc áo đầm và mặc cả ngày đêm cũng được. Nhưng dĩ nhiên dì ba vẫn thích cho em mặc đồ ngủ hơn, mặc cho mát. Bản tính em thân thiện dễ thương. Em như một con búp bê ngoan ngoãn lúc nằm trên võng nghe đọc truyện hay là một người bạn cùng đùa chơi lý tưởng lúc được bày trò ỏng ẹo làm điệu. Nhưng khi có sự hiện diện của dì ba thì em đột nhiên biến thành một con người khác. Mẹ bảo em lì y chang nhưng dì ba hồi nhỏ. Em có thể khóc nhè nhào vùi mẹ bất cứ lúc nào bất cứ chuyện gì và bất cứ nơi đâu. Em là đồng hồ báo thức mọi người dậy mỗi sáng ở nhà ngoại. Nước mắt là vũ khí để em sai biểu mẹ chiều theo ý mình. Em cũng từng trải qua những trận đòn ghê gớm, và dì ba cũng có cơ hội đi bóc lịch như cậu mợ út nếu nhà dì sống ở Na Uy. Sau cuộc chiến tương tàn khói lửa hay những màn đấu tâm lý gay cấn quyết liệt,

cuối cùng thì những giọt nước mắt bên bi luôn chiến thắng vinh quang, và sự kiên nhẫn của em sẽ được đền bù xứng đáng. Hình như em biết rõ điều này và tận dụng tối đa lợi thế của mình. Lạ quá!

Phú có cách biểu lộ tình cảm rất đặc biệt, em rúc vào người anh và ngửi hít từ tóc tới chân ra chiều rất mến anh lắm. Lúc hưng phấn, em véo một cái rỗ đầu. Về lại Na Uy đã hai tuần nhưng trên người Tim vẫn còn đầy những vết bầm của em trao tặng. Em cẩn thận sạch sẽ trong cách ăn uống. Chai nước uống dở cho em, em chẳng thêm. Kẹt lắm sắp chết khát thì em điều tra gắng hỏi có ai uống thẳng từ chai hay chưa và đề cho chắc ăn em dùng tay chùi mấy vòng chung quanh miệng chai trước khi uống, giống như sợ bị lây bệnh truyền nhiễm vậy. Hồng biết có phải ba mẹ đã dạy em cách sát trùng này. Lạ thật!

Dì và cậu may mắn có ông bà ngoại ở nhà chăm cháu cho dì cậu yên tâm đi cày kiếm tiền. Cách chăm cháu của ngoại theo truyền thống ngàn xưa là cho cháu ngủ kỹ, ăn no và giữ cho cháu thật sạch sẽ. Thế là đã quá sung sướng rồi, còn mong muốn gì nữa chứ? Mỗi ngày em nằm trên võng ít nhất là bốn tiếng đồng hồ, đằng sau là tiếng nhạc thiếu nhi xập xình đơn điệu. Cho tụi nó thức để quậy phá thì làm sao ngoại chịu nổi. Thời buổi này đâu có ngoại nào còn ầu ơ ru cháu bằng câu hò điệu lý. Đời nào ngoại cho em vọc đất vọc cát vì không vệ sinh. Ngoại cũng đâu có kiên nhẫn để đọc truyện hay tỉ mỉ chơi những trò trẻ con với cháu. Vì không được vận động cơ thể đúng mức, nên chiều về mấy em tha hồ làm nũng với cha mẹ chúng. Dì cậu đổ thừa tại cách dạy của ông bà ngoại làm mấy em không được ngoan, còn ông bà ngoại thì quả quyết rằng tại cha mẹ cưng chiều con không đúng cách nên mới sinh ra nhiều thói hư tật xấu. Trong tiếng Na Uy có câu ngạn ngữ : Cứ thử đưa một ngón tay cho con quý, nó sẽ chặt hết bàn tay của bạn như chơi. Còn nữa, bạn đem con quý thả lên võng lắc qua lắc lại, tra tấn con quý mỗi ngày vài tiếng đồng hồ với tiếng trống đập xập xình kèm theo giọng hát the thé của Xuân Mai, con quý này mà không bị vấn đề thần kinh sau đó mới là chuyện lạ....



Mồ Côi Tết

«Mười ngày nữa Tết. Mẹ sắm gì chưa?»
Mẹ già rồi, đâu còn tha thiết nữa!

«Một tuần nữa Tết. Chị sẽ đi chùa?»
Dự báo thời tiết báo trời mưa, nhiệt độ dưới zê-rô, ở nhà ngủ cho vừa.

«Ba ngày nữa Tết. Lòng em có khuya?»
Cày sớm cày trưa, khuya mấy cũng thừa!

«Mai giao thừa. Anh có ước mơ?»
Được thờ.

Ôi, phải chi mỗi khi Tết đến
Chúng ta còn như trẻ lên ba
Mẹ cứ già nhưng cứ thiết tha
Chị đi chùa nắng lên trong mắt
Em rộn ràng chân bước, miệng ca
Và anh vẫn mơ hoa mơ bướm
Để tôi đừng nghe lòng tôi nhuộm
Nỗi buồn như đũa nhỏ lạc cha

Tết xưa ơi, Tết ở đâu rồi?
Nơi tôi ở tôi mồ côi Tết!

Mạch Nha

Cuộc trùng phùng bi thảm



Phạm Tín An Ninh

Theo đoàn quân tiếp thu Sài Gòn mà lòng ông Hai Chi rối như tơ vò. Ông và hầu hết các đồng chí của ông ngỡ ngàng tưởng như chuyện mộng mị không thể nào xảy ra. Chính đơn vị của ông bị đánh tan tác gần như phải xóa sổ trong mùa hè 1972, đến nay vẫn chưa bổ sung xong, và đám bộ đội còn sống sót cũng chưa kịp hoàn hồn. Vậy mà Ban Mê Thuật mất, Tây Nguyên, Vùng 2, đến Vùng 1 có lệnh bỏ, để rồi cả miền Nam thất thủ chỉ trong vòng bốn mươi lăm ngày. Có lẽ những người ngồi trong Bộ Chính Trị ngoài Hà Nội cũng còn bất ngờ, huống hồ Hai Chi, chỉ mang quân hàm thiếu tá, làm sĩ quan hậu cần của một sư đoàn nằm tận vùng rừng núi Tây Nguyên heo hút..

Từ ngày vào bộ đội, ông Hai Chi luôn bị điều về những đơn vị chiến đấu. Nhờ phước đức mấy đời nên còn sống cho đến ngày tàn cuộc chiến. Không chết, nhưng trên người, và có thể cả trong lòng ông còn mang nhiều thương tích. Vết thương nặng nhất khi đơn vị ông bị B-52 dội bom trong trận Hạ Lào. Tiểu đoàn do ông làm thủ trưởng chỉ còn lại dưới 50 người. Nhờ thương tích ấy ông được điều về Sư Đoàn 320 làm cán bộ hậu cần. Mùa hè năm 1972, cả sư đoàn từng mang danh là Sư Đoàn Điện Biên hay Sư Đoàn Thép này gần như bị xóa sổ, khi tướng Hoàng Minh Thảo tung vào trận địa Kontum với ý đồ chiếm lấy Tây Nguyên, làm bàn đạp tiến xuống đồng bằng. Nhờ làm việc ở hậu cần nên ông Hai Chi sống sót để cuối tháng 4/75 có mặt trong đoàn quân ngỡ ngàng về tiếp thu Sài Gòn.

Hai Chi chỉ là bí danh. Tên thật của ông là Nguyễn Công Chính, con cả của một gia đình

gốc tiểu tư sản. Quê ở Hải Phòng. Trước 54 gia đình làm chủ một tiệm bán xe đạp và sản xuất găm bánh xe. Bố mẹ sinh được năm người con, nhưng cả ba cô con gái mất sớm, chỉ còn hai cậu con trai, Hai Chi và người em út, nhỏ hơn đến mười một tuổi. Khi ông đang học Y khoa ở Đại Học Hà Nội, thì trận chiến Điện Biên Phủ kết thúc với sự thắng lợi của phe Việt Minh để Pháp phải ký Hiệp Định Genève, chia đôi đất nước. Từ vĩ tuyến 17 trở ra cả miền Bắc thuộc về Cộng Sản. Làn sóng di cư đổ xô về Hải Phòng, quê ông, nơi có những chiếc tàu há mồm chờ họ vào Nam. Bị lực lượng Việt Minh tìm mọi cách ngăn chặn, nên khi ông về đến được Hải Phòng, thì nhà cửa đã bị tịch thu, không tìm được bố mẹ và người em trai của mình. Ông phải bỏ Hải Phòng, bỏ cả con đường trở thành bác sĩ, lên sống với một bà di ở Ý Yên, Nam Định.

Nhờ có trình độ học vấn và phấn đấu liên tục để giấu đi gốc gác con nhà tiểu tư sản, ông được cho theo học khóa sĩ quan. Nhưng sau này, khi hầu hết bạn bè cùng khóa lên đến cấp đại tá, giữ nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội hay công an, có người còn lọt vào Bộ Chính Trị, thì ông Hai Chi cứ vẫn là thiếu tá tiểu đoàn trưởng và cuối cùng, sau khi bị thương, được điều về làm cán bộ hậu cần của một đơn vị bại trận, cần thời gian để “biên chế”, bổ sung.

Giữa tháng 3/75 Ban Mê Thuật mất, rồi Quân Đoàn II và Quân Đoàn I gần như xóa sổ, sau những kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh, để cuối cùng ngày 30/4/75 cả miền Nam rơi vào tay Cộng sản.

Sư Đoàn 320 từ Tây Nguyên cũng được tăng cường cho đoàn quân tiến về Sài Gòn, khi Cộng quân bị các đơn vị VNCH chặn đánh tại tuyến Long Khánh gần hai tuần lễ gây tổn thất khá nặng nề. Chiến tranh kết thúc, ông Hai Chi được chỉ định bổ sung cho đoàn cán bộ tiếp thu Tổng Kho Long Bình của QLVNCH bỏ lại. Sau thời gian quân quản, ông là một trong số những cán bộ may mắn được “biên chế” ở lại miền Nam. Nhiệm vụ của ông là kiểm kê và tổ chức chuyển hàng trong các kho về miền Bắc. Từng đoàn xe liên tục từ Nam ra Bắc suốt ngày đêm, chở theo các loại chiến lợi phẩm, không những đã tịch thu được của Quân Đội hay Chính Phủ mà của cả dân chúng miền Nam, nhất là sau kế hoạch “Đánh Tư Sản”. Lúc này trong dân gian truyền miệng một câu nói khá đau lòng mà lý thú: *Đất nước thống nhất để miền Nam thì nhận họ, còn miền Bắc thì nhận “hàng”*. Như con chuột gầy sa hủ nếp, ông Hai Chi trở nên giàu có. Ngồi biệt thự tại thành phố Biên Hòa tịch thu từ gia đình một tư sản gốc Hoa được cấp cho ông, cũng là nơi để ông cất giấu hàng ngàn cây vàng kiếm được. Một năm sau, vợ và đứa con trai của ông cũng từ ngoài Bắc được chuyển vào ở với ông. Học đòi một chút vương giả, bà vợ muốn có người ở, phụ bà lau nhà rửa bát và để cho bà có người sai vặt. Nhưng ngại nếu thuê mướn một người lớn, chuyện “làm ăn” và cả sinh hoạt trong nhà dễ bị “tai vách mạch rừng” lọt ra ngoài, nên sau khi bàn tán kỹ lưỡng, vợ chồng Hai Chi quyết định đi xin một đứa con nuôi. Vừa có một đứa đầy tớ không mất tiền thuê, vừa được tiếng nhân từ, giữ “truyền thống đạo đức cách mạng”.

Vợ chồng ông Hai Chi tìm đến các viện cô nhi để tuyển lựa “đối tượng”. Ông bà muốn có một đứa con gái khoảng 7-8 tuổi, khỏe mạnh và mặt mày sáng sủa. Cuối cùng vợ chồng cũng được như ước muốn. Khi bà sơ “quản nhiệm” Cô nhi viện Biên Hòa dắt con bé ra giao, bà chỉ cho biết con bé tên Phụng, 8 tuổi. Bố mẹ đã chết trong trận đánh Long Khánh. Có người thấy nó ngồi khóc trên vỉa hè nên mang về nhà nuôi. Một thời gian sau “giải phóng” gia đình này trở nên túng quẫn, không có đủ cơm ăn, đúng lúc con bé lại bệnh hoạn không sai bảo gì được, nên đã mang cháu đến giao cho cô nhi viện. Lúc ấy

cô nhi viện cũng lâm vào cảnh khốn khó, nhưng các sơ không nỡ chối từ, chia bớt phần ăn của mình, lo chữa trị và nuôi dưỡng cháu lành bệnh, ngày một khỏe mạnh, xinh xắn. Thực ra, thì sơ “quản nhiệm” biết bố của Phụng là lính Cộng Hòa, qua lời kể dù không rõ ràng lắm của cháu, nhưng trong thời buổi nhá nhem còn đầy không khí hận thù lúc ấy, sơ luôn dặn dò Phụng phải giấu kín điều này không cho ai biết. Ông Hai Chi làm khai sanh cho con bé, đặt tên Nguyễn Thị Hồng Phụng, để nhớ tới thành phố “Hoa Phụng Đỏ” Hải Phòng, quê hương ông.

Những năm 1978 - 1979, bọn cầm quyền cộng sản muốn đuổi những người Việt gốc Hoa ra khỏi nước nhằm cướp hết tài sản của họ, bày ra chiến dịch quái đản, được người ta đặt tên là “Ra đi bán chính thức”. Nhờ biết tiếng Hoa và có nhiều kinh nghiệm trong các đường giây mua bán, ông Hai Chi lại được “đồng chí” Mười Vân (tên trên giấy tờ là Nguyễn Hữu Giộc), Giám đốc công an tỉnh Đồng Nai móc nối vào tổ chức “đen”, vừa đi tìm những người Việt gốc Hoa giàu có (và cả những người không phải gốc Hoa nhưng chịu chi nhiều vàng để nhận hồ sơ Hoa kiều giả), vừa cho đám đàn em lập ra những toán “lâm tặc” chiếm cứ, làm chủ các khu rừng, chặt hết gỗ quý đóng tàu bán với giá rất cao cho các nhóm người Hoa “ra đi bán chính thức”. Bọn họ mở nhiều xưởng cưa, nhiều cơ sở đóng tàu. Chỉ sau một thời gian ngắn, Hai Chi đã trở thành đại gia, một nhà tư bản đồ đầy quyền lực.

Bé Hồng Phụng lớn lên theo nhịp độ phát đạt của gia đình ông Hai Chi cùng nỗ lực của một ô-sin. Điều may mắn duy nhất, cũng có thể do ông bà Hai Chi muốn tránh tiếng xấu, Phụng được cho đi học lớp đêm, và nhờ vào tính thông minh cần mẫn, Phụng học rất giỏi.

Điều may mắn khác, nhưng lại trở thành tai họa cho Phụng, là càng lớn Phụng càng xinh đẹp. Năm lên 16, nhan sắc của Phụng đã làm si mê bao cậu học trò. Và người say mê nhất lại là Diệp, thằng con trai duy nhất của ông bà Hai Chi. Diệp lớn hơn Hồng Phụng 3 tuổi và khi ấy đang là sinh viên của Trường Đại Học Bách Khoa. Mỗi lần Phụng

ra ngoài, Diệp tìm mọi cách đi theo, ngăn chặn bất cứ gã con trai nào muốn tán tỉnh Phụng, lấy cớ là anh trai của Phụng. Ở nhà, Diệp thường bên vực Phụng, trách cứ mẹ đã bắt cô em nuôi phải làm quá nhiều công việc.

Chưa bao giờ Diệp tỏ ra mình là một ông anh nhân từ tốt bụng như lúc này. Hơn nữa cậu ta cũng nề nang, tôn trọng nét na hiên thực cùng sự khôn ngoan của Phụng. Bà Hai Chi vốn nuông chiều cậu quý tử nên không dám làm Diệp buồn lòng. Điều này làm bà khó chịu, nhưng đó không phải là điều mà bà quan ngại. Điều lo âu nhất của bà chính là ông Hai Chi, mỗi lần bà bất ngờ bắt gặp đôi mắt của ông chồng say đắm nhìn cô con gái nuôi trong tuổi dậy thì xinh đẹp, cũng là con bé ô-sin của nhà bà.

Ngày xưa, sau khi kết thúc chiến tranh, ông cũng nề nang cái tình bao năm chờ đợi và thương cảm cảnh khổ của bà, nhưng kể từ ngày kiếm ra nhiều tiền, ông tỏ ra uy quyền và lơ là chán gối với bà. Bà tìm mọi cách để giữ chồng. Nhờ người giới thiệu một số bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ tiếng tăm ở Sài Gòn, chịu bỏ ra một số tiền khá lớn, bà là một trong những người Hà Nội 75 sửa sắc đẹp sớm nhất. Nhờ tài năng của mấy ông bác sĩ miền Nam còn sót lại, nhan sắc của bà có khá hơn nhiều lắm, nhưng so với những cô gái miền Nam, thì bà vẫn chỉ thuộc loại hàng phế thải được “tân trang” phần bên ngoài. Không đủ hấp dẫn ông chồng đang trên đà “đổi mới tư duy”

Vốn là con gái của một gia đình Cộng sản, và sống bao nhiêu năm dưới chế độ tàn ác man rợ này, bà đã học được biết bao mưu chước và thủ đoạn để hại người. Trước mặt chồng con, bà luôn tỏ ra thương yêu nhỏ nhẹ với Phụng, nhưng trong đầu đang bày mưu tính kế để hãm hại cô bé mồ côi tội nghiệp này.

Ban đầu bà tính tạo cơ hội cho Diệp, thằng con trai duy nhất của bà cướp đi đời con gái của Phụng, để cho ông chồng già chứng kiến, bỏ cuộc, rồi lấy cớ đuổi Phụng đi, nhưng ngẫm nghĩ thấy mưu kế này có thể là con dao hai lưỡi, không chừng thằng quý tử

của bà mê luôn Phụng và quyết lấy Phụng làm vợ thì quả là tai họa, gây bà lại đập đúng lưng bà! Không thể nào để con trai một của đại gia đi lấy con ô-sin. Cuối cùng bà nghĩ tới tay đàn em thân tín của ông. Bà đề ý mỗi lần đến nhà, thấy Phụng là anh chàng này như kẻ mất hồn, nhìn chăm chăm vào Phụng rồi bất ngờ giật mình, sượng sùng quay đi chỗ khác. Hẳn e ngại vì dù gì Phụng cũng là con gái nuôi của ông Hai Chi. Hẳn tên Đạt, thượng úy công an, tay chân đắc lực của gã Mười Vân, giám đốc công an tỉnh, được “đặc phái” tới làm việc bên cạnh ông Hai Chi trong tổ chức “đen”, móc nối đưa người Hoa ra đi và phá rừng lấy gỗ.

Đạt có vợ, một con mang từ miền Bắc vào. Nghe nói cô vợ, trước kia là một “bộ đội gái”, từng mấy năm ở trạm giao liên trên miệt Trường Sơn trong thời “chống Mỹ”, phục viên khi chiến tranh kết thúc, nhưng con ký sinh trùng bệnh sốt rét rừng vẫn còn mai phục trong máu, nên trông khá xanh xao vàng vọt.

Bà Hai Chi biết Đạt mê mệt cả nhan sắc lẫn thân hình của cô con gái nuôi đang độ dậy thì, nên đã dễ dàng dụ chàng ta vào kế hoạch. Hẳn ta bất ngờ như trúng số độc đắc cặp mười, đưa tay thề xin hứa sau này sẵn sàng làm bất cứ mệnh lệnh nào của bà. Bà đích thân ra chợ trời tìm mua mấy gói thuốc ngủ. Tổ chức buổi cơm cuối tuần, gọi Đạt đến nhậu nhẹt cùng chồng như mọi khi. Trong bữa ăn, ông Hai Chi, Đạt và cả thằng Diệp thì nhau uống rượu ngoại. Chỉ có bà và Phụng uống nước chanh muối do chính tay bà làm. Trong bếp, bà đã lén bỏ vào ly nước của Phụng mấy gói thuốc ngủ mà bà đã tán nhỏ ra bột. Khuya hôm đó sau khi thấy Phụng nhắm thuốc, ngủ say, bà mở cửa gọi Đạt vào để hiếp Phụng. Bà giả vờ vào phòng nằm với chồng, chờ tiếng ho, như là một ám hiệu của Đạt, sau khi đã thỏa mãn cơn dục tính thèm khát bấy lâu nay. Bà chuẩn bị lấy giọng để la lên cho cả ông Hai Chi và thằng Diệp chứng kiến cảnh Phụng đang lỏa lồ sau khi ân ái với thằng đàn em thân tín của ông. Bỗng dưng bà nghe nhiều tiếng động và sau đó là một tiếng súng nổ chát chúa từ phòng của Phụng. Không cần gọi, tất cả ông Hai Chi, thằng Diệp và bà vội vàng chạy ủa vào. Một cảnh tượng kinh hoàng. Đạt nằm trần

trường trên vũng máu, còn Phụng nép vào góc phòng hai tay còn cầm chặt khẩu súng K54 sẵn sàng nhả đạn tiếp.

Ông Hai Chi năn nỉ dụ dỗ mãi, Phụng mới đưa khẩu súng cho ông. Nhưng thằng Diệp vội vàng giật lấy khẩu súng từ tay cha với ý định xử tội Đạt. Trong lúc giằng co, một phát đạn nổ, may mắn không gây thêm thương tích. Tay thượng úy Đạt bị thương rất nặng ở vùng bụng, được xe cứu thương chở vào bệnh viện Biên Hòa cứu chữa, sau khi ông bà Hai Chi vội vã mặc áo quần vào cho hắn. Thằng Diệp hò hét chạy theo đòi giết hắn ta. Bà Hai Chi thì rất đỗi ngạc nhiên, cứ nghĩ rằng mấy gói thuốc như vậy, nhất định sẽ làm Phụng say ngủ mê man tới sáng, tại sao lại có thể giật súng bắn thằng Đạt. Bà nhờ bác sĩ thử nghiệm máu, kết quả: bình thường. Hóa ra thuốc bán ngoài chợ trời chỉ là thuốc giả.

Tay Đạt thoát chết nhưng bị cắt đi một khúc ruột và mất khá nhiều máu. Phụng bị bắt giam. Thằng Diệp đòi ra công an làm chứng, tố cáo Đạt chủ động hiếp dâm và Phụng chỉ tự vệ. Nhưng ông bà Hai Chi vừa quyết liệt ngăn cản vừa năn nỉ. Sợ mang thêm tai họa. Bà Hai Chi lo lắng bị lộ ra cái quỷ kế ác độc của bà. Còn ông Hai Chi thì nghĩ Đạt là đàn em thân tín của tay Mười Vân, giám đốc công an tỉnh, quyền uy như ông vua một cõi. Đến các “đồng chí” phó bí thư, ủy viên thành ủy còn bị hắn ta lập kế bắt giam năm ngoái. Và lại tay Đạt cũng chưa làm gì được thì đã ăn đạn rồi. Hắn ta chủ quan, cứ tưởng là Phụng đã say thuốc ngủ. Trút bỏ hết áo quần và cả khẩu “súng ngắn” để trên giường, trước khi đưa hai bàn tay xăm xỡ lên người Phụng. Chưa kịp bàng hoàng khi bất ngờ bị Phụng đạp mạnh xuống giường thì một phát súng đã nổ vào bụng. Cuối cùng Phụng bị tạm giam để đưa ra tòa án nhân dân, với cái tội “phản động” đã định sẵn. Các báo Sài Gòn Giải Phóng, Thanh Niên cho đăng tải tin tức này theo chỉ thị: “tàn dư Mỹ Ngụy dùng mỹ nhân kế ám sát cán bộ cách mạng”

Trận chiến Long Khánh, dưới tài chỉ huy của Tướng Lê Minh Đảo, đại quân CS bị các đơn vị VNCH chặn đánh tan tác. Đặc biệt hai quả bom CBU được thả xuống địa điểm “tập kết” của địch, giết cả hai trung đoàn “sinh Bắc từ

Nam”. Mang hận thù này, nên sau khi chiếm được Long Khánh, bọn chúng đã bắn giết dã man bao người dân vô tội, trong đó có mẹ của Phụng. Khi xông vào nhà, thấy tấm ảnh của bố Phụng treo trên vách, mang quân phục và cấp bậc VNCH, chúng đã bắt trói mẹ Phụng dẫn đi. Phụng chạy theo khóc kè, rồi lạc vào một nơi xa lạ đầy những xác người, sợ hãi, không còn biết đường về. Bố của Phụng là một sĩ quan TQLC, bị bắt tại bờ biển An Dương, Đà Nẵng, khi cả đơn vị không có tàu di tản, đã phải chiến đấu trong vô vọng vì không còn đạn dược. Ông bị cầm tù qua rất nhiều trại. Nhiều năm sau không hề biết được tin tức vợ con, ông nghĩ là tất cả đã chết.

Ngày 2/ 9 năm 1984, ông được lệnh thả, nhưng phải ở lại lao động thêm hai tuần lễ với lý do trả tiền di chuyển cho trại. Không còn nơi chốn để trở về. Trong tám giấy ra trại, ông được chỉ định về trình diện chính quyền trong Khu Kinh Tế Mới Củ Chi để được tạm trú và quản chế. Một nơi ông hoàn toàn xa lạ, không có bất cứ một người thân quen nào.

Ra tù, ông vội vã tìm về Long Khánh. Ngôi nhà của cha mẹ để lại, nơi vợ con ông đã sống từ ngày sinh ra Phụng, đã bị “cách mạng” tịch thu. Người chủ mới là một gã công an. Khi nghe ông hỏi thăm vợ con mình, những người chủ đích thực của căn nhà này, gã công an trợn mắt nhìn chằm chập vào ông rồi thốt ra mấy tiếng cộc lốc, lạnh lùng: “tôi không biết, hỏi làm gì?”, bằng giọng đặc sệt Nghệ Tĩnh rất khó nghe.

Trở lại ga, ông đón chuyến tàu lửa về Bình Triệu. Xuống tàu, ông gọi xe ôm đưa ông về khu Sóng Thần, nơi có doanh trại của TQLC ngày xưa, hy vọng tìm được người tài xế và vài người lính cũ có thể còn ở lại đây. Đó là những người thân thiết cuối cùng còn lại trong đời ông. Ông muốn đến thăm và tìm hiểu tình hình hầu tìm một con đường sống.

May mắn, anh tài xế vẫn còn ở căn nhà cũ. Căn nhà tôn mà trước kia vợ chồng anh đã hót hai đầu hụi và mượn thêm cả một tháng lương của ông để mua với giá rẻ, mở cái quán nước nhỏ, bán cho anh em lính. Bây giờ

cái quán không còn, nhưng anh là chủ một chiếc xe Lam chở khách, nên cuộc sống cũng không đến nỗi nào. Thầy trò gặp nhau bất ngờ như từ cõi chết trở về, vừa vui mừng vừa cảm động. Anh tài xế ôm chầm lấy ông, bảo hết mình lo lắng cho ông Thầy. Anh bảo vợ và thằng con trai lớn chạy đi báo tin, gọi thêm hai anh em cùng đơn vị cũ còn ở lại trong vùng. Mỗi người góp một tay, làm mấy món nhậu uống mừng cho cuộc trùng phùng.

Men rượu ngà ngà, nước mắt ông cũng đầm đìa vì cảm kích cái tình huynh đệ, và nhớ tới những anh em đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại trên bờ biển cát An Dương, tất cả đều chết trong tức tưởi. Bỗng tất cả im lặng hướng về chiếc máy truyền hình nhỏ để trên tủ thờ trước mặt, khi nghe giọng nói sắc máu của người nữ xướng ngôn viên thông báo: Tòa Án Nhân Dân tỉnh Đồng Nai xét xử một cô gái mang tội “phản động, âm mưu ám sát cán bộ cách mạng”. Ông há hốc miệng, đôi mắt ráo hoảnh, khi nhìn thấy cô con gái đứng trước vành móng ngựa, hai tay bị còng, phía sau là một đám công an cả nam lẫn nữ mặt mày đờ đờ sát khí. Cô bé giống vợ ông như đúc. Khuôn mặt hiền lành xinh đẹp này ông đã gặp bao nhiêu lần trong giấc mộng, suốt hơn chín năm tù. Không kịp giải thích, ông bảo anh tài xế tìm mọi cách giúp chở ông thật nhanh đến tòa án Biên Hòa, nơi phiên xử mới bắt đầu.

Nhờ lái xe Lam hơn bảy năm trên lộ trình này, nên chỉ hơn 30 phút sau anh tài xế và ông đã có mặt. Cả hai người lính cũ cũng chạy theo bằng một chiếc Honda khác. Phiên tòa đang tiếp tục phần “buộc tội” của một bà được gọi là đại diện Viện Giám Sát Nhân Dân. Ông giật mình khi nghe tên cô con gái “thủ phạm” là Nguyễn Thị Hồng Phụng. Đứa con gái duy nhất của ông có tên Nguyễn Lê Tuyết Phụng. Chưa kịp hình dung trọn vẹn hình ảnh người vợ và đứa con gái năm tuổi, khi ông được ba ngày phép về nhà đưa cháu vào bệnh viện mổ tim rồi vội vàng chia tay lần cuối cùng để ra đơn vị, thì một điều bất ngờ khác làm ông bàng hoàng hơn: Người nhân chứng được gọi lên cung khai có tên là Nguyễn Công Chính, trùng tên với ông anh cả, đã thất lạc trên ba mươi năm, sau ngày ông cùng bố mẹ di cư vào Nam. Khi nhìn kỹ

Nguyễn Công Chính bước lên vị trí nhân chứng, ông sững sờ nhận ra ngay, đó đúng là người anh ruột của mình. Dù dung mạo có đổi thay, nhưng ông không thể nào nhầm lẫn được. Với con mắt hơi lồi và hàm răng vênh của bao năm trước. Lúc còn bé, ông anh còn có tên gọi trong nhà là cu Tun. Ông đứng bật dậy, định gọi lớn tên anh mình, nhưng kịp nhớ ra đang ở trong phiên tòa, và bản thân mình cũng là người tù chưa trình diện địa phương quản chế. Lòng dạ rối bời, ông chưa kịp trấn tĩnh để nghe nhân chứng vừa nói điều gì, thì bỗng có tiếng la từ hàng ghế phía trước. Một cậu thanh niên đứng bật dậy, hét to:

-Tôi là Nguyễn Công Diệp đã đủ tuổi để xin làm nhân chứng. Tôi chứng kiến tận mắt, ông thượng úy Đạt định hiếp Phụng, cô em nuôi của tôi. Em tôi chỉ phải tự vệ bằng chính khẩu súng của ông Đạt.

Bất chấp tiếng búa gõ và phản đối ra lệnh ngồi xuống của chủ tọa phiên tòa, cậu thanh niên vẫn tiếp tục:

-Khi bị bắn, ông Đạt nằm trần truồng ngay dưới giường ngủ của em tôi, chứ không phải mặc nguyên áo quần công an như bố tôi vừa nói. Tôi phản đối.

Tất cả nhón nháo. Có lệnh tạm ngưng phiên tòa, buổi chiều sẽ nghị án. Ông Trục vội vàng chạy tới Phụng, nhưng chưa kịp nói điều gì thì mấy gã công an đã đẩy Phụng đi. Ông chạy ra hành lang tìm gặp ông Chính, khi ông cùng bà vợ đang lớn tiếng tranh cãi với cậu thanh niên tên Diệp, mà qua lời nói trong tòa lúc nãy, ông biết cậu ta là con trai của anh mình.

Khi thấy có người đập mạnh trên vai, ông Hai Chi quay lại, nhưng chưa kịp nhận ra ai. Nước mắt ràn rụa, giọng nói dường như nghẹn lại, ông Trục cố gắng lắm mới thốt ra lời:

-Anh Cu Tun ơi! Em là Trục, Nguyễn Công Trục, em út của anh đây. Cháu Phụng là con gái của em!

Không những ông Hai Chi, mà cả bà vợ và cậu con trai cũng khựng lại, sững sờ, trố mắt

nhìn. Trời đất như quay cuồng trước mặt khi ông Hai Chi vừa nhận ra đứa em thất lạc đã gọi đúng cái tên cúng cơm của mình mà cả vợ con ông cũng chưa hề biết. Ông kéo tay ông Trục ra xa, đến dưới một bóng cây bên kia đường vắng. Trời đang vần vũ một cơn mưa. Cả hai đều chưa biết tung tích của nhau, nhưng riêng ông Trục thì đã đoán ông anh của mình phải là một cán bộ Cộng sản cao cấp, với cái vẻ bề vệ của ông cùng sự sang trọng của bà vợ và đứa con trai. Một cảm giác ròn rợn lẫn một chút xót xa thoáng qua trong đầu ông Trục.

Đưa ông Trục về nhà. Cả một buổi trưa, ông Hai Chi tưởng mình như đang rơi xuống chín tầng địa ngục. Ngoài trời mưa tầm tã, nhưng trong lòng ông nóng còn hơn lửa đốt. Ông nhắm mắt ngửa mặt lên trần nhà khi nghe người em của mình cho biết:

-Bố mẹ đã chết trong Tết Mậu Thân do pháo kích của các anh. Em bị các anh bắt giam cầm hành hạ hơn 9 năm trời, tưởng đã bỏ xác trong tù, vợ em có lẽ cũng bị các anh giết tập thể ở Long Khánh, và cháu Phụng là đứa con duy nhất của em, mới mấy tuổi đầu mà phải bị ức hiếp tù đầy.

Là một người Cộng sản “theo thời thế”, ông Chính vẫn còn ít nhiều cái gốc tiểu tư sản. Một chút lương tâm còn sót lại bỗng làm ông bật khóc. Thực ra thì ông cũng đã từng bao lần khóc thầm, khi xuyết bỏ mạng ở các chiến trường Hạ Lào, Tây Nguyên, chứng kiến những cái chết kinh hoàng và vô nghĩa của hàng vạn thanh niên nam nữ từ miền Bắc bị cưỡng bách đi B. Vài lần thoáng hiện trong đầu ông hai chữ “hồi chánh”, nhưng phân vân vì khi ấy vợ con ông ở ngoài Bắc, chắc chắn sẽ phải khôn khổ với đám cường quyền. Ý tưởng chưa ngã ngũ thì chiến cuộc kết thúc nhanh chóng đến bất ngờ. Ông tiếp tục “nín thở qua sông”, cố đóng cho thật khéo vai trò “đảng viên trung kiên”, để hưởng cho tròn cái lợi danh của người “bên thắng cuộc”.

Buổi chiều, phiên tòa tái nhóm. Ông Hai Chi xin được phản cung, thay đổi lời khai nhân chứng. Là một đảng viên có chức quyền, lại là bạn thân của “đồng chí” Mười Vân giám đốc tỉnh, ông cũng được mấy ông bà “quan

tòa” vị nể. Nhưng tất cả đều ngỡ ngàng khi nghe ông tuyên bố:

-Lời nói của cậu con trai tôi sáng nay là đúng. Chính đồng chí thượng úy Đỗ Hữu Đạt đang thực hiện ý đồ hiếp dâm cháu Nguyễn Thị Hồng Phụng, là con gái nuôi của chúng tôi, còn đang tuổi vị thành niên. Với tư cách là một đảng viên và cán bộ nhà nước, tôi cam kết những lời xác nhận này là hoàn toàn chính xác. Sáng nay, vì muốn giữ danh dự cho chiến sĩ ngành công an, tôi có ý che giấu cho anh Đạt, nhưng rồi tôi đã kịp nghĩ ra, làm như vậy trước tòa là phạm pháp, có tội với đảng, với nhân dân.

Tay thượng úy Đạt được tòa gọi đứng lên đối chất. Hắn ta không phản biện, vì biết tội đã quá rõ ràng, nhưng lại trút tội lên đầu bà Hai Chi. Hắn ta khai ra tất cả kế hoạch bỉ ổi của bà. Nội vụ lại chuyển sang một hướng khác, hoàn toàn ngoài dự trù của Viện Giám Sát. Phiên tòa tạm ngưng để tiếp tục điều tra.

Không khí trong nhà ông Hai Chi trở nên ngột ngạt, nhưng ông Trục cố nán lại đây để mong được sớm gặp con gái của mình và cũng tránh bị xét hỏi giấy tờ. Ông Hai Chi đích thân làm đơn bảo lãnh Phụng được tại ngoại. Cha con gặp nhau trong ngõ ngàng. Phụng không nhận ra cha mình. Nhưng huyết thống phụ từ rất nhiệm màu, hơn nữa khi nghe ông Trục bảo “phía dưới nhũ hoa bên trái của con có một vết sẹo dài khi con mổ tim”, Phụng òa khóc và ôm chặt lấy cha. Trong lòng Phụng như vừa mới nở ra một đóa hoa sen tươi thắm nhất.

Giữa tháng 10/ 1984, khi phiên tòa chưa tái nhóm thì tại tỉnh Đồng Nai xảy ra một biến cố lớn, làm xôn xao cả nước, đặc biệt đối với dân chúng miền Nam, sau hơn chín năm vẫn chưa kịp nhận ra hết bộ mặt thật của những người Cộng sản:

Mười Vân Nguyễn Văn Giộc, đảng viên cao cấp, con hùm xám Nam Bộ một thời, đang là Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai bị bắt. Đích thân “đồng chí” bộ trưởng công an, âm thầm đưa cả một lực lượng công an chuyên nghiệp và tin cẩn từ Hà Nội vào Sài Gòn lập kế bắt Mười Vân ngay trong phòng họp. Lực soát tư dinh và nhiều nơi khác, công an tịch

thu hơn hai ngàn cây vàng và cả trên 500 kg vàng cùng hột xoàn các loại.

Ngày 1.11.1984, một phiên tòa đặc biệt được khẩn cấp triệu tập tại thành phố Biên Hòa, dưới sự “chủ trì” và xét xử của Viện Kiểm Sát Nhân Dân và Tòa Án Nhân Dân Tối Cao. Phiên tòa đặt dưới sự chỉ đạo nghiệp vụ của “đồng chí” Trần Quyết, Bí Thư Trung Ương Đảng, Viện Trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao.

Mười Vân bị xử tử hình. Bản án sơ thẩm cũng là chung thẩm, được thi hành cấp kỳ sau một tuần tại trường bắn Long Bình.

Lần đầu tiên báo chí tại Sài gòn được đăng tải tin tức phiên tòa mà thủ phạm là một ông lớn, đảng viên cao cấp. Người ta cũng biết được có những chiếc tàu chở người Hoa đã bị bỏ đói, nhận chìm, ngoài bờ biển Cát Lái, Rạch Giá, Phú Quốc và vài nơi khác ở miền Trung, làm chết rất nhiều người. Và khắp cả nước bàn tán về chuyện cướp bóc, tham nhũng, ăn chia không đều giữa những người cộng sản!

Sau đó nhiều phiên tòa đặc biệt khác được tiếp tục, xử những người đồng lõa, trong đó có cả mấy ông bà trong Tòa án nhân dân Đồng Nai. Nhờ đó, vụ án của Phượng bị bỏ quên, không còn ai nhắc tới. Nhưng ông Hai Chi và cả tay thượng úy công an Đỗ Hữu Đạt lại dính vào vụ án lớn. Bởi cả hai đều là cánh tay đắc lực của gã Mười Vân.

Biết không thể nào vượt qua số phận, ông Hai Chi tự động đến trình diện trưởng ban điều tra của “ban chuyên án”, và xin giao nộp 800 cây vàng, ông khai là Mười Vân nhờ giữ hộ. Và cũng nhờ ông khai thêm những đường giây làm ăn của Mười Vân, nên ủy ban bắt thêm một số đàn em, trong đó có thượng úy công an Đỗ Hữu Đạt, tịch thu thêm cả ba ngàn cây vàng, gồm cả 800 cây được giấu kỹ dưới hồ nước sau nhà một đàn em thân tín của Mười Vân, phải điều xe cần trục câu lên.

Tất nhiên với dạn dày kinh nghiệm, ông Hai Chi kịp thời tâu tán một số vàng. Ông vội vàng móc nối một đường giây quen biết cũ, tung vàng ra để gởi cha con ông Trục, dắt theo Diệp, thằng con trai duy nhất của ông

vượt biển khẩn cấp ra khỏi nước.

Nhờ tàu Cap Anamur cứu vớt trên biển, bố con ông Trục và Diệp được đến định cư tại Tây Đức.

Mùa Hè năm 1990, trong một dịp sang Đức thăm người bạn thân cùng tù Hoàng Liên Sơn lúc trước, tôi được gặp anh Nguyễn Công Trục, một cựu sĩ quan TQLC, là bạn láng giềng thân thiết với người bạn tù của tôi. Anh đã kể cho tôi nghe về những ngày cuối cùng của đơn vị anh trên bờ biển An Dương - Đà Nẵng, và cả câu chuyện trùng phùng bi thảm này. Tôi cũng được nói chuyện với cháu Phượng, cô con gái hiền thực xinh xắn của anh, vừa mới tốt nghiệp được sĩ. Chúng tôi cũng đến thăm cậu Diệp, con trai của ông bà Hai Chi, cũng là cháu ruột của anh. Diệp là kỹ sư làm cho hãng Siemens, đang sống chung với cô vợ người Đức và đưa con trai hai tuổi..

Tôi cũng được biết ông Hai Chi, nhờ “thành khẩn khai báo”, nên được hưởng khoan hồng với hai mươi năm tù. Vợ ông, bà Hai Chi bị án sáu năm về tội đồng lõa và tàng trữ vũ khí, vàng bạc phi pháp. Bà chết trong tù sau hai năm thụ án, do chính tay công an Đỗ Hữu Đạt, người bị giam cùng trại, đánh lén bằng cuộc trong giờ lao động, để trả mối thù xưa. Hắn ta nghĩ rằng chính bà đã lập mưu để hại hắn, chứ Phượng không hề bị bà cho uống thuốc ngủ. Hắn ta cũng nghi ngờ ông Hai Chi đã khai hắn là tay chân đắc lực của Mười Vân, đã từng giết người bịt miệng, nên nhà cửa bị tịch thu cùng với bản án bốn mươi sáu năm tù.

Khi ngồi viết những dòng này, tôi hình dung lại một thời đất nước điêu linh, dân tộc khốn cùng dưới bàn tay của bọn người Công sản man rợ. Chính bọn họ đã cố tình tạo nên một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, để cuối cùng chúng đã hiện nguyên hình là những tên cướp dã man, hèn hạ và dơ bẩn nhất trong lịch sử nhân loại. Và sau tháng 4/75 chắc chắn còn có biết bao cuộc trùng phùng bi thảm khác.

Phạm Tín An Ninh

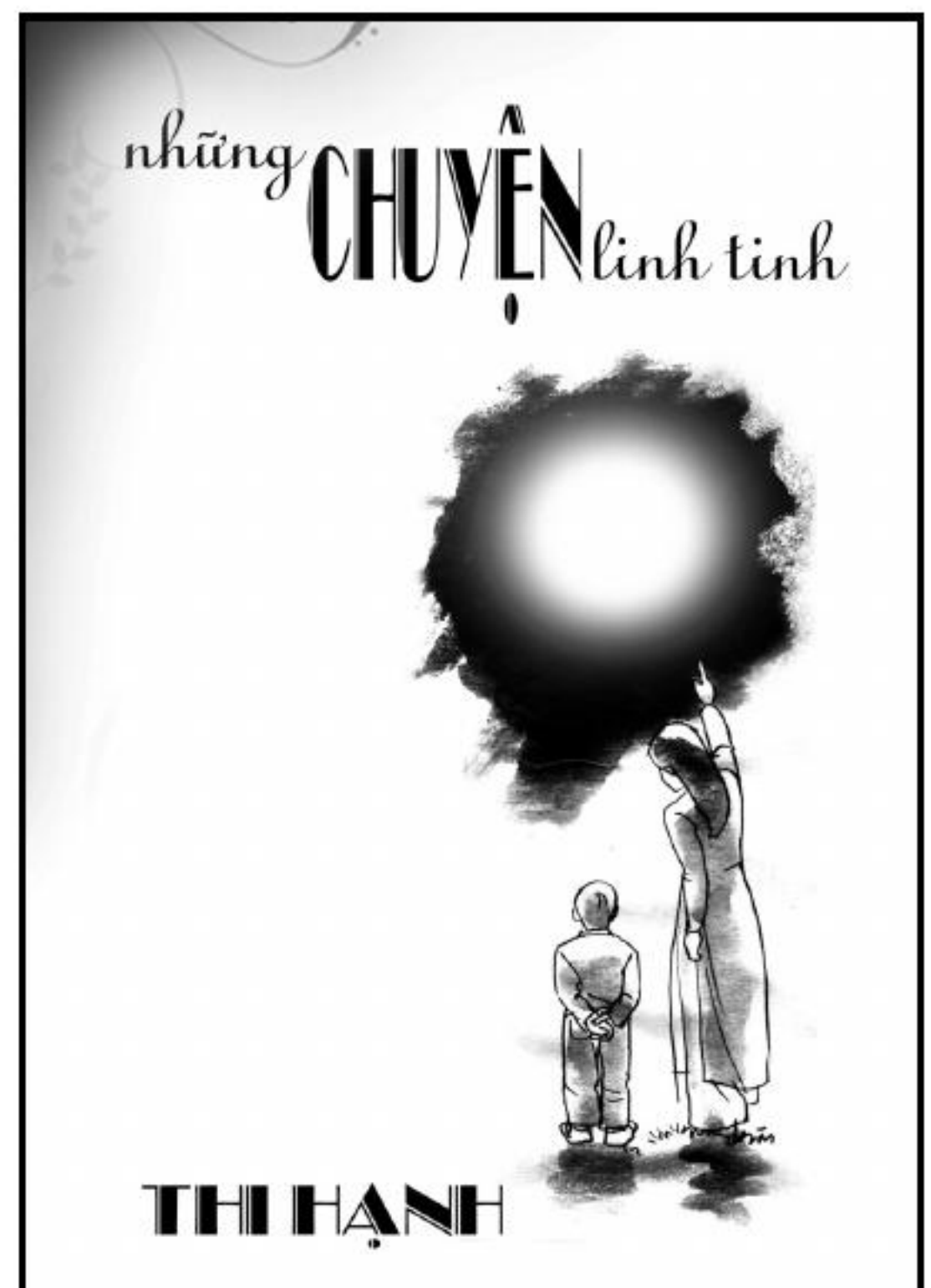
Giấc Mơ của Thi Hạnh

(Thay lời giới thiệu)

Tâm Thanh

Trên đất nước Na Uy với diện tích vừa bằng Việt Nam và dân số năm triệu một, có trên hai chục ngàn người Việt cư ngụ, trong đó có nhiều nhà văn nhà thơ thuộc đủ lứa tuổi và quá trình, mà Thi Hạnh nằm trong lớp trẻ nhất (thời điểm 2006-2014). Cô bắt đầu với văn nghệ rất sớm – trước hết với thơ^(*) rồi với nhạc – và thành công. Nhưng một hôm mẹ nói với con gái Mai Thảo (tên thật của Thi Hạnh), "Mẹ không biết đọc thơ, con viết truyện cho mẹ đọc!" "*Những chuyện linh tinh*" này có lẽ là tiếng vâng đáp lời người đã truyền tiếng mẹ cho con qua dòng sữa. Nhưng Thi Hạnh không chỉ viết cho mẹ đọc, mà cho mọi người, nhất là những ai tò mò về Na Uy. Có thể nói cô là người đầu tiên vẽ một bức tranh tương đối đa diện về đời sống người Việt nơi quê mới Na Uy, không bằng biên khảo mà bằng văn chương. Nó gồm nhiều thể loại, truyện ngắn, truyện thật ngắn, tùy bút, ký sự... Mỗi bài lại được họa sĩ Bảo Huân minh họa bằng nét vẽ linh động truyền cảm, nên tác phẩm càng độc đáo hơn.

Truyện thật ngắn đang được nhiều cây bút dò dẫm vì nó hợp cho thời đại thiếu thời giờ này. Nhưng thật sai lầm nếu tưởng truyện thật ngắn là khí cụ của người lười viết, và món ăn nhanh cho người lười đọc. Truyện thật ngắn viết rất công phu và đọc cần trực giác bén nhạy, như đọc thơ. Nó không phải mì gói, không phải truyện cười, không phải truyện dài cắt ngắn. Thật thú vị khi Thi Hạnh – không hề tuyên bố trước – lại thành công trong nghệ thuật truyện thật ngắn qua các truyện *Áo Trắng*, *Bánh Khoai Chiên*, *Cây Giáng Sinh* v.v. Những thể loại khác như *Cuốn Trôi*, *Đeo Đẳng* v.v. không biết nên xếp vào tùy bút hay truyện; tôi cho đó là



những bài thơ xuôi, cũng nhịp điệu lãng đãng và ý tình say sưa. Tương tự như thế, các bài như *Chuyện Cô Giáo Dạy Kèm*, *Con Sâu Làm Râu Nồi Canh* v.v. là bút ký hay truyện? *Hoàng Sa Trường Sa*, *Cờ Vàng Cờ Đỏ*... là thời sự hay truyện? Khó trả lời, vì dưới ngòi bút Thi Hạnh, "chuyện linh tinh" đã trở thành văn chương.

Đặc tính của văn chương là hư cấu, bịa. Có nhà văn người Na Uy đã gọi "nghệ sĩ là một người nói dối", ngon lành hơn nữa – nói dối như thật và nói dối đến độ thiên hạ tin thật, đó là tuyệt đỉnh văn chương. Ai cũng ghê tởm nói dối luân lý và lừa đảo, ngược lại "nói dối thi ca" là giấc mộng của con người trầm

luân trong thực tại nhờ nhuốc muốn tỵ nạn lên cõi Thiên Thai.

Thi Hạnh mơ một thế giới tốt đẹp hơn, nhưng dựa trên thế giới hiện thực này, như trong câu thơ cô viết năm chưa đầy 20 tuổi,

"Vi dầu đôi được thế đồ"

Tôi về vẽ lại giấc mơ cuộc đời"

(Thi tập Hạnh Phúc Đơn Sơ, Thi Hạnh)

Tính hư cấu, mơ mộng thể hiện qua những truyện ngắn, truyện thật ngắn; tính hiện thực thể hiện qua tùy bút, ký sự. Nhưng cô không phân bua đâu là hiện thực đâu là hư cấu, và người đọc cũng không cần biết cái biên giới ấy, thậm chí còn mong cho mơ là thực và thực là mơ. Chỉ cần biết và cảm thấy cô đã thu lượm vào tâm khảm và chấp nối nhiều mảnh đời lẻ tẻ thành một toàn cảnh về đời sống, suy nghĩ, và tình cảm của người Việt ở vùng đất giá lạnh gần Bắc Cực. Nói cho cùng, vùng đất này cũng có những con người y hệt bên Việt Nam, hay Bắc Mỹ, Úc, Nam Âu... Cũng "không đi trẽ không phải Việt Nam", cũng có bảo lãnh giả và gian dối xã hội, cũng kèn cựa xung đột vô cớ. Cũng nhiều giá trị vĩnh cửu như tình mẹ, tình người và nhiều đức tính như cần cù, hiếu học, yêu quê hương, yêu lá Cờ Vàng... Nhưng phải có cái khác – cái "Chợ lộp" Na Uy chắc có khác "Garage sale" Mỹ, cô giáo chăm sóc cô bé Việt Nam mới định cư có khác cô giáo Tây... Lại có những giá trị mà ta tưởng một mình ta có trong khi Tây họ cũng dư thừa, như tình gia đình, tinh thần chia ngọt sẻ bùi. Thi Hạnh nhìn ra tất cả những dị đồng đó. Khi người bạn bản xứ chia cho Thi Hạnh nửa trái bắp, cô viết, *"Cảm ơn Mira, nếu không có bạn thì tôi tưởng chỉ có người Việt Nam của tôi là biết bẻ đôi trái bắp"* (Mùa Bắp). Và sẵn sàng chia sẻ những cảm nghĩ bất ngờ cho từng tình huống, dù tầm thường, "linh tinh". Đơn cử giấc mơ của mẹ, tác giả viết, *"Niềm mơ ước duy nhất của mẹ là một căn nhà nhỏ che mưa che nắng, và được sống những chuỗi ngày bình yên bên chồng, bên con. Tôi đã có lần cười thầm vì những mơ ước đơn sơ của mẹ, và nghĩ mẹ mình quả là "nhà quê". Đối với tôi, đó không phải là mơ ước, đó là những gì rất bình thường mà ai cũng có."* (Đời Mẹ Đời Con). Tại Việt Nam, căn nhà là cả một giấc mơ mà nhiều người ba đời chưa đạt được, vậy mà con cười thầm, cho là bình thường, bởi vì con lớn lên tại Na Uy, nơi mà

nếu người dân không có nhà ở, nhà nước phải lo. Cô vẫn yêu quê cũ nhưng lại biết đánh giá đúng những giá trị của quê hương mới, và do đó sống với tâm tình biết ơn. Muốn thấy được tầm quan trọng gần như thiêng liêng của đời sống và tương quan người-người, không thể suy nghĩ một chiều, quy ngã, tự phụ.

Qua cách diễn đạt của cô và đối chiếu với kinh nghiệm bản thân, tôi thấy cảm nhận của Thi Hạnh – kể cả lý giải – tuy có tính cách cá nhân và đôi khi có thể phiến diện, nhưng vẫn là chân thật. Mà sự chân thật là đáng quý nhất trong văn chương cũng như trong đời sống. Độc giả có thể thắc mắc – nếu đã nói văn chương là hư cấu ("bịa") thì tại sao lại đòi chân thật? Xin thưa vấn tất bằng thực tế: truyện Anna Karenina là hư cấu nhưng nó vẫn phản ánh trung thực xã hội, phong tục tập quán Nga vào thời đại của Leo Tolstoj, hậu thế vẫn tin những điều Tolstoj viết trong Anna Karenina và Chiến Tranh Hòa Bình... là chân thật, đáng tin cậy. Ít nhất, Thi Hạnh đồ chủ quan hơn những người viết Na Uy là thiên đàng hoặc lưu xứ.

Những điều Thi Hạnh viết trong tuyển văn này đáng tin cậy, đáng yêu là nhờ nhiều lý do: cô đứng khá vững trên hai nền văn hóa Na-Việt, cô tha thiết với xã hội và đã cùng với chồng đóng góp tích cực cho cộng đồng Việt Nam từ nhiều năm, cô có cái nhìn độc lập, thông minh, tinh tế đến lấu lỉnh, cô có một tâm hồn mẫn cảm.

Gấp sách lại, lòng tôi rung rung nghĩ, nửa thế kỷ trước mình cũng băn khoăn mơ ước nhiều, mà chẳng làm được bao nhiêu. Nay một cô gái tỵ nạn cũng thao thức mơ mộng, và xét ra thế hệ cô đã làm được nhiều hơn thế hệ tôi – đâm ra vừa tủi vừa mừng. Mừng hơn nữa là cô dám mơ ước cao hơn và có cơ hội chuyển giấc mơ đi xa hơn tới nhiều người.

Tâm Thanh

(*) Thi Hạnh đã xuất bản:

- Hạnh phúc đơn sơ (Thơ), 2006
- Đêm những hư hao (Thơ, chung với Nhược Thu), 2006

Thơ Nguyễn Hữu Nhật

Tôi từ đâu đến đây không biết
Về nơi nao Cát Bụi chẳng hay
Thân chuyển mãi vòng quay bất tận
Tâm một viên trăng sáng đâu lay...

* * *

Cảm ơn bạn đọc thơ tôi
Tiếng lòng của kẻ bồi hồi nhớ quê
Cánh đồng im lặng tái tê
Cánh chim lẻ bạn bay về chiều xưa

Trên bờ ao cũ nắng thừa
Tiếng cười trẻ dại bây giờ còn vang
Dù đời sớm gặp phũ phàng
Cha đi kháng chiến, mẹ sang thuyền người

Tuổi thơ chiếc bóng bên trời
Khuya lau nước mắt sầu đời bạc đen
Đêm mong soi tỏ ngọn đèn
Để coi chiếc bóng mình quen một mình

Thơ tôi là cõi lặng thinh
Chung quanh thiếu một cái tình người ta
Năm mươi hai tuổi rời nhà
Bước chân mỗi bước xót xa phận nghèo

Phố phường bước nhỏ mừng reo
Đầu đời tình lỡ buồn theo tháng ngày
Trước sau trắng hai bàn tay
Hai bàn tay trắng vốc đầy thương yêu

Thơ tôi chiếc lá cuối chiều
Rụng bay đất khách nghe nhiều đắng cay
Cánh sen bùn lấm phương này
Vẫn mơ phương ấy vòng tay mẹ hiền

Chỉ mong đời bớt đau điên
Mười phương Phật độ bình yên nẻo về
Thương mình khi tỉnh, lúc mê
Chập chờn hư, thực lạnh tê một đời

Cảm ơn bạn đọc thơ tôi
Bốn Phương Chìm Nỗi người ngồi tĩnh tâm
Tiếng đàn, giọng hát, lời ngâm
Chỉ như bè nổi âm thầm qua sông

Tối bờ vắng lặng hư không
Buồn vui của những chuyện lòng sớm quên
Bởi chính hồn mình chưa yên
Hỏi thân Cát Bụi ưu phiền sao qua

Thơ tôi cảm tạ gần xa
Tâm lòng tri kỷ nở hoa sen vàng.

* * *

Tạ ơn các bạn gần xa
Đem lòng thương mến tặng hoa bằng lời
Mai sau mỗi người một nơi
Hương thơm còn gói lại đời mến thương



Phân ưu

Dù biết rằng nhân sinh hữu hạn, nhưng sự ra đi về Cõi Bên Kia
của người thân vẫn làm cho chúng ta buồn ngùi, thương tiếc.
Viết & Đọc và xin thay mặt độc giả thành kính
chia buồn cùng tang quyến của

Nhà thơ-nhà văn Phạm Thị Thy Hảo
và văn-thi-họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật

và cầu cho nhị vị được hợp đoàn cùng các đảng anh linh xứ Việt.

Ban Thực Hiện Viết & Đọc



thư cho nhau

Ban Thực Hiện Đặc San Viết & Đọc chân thành cảm tạ quý Văn - Thi sĩ, Họa Sĩ, Nhạc sĩ góp mặt trong số Xuân Ất Mùi này.

Và cùng với việc đóng góp các sáng tác còn là sự đón nhận nồng nhiệt của quý độc giả, sự khích lệ của quý thân hữu và đặc biệt sự ủng hộ tài chánh cho việc ấn loát số vừa qua của quý vị: Trương Bích Thủy 200kr, Vũ Đức Thịnh 200kr, Tô Thị Bảy 400Kr, Nguyễn Tiến Thành 200Kr, Nguyệt Minh 200Kr, Trần Thị Xuân Lan 300Kr, Trần Thị Mỹ Ninh 200Kr và Hà Ngọc Anh 200Kr.

Ước mong mọi công sức của chúng ta sẽ được gói trọn trong Đặc San Viết & Đọc 2015, một món quà trao cho nhau trong ngày đầu Xuân Ất Mùi.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn và kính chúc toàn thể quý vị Năm Mới an khang thịnh vượng.

Thả diều

Phỏng thơ : Dương Kiên

Nhạc : Trần Thụy Minh

$\text{♩} = 82$

Vui, dí dỏm E F#m

Thả diều, ta thả diều. Diều bay cao, ôi đẹp lắm sao, bay cao.

Lêu lêu diều mây, đâu bằng diều tao. Há ha hà

ha... A Ôi Tuổi thơ ấu thật trong veo, như hòn bi anh

bắn, E bé bi em, rồi em ăn vạ khóc nhè.

Hù hu hu hú... Lêu lêu, sao con gái thật kỳ ghê. Để anh

$\text{♩} = 98$

thường "một cục què" cho nê! Lêu lêu, nghỉ chơi với Mây.

Nghỉ chơi sao thấy mắt cay thế nào? Bầy

giờ Mây ở nơi nao. Có còn mơ cánh, cánh diều nào

bay bay. Bầy giờ anh ở nơi đây. Dẫn con đi

thả diều bay lên trời. Diều bay cao cao lắm Mây ơi.

Mà sao chẳng thấy Mây cười, cười với anh?

Hết

Đi Tìm Tình Nhân Loại



lang thang trong ngõ vắng tìm gì hơi em yêu? đi tìm tình nhân



loại bên quán cóc đìu hiu? lang thang trong ngõ tối tìm gì giữa hoang



vu em đi tìm hơi ấm trong đêm trắng sương mù? đời dầy



em biết yêu thương hay đời dầy em nhiều oán hờn đời dầy em biết tơ vương hay đời dầy



em toàn gian dối đời dầy em biết thú tha mà đời quên tha thứ? vì



đời nhiều phôi pha và tin yêu nhạt nhòa lang thang trong đêm



vắng em tìm được gì không? hay lòng người đá lạnh nên em vẫn âm



thầm?